Số: 101/HDTD-SYT
Thời gian ký: 2025-12-20T15:57:52+07:00

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**
**VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ**

**PHỤ LỤC**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI (VÒNG 2) KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025**

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1 | Đặng Thị Ái | 052303009756 | | 25/5/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | 112 Lê Đại Hành, Quy Nhơn, Gia Lai | 0369971068 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001177) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0014 | |
| 2 | Trần Thị Diệu Ái | 064198013293 | | 25/4/1998 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Ka Tô, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0968237759 | Dược sĩ đại học 002812 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0091 | |
| 3 | Hà Kiều An | 052300012160 | | 06/8/2000 | Quy Nhơn, Gia Lai | Hẻm 530 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0774020981 | Đại học luật (001746) | Tiếng anh Bậc 3 (0014655) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202108134) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0020 | |
| 4 | Hoàng Bùi Thu An | 064303004460 | | 23/9/2003 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 33A Phan Chu Trinh, tổ 6, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0394287508 | Cử nhân Luật DHH.6.C0002829 | Tiếng anh B1 25.B1.000291 | CNTTCB C00190576 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0100 | |
| 5 | Lê Nguyễn An | 052087004355 | 26/01/1987 | | Quy Nhơn Tây, Gia Lai | Khu phố Long Thành, Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 0975407380 | Đại học kế toán (007743) | Tiếng anh B (345402) | Tin học B (0016927) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0034 | |
| 6 | Phạm Hoài An | 064198002642 | | 29/10/1998 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | Tổ 6, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0974357296 | Cử nhân điều dưỡng TDU.1005669 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0126 | |
| 7 | Vũ Huy An | 064202006622 | 17/3/2002 | | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 48 Trần Hưng Đạo, TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0327718379 | Cử nhân Công tác xã hội 002765 | Tiếng anh B1 BC10000074881 | CNTTCB C00189355 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251104-0098 | |
| 8 | Nguyễn Thành Ân | 052203012649 | 29/01/2003 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 584/44 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0787546669 | Cao đẳng ngành dược (A001318) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm Y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0134 | |
| 9 | Ksor H' Ang | 064199008769 | | 10/12/1999 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0981260233 | Cao đẳng điều dưỡng 000433 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0048 | |
| 10 | Đàm Thị Lan Anh | 064196008107 | | 28/11/1996 | 43 Y Wưu, thôn 9, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 43 Y Wưu, thôn 9, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0362517637 | Cao đẳng Dược YDC001271 | | | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0080 | |
| 11 | Đào Nguyễn Phương Anh | 064301013277 | | '04/12/2001 | 176/52 Âu Cơ, tổ 5, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 176/52 Âu Cơ, tổ 5, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0397165265 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học YKV.CN001217 | Tiếng anh A2 BSET2419835 | CNTTCB C00186796 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251024-0156 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 12 | Đinh Thị Châu Anh | 002196004697 | | 20/01/1996 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn 9, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0325827568 | Đại học Quản lý nhà nước 299377 | Tiếng anh C A3253195 | CNTTCB C00243618 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0093 | |
| 13 | Đinh Thị Vân Anh | 052300012128 | | 16/4/2000 | Cát Tiến, Gia Lai | Thôn Xuân An, Đề Gi, Gia Lai | 0376067361 | Cao đẳng ngành dược (A000172) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0075 | |
| 14 | Đoàn Thị Ngọc Anh | 064190009557 | | 06/10/1990 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn An Điền, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0963514868 | Đại học Kế toán 236215 | Tiếng anh B A109376 | Tin học B A187300 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0112 | |
| 15 | Đoàn Văn Tuấn Anh | 064200004656 | 02/01/2000 | | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Lập, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0357760786 | Cử nhân Luật kinh tế E0038505 | Tiếng anh B1 0029985 | CNTTCB C00243672 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0062 | |
| 16 | Dương Thị Ngọc Anh | 064195010121 | | 05/6/1995 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 161 Võ Văn Kiệt, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0963395059 | Cử nhân Kế toán MBS60023219 | Tiếng anh B1 947/QĐ-ĐHM Đại học Mở tp.HCM | Tin học ứng dụng B A2136325 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251028-0108 | |
| 17 | Dương Tuấn Anh | 064097006644 | 10/10/1997 | | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi 2, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0974257286 | Cao đẳng Dược B852698 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0034 | |
| 18 | Hồ Thảo Quỳnh Anh | 064197012743 | | 10/9/1997 | Tổ dân phố 4 xã Đak Đoa tỉnh Gia Lai | 07 Hoàng Văn Thụ xã Đak Đoa tỉnh Gia Lai | 0931616103 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 000341 | HSK4 cấp ngày 07/11/2020 | CNTTCB (QH53202310510) Đại học KHTN tp.HCM | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251007-0039 | |
| 19 | Hồ Thị Tú Anh | 064191010112 | | 02/10/1991 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 133 Lê Chân, tổ 10, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0339735422 | Cử nhân Kế toán 451403 | Tiếng anh B A1322437 | Tin học B A1037764 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251014-0079 | |
| 20 | Hứa Ngọc Tú Anh | 064193009394 | | 17/01/1993 | Hẻm Tòa án, đường Quang Trung, thôn 9, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Hẻm Tòa án, đường Quang Trung, thôn 9, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0987814579 | Cử nhân Quan trị kinh doanh 1265830 | Tiếng anh C A1703825 | Tin học B A417051 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0016 | |
| 21 | Huỳnh Châu Anh | 064302013931 | | 29/3/2002 | 101 Phạm Văn Đồng, TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 101 Phạm Văn Đồng, TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0368747757 | Cử nhân Luật DND.6.0177572 | Toeic 475 ngày cấp 15/03/2024 | CNTTNC DND.12.0016400 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0022 | |
| 22 | Huỳnh Ngọc Anh | 064097014515 | 15/01/1997 | | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Thôn Đông Hà, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0345904908 | Cử nhân Công nghệ thông tin (số hiệu: A0001883) | Tiếng anh B1 00854.19 | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251021-0113 | |
| 23 | Lê Thị Hải Anh | 064191010057 | | 27/6/1991 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 60 Võ Thị Sáu, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0398686361 | Cao đẳng điều dưỡng A554715 | | | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0117 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 24 | Lê Thị Ngọc Anh | 052302011033 | | 13/6/2002 | Xuân An, Gia Lai | Xuân An, Xuân An, Gia Lai | 0964782147 | Cao đẳng ngành dược (A001099) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0140 | |
| 25 | Lưu Hồng Tuấn Anh | 064091011114 | 10/6/1991 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 87/3 Nguyễn Trung Trực, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0949887779 | Thạc sĩ Quản lý kinh tế (ĐH Kế toán) 1010319 | Tiếng anh B1 E223154 | CNTTCB 023809 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0092 | |
| 26 | Mai Hoàng Anh | 038200025859 | 27/01/2000 | | xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | Làng La, xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | 0983945613 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học A01100 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế An Khê | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251030-0052 | |
| 27 | Mai Hoàng Anh | 064098004406 | 12/9/1998 | | 92 Lê Quý Đôn, TDP 3, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 92 Lê Quý Đôn, TDP 3, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0941193168 | Dược sĩ đại học DLH0502064 | | | | | Trạm Y tế xã Lơ Pang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Chiêng | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0003 | |
| 28 | Nguyễn Lê Ngọc Anh | 052193010767 | | 16/04/1993 | Vân Canh, Gia Lai | Hiệp Hội, Vân Canh, Gia Lai | 0981956579 | Đại học Tài chính - Ngân hàng (1265954) | Tiếng anh B (A 1557794) | Ứng dụng CNTTB (A790630) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0149 | |
| 29 | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 052197011771 | | 18/05/1997 | Bình An, Gia Lai | An Dõng, Bình An, Gia Lai | 0961820894 | Cao đẳng Điều dưỡng (D857828) | | | | | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đăk Đoa | Trung tâm Y tế Đăk Đoa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0016 | |
| 30 | Nguyễn Thị Lan Anh | 064195014360 | | 18/10/1995 | xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | 453 Mai Đăng Chơn, Ngũ Hành Sơ, TP Đà Nẵng | 0395280938 | Cao đẳng Dược 685/2016/CĐ | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0021 | |
| 31 | Nguyễn Thị Phương Anh | 038192016870 | | 24/4/1992 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 02/17 Trần Quang Diệu, tổ 2, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0972796828 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng (số hiệu: 830866) | Tiếng anh C A1209384 | Tin họcB A416434 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0063 | |
| 32 | Nguyễn Thị Phương Anh | 052303008339 | | 08/12/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | 38 Lưu Hữu Phước, Quy Nhơn, Gia Lai | 0795617694 | Đại học luật (QNUA/0004110) | Tiếng anh TOEIC 775 (VN2001) NC: 07/3/2025 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0010816) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0081 | |
| 33 | Nguyễn Thị Vân Anh | 064195011184 | | 25/02/1995 | 166 Nguyễn Bỉnh, phường An Khê, TP Đà Nẵng | 166 Nguyễn Bỉnh, phường An Khê, TP Đà Nẵng | 0374062785 | Cử nhân Điều dưỡng 14499772 | | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0129 | |
| 34 | Nguyễn Vân Anh | 052302009802 | | 26/12/2002 | Phù Mỹ, Gia Lai | 52/8 Hàn Mặc Tử, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0328077599 | Đại học điều dưỡng (E.0051048) | Tiếng anh Bậc 3 (23.B1.002018) | Ứng dụng CNTT cơ bản (016101) | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0139 | |
| 35 | Phạm Thị Quỳnh Anh | 064301012207 | | 02/3/2001 | 37 Nay Der, tổ 25, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 37 Nay Der, tổ 25, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0961002159 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E00374489 | Tiếng anh B1 21.B1.000365 | CNTTCB C00169426 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0129 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 36 | Phan Kiều Anh | 052198003228 | | 02/7/1998 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Thôn 10, Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 0346331616 | Cao đẳng ngành dược (B1111165) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0054 | |
| 37 | Rơ Mah Anh | 064099010760 | 02/8/1999 | | xã Ia Kêl, tỉnh Gia Lai | Làng Gào, xã Ia Kêl, tỉnh Gia Lai | 0332482658 | Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành Dược E22.1214/YDP | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0039 | |
| 38 | Siu H' Anh | 064301013950 | | 08/5/2001 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Tơ Nia, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0397274551 | Cao đẳng Dược D.4903.00538 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0051 | |
| 39 | Trần Thị Ngọc Anh | 064190000754 | | 13/12/1990 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 16, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0988024479 | Cao đẳng Dược B436550 | | | | | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0109 | |
| 40 | Trần Thị Phương Anh | 064196010069 | | 02/9/1996 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 276 Quang Trung, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0395814333 | Cao đẳng điều dưỡng B873962 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0120 | |
| 41 | Vũ Đình Thế Anh | 052203010742 | 22/11/2003 | | Phù Mỹ, Gia Lai | Trà Quang Nam, Phù Mỹ, Gia Lai | 0948137367 | Cử nhân công nghệ thông tin - kỹ thuật phần mềm (1148/QĐ-ĐHFPT) | Chứng chỉ ACADEMIC PREP ARATORY ENGLISH Summit 2 (No.ENG2211676 | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Đại học ngành kỹ thuật phần mềm | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251103-0057 | |
| 42 | Đặng Thị Xuân Ánh | 052198004186 | | 10/03/1998 | Hoà Hội, Gia Lai | 13 đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai | 0345330338 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (B1111081) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251020-0017 | |
| 43 | Nguyễn Minh Ánh | 064199011122 | | 12/10/1999 | An Khê, Gia Lai | 103/1 Lý Thái Tổ, An Khê, Gia Lai | 0798306546 | Đại học ngành Luật (QNUA/0000824) | Tiếng anh Bậc 3 (0004944) | Tin học (0011433) | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế ĐakPơ | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251008-0014 | |
| 44 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | 064301005033 | | 16/12/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0965466902 | Cử nhân Quan hệ công chúng VL-6BA002724 | | | Chứng chỉ nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ 150LT08/2024 | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Kông Chro | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251029-0140 | |
| 45 | Phạm Thị Ánh | 036192008697 | | 08/6/1992 | Thôn Hợp Nhất, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Hợp Nhất, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0336234082 | Cử nhân Kế toán (1147080) | | Tin học B 0075842 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251007-0030 | |
| 46 | Trần Thị Ánh | 052194013109 | | 12/8/1994 | Bình An, Gia Lai | Phú Lạc, Bình An, Gia Lai | 0901983650 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000001) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0121 | |
| 47 | Trần Thị Ngọc Ánh | 052301011452 | | 16/01/2001 | Tam Quan, Gia Lai | Xóm 1, thôn Hội An, Tam Quan, Gia Lai | 0385086202 | Cao đẳng ngành Dược (C03603) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0027 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 48 | Trịnh Thu Ánh | 064301013218 | | 14/04/2001 | xã Sơn Lang, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Sơn Lang, tỉnh Gia Lai | 0394011184 | Cử nhân Xét nghiệm y học (số hiệu: 100094) | Tiếng anh B BSET2311732 | CNTTCB C00149223 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế An Khê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0079 | |
| 49 | Ksor H' Ayêm | 064300006427 | | 05//5/2000 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Kul, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0327082825 | Cao đẳng điều dưỡng AF4631 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Krêl | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0070 | |
| 50 | Puih Ayiu | 064199005220 | | 01/01/1999 | xã Gào, tỉnh Gia Lai | Làng Mơ Nú, xã Gào, tỉnh Gia Lai | 0375524184 | Cử nhân xã hội học QH26201905405 | | Tin học đại cương 0583/45T-ĐC19 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Chuyên viên | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251013-0135 | |
| 51 | Hà Xuân Bắc | 025204013135 | 25/9/2004 | | xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai | Làng Krông, xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai | 0399441475 | Cao đẳng Dược (600923) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Lâu cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0002 | |
| 52 | Trần Lê Hà Bắc | 052094010327 | 04/8/1994 | | Tây Sơn, Gia Lai | 121 Đống Đa, Tây Sơn, Gia Lai | 0962651398 | Đại học ngành điều dưỡng (TVU.1.042265) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0134 | |
| 53 | Huỳnh Ngọc Bảo | 066094007169 | | 15/02/1994 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 103 Nguyễn Văn Cừ, tổ 7, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0966456700 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN00984 | Tiếng anh Bậc 2 0007435 | Tin học ứng dụng A A1739217 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251020-0100 | |
| 54 | Phạm Trương Gia Bảo | 064200012580 | 29/8/2000 | | Ayun, Gia Lai | 36/7 Tô Hiến Thành, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0397892134 | Đại học Công tác xã hội (QNUA.0000811) | Tiếng anh B2 (IA126SMIT241009) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002825) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng ngành Công tác xã hội | | | | Nhân viên công tác xã hội | V.09.04.03 | H21.19-251008-0004 | |
| 55 | Thái Ngọc Gia Bảo | 064303001366 | | 03/10/2003 | 394 Trần Phú, tổ 5, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 394 Trần Phú, tổ 5, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0385526937 | Cao đẳng điều dưỡng 600945 | | | | | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0092 | |
| 56 | Phan Thị Bé | 064199015907 | | 11/12/1999 | xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | 0384249896 | Cao đẳng điều dưỡng AF3211 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0121 | |
| 57 | Phạm Thị Bê | 044193002299 | | 12/10/1993 | xã Cư mgar, tỉnh Đắk Lắk | Làng B ếp, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0868217989 | Cử nhân Điều dưỡng 0002480 | | | | | Trạm Y tế xãLơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0014 | |
| 58 | Bêm | 064302002529 | | 18/11/2002 | Làng Thung, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Làng Thung, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0947072329 | Cao đẳng Điều dưỡng 600475 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0042 | |
| 59 | Đinh Thị Ngọc Bích | 052199001897 | | 16/6/1999 | xã Vĩnh Quang, tỉnh Gia Lai | M9, xã Vĩnh Quang, tỉnh Gia Lai | 0336041543 | Cử nhân Luật TDLB006530 | Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Anh B15177 ĐH Đà Lạt | CNTTCB 0016324 (TTTH ĐH Quy Nhơn) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Quy Nhơn | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0093 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 60 | Hồ Thị Ngọc Bích | 066189003184 | | 22/5/1989 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP Tân Hiệp, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0985340617 | Cao đẳng Dược PA001729 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0040 | |
| 61 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 052198000684 | | 07/11/1998 | Tây Sơn, Gia Lai | Thôn 2, Tây Sơn, Gia Lai | 0376547105 | Cao đẳng ngành dược (A001149) | | | | | Trạm y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0114 | |
| 62 | Rơ Mah H' Bích | 064301012405 | | 13/6/2001 | Làng Pnũk, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Pnũk, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0794582910 | Cao đẳng điều dưỡng A000763 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức cơ cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0063 | |
| 63 | Ksor H' Biên | 064300017345 | | 26/6/2000 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Krol, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0332920626 | Cao đẳng Dược A184359 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0066 | |
| 64 | Đào Trần Bình | 052092010124 | 16/11/1992 | | An Nhơn Bắc, Gia Lai | 26/3 Nguyễn Văn Trỗi, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0865834049 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000003) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0085 | |
| 65 | Đinh Thị Thanh Bình | 064195006130 | | 28/8/1995 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 510 Ngô Quyền, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0967298895 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1001441 | Tiếng anh B1 B12301760 | CNTTCB 1912040 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0154 | |
| 66 | Hoàng Thị Bình | 042190005609 | | 13/01/1990 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 41/4/16 Hồ Tùng Mậu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0975968599 | Cử nhân Điều dưỡng TDU1000981 | Tiếng anh B1 B12301305 | CNTTCB 1911444 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0130 | |
| 67 | Huỳnh Thị Thu Bình | 052190000908 | | 02/11/1990 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn Ngô Sơn, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0368109870 | Cao đẳng Điều dưỡng LQĐ.5.01829 | | | | | Trạm Y tế xã Biển Hồ cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251102-0011 | |
| 68 | Nguyễn Thị Bình | 038190032048 | | 10/10/1990 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | TDP 4 Trà Đa, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0978521561 | Cao đẳng điều dưỡng A371149 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0012 | |
| 69 | Nguyễn Thị Thanh Bình | 052300013047 | | 09/02/2000 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Đinh Trung, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0392602246 | Cử nhân Luật (BSUL.B.0010504) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (00112227) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0084 | |
| 70 | Phạm Thị Thanh Bình | 064303013583 | | 04/5/2003 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 219B Trường Sơn, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0962461534 | Đại học chuyên ngành báo chí DND.60182276 | | CNTTCB DND.II.0063724 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Biên tập viên hạng III | | | | Biên tập viên hạng III | V.11.01.03 | H21.19-251014-0049 | |
| 71 | Trần Thị Thanh Bình | 064197001125 | | 21/01/1997 | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0338533174 | Cao đẳng Dược (A.000056) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung, cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251007-0034 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 72 | Blao | 064197014951 | | 21/10/1997 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Làng Aluk, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0962607741 | Cao đẳng điều dưỡng B1025620 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kong Gang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0086 | |
| 73 | Kpă H' Blí | 064190006863 | | 11/3/1990 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Mlah, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0325485002 | Cử nhân Điều dưỡng 000769 | Tiếng anh B A2672165 | CNTTCB 0896942 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251102-0012 | |
| 74 | Rơ Mah BLĩu | 064300010632 | | 03/12/2000 | xã Ia O, tỉnh Gia Lai | Làng Dăng, xã Ia O, tỉnh Gia Lai | 0349897746 | Cao đẳng Điều dưỡng A07069 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0063 | |
| 75 | Nay H' Bluin | 064195002613 | | 30/7/11995 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu Ama Nher 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0344276908 | Đại học Luật DND.6.01092 | chứng nhận Tiếng anh B1 (1361/QDĐHNN) ĐH ngoại ngữ-ĐH Đà Nẵng | chứng chỉ CNTTNC DND.12.0001204 ĐH ngoại ngữ-ĐH Đà Nẵng | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0097 | |
| 76 | Rơ Mah H' Bối | 064302009262 | | 17/10/2002 | Làng Pong, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | Làng Pong, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | 0329957348 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA/0004048 | Tiếng anh Bậc 4 0007670 | CNTTCB 0007806 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0150 | |
| 77 | Vũ Thị Bông | 035301008980 | | 16/10/2001 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Hẻm 13 Phan Chu Trinh, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0862217705 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.003.003106 | Tiếng anh B 2023.B1.1279 | Tin học cơ bản TTN.TH.0033946 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0153 | |
| 78 | Kpuih Búc | 064301004613 | | '27/02/2001 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 428 Quang Trung, xã Chư Ty, tỉnh Gia Lai | 0327435303 | Cao đẳng Điều dưỡng YDA00471 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Krêl | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0047 | |
| 79 | Byam | 064303004904 | | 23/3/2003 | Thôn O Yố, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Thôn O Yố, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0385773212 | Cao đẳng điều dưỡng A001200 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0116 | |
| 80 | Ksor H' BYơi | 064198009257 | | 15/4/1998 | Buôn Ngôl, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Buôn Ngôl, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0974653395 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0003355 | Tiếng anh B1 01579.19 | CNTTCB 0001178 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0197 | |
| 81 | Lang Sơn Ca | 052091021858 | 14/08/1991 | | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Chánh Hiền, Canh Vinh, Gia Lai | 0944130568 | Cao đẳng Điều dưỡng (B136332) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0040 | |
| 82 | Nguyễn Châu Hoàng Cầm | 052204002188 | 17/02/2004 | | Hoài Nhơn, Gia Lai | 47 Nguyễn Văn Trỗi, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0378941057 | Cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học (005162) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251022-0107 | |
| 83 | Bùi Thanh Cầm | 052199006282 | | 19/01/1999 | Phường Bình Định, Gia Lai | Xóm 6, tổ Dân phố Hiếu An, phường Bình Định, Gia Lai | 0376295839 | Cao đẳng Dược (000522) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0054 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 84 | Đoàn Thị Cẩm | 052196005025 | | 19/12/1996 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Trị, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0972602145 | Cử nhân luật kinh tế (DND.6.0104679) | Tiếng anh B (A2863705) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.001503) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0120 | |
| 85 | Lưu Nguyễn Hoài Cầm | 064303002384 | | 10/02/2003 | Phú Túc, Gia Lai | TDP 3, Phú Túc, Gia Lai | 0394646685 | Cử nhân Kế toán (QNUA/0004328) | Tiếng anh B1 (0007006 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0010958) | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0007 | |
| 86 | Nguyễn Thị Hồng Cẩm | 052303004913 | | 02/03/2003 | Đề Gi, Gia Lai | 48 Phạm Ngũ Lão, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0919909610 | Cử nhân Điều dưỡng (DHH.6.C.0005529) | Tiếng anh B1 (06003) | Ứng dụng CNTT cơ bản (020124) | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0028 | |
| 87 | Nhữ Mạnh Cần | 064099009414 | 21/12/1999 | | Hội Phú, Gia Lai | 12 Tôn Thất Bách, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0346727535 | Đại học Công nghệ thông tin (QNUA.0000029) | | | | Cán bộ công đoàn trường thành từ cơ sở | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251021-0162 | |
| 88 | Trần Nhân Cang | 052093015130 | 09/8/1993 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 117 Hai Bà Trưng,Quy Nhơn, Gia Lai | 0969378435 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm (YDC00931) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251103-0134 | |
| 89 | Ksor H' Chang | 064303015653 | | 20/02/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0971142109 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.005237 | Tiếng anh Bậc 3 2024.B1.0699 | CNTTCB 020756 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0025 | |
| 90 | Siu Cháo | 064302007863 | | 23/7/2002 | Plei Kual, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Kual, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0329193505 | Đại học Điều dưỡng DHH.6.C.0005543 | Tiếng anh Bậc 3 E21739 | Tin học ứng dụng 022279 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0079 | |
| 91 | Ksor H' Chat | 064302012768 | | 03/12/2002 | Bôn Hoang 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Hoang 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0359121049 | Cử nhân Luật E0047983 | Tiếng anh B1 E16454 | CNTTCB C00233950 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0036 | |
| 92 | Huỳnh Ngọc Bích Châu | 052300014501 | | 16/4/2000 | Bình Định, Gia Lai | 102 Hàm Nghi, Bình Định, Gia Lai | 0359817327 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (VLB10888) | | | | | Khoa xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa xét nghiệm | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0107 | |
| 93 | Nay Hà Châu | 064198007217 | | 24/6/1998 | 57 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 57 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0869099419 | Cử nhân Luật UL.B.0007983 | miễn ngoại ngữ | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0120 | |
| 94 | Nguyễn Thị Quỳnh Châu | 046193018223 | | 09/7/1993 | 590 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 590 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0935155063 | Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh A0040835 | Tiếng anh C A1783534 | Tin học B A1951710 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0087 | |
| 95 | Huỳnh Lệ Chi | 064301003578 | | 06/10/2001 | Tây Sơn, Gia Lai | Xóm 4, Phú Mỹ, Bình Phú, Gia Lai | 0395476387 | Đại học Luật E0038508 | Tiếng anh Bậc 3 (E14531) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00142303) | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0117 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 96 | Ksor Linh Chi | 064301005472 | | 09/4/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Amarin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0889120490 | Cao đẳng Điều dưỡng 22A0803 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hiao | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0038 | |
| 97 | Lê Thanh Lan Chi | 091190018867 | | 05/07/1990 | Phú Yên, Đắk Lắk | 180/5 Ngô Gia Tự, khu phố 3, Phú Yên, Đắk Lắk | 0974638690 | Cao đẳng Quản trị Kinh doanh (A133675) | | | Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ (113335) | | | Bệnh viện 331 | Trung cấp văn thư - lưu trữ | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Trung cấp văn thư - lưu trữ | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251013-0021 | |
| 98 | Lương Phương Chi | 64300015098 | | 29/9/2000 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 25 Phạm Ngũ Lão, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0915076084 | Đại học Dược D000678 | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0013 | |
| 99 | Nguyễn Lan Chi | 064199010885 | | 06/8/1999 | xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | Làng Nớt, xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | 0384475340 | Dược sĩ đại học 002816 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0042 | |
| 100 | Nguyễn Thị Hồng Chi | 052198008504 | | 03/4/1998 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Xóm 3, thôn 10, Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 0969482009 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026122) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0007 | |
| 101 | Nguyễn Thị Phương Chi | 052199014380 | | 30/3/1999 | Đề Gi, Gia Lai | 66/8 Hàn Mặc Tử, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0377147038 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (001796) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0009083) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251104-0114 | |
| 102 | Phan Trần Lệ Chi | 052195001358 | | 12/11/1995 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Thôn Tam Hoà, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0373108708 | Đại học Điều dưỡng (00715) | Tiếng anh B A2764591 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0257494) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0076 | |
| 103 | Thái Thị Kim Chi | 052193013266 | | 29/06/1993 | Phù Mỹ, Gia Lai | 116 Hai Bà Trưng, Phù Mỹ, Gia Lai | 0983340839 | Đại học Quản lý nhà nước (DND.6.0173364) | Tiếng anh C (A1917376) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000743) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0046 | |
| 104 | Ksor H' Chiêm | 064300003687 | | 08/5/2000 | Bôn Sar, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Sar, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0368519527 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA.0002269 | Tiếng anh B1 0797.CNTA.2021 | CNTTCB 0002337 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0055 | |
| 105 | Nguyễn Duy Chiến | 034097005232 | 24/10/1997 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0979197896 | Cao đẳng điều dưỡng YDC02973 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Prông cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0116 | |
| 106 | Rcom Chiêu | 64202013287 | 01/02/2002 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Ung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0777978260 | Cao đẳng điều dưỡng A001645 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0089 | |
| 107 | Lê Thị Chinh | 038190054701 | | 19/4/1990 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 62/8 Lạc Long Quân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0985020201 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1002979 | Tiếng anh B1 B12400244 | CNTTCB 1912924 | | Con thương binh | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0026 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 108 | Nguyễn Đức Chinh | 052099008031 | 20/01/1999 | | Ngô Mây, Gia Lai | Số 12 đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai | 0389692840 | Cử nhân Công nghệ thông tin (QNU A.0002104) | Tiếng anh bậc 3 (0000709) | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251013-0124 | |
| 109 | Vũ Thị Chinh | 036300018154 | | 18/10/2000 | xã Suối Trai, tỉnh Đak Lak | 150a Thống Nhất, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0348637011 | Đại học Quản trị kinh doanh A010929 | | CNTTCB 022735 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0053 | |
| 110 | Phạm Quốc Chơn | 064089005701 | 15/01/1989 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 41 Trần Hưng Đạo, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0968745539 | Cao đẳng Công nghệ thông tin A025965 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251024-0109 | |
| 111 | Ksor H' Chua | 064190006617 | | 28/10/1990 | Buôn Bluk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Bluk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0372250745 | Cao đẳng Điều dưỡng B224090 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0032 | |
| 112 | Nguyễn Thị Kim Chung | 052199009169 | | 29/01/1999 | Đề Gi, Gia Lai | Phú Hiệp, Đề Gi, Gia Lai | 0964862179 | Cao đẳng ngành dược (000604) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm Y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0019 | |
| 113 | Nguyễn Thị Kim Chung | 052197014168 | | 25/02/1997 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | Xóm 7, Gia Hội 1, Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 0346700113 | Cao đẳng Điều dưỡng (B 840170) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0075 | |
| 114 | Nay H' Chưng | 064199010051 | | 15/3/1999 | Buôn Nung, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Buôn Nung, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0326841689 | Cử nhân Điều dưỡng 002194 | chứng nhận Tiếng anh B1 43/QĐ-TNU-LIC Trung tâm NN, TH-Đại học Tây Nguyên | CNTTCB TTN.TH.001942 Trung tâm NN, TH-Đại học Tây Nguyên | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0048 | |
| 115 | Rơ Châm Chuỳnh | 064195008851 | | 09/11/1995 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Làng Prép, xã Ia Phí, tỉnh Gia LAi | 0336174471 | Cao đẳng Điều dưỡng B688757 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0122 | |
| 116 | Nguyễn Thị Kim Cơ | 052197016753 | | 02/9/1997 | Bình Hiệp, Gia Lai | Xóm 1, thôn Thuận Hạnh, Bình Hiệp, Gia Lai | 0968818603 | Cử nhân Y tế công cộng (SH: 000031) | Tiếng anh B (A2624908) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0588661) | | | | Trung tâm y tế Tây Sơn | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251010-0112 | |
| 117 | Rơ Lan Cơ | 064092008029 | 15/4/1992 | | Làng Nú, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | Làng Nú, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | 0354719202 | Cao đẳng Dược B882946 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0111 | |
| 118 | Siu Cúc Cu | 064190003953 | | 29/7/1990 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0962661048 | Cử nhân Luật 1437637 | Tiếng anh B A2453524 | Tin học ứng dụng B A1296168 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0070 | |
| 119 | Đinh Thị Kim Cúc | 052189015196 | | 12/12/1989 | Tam Quan, Gia Lai | 11 Lê Đức Thọ, Tam Quan, Gia Lai | 0912279096 | Cử nhân Công tác xã hội (1108010) | Tiếng anh B (A1573685) | Tin học B (A955132) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251017-0077 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 120 | Mai Xuân Cúc | 052302013165 | | 25/6/2002 | Tuy Phước, Gia Lai | Tân Dương, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0384011903 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000997) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0099 | |
| 121 | Rmah H' Cúc | 064198002230 | | 08/12/1998 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0394611114 | Cử nhân Luật E0000163 | Tiếng anh B1 0025343 | Tin học ứng dụng cơ bản (số hiệu: 0986537) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế la Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0047 | |
| 122 | Nguyễn Hoàng Cương | 052201007266 | 10/11/2001 | | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Xóm 1, Biểu Chánh, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0383205091 | Cao đẳng Dược (A.000657) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0004 | |
| 123 | Võ Cao Kim Cương | 064303003617 | | 03/11/2003 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 376/21 Lê Duẩn, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0971419106 | Cử nhân Luật DHH.6.C0003488 | Tiếng anh Bậc 3 E20859 | CNTTCB C00198522 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0116 | |
| 124 | Nguyễn Duy Cường | 052085004181 | 09/08/1985 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 60 Hàm Nghi, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0916095138 | Đại học Công nghệ thông tin (432317) | Tiếng anh B (2489270) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251024-0137 | |
| 125 | Nguyễn Xuân Cường | 052095018971 | 08/5/1995 | | Bình An, Gia Lai | Xóm 7, Trường Định, Bình An, Gia Lai | 0969906392 | Cao đẳng ngành dược (F22/1158/YDP) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0132 | |
| 126 | Vũ Huy Cường | 064094005996 | 16/11/1994 | | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0859947777 | Cử nhân Luật 1705419 | Tiếng anh B A3185986 | CNTTCB 1058086 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0032 | |
| 127 | Lê Xuân Đài | 052194014962 | | 04/01/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 306/58/5 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0962612373 | Đại học Kế toán-Kiểm toán (SH: 002065) | Tiếng anh C (A1807338) | Tin học A (A2007486) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251008-0007 | |
| 128 | Huỳnh Trọng Đại | 052201000792 | 04/07/2001 | | Canh Vinh, Gia Lai | Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0974455239 | Cử nhân Công nghệ thông tin (QNUA/0001852) | Tiếng anh Bậc 3 0006047) | | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251028-0037 | |
| 129 | Nguyễn Tuyết Đam | 052302001466 | | 20/02/2002 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 28 Trần Quang Diệu, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0366404673 | Đại học Luật (QNUA/0002055) | Tiếng anh Bậc 3 (0006048) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0007818) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0027 | |
| 130 | Nguyễn Thị Hà Dần | 052190001659 | | 17/4/1990 | Bình Khê, Gia Lai | 615 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0985974083 | Cao đẳng ngành Dược (B987666) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0028 | |
| 131 | Phạm Thị Dân | 052197004122 | | 18/10/1997 | Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 541 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0971797320 | Cao đẳng ngành dược (A001341) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0114 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 132 | Huỳnh Thị Kim Danh | 052303011085 | | 20/6/2003 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Thôn Hoà Tân, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0972333006 | Cao đẳng ngành dược (A001318) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0128 | |
| 133 | Nguyễn Ngọc Danh | 052088009662 | 06/06/1988 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Tổ 7, khu phố 8,Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0935852470 | Cử nhân Kế toán (628420) | Tiếng anh văn bằng B (0232581) | Tin học B (158312) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251013-0137 | |
| 134 | Nguyễn Thị Anh Đào | 064187010249 | | 09/10/1987 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 380/5 Hai Bà Trưng, tổ 8, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0938422508 | Cao đẳng Dược YDC00826 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0158 | |
| 135 | Nguyễn Thị Thanh Đào | 052193006494 | | 30/9/1993 | Quy Nhơn, Gia Lai | 293/4/27 Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Gia Lai | 0935486829 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B883902) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0096 | |
| 136 | Nguyễn Thị Út Đào | 052192024415 | | 20/12/1992 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 02/9 An Dương Vương, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0868053350 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (BA04065) | Tiếng anh B (N.0346) | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0075 | |
| 137 | Rmah H' Đào | 064300012179 | | 23/11/2000 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Amil, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0336619543 | Đại học Điều dưỡng TTN.CN.003110 | Tiếng anh Bậc 3 2023.B1.1309 | CNTTCB TTN.TH.003255 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0113 | |
| 138 | Trương Thị Bích Đào | 052194009007 | | 02/9/1994 | Bình Phú, Gia Lai | Xóm 2, Phú Thọ, Bình Phú, Gia Lai | 0364645994 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640220) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0050 | |
| 139 | Văn Thị Đào | 064195008837 | | 09/4/1995 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 99C Wừu, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0397319254 | Đại học Dược 020966 | | | | | Trạm Y tế xã Kong Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0133 | |
| 140 | Nguyễn Thị Đất | 052198013066 | | 06/08/1998 | Ngô Mây, Gia Lai | Mỹ Long, Ngô Mây, Gia Lai | 0353484040 | Đại học Quản lý nhà nước (A.0000461) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0836778) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0107 | |
| 141 | Bùi Quốc Đạt | 083090001217 | 08/01/1990 | | xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | Quầy thuốc Quốc Đạt, làng Mrông Yố 2, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0332194884 | Dược sĩ đại học 015800 | | | | Con thương binh | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0068 | |
| 142 | Huỳnh Thành Quang Đạt | 064203002542 | 10/01/2003 | | 26 Võ Văn Tần, phường Thắng Lợi, tỉnh Gia Lai | 26 Võ Văn Tần, phường Thắng Lợi, tỉnh Gia Lai | 0862526507 | Cao đẳng Điều dưỡng PNTA0601 | | | | | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0031 | |
| 143 | Kiệt Thành Đạt | 052096000145 | 09/02/1996 | | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 627 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0971345699 | Đại học Công nghệ thông tin (417889) | Tiếng anh C (A3012279) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251022-0111 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 144 | Lê Thanh Đạt | 052097015052 | 03/7/1997 | | Tuy Phước, Gia Lai | 465 Trần Phú, Tuy Phước, Gia Lai | 0981605595 | Đại học quản trị kinh doanh (0062485) | | | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0140 | |
| 145 | Triệu Lê Quốc Đạt | 052203011131 | 25/08/2003 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 01 Yết Lan, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0326511799 | Đại học Quản lý nhà nước (QNUA/0004042) | Tiếng anh Bậc 3 (0008460) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0016336) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0042 | |
| 146 | Kpă Dâu | 064194010608 | | 10/7/1994 | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 03696897758 | Cao đẳng điều dưỡng B688759 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0112 | |
| 147 | A Dạy | 062099003935 | 30/6/1999 | | xã Ia Chia, tỉnh Gia Lai | Làng Kim Yố, xã Ia Chia, tỉnh Gia Lai | 0385819736 | Cử nhân Công tác xã hội QNUA.0005149 | Tiếng anh Bậc 4 0002975 | Tin học ứng dụng 0006394 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251024-0011 | |
| 148 | Lê Thanh Đệ | 052204007713 | 08/5/2004 | | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Vĩnh Phú 3, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0855827193 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001422) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0030 | |
| 149 | Đêm | 064303005028 | | 28/10/2003 | Thôn Blo, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Thôn Blo, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0325113645 | Cao đẳng Điều dưỡng A001203 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0121 | |
| 150 | Kpuih Den | 064301016235 | | 18/02/2001 | Làng Dơk Ngol, xã Ia Đơk, tỉnh Gia Lai | Làng Dơk Ngol, xã Ia Đơk, tỉnh Gia Lai | 0387020761 | Cử nhân Điều dưỡng BMU.C.000011 | Tiếng anh B1 (bậc 3/6) 02/BMU-NN-CĐR ĐH Buôn Ma Thuột | CNTTCB 019957 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0066 | |
| 151 | Nay H' Diễm | 064301011346 | | 17/3/2001 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0965594820 | Cử nhân Điều dưỡng A0002481 | Tiếng anh B1 BSET2311257 | CNTTCB C00169363 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0072 | |
| 152 | Đoàn Thị Mỹ Diễm | 064187000743 | | 22/02/1987 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 86 Võ Thị Sáu, thôn 7, xã KBang, tỉnh Gia Lai | 0334342148 | Cử nhân Luật E0047447 | Tiếng anh B B344346 | CNTTCB 0006525 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế An Khê | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0027 | |
| 153 | Hồ Thị Phương Diễm | 052193013839 | | 02/9/1993 | Vạn Đức, Gia Lai | Đội 8, Năng An, Vạn Đức, Gia Lai | 0786011032 | Cao đẳng ngành dược (B208912) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0123 | |
| 154 | Huỳnh Thị Ngọc Diễm | 052301003149 | | 28/3/2001 | Ngô Mây, Gia Lai | Tổ dân phố Thuận Hoà, Hoá Châu, thành phố Huế | 0359298232 | Cử nhân xét nghiệm y học (số hiệu: E0041741) | Tiếng anh Bậc 3 (05785) | Ứng dụng CNTT cơ bản (018292) | | | Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hoà | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0100 | |
| 155 | Huỳnh Thị Thanh Diễm | 052304012638 | | 13/3/2004 | Hoài Ân, Gia Lai | Chung cư Ecolite, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0385473249 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A001464) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251023-0110 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 156 | Lê Thị Diễm | 052193007699 | | 02/10/1993 | Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | Kim Giao Thiện, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 0345565510 | Đại học ngành dược (NTTDS.10205214) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0113 | |
| 157 | Nguyễn Thị Diễm | 064196013731 | | 19/9/1996 | xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | Thôn Đoàn Kết, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | 0862044029 | Cử nhân ngành Kiểm toán DND.6.0104529 | Tiếng anh A2 620/QĐ-PHKT (Đại học Đà Nẵng) | CNTTCB DND.I1.0009864 (Đại học Đà Nẵng) | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251021-0029 | |
| 158 | Nguyễn Thị Hồng Diễm | 052192019916 | | 12/12/1992 | Cát Tiến, Gia Lai | Vạn Tín, Ân Hảo, Gia Lai | 0962831302 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (TVU.1.035118) | Tiếng anh B (A1140871) | Tin học B (A1317272) | | | Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0131 | |
| 159 | Nguyễn Thị Thanh Diễm | 052195003151 | | 02/06/1995 | Phù Mỹ, Gia Lai | Thôn Trà Quang Nam, Phù Mỹ, Gia Lai | 0986643276 | Cử nhân Quản lý nhà nước (0001209) | Tiếng anh B (A1559592) | Tin học B (A1306644) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0059 | |
| 160 | Phạm Thị Thuý Diễm | 052190020307 | | 19/4/1990 | Bình Định, Gia Lai | 188 Hảo Đức 1, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0932056995 | Cử nhân luật (E0122626) | Tiếng anh B (0445348) | Tin học A (A595073) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0004 | |
| 161 | Phan Thị Kỳ Diễm | 064192009739 | | 06/6/1992 | 25 Hà Huy Tập, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 25 Hà Huy Tập, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0338194624 | Cao đẳng điều dưỡng B208228 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0039 | |
| 162 | Trần Thị Diễm | 052198007488 | | 19/5/1998 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Thôn Lộc Thuận, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0394421327 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026074) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0083 | |
| 163 | Trần Thị Kiều Diễm | 052192001630 | | 01/8/1992 | Tây Sơn, Gia Lai | Khối Phú Văn, Tây Sơn, Gia Lai | 0973703776 | Đại học dược (005236) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0103 | |
| 164 | Trần Thị Thanh Diễm | 064191011230 | | 15/9/1991 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 258 Quang Trung, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0337440834 | Cao đẳng điều dưỡng A554717 | | | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế KBang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0070 | |
| 165 | Trương Hồng Diễm | 052195004785 | | 01/01/1995 | Vân Canh, Gia Lai | 45 Quang Trung, Vân Canh, Gia Lai | 0968276613 | Đại học điều dưỡng (C2002091) | Tiếng anh B (A1943346) | Tin học B (A1788289) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0029 | |
| 166 | Nguyễn Thị Kim Diệm | 052192010744 | | 12/12/1992 | Phù Mỹ, Gia Lai | 363 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0392491895 | Đại học hành chính (119205) | Tiếng anh B (A1186229) | Tin học ứng dụng (B0067351) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0050 | |
| 167 | Nguyễn Thị Ngọc Điệm | 052195015868 | | 16/06/1995 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Kim Tây, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0364295108 | Cử nhân Điều dưỡng (0002751) | Tiếng anh B (A931858) | Ứng dụng CNTT B A1788650) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0025 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 168 | Chế Thị Mỹ Diện | 052194014752 | | 12/4/1994 | Bình Định, Gia Lai | Tổ 3, khu vực Kim Châu, Bình Định, Gia Lai | 0343428173 | Cao đẳng ngành dược (002255) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0122 | |
| 169 | Rơ Mah Diếp | 064197000336 | | 26/6/1997 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Làng Ngo Se Glan, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0393951192 | Cao đẳng điều dưỡng B883900 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Al Bá cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0103 | |
| 170 | Chu Ngọc Diệp | 064302011187 | | 25/5/2002 | xã Ia O, tỉnh Gia Lai | Tổ 4, làng Cúc, xã Ia O, tỉnh Gia Lai | 0816507779 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học YDA000082 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm y tế xã An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251031-0125 | |
| 171 | Tô Thị Mộng Diệp | 064195008469 | | 21/9/1995 | Cửu An, Gia Lai | 31/14B Dương Công Khi, Xuân Thời Sơn, thành phố Hồ Chí Minh | 0348725665 | Cao đẳng ngành dược (B689170) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0043 | |
| 172 | Đinh Thị Hồng Điệp | 052194006477 | | 26/02/1994 | Đề Gi, Gia Lai | Xóm 5, thôn Hoà Hiệp, Đề Gi, Gia Lai | 0399124612 | Cử nhân Xét nghiệm Y học (TVU.1.035123) | Tiếng anh B (A988889) | Tin học B (A1642854) | | | Khoa Xét nghiệm | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa Xét nghiệm | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251013-0152 | |
| 173 | Rơ Châm Điệp | 064300005247 | | 05/7/2000 | xã IaLy, tỉnh Gia Lai | Làng Yăh, xã IaLy, tỉnh Gia Lai | 0337208640 | Cử nhân Điều dưỡng A0004461 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0046 | |
| 174 | Rơ Lan H' Điệp | 064301014426 | | 12/9/2001 | Làng Bua, xã Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai | Làng Bua, xã Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai | 0369535725 | Cao đẳng Điều dưỡng A190805 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0083 | |
| 175 | Cao Thị Diệu | 052192011369 | | 01/4/1992 | Tây Sơn, Gia Lai | 24/14 Nguyễn Lữ, Tây Sơn, Gia Lai | 0358934397 | Cao đẳng ngành dược (14.01518) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0006 | |
| 176 | Nguyễn Thị Minh Diệu | 064302013072 | | 08/10/2002 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 190 Đinh Tiên Hoàng, TDP 5, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0336301645 | Cử nhân Công tác xã hội HBT/B004154 | Tiếng anh Bậc 3 0000625 | CNTTCB AJC0003101 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251103-0054 | |
| 177 | Nguyễn Thị Xuân Diệu | 052198007833 | | 23/7/1998 | An Lão, Gia Lai | Thôn Gò Bùi, An Lão, Gia Lai | 0356534539 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000395) | | | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0022 | |
| 178 | Rơ Mah Đin | 064303012604 | | 23/3/2003 | xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai | Làng Klăh, xã Ia Mơ, tỉnh Gia Lai | 0866450948 | Cao đẳng Dược 600655 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Lâu cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0128 | |
| 179 | Ksơr Hờ Dinh | 054303004049 | | 19/8/2003 | Ea Bá, Đắk Lắk | Buôn Ken, Ea Bá, Đắk Lắk | 0792026757 | Cao đẳng ngành dược (A001740) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc - cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0041 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 180 | Phạm Thị Dinh | 037193004933 | | 10/3/1993 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | TDP 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0332503393 | Cử nhân Điều dưỡng 1267286 | Tiếng anh B A2233527 | Tin học B A2426836 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0070 | |
| 181 | Huỳnh Thị Định | 052187018683 | | 14/06/1987 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 1453 Võ Nguyên Giáp, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0326100045 | Đại học Dược (0000373) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0119 | |
| 182 | Phan Thị Định | 052194016602 | | 21/9/1994 | An Nhơn, Gia Lai | 44 Vũ Thị Đức, An Nhơn, Gia Lai | 0984336965 | Cử nhân điều dưỡng (TVU.1.040039) | Tiếng anh B1 (0072518) | Tin học A (A1564441) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0137 | |
| 183 | Lê Thị Dịu | 064196005279 | | 23/02/1996 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 57 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0359400279 | Dược sĩ đại học 025117 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0070 | |
| 184 | Ksor H' Djuih | 064195006052 | | 08/11/1995 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0962650538 | Cao đẳng điều dưỡng B640217 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0060 | |
| 185 | Siu H' Đoãk | 064199012350 | | 12/04/1999 | Tập đoàn 4+5, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Tập đoàn 4+5, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0352480709 | Cử nhân Công tác xã hội QNUA0002677 | Tiếng anh Bậc 3 001424 | CNTTCB 0002349 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251027-0072 | |
| 186 | Đặng Khánh Đoan | 052301013745 | | 14/10/2001 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 1017/48 Lê Văn Lương, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh | 0397342330 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A.000592) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng - cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0034 | |
| 187 | Võ Nguyên Ngọc Đoan | 052194011717 | | 30/12/1994 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Thôn Xuân Phương, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0987107950 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1048816) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0013 | |
| 188 | Ksor H' Đôi | 064194008320 | | 06/8/1994 | Thôn Plei Plok, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Plok, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0963973837 | Cao đẳng Điều dưỡng B688893 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế Chư A Thai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0057 | |
| 189 | Ksor H' Đơm | 064199009660 | | 23/4/1999 | Buôn Blúk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Blúk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0369660045 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA/0005643 | Tiếng anh B1 0149.CNTA.2021 | CNTTCB 0004294 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0081 | |
| 190 | Võ Văn Đông | 052095014682 | 20/6/1995 | | Đề Gi, Gia Lai | 140/27 Vườn Lài, An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh | 0388469041 | Đại học dược (PH01030) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Grai - cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0027 | |
| 191 | Ksor Ang Drê | 064097001361 | 19/08/1997 | | Ia Hiao, Gia Lai | Sơ Ma Hang B, Ia Hiao, Gia Lai | 0981620236 | Đại học Điều dưỡng (1839570) | chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (1728/QĐ-ĐHTN-TTNN-TH) Đại học Tây Nguyên | Ứng dụng CNTTcơ bản (0822558) Đại học Tây Nguyên | | Người dân tộc thiểu số | Khoa Hồi sức-Cấp cứu | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Điều dưỡng | Khoa Ngoại tổng hợp | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0073 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 192 | Võ Thị Dự | 054191001900 | | 20/4/1991 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 108 Nguyễn Huy Tưởng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0372967679 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng 516675 | Tiếng anh C A918595 | Tin học B A411848 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0094 | |
| 193 | Hoàng Đình Đức | 052093011188 | 30/7/1993 | | 40 Ngô Gia Tự, thôn Đông Hà, xã Chư Prông tỉnh Gia Lai | 40 Ngô Gia Tự, thôn Đông Hà, xã Chư Prông tỉnh Gia Lai | 0981970006 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học 004831 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0065 | |
| 194 | Lê Anh Đức | 052096002300 | 29/7/1996 | | Tuy Phước, Gia Lai | Hanh Quang, Tuy Phước, Gia Lai | 0969463389 | Cao đẳng Điều dưỡng (B676679) | | | | Người hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0040 | |
| 195 | Lê Huỳnh Đức | 064203001551 | 28/02/2003 | | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 10 Trần Phú, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0389384069 | Cử nhân Luật kinh tế 0003407 | Tiếng anh B1 E19561 | Giấy xác nhận CNTTCB (không có số hiệu, không có ngày cấp) | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Kông Chro | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0038 | |
| 196 | Lê Ksơr Đức | 064096001259 | 12/8/1996 | | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa Ama H' Lăk, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0962172022 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 1712910 | Tiếng anh B1 1701288 | Tin học B 1700317 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251013-0071 | |
| 197 | Nguyễn Đại Đức | 064091007475 | 01/08/1991 | | Diên Hồng, Gia Lai | 11 Phạm Phú Thứ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0935112691 | Kỹ sư Cấp thoát nước - Môi trường nước (136708) | Tiếng anh văn bằng B (A078554) | Tin học B (B0085655) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | | | | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251013-0119 | |
| 198 | Trần Nguyễn Đức | 044202003791 | 20/06/2002 | | 225/13/6 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 225/13/6 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0822353012 | Cử nhân Báo chí - Truyền thông (E0051537) | Tiếng anh B1 BC20000367401 | CNTTCB C00126615 | | Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành báo chí | | | | Phóng viên hạng III | V.11.02.06 | H21.19-251031-0130 | |
| 199 | Võ Thành Đức | 052093020873 | 20/11/1993 | | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Công Chánh, Tuy Phước, Gia Lai | 0965759696 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A000760) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0131 | |
| 200 | Rah Lan Đưk | 064099000406 | 01/02/1999 | | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0966065810 | Cao đẳng Dược A.000218 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0038 | |
| 201 | Rah Lan H' Dưn | 064197013740 | | 12/4/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0392633636 | Cao đẳng Dược YDP003600 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0054 | |
| 202 | Đinh Thị Dung | 052304007134 | | 21/02/2004 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Làng 2, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0339448643 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001443) | | | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0042 | |
| 203 | Lê Thị Mỹ Dung | 052194012903 | | 10/02/1994 | Bình Hiệp, Gia Lai | 24 Đô Đốc Bảo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0373439449 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B568222) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0002 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 204 | Lê Thị Ngọc Dung | 064197008910 | | 14/9/1997 | 429 Nguyễn Huệ, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 429 Nguyễn Huệ, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0375302335 | Dược sĩ đại học 7300941 | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sơ Ró | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0204 | |
| 205 | Lê Thị Thùy Dung | 051196014409 | | 27/10/1996 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 14 Phạm Văn Đồng, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0976569245 | Cử nhân Xét nghiệm y học 1643684 | Tiếng anh B A1918100 | Tin học B A2469154 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251015-0078 | |
| 206 | Ngô Thùy Dung | 064300010134 | | 08/11/2000 | xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | Thôn An Thạch, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | 0359339921 | Cử nhân Kế toán CN003007 | | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0173 | |
| 207 | Nguyễn Thị Dung | 066194016325 | | 21/02/1994 | 09 Phan Đình Giót, tổ 2, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 09 Phan Đình Giót, tổ 2, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0825895240 | Đại học Điều dưỡng 1455878 | Tiếng anh bậc 3 A1835669 | CNTTCB A1991559 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0100 | |
| 208 | Nguyễn Thị Phương Dung | 052198010164 | | 17/5/1998 | Đề Gi, Gia Lai | Thôn Hoà Hiệp, Đề Gi, Gia Lai | 0337708855 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (B783892) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251017-0132 | |
| 209 | Nguyễn Thuỳ Dung | 052301006120 | | 13/7/2001 | Quy Nhơn Tây, Gia Lai | Tổ 10, khu vực 2, Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 0353046908 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A00979) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0106 | |
| 210 | Nguyễn Thùy Dung | 001194045688 | | 14/4/1994 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 243A Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0973530389 | Cử nhân Kỹ thuật y học (xét nghiệm y học) E0100775 | Tiếng anh C A2296781 | CNTTCB C00169469 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0021 | |
| 211 | Nguyễn Trương Thu Dung | 064187007349 | | 01/8/1987 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 20 Nguyễn Bá Lai, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0355482030 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh DND.7.0015313 | Cử nhân tiếng anh A380344 | CNTTCB 124644 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0073 | |
| 212 | Phạm Thị Dung | 022302002014 | | 17/9/2002 | Móng Cái 3, Quảng Ninh | Khu Phố Hải Yến 5, Móng Cái 3, Quảng Ninh | 0366445628 | Cao đẳng ngành dược (2207) | | | | | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0079 | |
| 213 | Phan Hoàng Thùy Dung | 064195013185 | | 26/02/1995 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 223A Quang Trung, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0971063639 | Cử nhân Y tế công cộng E0119822 | | | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Y tế công cộng | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm y tế KBang | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251020-0147 | |
| 214 | Phan Thị Thùy Dung | 064196006406 | | 10/7/1996 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 39 Lý Thường Kiệt, tổ 4, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0989654079 | Cao đẳng Dược B649393 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0044 | |
| 215 | Trần Lê Dung | 052302006584 | | 21/11/2002 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 272 Hùng Vương, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0866003740 | Cử nhân Điều dưỡng (CN001125) | Tiếng anh Bậc 3 (E6001439) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00152078) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0009 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 216 | Trần Thị Dung | 017193003202 | | 10/9/1993 | Thôn Ia Kle, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | Thôn Ia Kle, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | 0978817662 | Cao đẳng Dược YDC02976 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0099 | |
| 217 | Trần Thị Mỹ Dung | 064191002933 | | 24/7/1991 | Đê Hoch, xã Kong Gang, tỉnh Gia Lai | Đê Hoch, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 0971564579 | Cao đẳng điều dưỡng A439017 | | | | | Trạm Y tế xã Kong Gang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0153 | |
| 218 | Trương Thị Dung | 035190012522 | | 11/11/1990 | xã Kong Gang, tỉnh Gia Lai | Trung tâm y tế Đak Đoa | 0387609429 | Đại học điều dưỡng 0002099 | Tiếng anh B A053077 | Tin học ứng dụng B 006486 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0109 | |
| 219 | Lê Tấn Dũng | 052202007262 | 02/8/2002 | | Tây Sơn, Gia Lai | 40 Phan Huy Ích, Tây Sơn, Gia Lai | 0392300579 | Kỹ sư công nghệ thông tin (A002513) | | | | | | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251023-0026 | |
| 220 | Nguyễn Ngọc Dũng | 052089016569 | 15/4/1989 | | Vạn Đức, Gia Lai | Xóm 2, An Thường 2, Vạn Đức, Gia Lai | 0983724935 | Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (283414) | Tiếng anh A (0084983) | Tin học C (A866082) | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Thiết bị y tế, Kỹ thuật thiết bị y tế, | | | | Kỹ thuật viên hạng IV | V.05.02.08 | H21.19-251030-0013 | |
| 221 | Nguyễn Việt Dũng | 064091009229 | 11/01/1991 | | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 24/84 Nguyễn Văn Cừ phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0978406679 | Đại học Kế toán 887941 | Tiếng anh C A1242028 | Tin học ứng dụng B (A217545) | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0038 | |
| 222 | Phạm Anh Dũng | 064088011824 | 08/8/1988 | | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0969435879 | Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02900 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251016-0108 | |
| 223 | Bùi Thị Ánh Dương | 049197004855 | | 24/11/1997 | TDP Tân Định, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP Tân Định, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0962052045 | Cử nhân Kế toán A001382 | GCN Tiếng anh B1 2677/QĐ-ĐHQN (ĐH Quy Nhơn) | CNTTCB 0336574 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0041 | |
| 224 | Nguyễn Hà Dương | 064303013157 | | 20/8/2003 | Thôn 1, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0706254519 | Cao đẳng Dược YDC00395 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia O | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0088 | |
| 225 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 064193013156 | | 30/10/1993 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0376306072 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1005718 | Tiếng anh B1 B12401968 | CNTTCB 1915064 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0003 | |
| 226 | Nguyễn Thị Hải Đường | 064193003699 | | 08/11/1993 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP Tân Lập, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0393876903 | Cử nhân Hành chính học 160665 | Tiếng anh B A1371471 | Tin học B A1533084 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0078 | |
| 227 | Cao Thị Phương Duy | 064195013838 | | 15/05/1995 | Trần Anh Phi, UBND xã Chơ Lang, tỉnh Gia Lai 0977713332 | Trần Anh Phi, UBND xã Chơ Lang, tỉnh Gia Lai 0977713332 | 0385697956 | Cao đẳng Điều dưỡng B736586 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0005 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 228 | Hồ Đức Duy | 052202008862 | 19/06/2002 | | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Thôn 4, Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 0848206799 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (A003017) | Tiếng anh B1 (00042019) | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251015-0036 | |
| 229 | Nguyễn Phạm Duy | 064093010748 | 12/6/1993 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 11 Phạm Văn Đồng, tổ 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 353135382 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (004159) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251014-0029 | |
| 230 | Tạ Nguyên Duy | 052088000513 | 22/11/1988 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 318 Phan Bội Châu, Quy Nhơn, Gia Lai | 0979419343 | Đại học kế toán (00314468) | Tiếng anh B (0237359) | Tin học C (17.595/ĐN) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0054 | |
| 231 | Trần Hoàng Duy | 052200013637 | 21/06/2000 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 960/33 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0975029447 | Đại học Dược (7302082) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0107 | |
| 232 | Trần Văn Duy | 052201005353 | 16/11/2001 | | Hoài Ân, Gia Lai | Thôn Linh Chiểu, Hoài Ân, Gia Lai | 0349452170 | Cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng (F.22/1631 YDP) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0035 | |
| 233 | Võ Đặng Nhất Duy | 052097006420 | 17/5/1997 | | Bình Định, Gia Lai | 190 Ngô Gia Tự, Bình Định, Gia Lai | 0973856629 | Đại học dược (NTTDS10101987) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0058 | |
| 234 | Vũ Văn Duy | 036202014004 | 24/7/2002 | | xã Suối Trai, tỉnh Đak Lak | Kiến Thiết, xã Suối Trai, tỉnh Đak Lak | 0869880746 | Đại học Công nghệ thông tin PTA.0002851 | | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251023-0059 | |
| 235 | R' Ô Đuy | 064199006183 | | 03/6/1999 | Buôn H'Muk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn H'Muk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0362263296 | Cử nhân Luật A0003450 | Tiếng anh B1 0344.CNTA.2021 | CNTTCB 1102326 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0049 | |
| 236 | Đặng Cao Kỳ Duyên | 052199011550 | | 21/7/1999 | xã Hra, tỉnh Gia Lai | Thôn Nhơn Tân, xã Hra, tỉnh Gia Lai | 0344495804 | Cử nhân Quản trị kinh doanh VL-B0578 | | CNTTCB QH53202325942 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0107 | |
| 237 | Đặng Thị Ngọc Duyên | 052196015728 | | 07/7/1996 | Tây Sơn, Gia Lai | Thôn 1, Tây Sơn, Gia Lai | 0989600803 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738313) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0052 | |
| 238 | Đỗ Thị Hồng Duyên | 052195013923 | | 25/12/1995 | An Nhơn, Gia Lai | TDP Thuận Đức, An Nhơn, Gia Lai | 0974889017 | Cao đẳng ngành Phục hồi chức năng (YDC00911) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0045 | |
| 239 | Lê Thị Mỹ Duyên | 052301007770 | | 04/12/2001 | Đề Gi, Gia Lai | Vĩnh Thành, Đề Gi, Gia Lai | 0342501958 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-6BA004877) | Tiếng anh C (A3221167) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000817) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0078 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 240 | Nguyễn Thị Duyên | 052188009203 | | 20/10/1988 | Đề Gi, Gia Lai | Chánh Lợi, Đề Gi, Gia Lai | 0343625463 | Cao đẳng Dược (B1049430) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0035 | |
| 241 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 052199015740 | | 14/6/1999 | Hoài Ân, Gia Lai | Thôn Diêu Tường, Hoài Ân, Gia Lai | 0337932757 | Cao đẳng ngành dược (000607) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0004 | |
| 242 | Nguyễn Thị Ngọc Duyên | 064303004999 | | 07/12/2003 | Đội 2, thôn 2, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | Đội 2, thôn 2, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 0344758487 | Cao đẳng Dược 600657 | | | | | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0063 | |
| 243 | Nguyễn Thị Ngọc Duyên | 052192019174 | | 16/01/1992 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 2699 Quang Trung, Bồng Sơn, Gia Lai | 0348348541 | Cao đẳng ngành dược (B741307) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0014 | |
| 244 | Phạm Kim Duyên | 052304000427 | | 12/02/2004 | An Hoà, An Lão | Thôn Vạn Long, An Hoà, An Lão | 0342506520 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001444) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0040 | |
| 245 | Tô Thị Mỹ Duyên | 052190007426 | | 08/03/1990 | Bình Định, Gia Lai | Thôn Nhơn Nghĩa Đông, Bình Định, Gia Lai | 0974811826 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (231169) | | | | | | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251013-0133 | |
| 246 | Trần Thị Hạnh Duyên | 052198009417 | | 05/3/1998 | Hội Sơn, Gia Lai | Hội Sơn, Gia Lai | 0367845398 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111038) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0114 | |
| 247 | Trần Thị Mỹ Duyên | 052196010199 | | 10/11/1996 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 34 Lê Tấn Quốc, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0972763450 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025750) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0010 | |
| 248 | Trần Thị Mỹ Duyên | 062195007799 | | 29/10/1995 | Sa Thầy, Quảng Ngãi | 128 Ngô Mây, An Khê, Gia Lai | 0363632875 | Cao đẳng Dược (B677760) | | | | Con thương binh | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0008 | |
| 249 | Võ Thị Bích Duyên | 052194013652 | | 02/06/1994 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Đội 7, thôn Trà Bình Đông Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0387623891 | Cao đẳng Điều dưỡng (B401269) | | | | | Trạm Y tế xã Phù Mỹ Tây | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0140 | |
| 250 | Võ Thị Mỹ Duyên | 64302011526 | | 08/11/2002 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng DeLung 1, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0337709863 | Cử nhân điều dưỡng TTN.CN.005228 | Tiếng anh B 2024.B1.0248 | CNTTCB TTN.TH.004479 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0115 | |
| 251 | Ksor H' Duyêt | 064302013126 | | 12/3/2002 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Thăm, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0335192063 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0184134 | | CNTTCB DND.I1.00717871 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0031 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 252 | Nay H' Duyết | 064194013098 | | 08/7/1994 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0962649708 | Cao đẳng Điều dưỡng B64021 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0022 | |
| 253 | Rô H' Dyan | 064199007852 | | 14/7/1999 | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0372759902 | Cử nhân Điều dưỡng 001611 | Tiếng anh B1 E6001057 | CNTTCB 0211499 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế IaPa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0039 | |
| 254 | Nguyễn Xuân Dzin | 048094001519 | 18/5/1994 | | 2/12 Hai Bà Trưng, tổ 1, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 2/12 Hai Bà Trưng, tổ 1, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0935363147 | Cử nhân Luật MHN24167 | Tiếng anh Bậc 3 E017211 | CNTTCB 1297662 | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0091 | |
| 255 | Phạm Thị Em | 052180014163 | | 05/10/1980 | Đề Gi, Gia Lai | Đức Phổ I, Đề Gi, Gia Lai | 0973252886 | Cao đẳng ngành dược (B787757) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0044 | |
| 256 | Hoàng Thị Én | 052191000578 | | 24/02/1991 | 15 Nguyễn Du, thôn 2, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 15 Nguyễn Du, thôn 2, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0367275798 | Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành Dược A181189 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Bòong | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0055 | |
| 257 | Trần Thị Hồng Gấm | 064199006032 | | 09/9/1999 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Tiến, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0326537591 | Cao đẳng Dược C01953 | | | | | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0132 | |
| 258 | Đặng Ngân Giang | 052300000632 | | 01/8/2000 | Canh Vinh, Gia Lai | Hiệp Vinh 2,Canh Vinh, Gia Lai | 0346291423 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000035) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0160 | |
| 259 | Đặng Thị Hà Giang | 064302006347 | | 29/11/2002 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 201 Trần Phú, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0905234415 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004147 | Tiếng anh A2 BSET2516512 | CNTTCB TTN.TH.004488 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0146 | |
| 260 | Đinh Thị Kim Giang | 052304012768 | | 02/4/2004 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn Tà Lét, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0961004047 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001445) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0061 | |
| 261 | Đoàn Thị Minh Giang | 052300003244 | | 16/01/2000 | Quy Nhơn, Gia Lai | 84/20 Đô Đốc Bảo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0347343685 | Cử nhân Công tác xã hội (QNUA0000817) | Chứng nhận năng lực Tiếng anh (0001449) ĐH Quy Nhơn | Ứng dụng CNTT (0002363) ĐH Quy Nhơn | | Người Dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251028-0011 | |
| 262 | Nguyễn Thị Giang | 064199012001 | | 25/12/1999 | TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0356268280 | Cao đẳng Điều dưỡng 001123 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0036 | |
| 263 | Nguyễn Thị Giang | 024186000856 | | 19/12/1986 | phường Thạnh Mỹ Tây, TPHCM | 152/46 Lạc Long Quân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0979294655 | Cao đẳng Dược A03776 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0024 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 264 | Nguyễn Thị Hương Giang | 040199019251 | | 21/01/1999 | Tổ 8, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Tổ 8, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0397470143 | Cao đẳng điều dưỡng TN21-CD0000111 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0108 | |
| 265 | Phạm Trần Kim Giang | 052199008984 | | 12/08/1999 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Số 68/10/7 Lê Văn Tám, thôn 5, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0332410517 | Cao đẳng điều dưỡng K.00063 | | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0066 | |
| 266 | Trần Thị Hương Giang | 052301006168 | | 06/10/2001 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Chung cư Lamer, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0346098901 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000572) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0143 | |
| 267 | Trịnh Thuỳ Giang | 036192016564 | | 20/12/1992 | Kbang, Gia Lai | Tổ 4, đường Mai Thúc Loan, Kbang, Gia Lai | 0972707485 | Cao đẳng hộ sinh (LQĐ.5.01.958) | | | | | Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Hộ sinh | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251022-0138 | |
| 268 | Giăng | 064304004406 | | 26/10/2004 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Làng Tuoh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0379277342 | Cao đẳng Điều dưỡng 600946 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0116 | |
| 269 | Nguyễn Ngọc Thái Giao | 064189011410 | | 14/8/1989 | 83 Duy Tân, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 83 Duy Tân, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0935982566 | Cử nhân Luật DND.6.0120396 | | | CC BD NV VTLT XHNV: 55265 | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251103-0040 | |
| 270 | Huỳnh Ngọc Giàu | 052198000771 | | 01/01/1998 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn Vĩnh Thọ, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0327888627 | Cao đẳng Dược (B1111117) | | | | | Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0101 | |
| 271 | Kpă H' Glẽ | 064194001047 | | 03/8/1994 | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0389639973 | Cử nhân Điều dưỡng 0003063 | Tiếng anh B NN-01538 | Tin học văn phòng B (TH-01949) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0075 | |
| 272 | Rơ Mah Grơm | 064301006526 | | 10/8/2001 | xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | Làng ongol, xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | 0794558374 | Cử nhân điều dưỡng C100123 | Tiếng anh B2 BSET 2507675 | CNTTCB C0018352 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0046 | |
| 273 | Ksor Gruin | 064200012057 | 26/5/2000 | | Thôn Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0355315371 | Cử nhân Xét nghiệm y học CN.00846 | Tiếng anh Bậc 3 B38/GXN-EDUVIET NC: 27/9/2024 | CNTTCB C00243659 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0098 | |
| 274 | Nay Guang | 064098010357 | 30/8/1998 | | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Ia Kơ Al, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0342378154 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 001141 | Tiếng anh A2 BSET2416352 | CNTTCB DND.I1.0037468 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0030 | |
| 275 | Ksor Ji Gur | 064093008220 | 24/11/1993 | | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa ơi Htrông, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0385705716 | Cao đẳng điều dưỡng A000822 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0016 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 276 | Guưch | 064096015597 | | 01/01/1996 | 33 Đặng Văn Ngữ, tổ 6, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 33 Đặng Văn Ngữ, tổ 6, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0334451902 | Cử nhân thực hành Dược 600925 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ayun | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0078 | |
| 277 | Ksor H' Ha | 064304002499 | | 21/01/2004 | Bôn Rưng Ma Kai, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Kai, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0353751002 | Cao đẳng điều dưỡng 600949 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0074 | |
| 278 | Rah Lan H' Ha | 064300003545 | | 06/3/2000 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Đoan, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0384641914 | Cử nhân Điều dưỡng YDS.CN.001545 | Tiếng anh A2 BSET 2420211 | CNTTCB 0010550 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251029-0045 | |
| 279 | Bùi Thị Ngọc Hà | 036195004007 | | 05/5/1995 | Phú Nhuận, Hồ Chí Minh | 01 Trần Văn Ơn, Bình Định, Gia Lai | 0798686677 | Đại học Y tế công cộng (1576996) | Tiếng anh B (A2797994) | Tin học ứng dụng cơ bản (QH53202511584) | | | Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và ATTP) | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng và ATTP) | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251105-0058 | |
| 280 | Đặng Thị Hà | 030190001399 | | 26/02/1990 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0989827751 | Đại học chuyên ngành Kế toán (số hiệu: 734259) | Tiếng anh B 10-4632 | Tin học văn phòng B (TH/17001) | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251017-0058 | |
| 281 | Đỗ Thị Hoàng Hà | 052198009282 | | 24/04/1998 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 2530 Quang Trung, Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 0333343757 | Đại học Dược (NTTDS.10100358) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0054 | |
| 282 | Dương Thanh Hà | 064094001491 | 17/01/1994 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 44 Lê Hồng Phong, TDP 4, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0962449963 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học (1290) | Tiếng anh B A3039424 | CNTTCB 0924287 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0138 | |
| 283 | Lại Thị Út Hà | 064195000317 | | 03/02/1995 | Thôn Thắng Lợi, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0376803857 | Cử nhân Luật E0116644 | Tiếng anh B1 0007131 | Tin học B A2407727 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0003 | |
| 284 | Lê Thị Mỹ Hà | 064302009232 | | 13/3/2002 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn 7, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0392786626 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004129 | Tiếng anh B1 140/QĐ-TNU-LIC ĐH Tây Nguyên | CNTTCB TTN.TH.004137 ĐH Tây Nguyên | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0113 | |
| 285 | Lê Thu Hà | 052194000774 | | 29/12/1994 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 25 Nguyễn Trác,Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0962385969 | Đại học dược (016076) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0023 | |
| 286 | Ngô Thị Thu Hà | 064301005260 | | 19/12/2001 | Thôn Mỹ Phú, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Mỹ Phú, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0337627031 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003149 | Tiếng anh B1 11/GXN-EDUVET NC: 27/02/2024 | CNTTCB TTN.TH.003527 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0099 | |
| 287 | Nguyễn Thị Hà | 037195011084 | | 22/08/1995 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Thôn Hội Thành, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0336033937 | Cao đẳng Điều dưỡng (B640221) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0155 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 288 | Nguyễn Thị Lệ Hà | 062189002781 | | 20/4/1989 | Bình Thạnh, Hồ Chí Minh | 38 Mê Linh, Xuân Hương, Lâm Đồng | 0935633998 | Đại học Quản trị kinh doanh (00224843) | Tiếng anh B (0011975) | Tin học B (0401276) | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0038 | |
| 289 | Nguyễn Thị Mỹ Hà | 064302013675 | | 24/9/2002 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0353802509 | Cử nhân Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (bậc 6) 30030422 | Tiếng anh B1 BC10000052435 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251010-0096 | |
| 290 | Phan Thị Thu Hà | 052192003507 | | 01/12/1992 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 38 Ngô Mây, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0938278725 | Cử nhân Kế toán (829748) | Tiếng anh B (A231491) | Tin học B (A413275) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251101-0001 | |
| 291 | Rơ Lan Siu Hà | 064198003306 | | 12/6/1998 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng Doch Kuế, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0393790569 | Cử nhân Công tác xã hội A0001257 | Tiếng anh B1 01102.19 | CNTTCB 0836814 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251016-0064 | |
| 292 | Trần Thị Hà | 036183013611 | | 24/3/1983 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | TTYT Chư Prông, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0976089204 | Cử nhân Luật E0006173 | | | BDNV Văn thư lưu trữ 8302-23/HCQG | Con thương binh | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251024-0003 | |
| 293 | Trần Thị Ngọc Hà | 052194006931 | | 20/01/1994 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 1225 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0374038731 | Cao đẳng Điều dưỡng (B639898) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0052 | |
| 294 | Trần Thị Thu Hà | 064196014756 | | 30/4/1996 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Thôn Thống Nhất, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0333593056 | Cử nhân Luật 1748657 | Tiếng Hoa B QH40201905418 NC: 30/9/2019 | CNTTNC 0034821 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0082 | |
| 295 | Trần Thị Thu Hà | 052190006790 | | 26/10/1990 | Hoài Ân, Gia Lai | Đội 3, An Chiều, Hoài Ân, Gia Lai | 0984293689 | Trung cấp Văn thư - Lưu trữ (A162668) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251015-0085 | |
| 296 | Trương Văn Hà | 052088001509 | 20/10/1988 | | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn An Nội, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0988044679 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (00365672) | Tiếng anh C A2863563) | | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251024-0012 | |
| 297 | Lê Thị Thúy Hạ | 064185005613 | | 27/12/1985 | 125/6 Hai Bà Trưng, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 125/6 Hai Bà Trưng, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0982652922 | Đại học Kế toán 4093113 | Tiếng anh A2 BSET2400360 | Tin học B 377981 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0071 | |
| 298 | Phan Thị Cẩm Hạ | 064199011192 | | 15/6/1999 | Thôn Thắng Lợi, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0989629415 | Cử nhân Luật 00049275 | Tiếng anh Bậc 3 2509 | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0097 | |
| 299 | Đặng Văn Hải | 052092012211 | 26/10/1992 | | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Vạn Lương, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0979791889 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (A499207) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251029-0011 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 300 | Đào Như Hải | 052301012101 | | 30/12/2001 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn 7, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0335817086 | Cử nhân Kế toán QNU A.0004445 | Tiếng anh B1 0003008 | CNTTCB 0005473 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251105-0044 | |
| 301 | Lý Văn Hải | 064096008696 | 22/12/1996 | | Thôn Đoàn Kết, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Đoàn Kết, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0368717921 | Cao đẳng Công nghệ thông tin B704601 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251021-0006 | |
| 302 | Nguyễn Hữu Hồng Hải | 064201012677 | 28/8/2001 | | 269/34 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 269/34 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0359105486 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (SH: A003519) | Tiếng anh B1 0046025 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251104-0185 | |
| 303 | Châu Ngọc Hân | 052189017217 | | 09/01/1989 | Quy Nhơn, Gia Lai | 16 Duy Tân, Quy Nhơn, Gia Lai | 0985857968 | Cử nhân Luật (085010014CQ) | Tiếng anh C A918256 | Ứng dụng CNTT B (A853260) | | Con thương binh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0103 | |
| 304 | Đỗ Gia Hân | 052303003385 | | 15/6/2003 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 1, Khu phố 11, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0367698057 | Cử nhân luật (QNUA/004113) | Tiếng anh Bậc 3 (0008894) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0013666) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0017 | |
| 305 | Hồ Nguyễn Gia Hân | 052194011730 | | 10/12/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 276 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0362035020 | Đại học quản trị kinh doanh (A.0001641) | Tiếng anh B1 (00156.20) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0000881) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0085 | |
| 306 | Huỳnh Ngọc Hân | 052193001492 | | 20/7/1993 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | An Nội, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0359139855 | Đại học kế toán (1010970) | Tiếng anh B (A1293627) | Tin học B (A787455) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0012 | |
| 307 | Lê Nguyễn Bảo Hân | 052300005169 | | 04/10/2000 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 50/8 Lý Thái Tổ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0799467088 | Cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng (E22.1291/YDP) | | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0027 | |
| 308 | Nguyễn Bảo Hân | 052303012174 | | 14/03/2003 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 804 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0969799079 | Cử nhân Luật (QNUA/0004104) | Tiếng anh Bậc 3 (E6001059) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0012025) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0127 | |
| 309 | Nguyễn Thị Gia Hân | 052198000424 | | 25/9/1998 | 86 Phạm Hùng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | 86 Phạm Hùng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | 0859771228 | Cử nhân Luật 004738 | Đại học ngôn ngữ Anh DND.6.0189555 | CNTTCB 000470 | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0083 | |
| 310 | Phạm Nguyễn Thu Hân | 052303002664 | | 17/8/2003 | Bồng Sơn, Gia Lai | Lại Khánh, Bồng Sơn, Gia Lai | 0357471638 | Cử nhân ngành điều dưỡng (A0005206) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0013 | |
| 311 | Phan Thị Hân | 049190002853 | | 02/10/1990 | xã Đồng Dương, TP Đà Nẵng | 14 hẻm 225 Trường Sơn, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0983613015 | Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02027 | | | | | Trạm Y tế xã Glào cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251103-0176 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 312 | Trịnh Mỹ Hân | 052303005353 | | 10/12/2003 | Tây Sơn, Gia Lai | Thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai | 0328735946 | Cao đẳng ngành dược (001317) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0147 | |
| 313 | Rơ Mah Hân | 064196011764 | | 18/4/1996 | Làng Chư Kó, xã Ia Púch, tỉnh Gia Lai | Làng Chư Kó, xã Ia Púch, tỉnh Gia Lai | 0386648693 | Cao đẳng Dược 24205 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0035 | |
| 314 | Đinh Hận | 052097012197 | 10/6/1997 | | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn M2, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0344447908 | Đại học quản lý nhà nước (QNUA/0000778) | Tiếng anh Bậc 3 (0004127) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0012239) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0030 | |
| 315 | Đặng Thị Thuý Hằng | 052194011217 | | 09/11/1994 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Hoà Cư, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0369910360 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640032) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0136 | |
| 316 | Đinh Minh Hằng | 064303000510 | | 18/3/2003 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 03 Lê Hồng Phong, TDP 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0346130934 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN001874 | Toeic 340 điểm ngày cấp 30/10/2025 | CNTTCB DND.11.0066177 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0124 | |
| 317 | Đinh Thị Thuý Hằng | 052301014244 | | 01/9/2001 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn M2, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0967304841 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000597) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Lao phổi và Lao-HIV-Kháng thuốc | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0073 | |
| 318 | Đỗ Việt Hằng | 052194011101 | | 02/12/1994 | Cát Tiến, Gia Lai | Phú Hậu, Cát Tiến, Gia Lai | 0398286167 | Đại học dược (021565) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0123 | |
| 319 | Đoàn Thị Thuý Hằng | 052302000922 | | 28/8/2002 | Vân Canh, Gia Lai | Làng Canh Lãnh,Vân Canh, Gia Lai | 0389251346 | Cao đẳng ngành dược (A001272) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Túc - cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0084 | |
| 320 | Đồng Thị Thanh Hằng | 052193006973 | | 16/01/1993 | Quy Nhơn Tây, Gia Lai | Tổ 5 kp 1, Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 0971203894 | Cử nhân Quản trị kinh doanh (457273) | Tiếng anh Bậc 3 (713/QĐ-ĐHQN | Ứng dụng CNTT B (A1549127) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0048 | |
| 321 | Dương Thị Hằng | 064304000466 | | 28/7/2004 | Thôn Thắng Lợi 3, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi 3, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0706155519 | Cao đẳng Dược PNTA0197 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0022 | |
| 322 | Hà Nguyễn Mỹ Hằng | 064198006078 | | 07/9/1998 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0394203311 | Cử nhân Công tác xã hội E0002995 | Tiếng anh B1 0025597 | CNTTCB 1228057 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251103-0028 | |
| 323 | Hồ Thị Hằng | 066199008204 | | 25/4/1999 | xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Đường TC3, Khu phố An Phước, phường Bến Cát, TPHCM | 0964888286 | Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng (001184) | | | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện 331 | Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0017 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 324 | Lê Thị Thanh Hằng | 040300011839 | | 19/3/2000 | phước Hòa, Thành phố HCM | 5/42D Tổ 1 Khánh Long, Tân Khánh, TPHCM | 0346592597 | Cao đẳng điều dưỡng 12-00357 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Pưh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0150 | |
| 325 | Lê Thị Thu Hằng | 064301005533 | | 03/12/2001 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Tổ 12, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0853406501 | Cử nhân Điều dưỡng 000695 | | CNTTCB 0052709 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0102 | |
| 326 | Mai Thị Lệ Hằng | 046186009929 | | 25/12/1986 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 06 Lê Duẩn, thôn 1, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0382068179 | Cao đẳng Hộ sinh A000880 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251029-0076 | |
| 327 | Nguyễn Thị Hằng | 049198011342 | | 07/8/1998 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 36 Tổ 11B KP An Bình, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai | 0394531199 | Cử nhân Luật 30014953 | Tiếng anh Bậc 3 C028170 | Mos word, excel | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế An Khê | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0155 | |
| 328 | Nguyễn Thị Hằng | 052198002842 | | 03/02/1998 | Đề Gi, Gia Lai | Đức Phổ 1, Đề Gi, Gia Lai | 0326609922 | Cao đẳng Dược (000572) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0009 | |
| 329 | Nguyễn Thị Hằng | 052192021902 | | 03/3/1992 | Tuy Phước, Gia Lai | 661 Nguyễn Huệ, Tuy Phước, Gia Lai | 0963673392 | Đại học kế toán (C2000803) | Tiếng anh C (A1177224) | Tin học B (A213478) | | Cán bộ công đoàn từ cơ sở | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0069 | |
| 330 | Nguyễn Thị Bích Hằng | 064194003720 | | 15/02/1994 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 162/82 Trường Chinh, tổ 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0368272266 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TVU.1.11521 | Tiếng anh B A3205616 | CNTTCB C00011210 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251019-0012 | |
| 331 | Nguyễn Thị Bích Hằng | 052191011320 | | 04/02/1991 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Hy Văn, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0828334589 | Đại học Quản trị Kinh doanh (516425) | Tiếng anh B (A287623 | Ứng dụng CNTT B (A411878) | | Con thương binh | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0160 | |
| 332 | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 052199012961 | | 04/09/1999 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 5, Cảnh An 1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0329048091 | Cử nhân Kế toán (0003709) | Tiếng anh Bậc 3 (278/QĐ-ĐHQN) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1100351) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251015-0051 | |
| 333 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 064191005603 | | 04/02/1991 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 71 Trần Hưng Đạo, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0987375804 | Cao đẳng Quản trị văn phòng và Lưu trữ A385035 | | | CC Văn thư Lưu trữ | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251029-0058 | |
| 334 | Nguyễn Thị Thuý Hằng | 052198002830 | | 20/8/1998 | Hoà Hội, Gia Lai | Xóm Ba Làng, thôn Hoà Đại, Hoà Hội, Gia Lai | 0866884415 | Cao đẳng ngành dược (B1036667) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0019 | |
| 335 | Nguyễn Thị Thuý Hằng | 052193007579 | | 06/01/1993 | Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 93 Âu Cơ, Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 0355851426 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B401172) | | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0065 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 336 | Nguyễn Thị Út Hằng | 064192005328 | | 06/5/1992 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Tổ 1, An Tân, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0975174274 | Cao đẳng điều dưỡng A555434 | | | CC đạt chuẩn VC dân số | | | Trung tâm Y tế An Khê | Dân số viên hạng IV | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Dân số viên hạng IV | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251023-0155 | |
| 337 | Nguyễn Thúy Hằng | 064195013963 | | 31/12/1995 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 70 Tuệ Tĩnh, tổ 6, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0987989397 | Đại học Luật kinh tế DND.6.0104576 | Tiếng anh B A2995570 | CNTTCB DND.I1.0001556 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0116 | |
| 338 | Phạm Lê Thanh Hằng | 052196015463 | | 24/10/1996 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 438 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0967956934 | Đại học kế toán (0007030) | Chứng nhận năng lực tiếng anh Bậc 3 02267.17 (ĐH Quy Nhơn) | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251030-0091 | |
| 339 | Phạm Thị Hằng | 066192010850 | | 24/7/1992 | Lô 13C, khu thu nhập thấp, xã An Phú, tỉnh Gia Lai | Lô 13C, khu thu nhập thấp, xã An Phú, tỉnh Gia Lai | 0919718957 | Cử nhân điều dưỡng 000768 | Tiếng anh A2 622285C | Tin học B T139327 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0012 | |
| 340 | Phạm Thị Thanh Hằng | 052196007189 | | 04/10/1996 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 40/8/ Hàn Mặc Tử. Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0344154230 | Đại học ngành Điều dưỡng (0001791) | Tiếng anh B (A1943379) | Tin học B (A2115322) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251105-0060 | |
| 341 | Phan Thị Thuý Hằng | 054301000493 | | 21/5/2001 | Tuy An Nam, Đắk Lắk | 23 Điện Biên Phủ, Tuy Hoà, Đắk Lắk | 0935440876 | Cử nhân luật kinh tế (A0001732) | Tiếng anh Bậc 3 (ĐH Đông Á) | Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tin học ứng dụng ngành luật kinh tế (Đại học Đông Á) | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0020 | |
| 342 | Trần Thị Hằng | 052196012249 | | 17/05/1996 | Hoà Hội, Gia Lai | Thôn Hiệp Long, Hội Sơn, Gia Lai | 0375156239 | Đại học Dược (DNH0502396) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0045 | |
| 343 | Trương Thị Thu Hằng | 064303005747 | | 24/3/2003 | xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | 163B Tạ Quang Bửu, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0325016521 | Đại học Luật 003336 | Tiếng anh B1 BC10000064651 | | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0018 | |
| 344 | Vương Thuý Hằng | 052303015614 | | 10/09/2003 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 96 Trần Thị Kỷ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0933256277 | Cao đẳng Dược (A001344) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0002 | |
| 345 | Ksor H'Anh | 064300008064 | | 30/8/2000 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Ama Djương, tổ 20, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0328718266 | Đại học điều dưỡng E0041740 | Tiếng anh A2 BSET2402004 | CNTTCB C00126619 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0080 | |
| 346 | Bùi Thị Mỹ Hạnh | 064190012128 | | 15/5/1990 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 63 Trần Hưng Đạo, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0981371090 | Cao đẳng điều dưỡng A181057 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0109 | |
| 347 | Đậu Thị Hồng Hạnh | 066196021206 | | 27/7/1996 | Số nhà 03, thôn Hòa Sơn, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | Số nhà 03, thôn Hòa Sơn, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0349464300 | Đại học Lưu trữ và Quản trị Văn phòng Qh25201805950 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Văn thư viên | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251031-0103 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 348 | Đinh Thị Mỹ Hạnh | 054303004150 | | 27/02/2003 | Tuy An Tây, Đắk Lắk | 18A Nguyễn Viết Xuân, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0866809467 | Cử nhân ngành điều dưỡng (7122473) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0104 | |
| 349 | Đỗ Thị Hạnh | 064198005993 | | 05/3/1998 | Thôn 4, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0869247497 | Cao đẳng Dược và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành (A190816) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0127 | |
| 350 | Đỗ Thị Mỹ Hạnh | 064182002564 | | 12/5/1982 | xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | Thôn An Thượng 2, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | 0976624582 | Cao đẳng Dược PA000775 | | | | Con thương binh | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0043 | |
| 351 | Kpă Hạnh | 064197011185 | | 14/11/1997 | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0362765285 | Đại học Điều dưỡng E0005597 | Tiếng anh B1 0031344 | CNTTCB 003247 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0013 | |
| 352 | Ksor Hạnh | 064198013174 | | 28/3/1998 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Ji, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0359619019 | Cử nhân Quản lý nhà nước A.0003403 | Tiếng anh B1 0013220 | CNTTCB 1101604 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0084 | |
| 353 | Lê Mỹ Hạnh | 001192025159 | | 01/5/1992 | xã Ia Krai, tỉnh Gia Lai | Thôn 8, xã Ia Krai, tỉnh Gia Lai | 0379118525 | Cao đẳng điều dưỡng YDCD3041 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krai cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0031 | |
| 354 | Lý Thị Kim Hạnh | 052193005359 | | 06/06/1993 | Bình Phú, Gia Lai | Thôn Phú Mỹ, Bình Phú, Gia Lai | 0962662627 | Cao đẳng Điều dưỡng (B401083) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0086 | |
| 355 | Nguyễn Thị Hạnh | 046300007072 | | 17/8/2000 | Thôn Chư Bồ 1, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | Thôn Chư Bồ 1, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | 0385008730 | Cử nhân Điều dưỡng 0003178 | Tiếng Nhật N4 | Tin học ứng dụng Đại học Đông Á | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0034 | |
| 356 | Nguyễn Thị Hạnh | 044191013999 | | 17/01/1991 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | G02, Nhà công vụ Quân đoàn 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0981596023 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1001451 | Tiếng anh B1 B12301769 | CNTTCB 1912050 | | con thương binh | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0106 | |
| 357 | Nguyễn Thị Hạnh | 042191017884 | | 10/5/1991 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0336197187 | Cử nhân Kế toán 0000716 | Tiếng anh B A1553709 | Tin học B A1449397 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0006 | |
| 358 | Nguyễn Thị Hạnh | 052198005599 | | 29/04/1998 | Bình Dương, Gia Lai | Thôn Chánh Khoan Nam, Bình Dương, Gia Lai | 0339574488 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1026077) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Phù Mỹ Tây | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0163 | |
| 359 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 064301013970 | | 18/8/2001 | 26/30 Lê Thị Hồng Gấm, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 26/30 Lê Thị Hồng Gấm, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0847315679 | Đại học Luật A008674 | Tiếng anh B1 0030867 | CNTTNC 012931 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0054 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 360 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 044190012817 | | 15/5/1990 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn Đồng Bằng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0985803079 | Cao đẳng điều dưỡng YDC02254 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0129 | |
| 361 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 052193002834 | | 12/02/1993 | Đề Gi, Gia Lai | Trung An, Đề Gi, Gia Lai | 0358967585 | Đại học ngành điều dưỡng (000373) | Anh văn B (A1319834) | Tin học B (A790782) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0013 | |
| 362 | Phạm Thị Hạnh | 022186010891 | | 30/7/1986 | Ia Grai, Gia Lai | A2-09 Chung cư Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0375505935 | Cử nhân xét nghiệm y học (số hiệu: 000572) | Tiếng anh B (A3217338) | Ứng dụng CNTT cơ bản (007113) | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0107 | |
| 363 | Nguyễn Huỳnh Gia Hào | 052202015746 | 07/03/2002 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 30 Phan Chu Trinh, Quy Nhơn, Gia Lai | 0911772156 | Cử nhân Quản lý nhà nước (QNU A/0000804) | Tiếng anh bậc 3 (0004569) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0008808) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0031 | |
| 364 | Phan Đăng Hảo | 052204008124 | 05/9/2004 | | Bình Phú, Gia Lai | Thôn Hoà Hiệp, Bình Phú, Gia Lai | 0345083733 | Trung cấp văn thư - lưu trữ (TC000537) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Lưu trữ viên trung cấp | | | | Lưu trữ viên trung cấp | V.01.02.03 | H21.19-251016-0130 | |
| 365 | Đặng Thị Hảo | 040195030870 | | 10/8/1995 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0846835314 | Cao đẳng Dược BC00785 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0150 | |
| 366 | Đặng Thị Hoàng Hảo | 064188007129 | | 10/7/1988 | 14/16 Mạc Đĩnh Chi, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 14/16 Mạc Đĩnh Chi, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0934816095 | Cử nhân Luật TVU.1.026723 | | | Trung cấp Tin học - Hành chính - Văn thư A541656 | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251023-0012 | |
| 367 | Hà Lê Hoàng Hảo | 052198000634 | | 29/11/1998 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 2, Bình An 1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0337789335 | Cao đẳng ngành dược (B1072158) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0034 | |
| 368 | Nguyễn Thị Thu Hảo | 064300010964 | | 30/10/2000 | 144 Hùng Vương, thôn Hòa An, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 144 Hùng Vương, thôn Hòa An, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0339873960 | Cao đẳng Điều dưỡng YDC00345 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Pưh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0036 | |
| 369 | Trương Thị Hảo | 052194002766 | | 20/8/1994 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Thôn Cảnh An 1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0968466284 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000038) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0025 | |
| 370 | Võ Thị Hảo | 052197013465 | | 02/10/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Khu phố Hải Nam, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0972382713 | Đại học kế toán (MBS60014659) | Tiếng anh C (A2372773) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0258113) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0168 | |
| 371 | Ksor Hẫu | 064194014635 | | 02/10/1994 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0398753259 | Cao đẳng Dược A001827 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0187 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 372 | Bùi Thị Hậu | 052303011548 | | 31/05/2003 | Xuân An, Gia Lai | Thôn Đại Hữu, Xuân An, Gia Lai | 0332994727 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001182) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0106 | |
| 373 | Lâm Thị Hậu | 052191010277 | | 18/06/1991 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 1247 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0349559405 | Cử nhân Công tác xã hội (515515) | Tiếng anh B (A542859) | Ứng dụng CNTT B (A090934) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251028-0008 | |
| 374 | Lê Thành Hậu | 052097010290 | 15/05/1997 | | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 43, kp 6, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0849999808 | Cao đẳng Điều dưỡng (B840143) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0047 | |
| 375 | Nguyễn Bùi Đức Hậu | 052304006998 | | 08/12/2004 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Trung Lý, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0913621543 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001446) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0123 | |
| 376 | Nguyễn Thanh Hậu | 051087012299 | 24/7/1987 | | Nam Trà My, Đà Nẵng | Thôn Tak Pơ, Nam Trà My, Đà Nẵng | 0981318631 | Cử nhân kế toán (1728782) | Tiếng anh Bậc 2 (0003272) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0000682) | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251016-0051 | |
| 377 | Nguyễn Thị Minh Hậu | 064301004780 | | 02/01/2001 | Thôn 1, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã IaKo, tỉnh Gia Lai | 0378621081 | Đại học ngành Luật UL.B.0011711 | TOEIC ngày cấp: 03/06/2024 | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Chư Sê | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251008-0054 | |
| 378 | Phạm Thị Hậu | 064194006197 | | 18/5/1994 | Thôn 6, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0393867237 | Cao đẳng Hộ sinh B427675 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Ia Pia | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251103-0158 | |
| 379 | Rmah Hậu | 064199004895 | | 22/02/1999 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0352868981 | Cử nhân Công tác xã hội A0004225 | Tiếng anh Bậc 3 1692/QĐ-ĐHQN | Tin học ứng dụng 0836840 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251024-0091 | |
| 380 | Trần Thị Hậu | 052302013726 | | 11/09/2002 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Xóm 8, thôn Ki Sơn, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0395659338 | Đại học Kiểm toán (QNUA/0000777) | Tiếng anh Bậc 3 (0004137) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0006628) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0049 | |
| 381 | Trương Thị Hậu | 064198007401 | | 19/5/1998 | 142/21 Lê Duẩn, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 142/21 Lê Duẩn, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0335812073 | Đại học Luật E0000177 | Tiếng anh B1 0028439 | CNTTCB C00053433 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế KBang | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0081 | |
| 382 | Nay H'Bé | 064191012639 | | 14/8/1991 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 4, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0393194877 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00846 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0134 | |
| 383 | Nay H'Bình | 064303011146 | | 28/7/2003 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Tul, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0337889501 | Cử nhân Điều dưỡng A0005215 | Chứng nhận Toeic Level 3 số hiệu: NG21A1A ĐH Đông Á cấp 03/7/2025 | Chứng nhận CNTTCB NG21A1A (Đại học Đông Á) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0080 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 384 | Nay H'Châm | 064300010838 | | 20/02/2000 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Jú, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0353486843 | Đại học Điều dưỡng A002478 | Tiếng anh A2 BSET2400701 | CNTTCB C00169429 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0093 | |
| 385 | Nay H'Cheo | 064194003471 | | 21/12/1994 | 42C Nguyễn Huệ, tổ 16, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 42C Nguyễn Huệ, tổ 16, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0905358508 | Cao đẳng Dược B688649 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0088 | |
| 386 | Rmah H'Chi | 064302006295 | | 22/01/2002 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Kte Lớn B, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0334454062 | Cao đẳng điều dưỡng 600484 | | | Người dân tộc thiểu số | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0120 | |
| 387 | Ksor H'Chiêu | 064302014829 | | 25/9/2002 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Bôn ơi Hly, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0335412440 | Cử nhân điều dưỡng A0003854 | Toeic ngày cấp: 21/6/2024 | CNTTCB 0074992 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251014-0117 | |
| 388 | Đàm Văn Thiện | 064095006299 | 27/11/1995 | | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Mỹ Thạch 3, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0332122019 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0012384 | Tiếng anh B1 E04019 | CNTTCB C00187220 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0102 | |
| 389 | Nguyễn Chí Thanh | 052076018562 | 20/4/1976 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 15/3 Bùi Xuân Phái, Quy Nhơn, Gia Lai | 0913663234 | - Cử nhân Tin học (0109689)-ĐH Đông Đô<br>- Ths.KH máy tính-ĐH Quy Nhơn-sh: 0000658 | Tiếng anh B2 (00731.20) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251008-0010 | |
| 390 | Ksor H'Đjoanh | 064198000512 | | 11/10/1998 | Buôn Djút, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Djút, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0966454251 | Cao đẳng điều dưỡng 001880 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0129 | |
| 391 | Rcom H'Drim | 064196007520 | | 29/12/1996 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jut, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0359330498 | Cử nhân Luật QH33202200066 | Miễn ngoại ngữ | CNTTCB C00198938 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0042 | |
| 392 | Kpă H'Đuônh | 064195013667 | | 08/7/1995 | Buôn H'Muk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn H'Muk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0375879618 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng (A.0002722) | Tiếng anh B1 0227417 | CNTTCB 0643748 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0064 | |
| 393 | Rơ Ô H'Duyên | 064300010938 | | 12/8/2000 | phường Hoa Lư, tỉnh Gia Lai | Số 11 Bùi Đình Túy, phường Hoa Lư, tỉnh Gia Lai | 0968223570 | Đại học điều dưỡng E0037474 | Tiếng anh B1 22.B1.002441 | CNTTCB C00126690 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0120 | |
| 394 | Rcom H'Eni | 064199003115 | | 05/4/1999 | Bôn Rưng Ma Nhiu, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Nhiu, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0397649113 | Cử nhân Công tác xã hội DND.6.0166697 | miễn ngoại ngữ | Tin học văn phòng DND.I1.0047710 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251020-0021 | |
| 395 | Ksor H'Gái | 064301011313 | | 01/01/2001 | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0344739094 | Cao đẳng điều dưỡng 600485 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm Y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0118 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 396 | Rcom H'Ha | 64300005615 | | 22/11/2000 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 27, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0362644432 | Cử nhân công tác xã hội QN/UA.0002683 | Tiếng anh Bậc 3 1091.CNTA.2021 | CNTTCB 0002874 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251013-0018 | |
| 397 | Ksor H'Hà | 064198009840 | | 24/8/1998 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jut, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0339733322 | Cử nhân điều dưỡng 002195 | Tiếng anh B1 2022.B1.0942 | CNTTCB TTN.TH.001826 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0017 | |
| 398 | Rơ Mah H'Hiên | 064304005422 | | 14/6/2004 | xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | Làng Pong, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | 0347752983 | Cao đẳng Dược 600928 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0099 | |
| 399 | Rơ Lan H'Huệ | 064301008577 | | 09/12/2001 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Pnuk, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0392241730 | Cao đẳng điều dưỡng A190806 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Krêl | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0065 | |
| 400 | Nay H' Hiên | 064194012093 | | 24/12/1994 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Trók, Ia Trok, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0971757154 | Cao đẳng điều dưỡng A000823 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0148 | |
| 401 | Vũ Thị Hiên | 030183019390 | | 29/9/1983 | Thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0393718697 | Cao đẳng văn thư hành chính (000346) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251023-0081 | |
| 402 | Huỳnh Văn Hiền | 052094015983 | 19/03/1994 | | Hoà Hội, Gia Lai | Hội Vân, Hoà Hội, Gia Lai | 0962636932 | Cao đẳng Điều dưỡng (B640033) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0114 | |
| 403 | Ksor H' Hiền | 064301005605 | | 30/6/2001 | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0372842340 | Cử nhân Luật QNUA/0002035 | Tiếng anh Bậc 4 0007118 | CNTTCB 0006075 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0027 | |
| 404 | Lê Thị Hiền | 052188003493 | | 28/03/1988 | Ân Hảo, Gia Lai | 107 Phan Bội Châu, Kbang, Gia Lai | 0983305321 | Đại học Dược (030725) | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kông Bờ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0094 | |
| 405 | Lê Thị Lệ Hiền | 052198015575 | | 27/04/1998 | Bình Định, Gia Lai | Nam Nhạn Tháp, An Nhơn, Gia Lai | 0334841525 | Cao đẳng Dược (000610) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0115 | |
| 406 | Lê Thị Thu Hiền | 052199008229 | | 05/02/1999 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 31, Khu vực 4, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0326375364 | Cao đẳng ngành dược (000647) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0056 | |
| 407 | Mai Thị Thanh Hiền | 052189001133 | | 18/9/989 | xã Ngô Mây, tỉnh Gia Lai | Thôn Phú Giáo, xã Ngô Mây, tỉnh Gia Lai | 0353020468 | Cử nhân Điều dưỡng 001707 | Tiếng anh B 20/15922/IFC | Tin học Ứng dụng 168007 | | con thương binh | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0085 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 408 | Nguyễn Thị Mỹ Hiền | 052195017931 | | 16/01/1995 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 4, khu phố 13, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0384056017 | Cử nhân Điều dưỡng (0001378) | Tiếng anh B (1559905) | Ứng dụng CNTT B (1788734) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0110 | |
| 409 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 064192008325 | | 20/10/1992 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 19 Lê Quang Định, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0935837887 | Cử nhân Quản trị kinh doanh 692206 | Tiếng anh C A1117269 | Tin học ứng dụng A A1363169 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0046 | |
| 410 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 052301005558 | | 02/6/2001 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Vĩnh Phúc, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0375269299 | Cử nhân kế toán tổng hợp (0004473) | Chứng chỉ tiếng anh B1 (54369215) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0005489) | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0035 | |
| 411 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 052300002392 | | 12/10/2000 | Tuy Phước, Gia Lai | Quảng Tín, Tuy Phước, Gia Lai | 0368171142 | Cử nhân Điều dưỡng (E0021849) | Cử nhân Tiếng anh (DHH.6.C.0005211) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00095164) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0128 | |
| 412 | Nguyễn Thị Thuý Hiền | 052198012553 | | 02/09/1998 | Bình Khê, Gia Lai | Xóm 6, Trường Định 2, Bình An, Gia Lai | 0363837415 | Cao đẳng Dược (1111177) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0032 | |
| 413 | Phạm Thúy Hiền | 064197003657 | | 01/01/1997 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0971210492 | Cao đẳng Điều dưỡng YDA00566 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0171 | |
| 414 | Phan Thị Kim Hiền | 052193017477 | | 16/12/1993 | Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 359 Bà Triệu, Thiện Đức, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 0962296183 | Cao đẳng ngành dược (B208865) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0024 | |
| 415 | Phan Thu Hiền | 052300011971 | | 20/06/2000 | Vạn Đức, Gia Lai | Thôn 1, Vạn Đức, Gia Lai | 0347403726 | Đại học Dược (NTTDS. 10202896) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0005 | |
| 416 | Tạ Thị Thu Hiền | 064196001497 | | 05/4/1996 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Sô Ma Hang B, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0383396967 | Cử nhân điều dưỡng 1667095 | Tiếng anh B 2758891 | CNTTCB 0538193 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0076 | |
| 417 | Trần Nguyễn Thảo Hiền | 052302004960 | | 02/12/2002 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 36 Tây Sơn, Phù Mỹ, Gia Lai | 0855286739 | Đại học luật (0001200) | Tiếng anh A2 (BSET 2403442) | Ứng dụng CNTT cơ bản (010456) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0123 | |
| 418 | Trần Thị Ái Hiền | 052195003327 | | 15/02/1995 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | 306/48/12 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0336062963 | Cao đẳng ngành dược (B738218) | | | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0105 | |
| 419 | Trần Thị Thu Hiền | 064197006345 | | 19/01/1997 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 49/3 Nguyễn Thiếp, tổ 7, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0326864984 | Cử nhân Công tác xã hội A0001148 | Tiếng anh A2 0058017 | CNTTCB 0644690 | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251104-0166 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 420 | Trần Thị Thu Hiền | 040184017261 | | 27/9/1984 | 114/2 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 114/2 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0973487522 | Đại học Kế toán 0020168 | Tiếng anh C 000683 | Tin học ứng dụng B 181422 | | Con thương binh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành kế toán (01.003) | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0155 | |
| 421 | Trần Thị Thu Hiền | 042185011126 | | 07/12/1985 | 22 Nguyễn Minh Châu, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 22 Nguyễn Minh Châu, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0964862269 | Cử nhân Luật kinh tế 1043352 | Tiếng anh A2 BSET2420675 | Tin học ứng dụng B B0014042 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0017 | |
| 422 | Trần Thị Thu Hiền | 052300006689 | | 30/9/2000 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 57/9 Bế Văn Đàn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0383001471 | Cử nhân luật kinh tế (E0018784) | Chứng nhận Tiếng anh B1 (số hiệu: 20.B1003078) (ĐH Ngoại ngữ-ĐH Huế) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0006973) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0038 | |
| 423 | Trần Thúy Hiền | 064197001129 | | 25/11/1997 | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0372349585 | Cao đẳng điều dưỡng TN21-CD0000113 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0132 | |
| 424 | Vũ Thị Hiền | 064197006168 | | 12/11/1997 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0865159489 | Cao đẳng Dược B1089042 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0084 | |
| 425 | Hồ Thị Vinh Hiền | 052181007623 | | 06/4/1981 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 246 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0947731388 | Cử nhân quản trị kinh doanh (0001848) | Cử nhân tiếng anh (00018633) | Tin học B (A2495135) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0082 | |
| 426 | Đặng Thị Hiệp | 052192019252 | | 02/03/1992 | Cửu Thành, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Cửu Thành, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0977522536 | Cử nhân Luật (E0015731) | Tiếng anh B (A869119) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000046) | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0119 | |
| 427 | Hồ Thị Mỹ Hiệp | 231094688 | | 15/11/1997 | 26 Lê Hồng Phong, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 26 Lê Hồng Phong, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0378209679 | Đại học Quản lý nhà nước về kinh tế (000078) | Tiếng anh Bậc 2 822296 | CNTTCB 0343772 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0011 | |
| 428 | Nay Hiệp | 064097009938 | 16/5/1997 | | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 66 Bạch Đằng, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0346109756 | Cử nhân Luật UL.B.001636 | miễn ngoại ngữ | Tin học A 1787030 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0062 | |
| 429 | Nguyễn Thị Hiền Hiệp | 064193012033 | | 07/11/1993 | 18A Lê Lợi, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 18A Lê Lợi, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | không có | Cao đẳng Điều dưỡng B65196 | | | | | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0095 | |
| 430 | Phạm Thị Hiệp | 054189001099 | | 07/5/1989 | Sơn Hoà, Đắk Lắk | Phú Hữu, Sơn Hoà, Đắk Lắk | 0346787612 | Cao đẳng quản trị văn phòng (A118531) | | | Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư (18/QĐ-420) | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Trung cấp văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251103-0017 | |
| 431 | Phạm Trắc Hiệp | 052089014043 | 01/01/1989 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 355 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0974713209 | Cao đẳng Điều dưỡng (001305) | | | | | Khoa Phẫu thuật -Gây mê hồi sức | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Điều trị Nam | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0122 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 432 | Trần Thị Kim Hiệp | 049196008754 | | 17/4/1996 | Đak Pơ, Gia Lai | Đak Pơ, Gia Lai | 0399709830 | Cao đẳng ngành dược (B851714) | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0145 | |
| 433 | Trần Xuân Hiệp | 052300008619 | 06/10/2000 | | Bình Khê, Gia Lai | Tiên Thuận, Bình Khê, Gia Lai | 0398520301 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (GTS-ĐH 012617) | TOEIC 630 (GREEN4273473) NC: 24/3/2023 | | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251019-0011 | |
| 434 | Đặng Trung Hiếu | 052200007057 | 07/5/2000 | | Tuy Phước, Gia Lai | 490 Nguyễn Huệ, Tuy Phước, Gia Lai | 0327113076 | Đại học Công nghệ thông tin (QNUA/0002399) | Tiếng anh Bậc 4 (0007802) | Đại học Công nghệ thông tin (QNUA/0002399) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251016-0071 | |
| 435 | Lê Thị Hiếu | 064189005140 | | 07/12/1989 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 80/12 Lê Văn Tám, thôn 5, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0386074795 | Đại học Kế toán 032795 | Tiếng anh B B0140250 | Tin họcVăn phòng C019370 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251010-0054 | |
| 436 | Lê Văn Hiếu | 064099013272 | 05/6/1999 | | xã Ia Le, tỉnh Gia Lai | Thôn Thiên An, xã Ia Le, tỉnh Gia | 0896687511 | Cử nhân Luật A.0003469 | Tiếng Anh B1 BSET2502324 | CNTTCB 0336916 | | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0100 | |
| 437 | Nguyễn Duy Hiếu | 064097007176 | 05/12/1997 | | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 51 Quyết Tiến, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0981494496 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học1804123 | | CNTTCB 1201585 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251020-0133 | |
| 438 | Nguyễn Thị Thuỳ Hiếu | 052196011826 | | 10/5/1996 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Nhơn Phước, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0963505753 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B88806) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0064 | |
| 439 | Nhữ Thị Hồng Hiếu | 052190020383 | | 13/7/1990 | An Nhơn Nam, Gia Lai | Tổ dân phố Hoà Nghi, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0968889724 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A186238) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0088 | |
| 440 | Trần Thị Hồng Hiếu | 064195011762 | | 17/12/1995 | An Khê, Gia Lai | 1870 Quang Trung, An Bình, An Khê, Gia Lai | 0356370945 | Cao đẳng Dược (B717819) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0010 | |
| 441 | Võ Minh Hiếu | 052099015892 | 18/8/1999 | | Tây Sơn, Gia Lai | 128 Hàm Nghi, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0327693711 | Đại học quản lý nhà nước (0000820) | Tiếng anh B1 (0006492) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0012362) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0137 | |
| 442 | Phạm Thị Hiệu | 051301001351 | | 20/11/2001 | Ba Động, Quảng Ngãi | Huy Ba 1, Ba Động, Quảng Ngãi | 0384887282 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (DTT2201332) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0001 | |
| 443 | Rơ Mah H' Hiu | 064199011767 | | 04/10/1999 | xã Al Bá, tỉnh Gia Lai | Làng Ser Dơ Mó, xã Al Bá, tỉnh Gia Lai | 0362216607 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA.0000453 | Tiếng anh Bậc 3 0000224 | CNTTCB 0000061 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0098 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 444 | Rah Lan H'Jruyên | 064190016611 | | 8/12/1990 | Buôn Tang, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Tang, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0368072425 | Cử nhân Kế toán (số hiệu: 450392) | Tiếng anh B A3221786 | Tin học B A1037780 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251017-0039 | |
| 445 | Rmah H'Khun | 064193007160 | | 11/6/1993 | Làng Hăng Ring, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Làng Hăng Ring, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0328410838 | Cử nhân điều dưỡng 00003068 | Tiếng anh Bậc 3 391997/19DD5A | Tin học A A726585 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251014-0095 | |
| 446 | Kpă H'Kiêu | 064301013003 | | 01/01/2001 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Prông, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0336429742 | Cử nhân điều dưỡng TTN.CN.004106 | Tiếng anh Bậc 3 20/QĐ-TNU-LIC Trung trâm NN, TH-Đại học Tây Nguyên | CNTTCB 016318 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0102 | |
| 447 | Rah Lan H'Kơi | 064303012771 | | 11/02/2003 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Pa Ama Đá, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0375199704 | Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: A0005256 | Tiếng Nhật NG21A2B | CNTTCB 93115 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0038 | |
| 448 | Siu H'LanKa | 064302010369 | | 08/10/2002 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | Làng O'Kly, xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 0362672646 | Cao đẳng điều dưỡng YCI0009903 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Prông cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tôr cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0123 | |
| 449 | Ksor H'Liêng | 064198012955 | | 18/10/1998 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 38/25/2 Phan Đình Phùng, tổ 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0326155340 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0141363 | miễn ngoại ngữ | CNTTCB DND.I1.0031563 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0110 | |
| 450 | Nay H'Liêng | 064185002804 | | 17/01/1985 | Buôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Buôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0372083585 | Cao đẳng điều dưỡng A.001483 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0109 | |
| 451 | Kpă H'Loang | 064197011487 | | 10/12/1997 | Buôn Blăk, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Blăk, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0334807152 | Cao đẳng điều dưỡng B1102044 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0124 | |
| 452 | Ksor H'Luxia | 64301010072 | | 27/8/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tong Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0397887911 | Cử nhân điều dưỡng E0051079 | Tiếng anh B1 E18296 ĐH ngoại ngữ-ĐH Huế | CNTTCB số hiệu: 203/GXN (TT ngoại ngữ, tin học EduViet cấp ngày 21/11/2024) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0038 | |
| 453 | Ksor H'Mai | 064300008629 | | 26/6/2000 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Bôn Thăm, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0358896352 | Đại học Điều dưỡng A002494 | Tiếng anh A2 BSET2308490 | CNTTCB C0015612 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0038 | |
| 454 | Ksor H'Miên | 064195007644 | | 13/02/1995 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 148 Kpă Tít, TDP 5, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0973480584 | Cao đẳng điều dưỡng B688912 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0113 | |
| 455 | Rmah HMlun | 064183011569 | | 23/8/1983 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Hẻm 475 Lý Thái Tổ, Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0383314478 | Cao đẳng Dược A000409 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0139 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 456 | Ksor H'Mly | 064196008972 | | 15/4/1996 | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0706163800 | Cao đẳng điều dưỡng B782998 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0133 | |
| 457 | Hiao H'Mông | 064302002439 | | 08/11/2002 | Buôn Du, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Du, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0335085137 | Cử nhân Luật 0000813 | Tiếng anh B1 0005652 | CNTTCB 0005571 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0068 | |
| 458 | Rah Lan H'Nga | 064196008882 | | 15/11/1996 | Buôn Thim, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Thim, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0327280303 | Đại học điều dưỡng 000817 | Tiếng anh B1 E6001079 | CNTTCB 0034341 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0075 | |
| 459 | Ksor H'Ngem | 64300014774 | | 19/02/2000 | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0373167624 | Đại học điều dưỡng (A.0001168) | | CNTTCB C00093012 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251007-0019 | |
| 460 | Nay H'Nguy | 064303016652 | | 18/12/2003 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Biah B, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0706113938 | Cử nhân Điều dưỡng A0005205 | Chứng nhận Toeic Level 3 Số hiệu: NG21A1A93333 ĐH Đông Á cấp 24/04/2025 | Chứng nhận CNTTCB NG21A1A93333 (Đại học Đông Á) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0078 | |
| 461 | Rmah H'Nha | 064300014244 | | 04/10/2000 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Ama Rin 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0362305582 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003162 | Tiếng anh B1 70/QĐ-TNU | CNTTCB TTN.TH 003445 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0080 | |
| 462 | Siu H'Nhâm | 064199014621 | | 13/8/1999 | TDP12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0364172248 | Cử nhân điều dưỡng A0001170 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0102 | |
| 463 | Rơ Mah H'Nuin | 064197003963 | | 20/04/1997 | xã Ia Chia, tỉnh Gia Lai | Làng Beng, xã Ia Chia, tỉnh Gia Lai | 0337352976 | Cao đẳng danh hiệu Cử nhân thực hành điều dưỡng TN21-CĐ0000016 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Chía | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia O | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0015 | |
| 464 | Đinh Thị Hnuy | 064301009107 | | 27/7/2001 | Làng Brưl, xã Chơ Long, tỉnh Gia Lai | Làng Brưl, xã Chơ Long, tỉnh Gia Lai | 0334394173 | Cao đẳng điều dưỡng 600492 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0077 | |
| 465 | Bùi Thị Thanh Hoa | 064196005632 | | 26/4/1996 | 15 Bùi Đình Túy, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 15 Bùi Đình Túy, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0356037728 | Cao đẳng hộ sinh 440/2017/CĐ | | | | | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251009-0095 | |
| 466 | Cáp Thị Hồng Hoa | 064199001116 | | 05/8/1999 | Kông Chro, Gia Lai | 106 Anh Hùng Núp, Kông Chro, Gia Lai | 0333801371 | Đại học điều dưỡng (17101575) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0026 | |
| 467 | Đặng Thị Bích Hoa | 052196015812 | | 12/08/1996 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Phước Chánh, Bình Dương, Gia Lai | 0964175535 | Cao đẳng Điều dưỡng (B790569) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0012 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 468 | Đặng Thị Quỳnh Hoa | 064197003367 | | 20/8/1997 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 808 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0354074481 | Cao đẳng Dược YDC00722 | | | Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ XHNV:28858 | | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251014-0089 | |
| 469 | Đinh Thị Mỹ Hoa | 052198000434 | | 03/6/1998 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Tà Điệk, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0375866745 | Đại học luật (A.0003533) | Tiếng anh Bậc 3 (E6000903) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0645540) | Người dân tộc thiểu số | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0002 | |
| 470 | Đỗ Thị Loan Hoa | 001194037152 | | 21/11/1994 | Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 338 Nguyễn Huệ, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0968268463 | Dược sĩ đại học BMUD000406 | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0045 | |
| 471 | Đoàn Thị Hồng Hoa | 052190012987 | | 05/9/1990 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 1, Kp 7, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0905693695 | Cử nhân ngành điều dưỡng (1267290) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0057 | |
| 472 | Dương Thị Mai Hoa | 064303009943 | | 24/10/2003 | 43/12 Hàn Mạc Tử, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 43/12 Hàn Mạc Tử, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0866524417 | Đại học Kế toán 0004267 | Tiếng anh Bậc 3 0006105 | CNTTCB 0010836 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0074 | |
| 473 | Lê Thị Trang Hoa | 064302016712 | | 07/02/2002 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 56 Nguyễn Huy Tưởng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0961683347 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004131 | Tiếng anh B1 140/QĐ-TNU-LIC | CNTTCB TTN.TH0044503 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0020 | |
| 474 | Nguyễn Thị Hoa | 037181005459 | | 31/8/1981 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Trung tâm Y tế Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0987386194 | Cao đẳng Văn thư hành chính VCI0015914 | | | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Ia Pa | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251028-0061 | |
| 475 | Nguyễn Thị Kim Hoa | 064193001300 | | 20/4/1993 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0358388509 | Cao đẳng Công nghệ thông tin B305637 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251021-0028 | |
| 476 | Nguyễn Thị Mỹ Hoa | 064187006172 | | 20/6/1987 | 01 Nguyễn Đường, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 01 Nguyễn Đường, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0387820828 | Cao đẳng Dược A182902 | | | | | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0083 | |
| 477 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | 064301012487 | | 08/3/2001 | xã Gia Phúc, TP Hải Phòng | Thôn Đươi, xã Gia Phúc, TP Hải Phòng | 0339252523 | Cao đẳng Dược 2822 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Lâu cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0038 | |
| 478 | Nguyễn Thị Tuyết Hoa | 052192024366 | | 22/02/1992 | Tuy Phước, Gia Lai | Đội 1, Phố Trạch, Tuy Phước, Gia Lai | 0332627331 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A555439) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0127 | |
| 479 | Phạm Nay H' Hoa | 064302012085 | | 09/09/2002 | Diên Hồng, Gia Lai | 11/7 Nguyễn Văn Cừ, Diên Hồng, Gia Lai | 0963099037 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (E0051238) | Tiếng anh Bậc 4 (08147) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00243680) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251010-0056 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 480 | Phạm Thị Hoa | 052193006656 | | 05/04/1993 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Xóm 4, thôn Trà Bình Tây, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0355933088 | Đại học Điều dưỡng (DND60131589) | | | Con đẻ của dân công hoả tuyến tham gia kháng chiến | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0030 | |
| 481 | Phạm Thị Thảo Hoa | 064194006947 | | 01/12/1994 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 36/30 Nguyễn Văn Cừ, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0964299045 | Dược sĩ đại học 7300621 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0065 | |
| 482 | Phan Thị Thanh Hoa | 052195001481 | | 06/8/1995 | Tây Sơn, Gia Lai | Xóm 1, thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai | 0393843033 | Cao đẳng ngành xét nghiệm y học (B711410) | | | | | Khoa Xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0006 | |
| 483 | Rơ Châm H' Hoa | 064196011063 | | 26/7/1996 | xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | Làng Gào, xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | 0337530725 | Cao đẳng điều dưỡng B8173663 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Krêl cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0116 | |
| 484 | Trần Thị Hoa | 038195018632 | | 20/5/1995 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0396170995 | Cao đẳng điều dưỡng B781773 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krêl | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0052 | |
| 485 | Trần Thị Hoa | 064197006560 | | 12/10/1997 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 445 Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0328574289 | Cử nhân Điều dưỡng 1631363 | Tiếng anh Bậc 2 0008733 | CNTTCB 0797464 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0050 | |
| 486 | Nguyễn Thị Kim Hoá | 052195010510 | | 10/7/1995 | Tuy Phước, Gia Lai | Xóm Bắc, Trung Tín 2, Tuy Phước, Gia Lai | 0357269446 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (439/QĐ-CĐYT) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0108 | |
| 487 | Đặng Thị Hoà | 068194012639 | | 01/03/1994 | Bắc Gia Nghĩa, Lâm Đồng | Số 13 đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai | 0979612053 | Đại học Dược (001665) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0070 | |
| 488 | Đỗ Thị Hoà | 052192014404 | | 12/6/1992 | Quy Nhơn, Gia Lai | 84/3 đường 1 tháng 5, Quy Nhơn, Gia Lai | 0986347467 | Cử nhân ngành điều dưỡng (số hiệu: 001318) | Tiếng anh B (A666663) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.00192414) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0177 | |
| 489 | Lê Thị Hòa | 064196010140 | | 12/5/1996 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Tân Phú, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0966162183 | Cao đẳng Dược B790304 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0067 | |
| 490 | Lê Thị Hòa | 038198015737 | | 04/6/1998 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 29 Nguyễn Viết Xuân, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0338929638 | Cử nhân Luật kinh tế 1125/947/08.2020/16 036601 | Toeic 535 ngày cấp 14/09/2019 | CNTTCB 0586534 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251025-0016 | |
| 491 | Nguyễn Thị Diễm Hòa | 051197003179 | | 21/5/1997 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 162 Trần Phú, thôn 3, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0363607837 | Đại học Điều dưỡng 1660316 | | CNTTCB 0778007 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0099 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 492 | Phạm Thị Hòa | 066193010527 | | 25/4/1993 | 826 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 826 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0914931278 | Cử nhân Điều dưỡng 0001676 | Tiếng anh B A1207537 | CNTTCB 1060180 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0096 | |
| 493 | Phạm Thị Hòa | 064189008640 | | 27/3/1989 | 17 Cách Mạng, thôn 9, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 17 Cách Mạng, thôn 9, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0359210413 | Cử nhân Kế toán 0022461 | Tiếng anh B 0012711 | CNTTCB C00243625 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0050 | |
| 494 | Đặng Thị Hoài | 064188009704 | | 17/5/1988 | TDP5, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | TDP5, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0989711553 | Cao đẳng Dược (DLT20628) | | | | | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0008 | |
| 495 | Đinh Thị Hoài | 052300007730 | | 26/09/2000 | Vạn Đức, Gia Lai | Thôn 1, Vạn Đức, Gia Lai | 0334113200 | Đại học Điều dưỡng (A0004216) | | | | Người Dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0057 | |
| 496 | Lê Thị Hoài | 064195012301 | | 12/9/1995 | Thôn Hợp Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Thôn Hợp Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0345749580 | Cao đẳng hộ sinh B874257 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Ia Pia | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251013-0025 | |
| 497 | Nguyễn Thị Hoài | 030303011585 | | 07/02/2003 | Thôn 8, xã Chơ Long, tỉnh Gia Lai | Thôn 8, xã Chơ Long, tỉnh Gia Lai | 0394852786 | Đại học Luật DHH.6.C0002959 | Tiếng anh B1 E17662 | CNTTCB C00195913 | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251101-0003 | |
| 498 | Phạm Thị Hoài | 064197008511 | | 10/02/1997 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 12, xã Kbang, tỉnh Gia Lao | 0362996915 | Đại học Quản lý nhà nước về đô thị 000183 | Tiếng anh Bậc 3 E021969 | CNTTCB DBU1-004268 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251009-0002 | |
| 499 | Phạm Thị Tố Hoài | 052301005047 | | 20/9/2001 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Khu vực Nhơn Thuận, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0931901477 | Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế (QNUA.0004659) | Tiếng anh Bậc 4 (0002687) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0007430) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251009-0059 | |
| 500 | Trần Minh Hoài | 052095016158 | 05/10/1995 | | Xuân Hương, Lâm Đồng | 49/18/2 Phạm Hồng Thái, Xuân Hương, Lâm Đồng | 0377604044 | Cao đẳng Điều dưỡng (B833181) | | | | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251018-0004 | |
| 501 | Trần Thị Thanh Hoài | 064197007019 | | 09/10/1997 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0386330415 | Cử nhân Điều dưỡng 001709 | Tiếng anh A2 BSET2515881 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0086 | |
| 502 | Nguyễn Thị Minh Hoàn | 054303004155 | | 26/12/2003 | Tuy An Tây, Đắk Lắk | Thế Hiển, Tuy An Tây, Đắk Lắk | 0367877131 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (TTN.CN.005269) | Tiếng anh B1 (E039360) | Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.005265) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0032 | |
| 503 | Đinh Ngọc Minh Hoàng | 052096014053 | 10/9/1996 | | Bình Định, Gia Lai | 140 Võ Duy Dương, Bình Định, Gia Lai | 0981453196 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1026082) | | | | Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0061 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 504 | Lê Hoàng | 052099006492 | 08/3/1999 | | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 08 Hồ Huấn Nghiệp, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0338676404 | Cử nhân luật (A.0003441) | Chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (00134.20) (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0836861) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0122 | |
| 505 | Lê Huy Hoàng | 064091008786 | 25/9/1991 | | xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | 0378037925 | Cử nhân Luật E0053108 | Tiếng anh C A937028 | Tin học B A2046173 | | Học viên tốt nghiệp sĩ quan dự bị | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0026 | |
| 506 | Nguyễn Huy Hoàng | 052098000527 | 08/12/1998 | | Bồng Sơn, Gia Lai | 129 Lê Thanh Nghị, Bồng Sơn, Gia Lai | 0914188379 | Cao đẳng Dược (B1036724) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0017 | |
| 507 | Nguyễn Lê Hoàng | 064302007803 | | 11/8/2002 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Tổ 12, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0935915981 | Cử nhân Luật HCH.6.002854 | | CNTTCB ĐN.I1.0067272 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0082 | |
| 508 | Nguyễn Việt Hoàng | 052200011524 | 06/06/2000 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 223/16/12 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0795706625 | Đại học Dược (7302139) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0118 | |
| 509 | Rơ Mah Hoàng | 064203005939 | 20/01/2003 | | 245/11 Nguyễn Tất Thành, phường Phù Đổng, tỉnh Gia Lai | 245/11 Nguyễn Tất Thành, phường Phù Đổng, tỉnh Gia Lai | 0369720658 | Cao đẳng Điều dưỡng 000899 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0134 | |
| 510 | Tôn Hữu Hoàng | 052094014505 | 10/07/1994 | | Thiện Đức Bắc, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 72 Nguyễn Đình Thụ, Thiện Đức Bắc, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 0966978315 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1026917) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Lơ Pang - cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Mang Yang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0150 | |
| 511 | Trần Văn Hoàng | 052092014663 | 01/12/1992 | | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | 0373575191 | Cao đẳng Điều dưỡng (C002183) | | | | Học viên tốt nghiệp Đào tạo sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0081 | |
| 512 | Vũ Thái Như Hoàng | 64203005919 | 03/01/2003 | | 06 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 06 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0866878729 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học D4903.01399 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0058 | |
| 513 | Đinh Quốc Học | 052201004965 | 23/01/2001 | | Vân Canh, Gia Lai | Canh Lãnh, Vân Canh, Gia Lai | 0395011926 | Cao đẳng ngành dược (A001154) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0052 | |
| 514 | Đoàn Thị Hợi | 052195001681 | | 14/03/1995 | Vân Canh, Gia Lai | Làng Suối Mây, Vân Canh, Gia Lai | 0975228132 | Cao đẳng Dược (B688662) | | | | Người Dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0032 | |
| 515 | Siu Hon | 064097006998 | 20/10/1997 | | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Bôn Chư Knông, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0354023593 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000817 | Tiếng anh B 2992430 | CNTTCB 0594670 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0082 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 516 | Bế Thị Hồng | 064183010412 | | 19/9/1983 | Làng Groi, xã Ya Hội, tỉnh Gia Lai | Làng Groi, xã Ya Hội, tỉnh Gia Lai | 0395445591 | Cao đẳng điều dưỡng A300435 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0126 | |
| 517 | Châu Thị Hồng | 052191015178 | | 02/10/1991 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 11, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0978377509 | Cao đẳng Dược YDC02996 | | | | | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0053 | |
| 518 | Đặng Thị Hồng | 064195009836 | | 20/10/1995 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Số 12 Cách Mạng, TDP 7, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0396427167 | Cao đẳng Dược B717778 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0073 | |
| 519 | Đào Thị Hồng | 052199003582 | | 06/01/1999 | Tuy Phước, Gia Lai | Tân Thuận, Tuy Phước, Gia Lai | 0969902880 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (001374) | Chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (2021B10093) (ĐH Tây Nguyên) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0211508) | | | Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hoà | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa Xét nghiệm | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0089 | |
| 520 | Đoàn Thị Tuyết Hồng | 064196013049 | | 12/01/1996 | An Khê, Gia Lai | 14 Đống Đa, An Khê, Gia Lai | 0338213582 | Đại học Điều dưỡng (000600) | Tiếng anh A2 (041393) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000975) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0040 | |
| 521 | Lê Thị Ánh Hồng | 064195016853 | | 28/8/1995 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0326762627 | Đại học công tác xã hội E0126040 | Tiếng anh B2 ĐT/GC NNN/04392 Đại học Thái Nguyên | CNTTCB 009379 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251014-0058 | |
| 522 | Lê Thị Bích Hồng | 052195000978 | | 06/02/1995 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn phố Trạch, Tuy Phước, Gia Lai | 0964304593 | Đại học ngành điều dưỡng đa khoa (1537997) | Tiếng anh B (A.1514411) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0173147) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0125 | |
| 523 | Mai Thị Hồng | 034196016728 | | 26/10/1996 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 11, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0326162429 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0113512 | Tiếng anh B1 1227/QĐ-ĐHNN 20.12.2017 | Tin học ứng dụng B 0007413 | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kbang | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0062 | |
| 524 | Nay Ly Hồng | 064301008805 | | 19/10/2001 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, Bôn Đê, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | | Đại học Điều dưỡng đa khoa (số hiệu: CN000652) | Tiếng anh A2 BSET2306683 | CNTTCB C00149030 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0037 | |
| 525 | Ngô Thị Hồng | 064302008520 | | 23/8/2002 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Tăng B, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0395084765 | Cử nhân Luật Kinh tế E0048120 | Tiếng anh B1 23.B1.005556 | Tin học cơ bản C00154556 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0144 | |
| 526 | Nguyễn Thị Cẩm Hồng | 052198001376 | | 24/4/1998 | An Nhơn , Gia Lai | 32 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0354856486 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111045) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0051 | |
| 527 | Nguyễn Thị Phương Hồng | 064192008669 | | 18/11/1992 | Thôn Eatul 1, xã DurKmăh, tỉnh Đak Lak | Thôn Iadao, xã Ianan, tỉnh Gia Lai | 0933868655 | Cao đẳng điều dưỡng (B.971115) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2, | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0029 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 528 | Nguyễn Thị Thu Hồng | 64199013346 | | 25/02/1999 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Cây Điệp, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0354727771 | Đại học ngành Luật E0019177 | Tiếng anh B1 22.B1.000871 | CNTTCB C00233707 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251009-0010 | |
| 529 | Nguyễn Thị Thu Hồng | 044195008588 | | 28/02/1995 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0968866213 | Cử nhân Luật DND60120047 | Tiếng anh B A2453717 | CNTTCB 0205971 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0115 | |
| 530 | Trần Thị Thu Hồng | 064198005725 | | 14/11/1998 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | Thôn Tung Blai, xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | 0948121158 | Thạc sĩ Công tác xã hội HPNTHS0069 | Tiếng anh B1 027333 | CNTTCB 0899476 | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251104-0163 | |
| 531 | Trần Thị Như Hợp | 052303012964 | | 07/02/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | 1l đường 31 tháng 3, Quy Nhơn, Gia Lai | 0387914376 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001208) | | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0119 | |
| 532 | Ksor H'Phiơ | 064302013826 | | 29/12/2002 | Bôn Tong Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tong Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0986329053 | Đại học điều dưỡng TTN.CN.004676 | Tiếng anh B1 2023.B1.1505 | CNTTCB 004561 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251014-0090 | |
| 533 | Ksor H'Phương | 064198015169 | | 20/6/1998 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tham, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0385557248 | Cử nhân điều dưỡng A0001175 | Tiếng anh B1 BSET2310132 | CNTTCB 014269 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0104 | |
| 534 | Puih H'Prin | 064196000504 | | 28/02/1996 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Klăh 1, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0349499310 | Cao đẳng điều dưỡng 600483 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0008 | |
| 535 | RÔ H'Puin | 064198010646 | | 13/10/1998 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Pl ơi Apa ơi H'Brui, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0869243701 | Đại học ngành Luật E0004337 | Tiếng anh B1 0032829 | CNTTCB 1294752 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0086 | |
| 536 | Ksor H'Thiê | 064301009741 | | 01/3/2001 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0395886704 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004108 | chứng nhận Tiếng anh B1 141/QĐ-TNU-LIC Trung tâm NN, TH-Đại học Tây Nguyên | CNTTCB TTN.TH.004584 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0022 | |
| 537 | Kpă H'Thủy | 064195012890 | | 16/3/1995 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 7, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0396880969 | Cao đẳng Hộ sinh B934800 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251017-0149 | |
| 538 | Siu H'Troan | 64300005942 | | 15/8/2000 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tong Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0344812909 | Cử nhân điều dưỡng 0162027 | Tiếng anh A2 BSET2311129 | CNTTCB 0051388 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0040 | |
| 539 | Ksor H'Trương | 064195007306 | | 05/5/1995 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jut, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0968371725 | Cao đẳng điều dưỡng B738111 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0010 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 540 | Nay H'Tư | 064188003049 | | 19/02/1988 | Bôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0393509587 | Cao đẳng điều dưỡng LT003714 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0071 | |
| 541 | Ksor Hứ | 064300015206 | | 16/5/2000 | Làng Pít 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Pít 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0353734152 | Cử nhân Điều dưỡng 0000899 | Tiếng anh Bậc A2 BSET2313440 | CNTTCB A1788549 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0112 | |
| 542 | Phạm Lê Huê | 052199008722 | | 26/06/1999 | Phù Cát, Gia Lai | 42A Trần Hưng Đạo, Phù Cát, Gia Lai | 0349287327 | Đại học Dược (PH02129) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0118 | |
| 543 | Trần Thị Ái Huê | 064194006780 | | 04/3/1994 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0355349488 | Cử nhân điều dưỡng 17101577 | Tiếng anh B B112222224 | CNTTCB 1909896 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0109 | |
| 544 | Phan Thị Huế | 064199015835 | | 25/08/1999 | 274/23 Lê Duẩn, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 274/23 Lê Duẩn, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0373977928 | Cử nhân Điều dưỡng E0011609 | Tiếng anh B1 0032145 | Tin học cơ bản 007475 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0033 | |
| 545 | Trần Thị Huế | 037190006769 | | 10/10/1990 | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0372912807 | Cao đẳng Dược A389483 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0072 | |
| 546 | Bùi Thị Thu Huệ | 064195000259 | | 15/10/1995 | 03 Quang Trung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 03 Quang Trung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0333234383 | Cao đẳng Dược B833459 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0067 | |
| 547 | Đặng Thị Kim Huệ | 052197007988 | | 22/08/1997 | Hoài Ân, Gia Lai | An Hoà,Hoài Ân, Gia Lai | 0355846299 | Đại học Dược (030301) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0153 | |
| 548 | Hà Thị Minh Huệ | 052199011159 | | 10/6/1999 | Phù Mỹ, Gia Lai | khu phố Diêm Tiêu, Phù Mỹ, Gia Lai | 0377071688 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (A000493) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0026 | |
| 549 | Lê Đỗ Minh Huệ | 064199006029 | | 12/10/1999 | xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 45 Hồ Xuân Hương, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0935818514 | Cao đẳng Dược C01990 | | | | | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0019 | |
| 550 | Lê Thị Lệ Huệ | 052185009525 | | 20/08/1985 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 47 Xuân Diệu, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0972961078 | Cử nhân Luật Kinh tế (1105168) | Tiếng anh B (A692959) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1153985) | Chứng chỉ Tiếng Dân tộc BANA | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0132 | |
| 551 | Lê Thị Ngọc Huệ | 052302009133 | | 25/02/2002 | Bình An, Gia Lai | Xóm Đông, An Dông, Bình An, Gia Lai | 0774598838 | Cử nhân Điều dưỡng (CN001005) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00124983) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0004 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 552 | Nguyễn Thị Huệ | 067195000070 | | 26/7/1995 | 04 Lê Lợi, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 04 Lê Lợi, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0363646505 | Cử nhân Điều dưỡng 0026659 | Tiếng anh B1 002665/2017 | Tin học ứng dụng B 0007416 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0078 | |
| 553 | Nông Thị Huệ | 066191004238 | | 10/3/1991 | Vân Canh, Gia Lai | Hà Luỹ, Vân Canh, Gia Lai | 0971544048 | Đại học luật (1437643) | Tiếng anh B (A2310996) | Tin học B (B0114261) | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0029 | |
| 554 | Rơ Châm Huệ | 064304015458 | | 04/12/2004 | Làng Al, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | Làng Al, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0981052892 | Cao đẳng Điều dưỡng 600970 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0104 | |
| 555 | Trần Thị Huệ | 037192005125 | | 10/8/1992 | đường Hùng Vương, TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | đường Hùng Vương, TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0376798815 | Cao đẳng Dược A202061 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0074 | |
| 556 | Trần Thị Huệ | 052194016394 | | 12/6/1994 | Vĩnh Hải, Khánh Hoà | Thôn Khánh Nhơn 2, Vĩnh Hải, Khánh Hoà | 0989604823 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (B401276) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0012 | |
| 557 | Trịnh Thị Mỹ Huệ | 052188017844 | | 20/10/1988 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Khu phố Bình Phú, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0966351489 | Đại học dược (NTTDS10104187) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0150 | |
| 558 | Vũ Thị Thanh Huệ | 064188009440 | | 25/8/1988 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 46 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0368587680 | Cao đẳng Dược PA000809 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0104 | |
| 559 | Ksor HUk | 064300010551 | | 01/3/2000 | Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Sol, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0387167689 | Cử nhân Luật QNUA.0000544 | Tiếng anh B1 0000969 | CNTTCB 0001861 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0024 | |
| 560 | Diệp Minh Hùng | 052203011016 | 20/4/2003 | | Bình Định, Gia Lai | 02/19 Quang Trung, Bình Định, Gia Lai | 0979756670 | Đại học công nghệ thông tin (ĐH257427) | Chứng chỉ ACEDEMIC PREPARATORY ENGLISH Summit 2 (No.424/OĐ- | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251103-0131 | |
| 561 | Huỳnh Phi Hùng | 075096021661 | 21/12/1996 | | Trấn Biên, Đồng Nai | 36, Tổ 11B, kp An Bình, Trấn Biên, Đồng Nai | 0946223236 | Đại học Luật (30015789) | Tiếng anh Bậc 3 (DLH1100691 | Chứng chỉ tin học Mos | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0161 | |
| 562 | Nguyễn Trung Hùng | 052203000703 | 06/9/2003 | | Hoài Ân, Gia Lai | 06 Nguyễn Chí Thanh, Hoài Ân, Gia Lai | 0367599057 | Cử nhân Công nghệ phần mềm (7121870) | Tiếng anh CEFR Lever A2 (BSET 2514187) | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Kỹ thuật phần mềm | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251021-0012 | |
| 563 | Lê Quang Hưng | 054091000212 | 16/03/1991 | | Thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, tỉnh Đak Lak | 219 Trần Hưng Đạo, Thôn 2, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi | 0935869339 | Đại học ngành Công nghệ thông tin (1261089) | Tiếng anh B A1478338 | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251007-0002 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 564 | Nguyễn Thị Vĩnh Hưng | 052181018169 | | 19/3/1981 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 131 Trần Đại Nghĩa, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0905882204 | Cử nhân tài chính kế toán (B417881) | Tiếng anh B (B765717) | Tin học B (B172613) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251009-0090 | |
| 565 | Tăng Nhật Hưng | 052201015581 | 20/9/2001 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 11 Trương Minh Giảng, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0377388984 | Cử nhân công nghệ thông tin (QNUA/0000029) | Tiếng anh IELTS 6.0 (VN028) cấp ngày 04/4/2024 | | | | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251022-0133 | |
| 566 | Võ Thanh Hưng | 064096008605 | 17/8/1996 | | xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Lạc, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | 0905118196 | Cử nhân điều dưỡng 7100911 | Tiếng anh B1 0474782 | CNTTNC 0075841 | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0131 | |
| 567 | Đinh Thị Thu Hương | 044183009117 | | 21/02/1983 | Trường THCS Lê Duẩn, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Trường THCS Lê Duẩn, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0387154179 | Trung cấp văn thư hành chính 002793 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Văn thư viên trung cấp | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251105-0011 | |
| 568 | Huỳnh Diệu Hương | 064198002517 | | 22/5/1998 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Hẻm Kpă K Long, tổ 14, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0356720050 | Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0125629 | Tiếng anh B1 0008459 | CNTTNC DND.I2.0002379 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0006 | |
| 569 | Lê Thị Thơm Hương | 064192012903 | | 17/7/1992 | xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Thôn Thái Hà, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0387881443 | Cao đẳng điều dưỡng (B208189) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Tôr | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0057 | |
| 570 | Mai Thị Xuân Hương | 052197001171 | | 16/4/1997 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 169/18/21 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0772539566 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (006619) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0001 | |
| 571 | Nguyễn Lê Việt Hương | 064301010603 | | 05/10/2001 | xã Ia O, tỉnh Gia Lai | Làng Lân, xã Ia O, tỉnh Gia Lai | 0363488339 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0177761 | Tiếng anh B1 041054 | Tin học ứng dụng cơ bản Số hiệu: T0000981 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0021 | |
| 572 | Nguyễn Ngọc Lan Hương | 052195016359 | | 11/05/1995 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 61, khu phố 7, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0965184998 | Cử nhân Quản trị Kinh doanh thương mại (0001495) | Tiếng anh C (A2441750) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0033 | |
| 573 | Nguyễn Quỳnh Hương | 052304003084 | | 09/03/2004 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 1, Kp 3,Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0336762751 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001449) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0023 | |
| 574 | Nguyễn Thị Hương | 024193018451 | | 06/3/1993 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 11, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0962361963 | Cao đẳng điều dưỡng B401179 | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0087 | |
| 575 | Nguyễn Thị Hương | 036194009452 | | 11/8/1994 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 177B lê Đại Hành, tổ 3, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0399678492 | Dược sĩ đại học 025344 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0041 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 576 | Nguyễn Thị Lan Hương | 064195000498 | | 14/5/1995 | 106 Lê Văn Tám, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 106 Lê Văn Tám, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0981619079 | Cao đẳng Dược PA001086 | | | | | Trạm Y tế xã Đăk Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0021 | |
| 577 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 064198004123 | | 20/6/1998 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 70 Nguyễn Văn Trỗi, tổ 4, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0382520360 | Cao đẳng Điều dưỡng B1026135 | | | | | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0126 | |
| 578 | Nguyễn Thị Xuân Hương | 064189005899 | | 30/9/1989 | Thôn 2, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0935239668 | Cử nhân Điều dưỡng TVU.1025399 | Tiếng anh A2 0065187 | CNTTCB 0006201 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0108 | |
| 579 | Phan Thị Hương | 042198010645 | | 22/3/1998 | D12 nhà công vụ Quân đoàn 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | D12 nhà công vụ Quân đoàn 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0346221832 | Cử nhân Điều dưỡng chuyên 000139 | Tiếng anh B1 E03429 | CNTTCB 1314090 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251105-0007 | |
| 580 | Rcom H' Hương | 064301007945 | | 04/10/2001 | 749 Nguyễn Chí Thanh, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 749 Nguyễn Chí Thanh, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0899353160 | Cao đẳng điều dưỡng 600481 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0032 | |
| 581 | Rơ Châm H' Hương | 064194001686 | | 15/4/1994 | xã Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Yang, xã Hrung, tỉnh Gia Lai | 0982389281 | Cao đẳng điều dưỡng (A180419) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 1 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0048 | |
| 582 | Siu Hương | 064301001124 | | 11/12/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Làng Mèo, xã Đak Song, tỉnh Gia Lai | 0962519370 | Cử nhân Điều dưỡng A0005210 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Song | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0112 | |
| 583 | Tạ Thị Hương | 052301015297 | | 01/7/2001 | Bình Hiệp, Gia Lai | Thuận Truyền, Bình Hiệp, Gia Lai | 0345649199 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000587) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0112 | |
| 584 | Tăng Thị Kim Hương | 052303002490 | | 18/11/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Làng Plei Kte Lớn A, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0372541838 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.005257 | Tiếng anh Bậc 3 E.029047 | CNTTCB 019983 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0136 | |
| 585 | Trần Nguyễn Thanh Hương | 052195016504 | | 17/08/1995 | Tây Sơn, Gia Lai | Thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai | 0369874115 | Cao đẳng Điều dưỡng (B640227) | | | | | | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0051 | |
| 586 | Trần Thị Hương | 064193007976 | | 08/8/1993 | TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0396402491 | Cao đẳng điều dưỡng YDC01032 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krêl | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0099 | |
| 587 | Trần Thị Hương | 052196005115 | | 10/8/1996 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Xóm Cửu Cư, Cửu Thành, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0978262057 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B790572) | | | | | Khoa Tim mạch - Nội tiết | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Khám bệnh | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0154 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 588 | Trần Thị Quỳnh Hương | 052193012563 | | 02/3/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Hẻm 156 Tôn Thất Thuyết, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0905352469 | Cử nhân Kế toán 1265537 | Tiếng anh C A1704332 | CNTTCB 1320277 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0059 | |
| 589 | Trần Thị Thu Hương | 052301003608 | | 22/11/2001 | An Nhơn, Gia Lai | 14/9 Trần Quang Diệu, An Nhơn, Gia Lai | 0384182655 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm Y học (CN000856) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.T1.0026221) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251009-0014 | |
| 590 | Ksor H'Ương | 064196014934 | | 22/7/1996 | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0395216140 | Cao đẳng Dược B1111316 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0138 | |
| 591 | Đàm Thị Minh Hường | 064303000890 | | 22/01/2003 | Thôn 4, xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | 0397345418 | Đại học Điều dưỡng 100122 | Tiếng anh B2 BSET2508902 | CNTTCB C00188791 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0096 | |
| 592 | Đinh Thị Thanh Hường | 052194001276 | | 29/9/1994 | An Lão, Gia Lai | Thôn 4, An Lão, Gia Lai | 0383163935 | Đại học dược (D0003037) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251102-0015 | |
| 593 | Lại Thị Diễm Hường | 035199007981 | | 25/7/1999 | Làng Sung Le Tung, xã Ia Đok, tỉnh Gia Lai | Làng Sung Le Tung, xã Ia Đok, tỉnh Gia Lai | 0962064120 | Cử nhân Quản lý nhà nước 004193 | Tiếng anh B2 (không có số hiệu, không có ngày cấp) TT ngoại ngữ, tin học EduViet | CNTTCB 0008006 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0167 | |
| 594 | Nguyễn Thị Hường | 064190003507 | | 07/11/1990 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 149/1 Tôn Thất Tùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0963249513 | Cử nhân điều dưỡng TVU.031477 | Tiếng anh B A2786907 | CNTTCB 0463005 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0119 | |
| 595 | Nguyễn Thị Thu Hường | 064197005364 | | 26/01/1997 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Cây Điệp, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | '0797761234 | Cử nhân Quản lý nhà nước 299392 | Tiếng anh C A3253298 | CNTTCB 0762533 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0055 | |
| 596 | Nguyễn Thuý Hường | 052302004395 | | 11/11/2002 | Phù Cát, Gia Lai | Xóm Tân, thôn Phong An, Phù Cát, Gia Lai | 0363384766 | Đại học Luật (QNUA/0002445) | Tiếng anh Chứng chỉ TOEIC 490 (052302004395) cấp ngày 26/4/2024 IIG Việt Nam | Ứng dụng CNTT cơ bản (0010606) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0161 | |
| 597 | Trần Thị Thu Hường | 052193001913 | | 13/04/1993 | Bình An, Gia Lai | Đội 5, Vân Tường, Bình An, Gia Lai | 0973265443 | Cao đẳng Điều dưỡng (B401180) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0041 | |
| 598 | Bùi Đức Huy | 052098002537 | 15/9/1998 | | An Hoà, Gia Lai | 75 Võ Giữ, An Lão, Gia Lai | 0362915300 | Cao đẳng ngành dược (000576) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0145 | |
| 599 | Huỳnh Ngọc Hoàng Huy | 052202002983 | 16/07/2002 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 89 Chế Lan Viên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0886094640 | Cử nhân Luật (E0048035) | Tiếng anh B1 (E16951) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00101565) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0054 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 600 | Nguyễn Ngọc Huy | 052098009671 | 01/5/1998 | | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 4, Bình An 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0369690273 | Cử nhân quản lý nhà nước (A.0003382) | Cử nhân ngôn ngữ anh (QNUA/0001433) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0000771) | | | Phòng Tổ chức - hành chính | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Phòng Tổ chức - hành chính | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0045 | |
| 601 | Nguyễn Xuân Huy | 064089001769 | 02/05/1989 | | Đăk Pơ, Gia Lai | Thôn 2, Đăk Pơ, Gia Lai | 0925838181 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng (193823) | Tiếng anh trình độ B (No: 0.395/ĐN) | Tin học B (No: 0.391/ĐN) | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251015-0024 | |
| 602 | Phạm Hữu Huy | 052094011368 | 19/08/1994 | | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Tấn Thạnh 1, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0814466965 | Đại học Quản lý nhà nước (1324593) | Tiếng anh B (A2442369) | Tin học B (A1308079) | | Con thương binh | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0111 | |
| 603 | Phạm Xuân Huy | 064201010660 | 10/10/2001 | | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Làng Bot Grek, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0941543320 | Cử nhân Quản trị kinh doanh B015911 | Tiếng anh B2 C025946 | MOS word, excel, pp | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0040 | |
| 604 | Thái Đồng Quang Huy | 052200011993 | 20/4/2000 | | Ngô Mây, Gia Lai | Xóm 4, thôn Phú Hậu, Ngô Mây, Gia Lai | 0867861017 | Đại học ngành xã hội học (30019319) | Tiếng anh B2 (2826674) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202400947) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Xã hội học | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251010-0009 | |
| 605 | Nguyễn Thị Huyên | 064187004999 | | 05/01/1987 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 45 đường 17/3, thôn 6, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0977335116 | Cử nhân Luật kinh tế 71428/BSĐH | Tiếng anh B A2392615 | Tin học ứng dụng B 0328142 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Chư Pưh | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0119 | |
| 606 | Nguyễn Thị Út Huyên | 052198004577 | | 10/11/1998 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 109G Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0342215943 | Đại học dược (DU000239) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm y tế xã Canh Vinh | Trung tâm Y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0005 | |
| 607 | RMah H' Huyên | 064302011441 | | 15/6/2002 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Amarin 3, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0378174898 | Cao đẳng điều dưỡng 600486 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0073 | |
| 608 | Võ Thị Thu Huyên | 064301009685 | | 08/02/2001 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng De Lung 1, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0339536154 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003152 | Tiếng anh B 2022.B1.1449 | Tin học cơ bản TTN.TH.003570 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0100 | |
| 609 | Nay H'Uyên | 064198000162 | | 27/3/1998 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0364872357 | Cử nhân Luật kinh tế B005452 | Tiếng anh Bậc 3 C005113 | CNTTCB 002090 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0133 | |
| 610 | Bùi Thị Lệ Huyền | 052194012714 | | 05/01/1994 | Bình Định, Gia Lai | Nhơn Nghĩa Tây, Bình Định, Gia Lai | 0963243034 | Cử nhân điều dưỡng (0003691) | Tiếng anh B (A7606648) | Tin học B (A4608779) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0059 | |
| 611 | Đặng Thị Thu Huyền | 052196015186 | | 15/02/1996 | Canh Vinh, Gia Lai | Đối diện 44 Nguyễn Tư, Quy Nhơn, Gia Lai | 0397120388 | Cử nhân Quản lý nhà nước (006003) | Tiếng anh B (A739049) | Ứng dụng CNTT B (A793829) | | Người Dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0125 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 612 | Đinh Thị Huyền | 052303001627 | | 21/8/2003 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Thôn M6, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0325039546 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001423) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0050 | |
| 613 | Dương Thị Minh Huyền | 052195015012 | | 24/12/1995 | Phù Mỹ, Gia Lai | 217 Chu Văn An, Phù Mỹ, Gia Lai | 0339753095 | Cử nhân điều dưỡng (1662304) | Tiếng anh C (A3142265) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0054271) | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0152 | |
| 614 | Hồ Thị Huyền | 064195001323 | | 25/9/1995 | xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi | 63/121 Tuệ Tĩnh, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0963752581 | Cao đẳng điều dưỡng B737086 | | | | | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0098 | |
| 615 | Hoàng Thị Huyền | 044191010502 | | 16/02/1991 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 24 Nơ Trang Long, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0965341369 | Cử nhân điều dưỡng TUD1000847 | Tiếng anh B1 12301312 | CNTTCB 1911450 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0081 | |
| 616 | Huỳnh Thị Huyền | 064193006206 | | 16/10/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 56 Nguyễn Du, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0978803735 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học TVU.1.013343 | Tiếng anh B A988570 | Tin học ứng dụng B A733173 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0175 | |
| 617 | Lê Thị Huyền | 064303000300 | | 10/01/2003 | 119 Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 119 Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0865772337 | Cử nhân Điều dưỡng CN001676 | | CNTTCB C00152168 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0041 | |
| 618 | Nguyễn Lê Khánh Huyền | 054302000371 | | 15/09/2002 | Tây Hoà, Đắk Lắk | Thôn Xuân Thạnh 2, Tây Hoà, Đắk Lắk | 0339893273 | Cử nhân Quản lý nhà nước (DND.6.0187043) | | | Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ (9168/K100725/SGT-CC) | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Trung cấp văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251013-0006 | |
| 619 | Nguyễn Thị Huyền | 064197011718 | | 01/5/1997 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 167 Ngô Mây, thôn 5, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0336047894 | Cao đẳng Dược A000404 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0073 | |
| 620 | Nguyễn Thị Huyền | 064195013900 | | 28/10/1995 | 126/1/2 Tô Vĩnh Diện, tổ 12, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 126/1/2 Tô Vĩnh Diện, tổ 12, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0349481573 | Cử nhân Điều dưỡng 1525601 | Tiếng anh Bậc 3 A2431943 | CNTTCB 0178072 | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0076 | |
| 621 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 064188010908 | | 22/4/1988 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 814 Phạm Văn Đồng, tổ 1, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0905672331 | Cử nhân Quan hệ quốc tế 00315065 | Tiếng anh B 596786 | Giấy chứng nhận tin học | | Con thương binh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quan hệ quốc tế | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0125 | |
| 622 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 064301003918 | | 29/4/2001 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn 5, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0867450242 | Cử nhân Luật BS.UL.B.0011071 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0120 | |
| 623 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 064302004686 | | 05/12/2002 | Kông Bơ La, Gia Lai | 152/12/6 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0358152432 | Đại học Công nghệ thông tin chuyên ngành mạng máy tính (QNUA/0001858) | Tiếng anh Bậc 3 (0005056) | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251008-0019 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 624 | Nhữ Nguyễn Thanh Huyền | 064303015657 | | 05/10/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | 200 Bùi Xuân Phái, Quy Nhơn, Gia Lai | 0917265747 | Cử nhân Luật (QNU A/0004116) | Tiếng anh Bậc 3 (0007165) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0010181) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0064 | |
| 625 | Trần Thị Huyền | 040189029397 | | 05/6/1989 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Hẻm 243 Lê Đại Hành, tổ 3, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0962277142 | Cử nhân Kế toán 0044515 | GXN Tiếng anh A2 cấp 29/10/2025 TT GDNN thuộc Học viện ANND | CNTTCB C00206129 cấp 16/10/2025 TT ngoại ngữ, tin học EduViet | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0139 | |
| 626 | Trần Thị Huyền | 052193010335 | | 20/6/1993 | Phù Mỹ, Gia Lai | 78 Nguyễn Thị Minh Khai, Phù Mỹ, Gia Lai | 0358439249 | Đại học luật DHH.CC.0001092) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Quản trị văn phòng | | | | Cán sự | 01.004 | H21.19-251031-0109 | |
| 627 | Trần Thị Thanh Huyền | 052187007983 | | 18/12/1987 | Quy Nhơn, Gia Lai | Làng trẻ em SOS Quy Nhơn, 02 Hồ Văn Huê, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0788686439 | Đại học tiếng anh (00194701) | Đại học tiếng anh | Tin học A (A0246619) | Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ (VTLT/2023/115 | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251027-0018 | |
| 628 | Trần Thị Thu Huyền | 064304014601 | | 13/6/2004 | TDP 6, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0356906194 | Cao đẳng Dược 003434 | | | | | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0063 | |
| 629 | Triệu Thị Huyền | 004198006070 | | 01/4/1998 | phường An Phú, TPHCM | 4/1 KP Bình Phước A, phường An Phú, TPHCM | 0385752665 | Đại học Quản lý nhà nước 004195 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0076 | |
| 630 | Võ Thị Ngọc Huyền | 052301007395 | | 12/04/2001 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | An Hoà 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0363548823 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001017) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0111 | |
| 631 | Lê Văn Huynh | 064092006309 | 26/02/1992 | | xã Iap Nôn, tỉnh Gia Lai | 63/5 Út Tịch, tổ 3, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0346848181 | Cao đẳng điều dưỡng B205037 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0083 | |
| 632 | Rah Lan H'Vương | 064194014089 | | 22/9/1994 | Buôn Chư Jú, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jú, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0357849354 | Cao đẳng điều dưỡng B649355 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0079 | |
| 633 | Rơ Lan H'Xanh | 064188001928 | | 09/10/1988 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Trol Đeng, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0398850341 | Cao đẳng điều dưỡng YDC01019 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0059 | |
| 634 | Nay H'Yang | 064196005438 | | 15/5/1996 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 19 Hoàng Văn Thái, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0344945360 | Cử nhân Điều dưỡng 1700099 | Tiếng anh A2 4281969 | CNTTCB 0014808 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0056 | |
| 635 | Rơ Ô H'Yên | 064193005727 | | 06/5/1993 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0975529815 | Cao đẳng Hộ sinh B634477 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng hộ sinh | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251023-0064 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 636 | RCôm H'Yến | 064301015803 | | 20/3/2001 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0366216453 | Cử nhân điều dưỡng (chuyên ngành Gây mê hồi sức) CM001247 | miễn ngoại ngữ | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0092 | |
| 637 | Rmah H'Yến | 064302011781 | | 11/4/2002 | Làng Grai Mek, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Grai Mek, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0977471662 | Cử nhân điều dưỡng A0003907 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0114 | |
| 638 | HYưng | 064202001570 | 01/01/2002 | | xã Hra, tỉnh Gia Lai | Làng Bok Ayok, xã Hra, tỉnh Gia Lai | 0794616571 | Cao đẳng Điều dưỡng 600496 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Lơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0087 | |
| 639 | Jim | 064099014707 | 29/3/1999 | | Thôn Tuơh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Tuơh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0334721753 | Cao đẳng điều dưỡng 000366 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Gang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0122 | |
| 640 | Nay H' Jin | 064194010124 | | 11/4/1994 | Plơi Apa ama đă, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa ama đă, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0963721219 | Cử nhân thực hành điều dưỡng (C01682) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251018-0006 | |
| 641 | Jinh | 064096003057 | 08/3/1996 | | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Tuơh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0354041643 | Cao đẳng điều dưỡng B1025712 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0054 | |
| 642 | Nay H' Joanh | 064197016041 | | 30/10/1997 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa ơi H' Trông, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0981462153 | Cao đẳng điều dưỡng B1026086 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0070 | |
| 643 | Jừng | 064201015237 | 11/3/2001 | | Làng Djeơng, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Làng Djeơng, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0369743776 | Cử nhân Y tế công cộng CN000898 | | CNTTCB C00141338 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251103-0052 | |
| 644 | Sôn Ny Ka | 064200013960 | 27/5/2000 | | xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Thôn Djrông, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0337370678 | Cử nhân Y tế công cộng 001528 | Toiec ngày cấp 20/10/2025 | CNTTCB 002624 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251028-0034 | |
| 645 | R' Ô H' Kai | 064300012138 | | 31/5/2000 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa Ama H'Lăk, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0362616157 | Đại học Công tác xã hội TDLB002423 | Tiếng anh B1 B13312 | CNTTCB TDLCI001825 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251029-0077 | |
| 646 | kSor H' Kang | 064195012084 | | 18/10/1995 | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0962648851 | Cao đẳng Dược B888268 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0052 | |
| 647 | Kha | 064303003545 | | 10/4/2003 | xã Hra, tỉnh Gia Lai | Làng K'Dung, xã Hra, tỉnh Gia Lai | 0357127408 | Cao đẳng điều dưỡng (600685) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0071 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 648 | Nguyễn Thị Kha | 052191001846 | | 10/02/1991 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 06 Xuân Diệu, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0374844941 | Đại học Luật (E0015463) | Tiếng anh B (A420891) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0364910) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0013 | |
| 649 | Phan Văn Kha | 052095007323 | 18/04/1995 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 10 Võ Văn Tần, Quy Nhơn, Gia Lai | 0969776901 | Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường (501355) | Tiếng anh Bậc 3 (E6000112) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0003769) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | | | | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251020-0005 | |
| 650 | Hồ Đắc Khải | 064202006495 | 15/01/2002 | | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP Tân Sơn, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0702693157 | Đại học Kế toán E0053556 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Kông Chro | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251010-0065 | |
| 651 | Mai Văn Khải | 064203015820 | 27/6/2003 | | Đức Cơ, Gia Lai | 353 Quang Trung, Đức Cơ, Gia Lai | 0368193004 | Cao đẳng công nghệ thông tin (CKC.A.0010102) | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251021-0123 | |
| 652 | Đinh Văn Khang | 052200010800 | 01/09/2000 | | Kim Sơn, Gia Lai | Thôn T2, Kim Sơn, Gia Lai | 0339255631 | Đại học Quản lý nhà nước (QNU A.0000509) | Tiếng anh B1 (0001568) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002437) | | Người Dân tộc thiểu số | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Phòng Tổ chức - Hành chính | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0049 | |
| 653 | Đinh Thị Khánh | 052197000246 | | 12/12/1997 | An Vinh, Gia Lai | Thôn 3 An Dũng, An Vinh, Gia Lai | 0967905308 | Cử nhân quản lý nhà nước (A.0000224) | Tiếng anh C (A.3164880) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0836251) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0044 | |
| 654 | Lê Ngọc Khánh | 052094008145 | 11/4/1994 | | Canh Vinh, Gia Lai | Suối Đá, Canh Vinh, Gia Lai | 0386897760 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B639948) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0138 | |
| 655 | Phan Gia Khánh | 052201006765 | 24/10/2001 | | Phù Mỹ, Gia Lai | Trung Thành 3, Phù Mỹ, Gia Lai | 0375596787 | Cao đẳng Dược (A001108) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0063 | |
| 656 | Rơ Mah Khech | 64304015851 | | 05/5/2004 | xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | Làng, Hát, xã Ia Pia, tỉnh Gia Lai | 0769403902 | Cao đẳng điều dưỡng 600960 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Pia | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tor | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0057 | |
| 657 | Rơ Mah Khek | 064302009568 | | 15/02/2002 | Làng Pong, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | Làng Pong, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | 0396750075 | Cao đẳng điều dưỡng 600695 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0107 | |
| 658 | Nguyễn Thị Khiêm | 054195005425 | | 22/12/1995 | Sông Cầu, Đắk Lắk | Hoà An, Xuân Cảnh, Đắk Lắk | 0975358019 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B90634267/CĐYT) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0049 | |
| 659 | Ksơr H' Khó | 064198008455 | | 26/6/1998 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jut, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0382917247 | Cử nhân Luật 1705419 | Tiếng anh B1 E06402 | CNTTCB 1314219 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0024 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 660 | Nguyễn Lê Quý Khoa | 052301000875 | | 14/01/2001 | Quy Nhơn, Gia Lai | 11A Nguyễn Thượng Hiền, Quy Nhơn, Gia Lai | 0347369777 | Cử nhân Luật kinh tế (MBS60016988) | Chứng chỉ TOEIC (052301000875) NC: 06/11/2023 | Ứng dụng CNTT cơ bản | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0068 | |
| 661 | Khoang | 64198015174 | | 02/9/1998 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | đường Hai Bà Trưng, TDP2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0335101041 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 001368 | GCN năng lực tiếng anh 2021B10121 ĐH Tây Nguyên | CNTTCB 0211522 ĐH Tây Nguyên | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Mang Yang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251009-0039 | |
| 662 | Ksor Khơm | 064091002847 | 25/12/1991 | | Kla Khơm, Buôn Toát, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Kla Khơm, Buôn Toát, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0325283565 | Cử nhân Điều dưỡng 1130192 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0014 | |
| 663 | Hồ Thị Bích Khương | 052199008066 | | 16/11/1999 | Quy Nhơn, Gia Lai | Tổ 48, khu phố 9A, Quy Nhơn, Gia Lai | 0373400318 | Đại học Luật (A.0006299) | Tiếng anh Bậc 3 (00438.20) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0004525) | | | Phòng Tổ chức - hành chính | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Phòng Tổ chức - hành chính | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0077 | |
| 664 | Rơ Châm Khúy | 064303008116 | | 11/6/2003 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Mrông Yố 1, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0362886305 | Cao đẳng Điều dưỡng 600972 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0095 | |
| 665 | Ksor Khuyên | 064201001856 | 02/12/2001 | | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Ia Rniu, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0355852890 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004674 | Tiếng anh A2 BSET2516511 | CNTTCB TTN.TH.004516 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tếIa Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0036 | |
| 666 | Rơ Mah H' Khuyên | 064300006500 | | 29/12/2000 | Làng Klũh Yêh, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Klũh Yêh, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0335053629 | Cử nhân Quản lý nhà nước 0006701 | Tiếng anh Bậc 3 0001575 | CNTTCB 0002950 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0053 | |
| 667 | Đinh Thị Kiên | 052302011325 | | 02/01/2002 | Canh Liên, Gia Lai | 88/10 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0365316007 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001018) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0149 | |
| 668 | Ksor H' Kiên | 064300010458 | | 30/12/2000 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu Ama Miơng, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0356055771 | Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0155712 | | CNTTNC 0009747 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0102 | |
| 669 | Lê Thị Kim Kiên | 052199000773 | | 02/3/1999 | An Lão, Gia Lai | Thôn Trà Cong, An Hoà, Gia Lai | 0374353332 | Cao đẳng ngành Dược (000578) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0064 | |
| 670 | Ngô Hồ Bảo Kiên | 052201016599 | 20/06/2001 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 19 Phạm Thế Hiển, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0869098671 | Đại học Dược (DND.6.0171113) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0127 | |
| 671 | Trần Mạnh Kiên | 064086001217 | 14/5/1986 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 65 Trần Hưng Đạo, tổ 23, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0977725556 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học A000655 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0074 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 672 | Nguyễn An Kiệt | 052203005299 | 16/3/2003 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 61/25 Võ Mười, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0888836359 | Đại học công nghệ thông tin (số hiệu: 0181740) | Tiếng anh B1 (C5005311) | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251030-0040 | |
| 673 | Châu Thị Kiều | 052197009272 | | 10/01/1997 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Khu phố Nhơn Thuận, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0972558507 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (2186) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0003 | |
| 674 | Châu Thị Thúy Kiều | 052199014117 | | 21/6/1999 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 56 Hùng Vương, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0708062799 | Cao đẳng Dược 000651 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0114 | |
| 675 | Đoàn Thị Xuân Kiều | 052302010428 | | 20/11/2002 | Canh Vinh, Gia Lai | Hiệp Hưng, Canh Vinh, Gia Lai | 0948829452 | Cao đẳng Dược (A001130) | | | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0082 | |
| 676 | Dương Thuý Kiều | 052199008122 | | 29/4/1999 | Vạn Đức, Gia Lai | Năng An, Vạn Đức, Gia Lai | 0911741245 | Đại học tài chính ngân hàng (DND.6.0146113) | CEFR A2 (BSET 2504438) Viện khoa học quản lý giáo dục | Chứng nhận Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.12.0008288) ĐH Đà Nẵng | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251102-0016 | |
| 677 | Nguyễn Thúy Kiều | 064302012759 | | 01/02/2002 | xã Ayun, tỉnh Gia Lai | Nhơn Bông, xã Ayun, tỉnh Gia Lai | 0396500112 | Cử nhân Luật kinh tế E0048288 | Tiếng anh Bậc 3 23.B1.001685 | CNTTCB C00243703 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0106 | |
| 678 | Sầm Thúy Kiều | 064199004804 | | 01/01/1999 | xã Sơn Lang, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Sơn Lang, tỉnh Gia Lai | 0355248419 | Cao đẳng Dược YDC02230 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đăk Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sơn Lang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0087 | |
| 679 | Thái Thị Mỹ Kiều | 052189014673 | | 14/02/1989 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Thọ Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0777500091 | Cử nhân điều dưỡng (E0143705) | Tiếng anh C (A1559379) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0915334) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0009 | |
| 680 | Trần Thị Kiều | 052301003049 | | 10/4/2001 | An Nhơn Đông, Gia Lai | 33 DT631 Thuận Thái ,An Nhơn Đông, Gia La | 0356242207 | Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng (CN000509) | Tiếng anh Bậc 3 (09537) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0046502) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0043 | |
| 681 | Đào Thị Kim | 040189025559 | | 18/6/1989 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 2, Khu vực 3, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0374660198 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (00193381) | | | | | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0078 | |
| 682 | Trần Mỹ Kim | 052302012479 | | 10/11/2002 | Quy Nhơn, Gia Lai | Khu Phố 34, Quy Nhơn, Gia Lai | 0977989140 | Cao đẳng kỹ thuật y phục hồi chức năng (PNTA00160) | | | | | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0099 | |
| 683 | Ksor H' Kin | 064197002838 | | 06/02/1997 | Bôn Tul, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Tul, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0348247605 | Cử nhân Điều dưỡng 001843 | Tiếng anh B1 2021B10125 | CNTTCB 2210504 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0072 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 684 | Siu Klời | 064095009485 | 10/7/1995 | | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 2, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0373149133 | Cao đẳng Dược B688553 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0054 | |
| 685 | Rmah Kôla | 064196000793 | | 07/01/1996 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | xã Plei Amarin 3, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0916551830 | Cao đẳng Công nghệ thông tin (B677147) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251103-0078 | |
| 686 | Rơ Mah Kra | 064303006299 | | 03/4/2003 | Làng Lang, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | Làng Lang, xã Ia Dok, tỉnh Gia Lai | 0968739095 | Cao đẳng điều dưỡng 600688 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0108 | |
| 687 | Hkuit Ksơr | 066193004283 | | 11/4/1993 | xã Ia Chía, tỉnh Gia Lai | Làng Beng, xã Ia Chía, tỉnh Gia Lai | 0375916375 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00739 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Chía | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia O | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0132 | |
| 688 | Rơ Châm Kưh | 064304014336 | | 25/4/2004 | Làng Kép II, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | Làng Kép II, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0358341167 | Cao đẳng Điều dưỡng 600973 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0111 | |
| 689 | Ksor Lai | 064093011876 | 12/02/1993 | | Buôn Sai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Sai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0972395008 | Cao đẳng Điều dưỡng B639860 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0031 | |
| 690 | Lê Thị Lam | 054196005387 | | 02/3/1996 | Phú Hoà 2, Đắk Lắk | 140 Võ Duy Dương, Bình Định, Gia Lai | 0348884197 | Cao đẳng ngành dược (B906245) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0060 | |
| 691 | Trần Thị Thuỳ Lâm | 052198010158 | | 26/3/1998 | Tam Quan, Gia Lai | Tân An, Tam Quan, Gia Lai | 0981217249 | Đại học luật (TDLB000640) | Tiếng anh Bậc 3 (B11918) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0684517) | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0056 | |
| 692 | Đặng Thị Lắm | 052197006204 | | 20/6/1997 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Quang Nghiễm, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0393809087 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0005632) | Tiếng anh B1 (0028150) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1294230) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0066 | |
| 693 | Trương Thị Lắm | 052194000908 | | 08/3/1994 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 144 Quang Trung, Tam Quan, Gia Lai | 0968897900 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640040) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0023 | |
| 694 | Đào Đặng Phương Lan | 049303006843 | | 24/07/2003 | Bàn Thạch, Đà Nẵng | 22 Hồ Nghinh, Bàn Thạch, Đà Nẵng | 0333122383 | Đại học Luật DHH.6.C.0009552 | Tiếng anh B1 (24.B1.001268) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00202863) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0029 | |
| 695 | Dương Ngọc Lan | 064199006979 | | 24/7/1999 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Thôn Drok, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0965311470 | Cử nhân Điều dưỡng A0000368 | Tiếng anh A2 BSET2515996 | Tin học ứng dụng ngành điều dưỡng Đại học Đông Á | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0030 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 696 | Hoàng Thị Ngọc Lan | 064196000196 | | 12/11/1996 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 173 Hùng Vương, thôn 3, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0372510079 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học TVU024151 | Tiếng anh B1 0003726 | CNTTCB 0001085 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251013-0004 | |
| 697 | Kpă Mai Lan | 64198011419 | | 01/8/1998 | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0984355279 | Cử nhân điều dưỡng A0000358 | Tiếng anh A2 BSET2421283 | CNTTCB C00187215 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0103 | |
| 698 | Ksor H' Lan | 064198008093 | | 06/5/1998 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu Ama Nher 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0773585346 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0000490 | Tiếng anh B1 01116.19 | CNTTCB 0836039 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0076 | |
| 699 | Lê Thị Lan | 040183033057 | | 15/5/1983 | Thôn 4, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0974124226 | Đại học Kế toán 0020171 | Tiếng anh B TA6-K3 | Tin học A 25/1449 | | con thương binh | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0004 | |
| 700 | Lê Thị Châu Lan | 052189000671 | | 10/12/1989 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Đại Thạnh, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0377972222 | Đại học kế toán (314524) | Tiếng anh B (A108618) | Tin học B (0487384) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0094 | |
| 701 | Lữ Thị Lan | 038194012659 | | 12/12/1994 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 342 Hùng Vương, TDP 2, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0369121294 | Cao đẳng Dược YDC00183 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0120 | |
| 702 | Nay H' Lan | 064302008905 | | 25/02/2002 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 96 Bà Triệu, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0388270219 | Cử nhân Quản lý nhà nước DHH.6.C.0007577 | Tiếng anh B1 BC20000244065 | CNTTCB 013768 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0059 | |
| 703 | Ngô Thị Mai Lan | 064300013682 | | 17/9/2000 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Nhơn Phú, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0364288801 | Cử nhân Điều dưỡng A002422 | | CNTTCB C00189369 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0036 | |
| 704 | Nguyễn Thị Lan | 066189001110 | | 12/5/1989 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | Tổ 6, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0379187864 | Cao đẳng Điều dưỡng VCI0008292 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0129 | |
| 705 | Nguyễn Thị Lan | 064302014027 | | 14/3/2002 | Thôn 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0376503462 | Đại học Luật HLU015428 | Tiếng anh Bậc 4 A007619 | Tin học cơ bản 0014158 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0028 | |
| 706 | Nguyễn Thị Lan | 052300007289 | | 16/3/2000 | An Nhơn Đông, Gia Lai | 181 Tôn Thất Tùng, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0388869668 | Đại học Luật (QNUA.0002318) | Tiếng anh Bậc 3 (0000134) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002959) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0142 | |
| 707 | Rmah Lan | 064301000838 | | 16/7/2001 | TDP 3, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0344582540 | Cử nhân Luật QNUA/0002034 | Tiếng anh Bậc 4 0007191 | CNTTCB 0006118 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0028 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 708 | Trịnh Thị Như Lan | 052195013982 | | 20/8/1995 | Bình Hiệp, Gia Lai | Phú Hưng, Bình Hiệp, Gia Lai | 0862516967 | Đại học dược (02287) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0082 | |
| 709 | Võ Thị Mỹ Lan | 052193014191 | | 20/10/1993 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 192 Phan Đình Phùng, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0989646811 | Cao đẳng điều dưỡng B640000 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0086 | |
| 710 | Nguyễn Hữu Lân | 048072005407 | 16/8/1972 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 35/38 Nguyễn Hữu Huân, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0914170759 | Kỹ sư Công nghệ thông tin C229571 | Tiếng anh B B44827 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251014-0121 | |
| 711 | Lanh | 064196001893 | | 30/5/1996 | xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai | Làng Om, xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai | 035353012 | Cao đẳng điều dưỡng A000027 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0087 | |
| 712 | Đặng Thị Lành | 052188003826 | | 21/12/1988 | An Nhơn Nam, Gia Lai | 450 Võ Nguyễn Giáp, Phú Sơn, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0976290349 | Cao đẳng Dược (C0000370) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0118 | |
| 713 | Ksor H' Lành | 064199009026 | | 24/8/1999 | 22 Nguyễn Văn Trỗi, TDP 6, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 22 Nguyễn Văn Trỗi, TDP 6, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0988243824 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học 001311 | GXN Tiếng anh B1 06/GXN/EDUVIET (Trung tâm ngoại ngữ, tin học | CNTTNC số hiệu: 000138 ĐH Nam Cần Thơ | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0119 | |
| 714 | Đỗ Xuân Lập | 052200003879 | 03/12/2000 | | Lơ Pang, Gia Lai | Làng Chuk, Lơ Pang, Gia Lai | 0833022577 | Cao đẳng Điều dưỡng (A000044) | | | | | Trạm Y tế xã Lơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Chiêng cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Mang Yang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0128 | |
| 715 | Hồ Thị Lập | 040300026505 | | 25/6/2000 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0339990008 | Cử nhân công tác xã hội LDXH018110 | | CNTTNC QH54202001416 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251017-0154 | |
| 716 | Nguyễn Hoàng Lập | 052095000759 | 20/08/1995 | | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Vĩnh Thái, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0971571879 | Cử nhân Kế toán (1337957) | Tiếng anh C (3318820) | Ứng dụng CNTT B (0172796) | Tiếng dân tộc Bana (00042548) | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Mang Yang | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0069 | |
| 717 | Ksor H' Lê | 064196010379 | | 16/6/1996 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Krol, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0397664135 | Cử nhân Luật A0003447 | Tiếng anh B1 1039.CNTA.2021 | CNTTCB 1102392 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0080 | |
| 718 | Ksor H' Lê | 064301011846 | | 11/8/2001 | Buôn Ia Jip, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Jip, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0336002930 | Cử nhân Luật E0033677 | Tiếng anh Bậc 3 32.B1.000670 | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0029 | |
| 719 | Trần Thị Lê | 064193013865 | | 03/8/1993 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Tiến, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0393869109 | Cao đẳng điều dưỡng A182863 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0039 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 720 | Bùi Thị Mỹ Lệ | 052197004739 | | 20/11/1997 | An Nhơn, Gia Lai | Hoà Phong, An Nhơn, Gia Lai | 0384255394 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B.1025806) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0111 | |
| 721 | Đinh Thị Mỹ Lệ | 052199000557 | | 27/02/1999 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 890 Bà Triệu, Tài Lương 2, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0869289897 | Cao đẳng Dược (000536) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251018-0005 | |
| 722 | Lương Thị Lệ | 064195008524 | | 05/3/1995 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Thôn Sơn Bình, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0773750225 | Cử nhân thực hành Dược BC00921 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm y tế Krông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0007 | |
| 723 | Nguyễn Thị Bích Lệ | 052301010010 | | 08/06/2001 | Tuy Phước, Gia Lai | Đội7, Hưng Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0356741467 | Cao đẳng Điều dưỡng (A000583) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0112 | |
| 724 | Nguyễn Thị Nhật Lệ | 064194007801 | | 20/04/1994 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | Làng Hlengol, xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 0987661437 | Cử nhân thực hành Dược A000077 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0044 | |
| 725 | Phan Thị Hồng Lệ | 064191001232 | | 02/3/1991 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 65 Trần Hưng Đạo, tổ 23, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 096479679 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000826 | Tiếng anh C A3243058 | CNTTCB 1068687 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0084 | |
| 726 | Trần Nhật Lệ | 064199009959 | | 10/11/1999 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 925 Quang Trung, tổ 7 An Phú, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0392668542 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học E0011666 | | | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251010-0051 | |
| 727 | Nay H Mi Lia | 064301008087 | | 11/01/2001 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu ama Nher, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0385156887 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học 003158 | chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 70/QĐ-TNU-LIC ĐH Tây Nguyên | CNTTCB TTN.TH.003990 ĐH Tây Nguyên | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Kbang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251024-0114 | |
| 728 | Ksor H' Liế | 064194013652 | | 15/10/1994 | TDP 3, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0394065945 | Cao đẳng điều dưỡng B649285 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0079 | |
| 729 | Ksor H' Liêm | 064300007016 | | 16/02/2000 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0357498162 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA/0000508 | Tiếng anh B1 0001599 | CNTTCB 0004121 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0078 | |
| 730 | Mai Thị Thanh Liêm | 052197009940 | | 12/12/1997 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Tân Dương, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0964249391 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A000711) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0022 | |
| 731 | Ksor H' Liên | 064302012642 | | 05/11/2002 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Jú, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0327089226 | Cao đẳng điều dưỡng 600489 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0021 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 732 | Lê Thị Kim Liên | 052193005418 | | 07/6/1993 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Khu phố Tân Dương, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0367559890 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000019) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0031 | |
| 733 | Nguyễn Thị Liên | 066303002843 | | 28/01/2003 | xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Bông, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0334324971 | Cử nhân Xét nghiệm y học YKV.CN.001955 | Tiếng anh B1 56706955 | CNTTCB 023641 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0078 | |
| 734 | Nguyễn Thị Bích Liên | 064197003370 | | 02/10/1997 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 1905 Quang Trung, tổ 2, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0963613219 | Cử nhân Điều dưỡng 1700110 | Tiếng anh C A3216517 | CNTTCB 0014811 | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0005 | |
| 735 | Nguyễn Thị Ngọc Liên | 064303002903 | | 04/02/2003 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | K179/H12/7 Nguyễn Hải Linh, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng | 0362498093 | Cử nhân Điều dưỡng CN001680 | | CNTTCB C00192236 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251105-0092 | |
| 736 | Phạm Thị Bích Liên | 064199001057 | | 10/11/1999 | 103 Quảng Trung, TDP 4, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 103 Quảng Trung, TDP 4, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0394321190 | Cao đẳng Dược 000581 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0087 | |
| 737 | Phan Thị Ái Liên | 064199014530 | | 28/4/1999 | Tổ 5, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 5, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0985700218 | Đại học Điều dưỡng 001008 | Tiếng anh A2 BSET23022776 | CNTTCB 0018961 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0097 | |
| 738 | Vũ Thị Liên | 064198012518 | | 02/01/1998 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 48A Trần Hưng Đạo, TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0963792237 | Cử nhân Quản lý nhà nước 001920 | Tiếng anh B A3104632 | CNTTCB C00189370 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0046 | |
| 739 | RCôm H' Liếp | 064301012494 | | 30/01/2001 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Cư Jút, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0348367760 | Cử nhân Kế toán 0004443 | GCN năng lực Tiếng Anh (số hiệu: 0002323) ĐH Quy Nhơn | CNTTCB 0005540 ĐH Quy Nhơn | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0079 | |
| 740 | Đặng Thị Bích Liễu | 052183005782 | | 20/6/1983 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 231/67/20 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0396282138 | Cử nhân Luật (0098704) | Tiếng anh B (A1573318) | Ứng dụng CNTT cơ bản (6753265) | | Con thương binh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251007-0008 | |
| 741 | Đinh Thị Ngọc Liễu | 052300000468 | | 03/01/2000 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Làng 7, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0365461957 | Đại học Luật kinh tế (QNUA.0002321) | Chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (0000608) ĐH Quy Nhơn | Chứng nhận CNTT cơ bản (0004810) ĐH Quy Nhơn | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0022 | |
| 742 | Đoàn Ánh Liễu | 052193014279 | | 01/10/1993 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Thôn Bình An 1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0352373869 | Đại học Quản lý đất đai (1266406) | | | Chứng chỉ sơ cấp Văn thư - lưu trữ (005821/SCBT/TC21) | | | Bệnh viện tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251010-0025 | |
| 743 | Nguyễn Thị Liễu | 064197003717 | | 26/8/1997 | Vân Canh, Gia Lai | 608 Quang Trung, thôn Tân Thuận, Vân Canh, Gia Lai | 0388108524 | Cao đẳng ngành dược (B884060) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0135 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 744 | Nguyễn Thị Bích Liễu | 051192010150 | | 01/5/1992 | Trà Câu, Quảng Ngãi | KDC Bảo An, TDP An Thạch, Trà Câu, Quảng Ngãi | 0964599579 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B65238) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251101-0007 | |
| 745 | Phan Dương Liễu | 042190015054 | | 15/4/1990 | Tổ 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Tổ 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0961699312 | Cao đẳng điều dưỡng A432605 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hiao | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Mơ | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0095 | |
| 746 | Phan Thuý Liễu | 052198015569 | | 30/12/1998 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 2, khu phố 3, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0964417120 | Cao đẳng ngành dược (B1111235) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0084 | |
| 747 | Trần Thị Mai Liễu | 052192007820 | | 20/9/1992 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Tài Lương 3, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0393092127 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (C0001915) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0175 | |
| 748 | Nguyễn Thị Liễu | 049197009166 | | 26/4/1997 | xã Tam Xuân, Thành phố Đà Nẵng | 60 Bùi Dự, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0382537745 | Cử nhân Kế toán DND.6.122703 | Tiếng anh C A3261019 | CNTTCB DND.I1.0016935 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251013-0015 | |
| 749 | Nay H' Lin | 064196009352 | | 06/7/1996 | Pleirbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Pleirbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0327783796 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00264 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0138 | |
| 750 | Rah Lan H' Lin | 064198008362 | | 20/10/1998 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tong Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0383487811 | Đại học Luật E0011053 | Tiếng anh B1 0029487 | CNTTCB 0985654 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0091 | |
| 751 | Đàm Thị Mỹ Linh | 064198012428 | | 03/10/1998 | 01 Lý Thái Tổ, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 01 Lý Thái Tổ, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0347867436 | Cao đẳng Dược 2772 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0102 | |
| 752 | Đoàn Thị Tuyết Linh | 052199003442 | | 02/04/1999 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Trà Bình Tây, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0387269544 | Cao đẳng Dược (000493) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0122 | |
| 753 | Đinh Phan Thùy Linh | 064300007349 | | 18/01/2000 | xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 475 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0335410339 | Cử nhân Luật kinh tế 7109607 | Tiếng Bahnar C00042705 | CNTTCB 011018 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0080 | |
| 754 | Đỗ Thị Thùy Linh | 064199005062 | | 20/9/1999 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 273 Hùng Vương, TDP 3, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0368945112 | Cử nhân Luật 30016029 | Toeic 550 điểm (064199006062) cấp ngày: 25/04/2022 | Chứng chỉ tin học Word 2010, Excel 2010 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Kông Chro | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0098 | |
| 755 | Đương Diệu Linh | 052197011784 | | 24/12/1997 | Quy Nhơn, Gia Lai | 35/2 Hà Huy Tập, Quy Nhơn, Gia Lai | 0704446137 | Cử nhân Luật và Quản trị kinh doanh (2615) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001121) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0026 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 756 | Hồ Thị Mỹ Linh | 064196003238 | | 07/3/1996 | Kbang, Gia Lai | 68/26 Lê Văn Tám, Kbang, Gia Lai | 0375462965 | Cao đẳng ngành dược (B790125) | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sơn Lang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0017 | |
| 757 | Hoàng Thị Diệu Linh | 033194002818 | | 06/4/1994 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 210A Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0344066372 | Cao đẳng Điều dưỡng B493637 | | | | | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0079 | |
| 758 | Kpă Siu H' Linh | 64301002709 | | 23/8/2001 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Hẻm Trần Quang Khải, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0326484723 | Kỹ sư Công nghệ thực phẩm 000564 | Tiếng anh Bậc 3 2023B10668 | CNTTCB TTN.TH.003823 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Công nghệ thực phẩm | | | | Kỹ thuật viên hạng IV | V.05.02.08 | H21.19-251012-0010 | |
| 759 | Lê Thị Hồng Linh | 064196010948 | | 08/4/1996 | xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 60 Hùng Vương, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0966687422 | Cử nhân Công tác xã hội DND.6.011065 | Tiếng anh C A2937967 | CNTTCB DND.I1.0005785 | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm Y tế Chư Prông | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251023-0038 | |
| 760 | Lê Thị Phương Linh | 064199012730 | | 12/02/1999 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Định, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0347637757 | Dược sĩ đại học 002856 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0052 | |
| 761 | Lê Thị Quỳnh Linh | 064303004535 | | 20/01/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0358655342 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHH.6.C.0005639 | Tiếng anh B1 23.B1.002950 | | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0135 | |
| 762 | Mai Lê Ái Linh | 052302002983 | | 08/12/2002 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | 25/23/22 Đỗ Nhuận, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0862340627 | Đại học Luật kinh tế (DCT7026705) | Tiếng anh Bậc 3 (DCTNN0002220 ) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DCT0023960) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251008-0062 | |
| 763 | Nguyễn Hoàng Phương Linh | 052196009699 | | 02/6/1996 | Quy Nhơn, Gia Lai | 43A Bà Triệu, Quy Nhơn, Gia Lai | 0343720780 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm Y học (BA04061) | Tiếng anh B (A2412027) | Kỹ năng công nghệ thông tin (Số hiệu: 011197) Viện công nghệ tin học-ĐHQG Hà Nội | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251007-0021 | |
| 764 | Nguyễn Ngô Diệu Linh | 052304001059 | | 16/6/2004 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Tam, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0961019435 | Cao đẳng ngành dược (A001396) | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0152 | |
| 765 | Nguyễn Thị Linh | 042199010451 | | 09/02/1999 | Thôn 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0965431798 | Đại học Công nghệ thông tin DND.6.0143742 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251103-0118 | |
| 766 | Nguyễn Thị Chi Linh | 052198004355 | | 10/10/1998 | An Nhơn Nam, Gia Lai | Xóm Mỹ Trung, Ngọc Thạnh, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0326984661 | Đại học dược (DU 000241) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251102-0001 | |
| 767 | Nguyễn Thị Khánh Linh | 064302000250 | | 25/12/2002 | 92 Phan Chu Trinh, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 92 Phan Chu Trinh, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0769577989 | Cử nhân Luật kinh tế 7121044 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0106 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 768 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 64199012283 | | 15/02/1999 | xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | 0389678306 | Cử nhân điều dưỡng E0011561 | Tiếng anh Bậc 3 02459 | CNTTCB C00003363 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0049 | |
| 769 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 052197008676 | | 10/12/1997 | Quy Nhơn, Gia Lai | 279 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0326605333 | Cử nhân quản lý nhà nước (A.0000466) | Tiếng anh B1 (607/QĐ-ĐHQN | Ứng dụng CNTT cơ bản (0644524) | | Cán bộ công đoàn trường thành từ đoàn cơ sở | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0088 | |
| 770 | Nguyễn Thị Mỹ Linh | 052302010036 | | 28/08/2002 | Bình Hiệp, Gia Lai | Thôn Phú Hưng, Bình Hiệp, Gia Lai | 0337784266 | Cao đẳng Dược (A001157) | | | | | Trạm Y tế xã Ianan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dok | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0098 | |
| 771 | Nguyễn Thị Thảo Linh | 052197004479 | | 17/11/1997 | Phù Cát, Gia Lai | Đội 2, Phú Kim, Phù Cát, Gia Lai | 0971638209 | Cao đẳng Dược (B916042) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0094 | |
| 772 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 064303000149 | | 09/02/2003 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0362024543 | Cử nhân Luật kinh tế DHH.6.C0003500 | Tiếng anh B1 24.B1.001295 | | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0105 | |
| 773 | Phạm Thị Thùy Linh | 064304005639 | | 08/3/2004 | 258/10 Dã Tượng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 258/10 Dã Tượng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 0369176592 | Cao đẳng Dược AA6231 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0009 | |
| 774 | Phan Kiều Linh | 052199012211 | | 20/12/1999 | Bình An, Gia Lai | An Dõng, Bình An, Gia Lai | 0968482681 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000443) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0058 | |
| 775 | Phan Thị Cẩm Linh | 064302009300 | | 13/3/2002 | xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | Đội 5 thôn 5, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 0364734810 | Cao đẳng Dược 600660 | | | | | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0118 | |
| 776 | Phan Thuỳ Linh | 038196030759 | | 25/08/1996 | Thọ Xuân, Thanh Hoá | 42/2 Nguyễn Tri Phương, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0328767659 | Cử nhân Luật kinh tế (E0140008) | Tiếng anh B1 (0019794) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0986936) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0027 | |
| 777 | Rơ Ô H' Linh | 064198001357 | | 20/9/1998 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0378057693 | Cao đẳng Dược C01931 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0039 | |
| 778 | Trần Ánh Linh | 052199008505 | | 07/9/1999 | Bình Hiệp, Gia Lai | Hẻm 220 Lê Duẩn, Hội Phú, Gia Lai | 0972641660 | Cao đẳng ngành dược (000492) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0140 | |
| 779 | Trần Thị Mỹ Linh | 064196010582 | | 21/9/1996 | Kbang, Gia Lai | 30 Y Wừu, Kbang, Gia Lai | 0338750935 | Đại học quản trị kinh doanh (số hiệu: A.0001728) | Tiếng anh B1 (02677.18) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0644609) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0014 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 780 | Trần Thị Nhật Linh | 064301003403 | | 20/01/2001 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 416B Trường Chinh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0965202227 | Cao đẳng Điều dưỡng 600696 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0024 | |
| 781 | Trần Thị Thùy Linh | 064194010264 | | 11/6/1994 | 81 Cách mạng, TDP 9, xã Chư Sê, tỉnh Gia lai | 81 Cách mạng, TDP 9, xã Chư Sê, tỉnh Gia lai | 0358021479 | Cao đẳng Dược B49337 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0106 | |
| 782 | Trần Vũ Hoài Linh | 052301000129 | | 29/04/2001 | Trung Thuần, Quảng Trị | 106 Lê Công Miễn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0824462661 | Cử nhân Luật (QNUA.0004398) | Tiếng anh Bậc 3 (0002333) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0005541) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0109 | |
| 783 | Trịnh Thị Mỹ Linh | 052194002615 | | 25/01/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 55/63 Ngô Mây, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0367366445 | Đại học ngành dược (025715) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0130 | |
| 784 | Trương Hoàng Mỹ Linh | 064195000625 | | 20/01/1995 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 347P Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0343451558 | Kỹ sư Thủy văn 519966 | | | GXN Bồi dưỡng VTLT 384/GXN-CNSG | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251104-0056 | |
| 785 | Vũ Hà Linh | 064303006724 | | 17/3/2003 | 219 Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai | 219 Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai | 0815526986 | Cao đẳng Dược YDC00480 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0001 | |
| 786 | Siu H' Liơng | 064191013299 | | 28/02/1991 | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0963815161 | Cao đẳng Điều dưỡng B653801 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0020 | |
| 787 | Rơ Lan Líp | 064303005244 | | 15/10/2003 | xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | 148 Trần Văn Bình, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0343780458 | Cao đẳng điều dưỡng 600962 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0148 | |
| 788 | Nay H' Liu | 064198014845 | | 07/6/1998 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0363958283 | Đại học Điều dưỡng 001752 | Tiếng anh B1 2002.B1.0642 | CNTTCB 0211505 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0043 | |
| 789 | Dương Thị Ngọc Loan | 064186003306 | | 06/4/1986 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 11 đường Wừu, tổ 22, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0987174017 | Cử nhân Điều dưỡng 0002076 | Tiếng anh B 17.455 | Tin học ứng dụng ngành điều dưỡng Đại học Đông Á | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0069 | |
| 790 | Hà Thị Loan | 052195018058 | | 03/10/1995 | Tuy Phước, Gia Lai | Định Thiện Tây, Tuy Phước, Gia Lai | 0986754739 | Đại học sư phạm toán (A.0003264) | | | Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư-lưu trữ (XHNV:46 969) | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Lưu trữ viên trung cấp | | | | Lưu trữ viên trung cấp | V.01.02.03 | H21.19-251105-0037 | |
| 791 | Huỳnh Phương Loan | 052303001652 | | 20/02/2003 | Vân Canh, Gia Lai | Làng Hiệp Giao, Vân Canh, Gia Lai | 0336396591 | Đại học Kế toán (002328) | Tiếng anh B1 (0264) | Ứng dụng CNTT cơ bản (001176) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251014-0106 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 792 | Lê Thị Loan | 052197013965 | | 06/9/1997 | Phù Cát, Gia Lai | Bình Đức, Phù Cát, Gia Lai | 0343840774 | Cao đẳng ngành dược (B1025853) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0006 | |
| 793 | Nguyễn Thị Kiều Loan | 064302008222 | | 17/02/2002 | TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0356260647 | Cử nhân Luật HCH.6.002384 | | Tin học văn phòng HAU4-037996 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0053 | |
| 794 | Nguyễn Thị Kim Loan | 052194005586 | | 12/5/1994 | Quy Nhơn, Gia Lai | 1C/30 đường 31/3, Quy Nhơn, Gia Lai | 0965443177 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000058) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0125 | |
| 795 | Nguyễn Thị Thảo Loan | 064192012688 | | 01/10/1992 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 469 Hùng Vương, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0988171388 | Cao đẳng Dược A180343 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0042 | |
| 796 | Nguyễn Thị Tuyết Loan | 052300007351 | | 12/05/2000 | Bình Phú, Gia Lai | Bình Phú, Gia Lai | 0327737017 | Cao đẳng Điều dưỡng (A000045) | | | | | Trạm Y tế xã Lơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Chiêng cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Mang Yang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0066 | |
| 797 | Phạm Thị Loan | 064302001739 | | 01/7/2002 | An Bình, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | An Bình, xã Cửu An, tỉnh Gia Lai | 0354315046 | Đại học Kế toán LĐXH014432 | Toeic 430 NC: 16/10/2023 | CNTTNC QH5424 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0101 | |
| 798 | Trần Thị Loan | 036194011479 | | 07/10/1994 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân An, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0339915687 | Cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế DND6.0104698 | Tiếng anh C A3252608 | CNTTCB DND.I1.0001621 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251008-0034 | |
| 799 | Văn Thị Loan | 064188008585 | | 12/4/1988 | Thôn 2, xã Ya Ma, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ya Ma, tỉnh Gia Lai | 0962664380 | Cao đẳng Điều dưỡng B639862 | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0087 | |
| 800 | Vũ Thị Loan | 038191043924 | | 03/5/1991 | 46B Hồ Tùng Mậu, tổ 5, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 46B Hồ Tùng Mậu, tổ 5, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0987895279 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học YDC02951 | | | | | Trạm Y tế phường An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251105-0072 | |
| 801 | Nguyễn Thị Cẩm Lộc | 042301011104 | | 21/06/2001 | Thành Sen, Hà Tĩnh | 306/56 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0825367889 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (E0037579) | Tiếng anh B1 (04528) | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0120 | |
| 802 | Nguyễn Xuân Lộc | 052096001100 | 07/10/1996 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 463 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0355432331 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (1463) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0023 | |
| 803 | Rah Lan Loết | 64301000511 | | 20/01/2001 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Làng Ia Pết, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0905253760 | Cao đẳng điều dưỡng (600497) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Ko | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0053 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 804 | Nguyễn Thị Lợi | 001192039575 | | 17/7/1992 | xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | Thôn Quyết Thắng, xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | 0962898202 | Cao đẳng Quản trị văn phòng và Lưu trữ A553739 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251028-0131 | |
| 805 | Nguyễn Thị Ánh Lợi | 052196012720 | | 26/03/1996 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Bình, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0906496023 | Đại học Điều dưỡng (002583) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0052 | |
| 806 | Nay H' Lơn | 064199005108 | | 21/6/1999 | Tổ 3, Bôn Đê, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, Bôn Đê, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0776589352 | Cử nhân Điều dưỡng M0000999 | Tiếng anh A2 BSET2516502 | | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0062 | |
| 807 | Huỳnh Gia Long | 052200000724 | 05/10/2000 | | An Hoà, Gia Lai | Thôn Xuân Phong Bắc, An Hoà, Gia Lai | 0986682301 | Cử nhân Công tác xã hội (0002682) | Tiếng anh B1 (0001631) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1102459) | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251009-0061 | |
| 808 | Nguyễn Văn Long | 64200007387 | 01/01/2000 | | xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | 0817157873 | Kỹ sư Công nghệ thông tin D035600 | | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251010-0060 | |
| 809 | Phạm Ngọc Tuấn Long | 064086002935 | 24/10/1986 | | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TTYT Đak Pơ, 100 Võ Nguyên Giáp, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0985447079 | Cao đẳng Công nghệ thông tin 00096411 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251021-0124 | |
| 810 | Tạ Long | 064094009946 | 14/4/1994 | | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0898000081 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00222 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0062 | |
| 811 | Võ Thành Long | 052204008458 | 28/9/2004 | | Ân Hảo, Gia Lai | 816 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0825513965 | Cao đẳng Phục hồi chức năng (YDC00687) | | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251009-0069 | |
| 812 | Nay Lông | 064097011422 | 05/8/1997 | | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0355859595 | Đại học Luật kinh tế 1841050 | Tiếng anh C A3037785 | CNTTCB 0511407 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0033 | |
| 813 | Đào Hồng Luận | 064096006780 | 20/01/1996 | | 14 Đống Đa, tổ 4 Tây Sơn, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 14 Đống Đa, tổ 4 Tây Sơn, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0386023711 | Đại học Điều dưỡng 000567 | Tiếng anh Bậc 2 041518 | CNTTCB T0000939 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0033 | |
| 814 | Hving H Lúc | 054303003728 | | 12/12/2003 | Suối Trai, Đắk Lắk | Buôn Thu, Suối Trai, Đắk Lắk | 0376624810 | Cử nhân điều dưỡng (A0005213) | Tiếng anh B1 (Đại học Đông Á) | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tin học ứng dụng ngành điều dưỡng (Đại học Đông Á) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0042 | |
| 815 | Mai Văn Lực | 052096001444 | 24/3/1996 | | Vân Canh, Gia Lai | Hà Văn Dưới, Vân Canh, Gia Lai | 0372444484 | Đại học luật (1748558) | Tiếng trung B (QH402019248O9) Đại học KHTN Ngày cấp: 11/12/2019 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0500116) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0075 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 816 | H Lưm | 064301015047 | | 15/12/2001 | Làng Tơ Drăh, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Tơ Drăh, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0398646750 | Cao đẳng điều dưỡng 600490 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Al Bá cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0124 | |
| 817 | Kpă H' Lúy | 064300008891 | | 19/8/2000 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Ama H' Lil 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0369947908 | Cử nhân Luật E0019239 | Tiếng anh B1 22.B1.002219 | CNTTCB C00081032 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0013 | |
| 818 | Ksor H' Luyên | 064300017677 | | 01/01/2000 | Làng Blo Dung, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Blo Dung, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0368307544 | Cử nhân Luật QNU.A.0000552 | Tiếng anh B1 0000816 | CNTTCB 0006137 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0095 | |
| 819 | Phan Thị Ngọc Luyến | 052190018108 | | 11/3/1990 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 2, khu phố 1, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0905243649 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000292) | | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0036 | |
| 820 | Y Luyến | 064303005056 | | 13/02/2003 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Làng Ia Mút, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0782535424 | Cao đẳng Dược 600903 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0043 | |
| 821 | Nay H' Luyết | 064300017009 | | 01/4/2000 | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0327035384 | Cử nhân Công tác xã hội QNU.A.0005157 | Tiếng anh Bậc 3 0003572 | CNTTCB 0005557 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251029-0100 | |
| 822 | Huỳnh Thị Ái Mỹ Ly Ly | 052190008003 | | 28/5/1990 | An Nhơn, Gia Lai | Tổ dân phố Thiết Tràng, An Nhơn, Gia Lai | 0963391578 | Đại học dược (NTTDS.10205182) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0025 | |
| 823 | Huỳnh Thị Sao Ly | 052196013427 | | 20/06/1996 | An Nhơn, Gia Lai | 22 Mai Hắc Đế, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0396485530 | Cử nhân Kế toán (A0001344) | Tiếng anh B1 0137518 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0644228) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251028-0143 | |
| 824 | Nguyễn Lê Mỹ Ly | 052191021078 | | 08/9/1991 | Tây Sơn, Gia Lai | 55 Võ Lai, Tây Sơn, Gia Lai | 0963832014 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A432565) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0063 | |
| 825 | Nguyễn Thị Ly | 052189005625 | | 12/9/1989 | xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 65 Nguyễn Đình Chiểu, thôn Hòa An, Nhơn Hòa, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0985391693 | Đại học Quản trị Văn phòng TVU.1.046197 | | | CĐ VTLT A269754 | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Văn thư viên | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251030-0118 | |
| 826 | Nguyễn Thị Ánh Ly | 052193001717 | | 01/07/1993 | Chư Krey, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, xã Chư Krey, tỉnh Gia Lai | 0978630579 | Cao đẳng Dược PA001433 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đăk Song | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0143 | |
| 827 | Nguyễn Thị Khánh Ly | 052303010331 | | 01/6/2003 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 187/02 Trần Quang Khải, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0963674216 | Đại học ngành điều dưỡng (CN001609) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.11.0068019) | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0113 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 828 | Nguyễn Thị Ly Ly | 064300010184 | | 11/04/2000 | An Khê, Gia Lai | 55A Hoàng Hoa Thám, An Khê, Gia Lai | 0379063379 | Cao đẳng Dược (A000074) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0004 | |
| 829 | Nguyễn Thị Mai Ly | 064192008026 | | 04/10/1992 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 345/3 Quang Trung, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0973632479 | Cao đẳng điều dưỡng B57282 | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0112 | |
| 830 | Nguyễn Thị Quỳnh Ly | 064198012871 | | 25/8/1998 | Bình Định, Gia Lai | 187 Quang Trung, Bình Định, Gia Lai | 0336869224 | Cao đẳng ngành dược (B1111289) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0025 | |
| 831 | Nguyễn Thị Thu Ly | 052192002052 | | 02/8/1992 | 74 Hai Bà Trưng, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 74 Hai Bà Trưng, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0399007967 | Cao đẳng Điều dưỡng B921958 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0078 | |
| 832 | Phan Thị Ly | 064195012404 | | 05/01/1995 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 8, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0398000547 | Cử nhân Kế toán 0026533 | Tiếng anh B 0013189 | CNTTCB 0001627 | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0023 | |
| 833 | Trần Thị Ngọc Ly | 052196011820 | | 05/5/1996 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Xóm 1, Phụng Sơn, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0964410304 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000293) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0046 | |
| 834 | Lê Cao Thị Lý | 052300006251 | | 10/6/2000 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 377 Phạm Văn Đồng, Bồng Sơn, Gia Lai | 0373453536 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001424) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0037 | |
| 835 | Mai Thị Như Lý | 052194013689 | | 20/8/1994 | Bình Định, Gia Lai | 42 Trần Văn Kỷ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0969922148 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B640164) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0072 | |
| 836 | Ngô Thị Minh Lý | 044302005022 | | 05/9/2002 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 46 Huỳnh Thúc Kháng, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0812036514 | Cử nhân Luật E0047816 | Tiếng Trung HSK3 NC: 15/10/2023 | CNTTCB DPX.C.003928 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0159 | |
| 837 | Phạm Thị Lý | 064302004900 | | 04/01/2002 | 91 Trần Phú, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 91 Trần Phú, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0967087509 | Cử nhân Kế toán 0000657 | Tiếng anh B1 0004216 | CNTTCB 0007501 | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0008 | |
| 838 | Trang Thị Lý | 052191019173 | | 01/01/1991 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 308 Hùng Vương, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0373778072 | Cao đẳng Điều dưỡng (B136306) | | | | Con thương binh | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0118 | |
| 839 | Đinh Văn Lỳ | 052097015457 | 05/05/1997 | | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn M2, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0327004506 | Cử nhân Quản lý nhà nước (001423) | CEFR LEVER A2 (IEMS0012919) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0446754) | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0145 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 840 | Đoàn Thị Ngọc Mai | 052195011689 | | 20/9/1995 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Xóm 1, Hy Văn, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0982773649 | Đại học dược (DU 000050) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0103 | |
| 841 | H' Lê Mai | 064194005358 | | 11/10/1994 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 210 lê Duẩn, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0989073743 | Cao đẳng Dược 182731 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0116 | |
| 842 | Hà Thị Thanh Mai | 064194001889 | | 09/3/1994 | Bưu điện xã Tơ Tung, làng Nam Cao, xã Tơ Tung, tỉnh Gia Lai | Bưu điện xã Tơ Tung, làng Nam Cao, xã Tơ Tung, tỉnh Gia Lai | 0975917803 | Cao đẳng điều dưỡng B493690 | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0043 | |
| 843 | Ksor H' Mai | 064196002507 | | 01/8/1996 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Làng Quen Rai, xã Ia Bòong, tỉnh Gia Lai | 0397172268 | Cao đẳng Điều dưỡng B883969 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Boòng cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tôr | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0093 | |
| 844 | Lê Thị Mai | 038302024621 | | 24/05/2002 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 76 Lê Quý Đôn, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0393113296 | Cử nhân Điều dưỡng YHN4004218 | | CNTTCB QH53202416896 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0061 | |
| 845 | Lê Thị Hồng Mai | 046197009491 | | 01/5/1997 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 32 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0703415150 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0143528 | Tiếng anh B1 0017967 | CNTTCB 1228120 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0121 | |
| 846 | Nguyễn Hoài Như Mai | 052197009424 | | 26/3/1997 | Thôn Hà Lòng 1, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Thôn Hà Lòng 1, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0978732675 | Cử nhân điều dưỡng TDU1002991 | Tiếng anh Bậc1 B12400256 | CNTTCB 0177051 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0139 | |
| 847 | Nguyễn Thị Tuyết Mai | 064303001111 | | 15/10/2003 | An Khê, Gia Lai | 138 Ngô Thị Nhậm, An Khê, Gia Lai | 0868316854 | Cử nhân điều dưỡng (A0005242) | Chứng nhận Tiếng anh B1 (Đại học Đông Á) | Chứng nhận Tin học (Đại học Đông Á) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0090 | |
| 848 | Trần Lê Mai | 064304001185 | | 24/6/2004 | xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 77 Anh Hùng Núp, làng HleKtu, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0368586817 | Cao đẳng Dược A001158 | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0021 | |
| 849 | Trần Thị Hoa Mai | 064195010283 | | 10/6/1995 | xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | Thôn Đồng Tâm, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | 0866466339 | Đại học Luật E0128989 | | | CC BD NV VTLT 9186/K100 725/SGT-CC | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251103-0060 | |
| 850 | Trần Thị Thu Mai | 052198002855 | | 10/02/1998 | Bình Hiệp, Gia Lai | Xóm 3, M6, Bình Hiệp, Gia Lai | 0359004032 | Cao đẳng ngành dược (B1111187) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0144 | |
| 851 | Vũ Thị Ngọc Mai | 064301007103 | | 20/4/2001 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân An, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0335718634 | Cao đẳng Điều dưỡng D490300203 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0032 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 852 | Rơ Măh H' Mẫn | 064300009314 | | 14/12/2000 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Klũh Yéh, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0386252035 | Cao đẳng Dược BD/005170 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0058 | |
| 853 | Trần Văn Mẫn | 054088002360 | 18/7/1988 | | Hoà Hiệp, Đắk Lắk | Khu phố Phước Lâm, Hoà Hiệp, Đắk Lắk | 0886275461 | Cử nhân Luật học (0098808) | Tiếng anh B (A420223) | Tin học B (0431045) | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0135 | |
| 854 | Nguyễn Thị Lanh Mau | 052193003917 | | 20/5/1993 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 355 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0376007533 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B401232) | | | | Con thương binh | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0075 | |
| 855 | Nguyễn Đình May | 064203002679 | 22/3/2003 | | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 125 Cách mạng, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0388677384 | Cử nhân Xét nghiệm y học YKV.CN.001961 | Tiếng anh B1 38893330 | CNTTCB 023647 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0079 | |
| 856 | Lê Thị Hải Mi | 064302016269 | | 22/02/2002 | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0333177717 | Cử nhân Quản trị kinh doanh 7120655 | Tiếng Nhật A5 (N5) 108C00685 | CNTTNC N.012689 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0055 | |
| 857 | Rơ Châm H' Miên | 064198009832 | | 17/3/1998 | Phú Túc, Gia Lai | Cafe Phước Sanh, Bình Kiến, Tuy Hoà, Đắk Lắk | 0702796932 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A.001123) | | | | Người dân tộc thiểu số | Khoa nội | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0055 | |
| 858 | Siu MiLa | 064198008511 | | 21/12/1998 | 3009 Ấp Câu Kê, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai | 3009 Ấp Câu Kê, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai | 0376857624 | Cao đẳng điều dưỡng B11055189 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0031 | |
| 859 | Siu H' Ming | 064303003300 | | 20/7/2003 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Thôn Glung Mơ Lan, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0397300261 | Cao đẳng điều dưỡng 600951 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0037 | |
| 860 | Cao Văn Minh | 064092015312 | 13/7/1992 | | Thôn 5, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | Thôn 5, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | 0962090852 | Cao đẳng Dược (A.000424) | | | | | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251007-0024 | |
| 861 | Mai Nguyễn Nhật Minh | 064204004571 | 10/10/2004 | | xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | 0396337638 | Cao đẳng Dược CD5198 | | | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0085 | |
| 862 | Mai Thị Bình Minh | 064192012620 | | 09/4/1992 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 07 Nguyễn Đường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0988424006 | Đại học Kế toán 000898 | Tiếng anh B A770121 | Tin học B A919817 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251028-0099 | |
| 863 | Nguyễn Quang Minh | 064202000913 | 17/11/2002 | | 92 Đặng Dung, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 92 Đặng Dung, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0842337456 | Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng BA05119 | Giấy xác nhận Tiếng anh A2 (không có số hiệu, không có ngày cấp) | CNTTCB QH53202215131 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251104-0164 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 864 | Phan Anh Minh | 066202001714 | 24/12/2002 | | M' Đrắk, Đắk Lắk | 37 Nguyễn Văn Hiền, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0912947990 | Đại học Công nghệ thông tin (0003281) | Tiếng anh B1 (0007934) | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251019-0003 | |
| 865 | Hiao H' Mler | 064195003047 | | 13/11/1995 | Bôn Bai A, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Bai A, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0335373395 | Cao đẳng Điều dưỡng CD2016-03 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0032 | |
| 866 | H Kuin MLô | 066194016249 | | 21/9/1994 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0964578799 | Cao đẳng điều dưỡng A181147 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0125 | |
| 867 | Kpă H' Mơ | 064302010737 | | 31/8/2002 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa Ơi H' Briu, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0352197004 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004675 | Tiếng anh Bậc 3 E6001465 | CNTTCB C00182529 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0086 | |
| 868 | Võ Thị Tuyết Mơ | 052197003415 | | 20/01/1997 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 269 Nguyễn Thị Định, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0989024077 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (B.883924) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0013 | |
| 869 | R' Ô H' Mri | 064197001411 | | 02/03/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn H' Muk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0364920246 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0000522 | Tiếng anh B1 01284.19 | CNTTCB 0835738 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0012 | |
| 870 | Nay H' Mua | 064198010112 | | 10/02/1998 | Buôn Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0347495531 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0003341 | Tiếng anh B1 00214.20 | CNTTCB 0000063 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0001 | |
| 871 | Nguyễn Thị Mươi | 052302006834 | | 10/02/2002 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Khu phố An Dinh 2, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0847815265 | Đại học luật (002907) | Tiếng anh Bậc 3 (IUH.FL.000296) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0013788) | | | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0017 | |
| 872 | Lê Thị Mười | 052183002774 | | 04/03/1983 | Quy Nhơn, Gia Lai | 39 Hoàng Diệu,Quy Nhơn, Gia Lai | 0905479482 | Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán (C694079) | Tiếng anh B (B764372) | Tin học văn phòng (35) | | Con thương binh | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0029 | |
| 873 | Hà Trương Diệu My | 052301000774 | | 01/6/2001 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Phổ Trạch, Tuy Phước, Gia Lai | 0332073059 | Đại học ngành kế toán (QNUA.0004496) | Tiếng anh Bậc 4 (0002362) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0004138) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251021-0007 | |
| 874 | Hồ Yến My | 052301013482 | | 15/10/2001 | Phù Mỹ, Gia Lai | 247/4 Chu Văn An, Phù Mỹ, Gia Lai | 0359245979 | Cử nhân Luật (QNU.A0004420) | Tiếng anh Bậc 3 (0003588) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0006450) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0075 | |
| 875 | Huỳnh Diễm My | 052301000990 | | 23/09/2001 | Tây Sơn, Gia Lai | Phú An, Tây Sơn, Gia Lai | 0984912576 | Cao đẳng Điều dưỡng (A000596) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Ngoại | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0007 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 876 | Huỳnh Thị Diễm My | 052195000591 | | 07/4/1995 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 190 Trần Hưng Đạo, tổ 11, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0783272738 | Cao đẳng điều dưỡng B738090 | | | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0010 | |
| 877 | Huỳnh Thị Lệ My | 064198011049 | | 20/01/1998 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 05/83 đường 17/3, tổ 4, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0353324400 | Cử nhân Luật kinh tế DND.6.0125501 | Tiếng anh C A3252617 | CNTTNC DND.12.0003434 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0133 | |
| 878 | Lê Kiều My | 052303006886 | | 16/10/2003 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 474 Lạc Long Quân, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0934761951 | Đại học kế toán (QNU.A/0004229) | Tiếng anh Bậc 4 (0007946) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0010674) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0121 | |
| 879 | Lê Thảo My | 052303009819 | | 24/11/2003 | An Nhơn Nam, Gia Lai | khu phố Tân Hoà, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0705932526 | Đại học Luật (QNUA/0004084) | Tiếng anh B1 (0007944) | Tin học ứng dụng cơ bản (0009183) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0053 | |
| 880 | Lê Thị Diệu My | 064195010602 | | 26/7/1995 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Hẻm 7 Trần Quang Khải, TDP5, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0355274035 | Cử nhân điều dưỡng 1424186 | Tiếng anh B 2607640 | CNTTNC 0016907 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0011 | |
| 881 | Lê Thị Kiều My | 052304003187 | | 16/07/2004 | Ngô Mây, Gia Lai | Long Hậu, Ngô Mây, Gia Lai | 0392498472 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001451) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0119 | |
| 882 | Lê Thị Trà My | 056194013973 | | 13/9/1994 | Plei Thơh Ga B, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | Plei Thơh Ga B, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0363837327 | Cao đẳng Điều dưỡng CD261 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrú | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Le | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0109 | |
| 883 | Nguyễn Thị Diễm My | 052194002310 | | 09/3/1994 | Bình Định, Gia Lai | 227/43/9 Huỳnh Thúc Kháng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0335640470 | Đại học luật (1432292) | | | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0105 | |
| 884 | Nguyễn Thị Kiều My | 064196012777 | | 04/6/1996 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0866610479 | Cử nhân Y tế công cộng 1804369 | | CNTTCB DND.I.1.0001381 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251027-0103 | |
| 885 | Nguyễn Thị Lệ My | 052199000687 | | 29/4/1999 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn An Long 2, Canh Vinh, Gia Lai | 0365642459 | Đại học Luật (A.0003507) | Tiếng anh B1 (01086.20) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0336380) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0007 | |
| 886 | Nguyễn Thị Trà My | 052188018200 | | 24/10/1988 | Tổ 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | Tổ 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0788689689 | Dược sĩ đại học 516/DH | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0053 | |
| 887 | Phạm Nguyễn Trà My | 064300012759 | | 20/11/2000 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 601 Nguyễn Huệ, TDP 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0905237751 | Cử nhân điều dưỡng A0001164 | Tiếng anh Bậc 3 NU18A1B43949 ĐH Đông Á | chứng nhận kỹ năng sử dụng CNTT, tin ứng dụng NU18A1B43949 ĐH Đông Á | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0110 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 888 | Trần Thị Hồng My | 052192007907 | | 14/10/1992 | Bình Dương, Gia Lai | 11/8 Nguyễn Xuân Nhĩ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0333755788 | Cao đẳng Dược C0002368) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0119 | |
| 889 | Trần Thị Trà My | 052197017018 | | 04/05/1997 | Ân Hảo, Gia Lai | Phước Bình, Ân Hảo, Gia Lai | 0334836930 | Đại học Dược (003900) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0019 | |
| 890 | Nguyễn Thị My | 038191052087 | | 08/03/1991 | Pleiku, Gia Lai | 38 Mạc Đĩnh Chi, Pleiku, Gia Lai | 0911755657 | Cao đẳng Điều dưỡng (B125593) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0002 | |
| 891 | Nguyễn Thị Thuỳ My | 052196006195 | | 22/4/1996 | Bình Định, Gia Lai | 48/36 Huỳnh Thúc Kháng, Bình Định, Gia Lai | 0972384662 | Đại học ngành kế toán (QNUA+/0002752) | Tiếng anh A2 (00063.17) | Tin học B (A.1306151) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251010-0018 | |
| 892 | Bùi Thị Na | 051194004324 | | 06/6/1994 | phường Trương Quang Trạng, tỉnh Quảng Ngãi | TTYT Khu vực Nam Trà My, thành phố Đà Nẵng | 0336592406 | Cao đẳng điều dưỡng B597333 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0074 | |
| 893 | Đinh Thị Na | 052304005764 | | 19/10/2004 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Thôn M9, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0969727498 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001426) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0052 | |
| 894 | K pă H' Li Na | 064199013100 | | 24/10/1999 | Tổ 20, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 20, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0338345508 | Cử nhân Công tác xã hội TDLB001735 | Tiếng anh Bậc 3 B12826 | CNTTCB TDLCI000375 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251028-0063 | |
| 895 | Lê Hoàng Na | 052195018007 | | 03/03/1995 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Xóm 4, Cự Tài 2, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0986738900 | Đại học Dược (005220) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0003 | |
| 896 | Rơ Châm Lê Na | 064302005524 | | 09/6/2002 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Y ăng 3, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0934739163 | Cử nhân điều dưỡng A0004463 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0051 | |
| 897 | Trần Lý Ly Na | 052301011513 | | 17/8/2001 | Phù Cát, Gia Lai | 75 Nguyễn Hữu Quang, Phù Cát, Gia Lai | 0972693137 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-6BA004894) | Tiếng anh A2 (BSET2404953) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202326962) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0046 | |
| 898 | Trần Võ Mi Na | 038303025140 | | 27/8/2003 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 151 Trường Sơn, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0373609367 | Cử nhân Quản trị kinh doanh UFM-7019698 | Tiếng anh Bậc 2 BC20000218685 | MOS word, excel | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Ia grai | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0066 | |
| 899 | Phạm Thị Nại | 064196005540 | | 13/06/1996 | Kông Bơ La, Gia Lai | Thôn 6, Kông Bơ La, Gia Lai | 0865892281 | Cao đẳng Dược (B070612033) | | | | | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sơn Lang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0084 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 900 | Bùi Trường Nam | 064091000284 | 06/4/1991 | | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 102 Hàn Thuyên, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0971128152 | Kỹ sư khoa học máy tính 282713 | Tiếng anh C A1263458 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251103-0200 | |
| 901 | Đỗ Như Nam | 052197000627 | | 10/4/1997 | Hoài Nhơn, Gia Lai | Trung Hoá, Hoài Nhơn, Gia Lai | 0969363269 | Cử nhân ngành điều dưỡng (00949/DD | | | | | Khoa khám bệnh | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Phòng Y tế - Phục hồi chức năng | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0192 | |
| 902 | Lê Phương Nam | 064099001959 | 04/8/1999 | | xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Thôn Đoàn Kết, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0378850564 | Cử nhân Quản trị kinh doanh DND.6.016669 | Tiếng anh B1 0007561 | CNTTCB DND.11.0026411 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0057 | |
| 903 | Huỳnh Thị Năm. | 052195013456 | | 10/03/1995 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 5, thôn Cảnh An 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0398355485 | Cao đẳng Dược (25855) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0020 | |
| 904 | Ksor H' Năng | 064300008499 | | 01/01/2000 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 14 Kpă Tít, TDP 6, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0358666215 | Cử nhân Luật E0021185 | Tiếng Anh B1 22.B1.003911 | CNTTCB C00095093 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0095 | |
| 905 | Rmah H' Náp | 064198001185 | | 6/10/1998 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 4, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0345273705 | Cao đẳng điều dưỡng B1102728 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0102 | |
| 906 | Rcom Sy Ne | 064301008505 | | 15/4/2001 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 225/13/11/7 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0348350510 | Cử nhân điều dưỡng YDS.CN.002849 | Tiếng anh A2 BSET2420210 | CNTTCB QH53202424338 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251014-0041 | |
| 907 | Nen | 064304017359 | | 03/5/2004 | xã Trà Đa, tỉnh Gia Lai | 148 Trần Văn Bình, xã Trà Đa, tỉnh Gia Lai | 0378662687 | Cao đẳng điều dưỡng 600964 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0080 | |
| 908 | Y Nes | 064302006522 | | 15/7/2002 | xã Đăk Sơ Mei, tỉnh Gia Lai | Làng Kon Mahar, xã Đak Sơ Mei, tỉnh Gia Lai | 0354998781 | Cao đẳng Điều dưỡng 600499 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đăk Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0112 | |
| 909 | Ra Lan H' Bé Net | 064302013788 | | 29/01/2002 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Đê, tổ 3, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0355126895 | Cử nhân điều dưỡng CN001013 | Tiếng anh A2 BSET2416160 | CNTTCB DND.I1.0062852 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0085 | |
| 910 | Rcom H' Rơ Nết | 064197002773 | | 14/06/1997 | Ia Sao, Gia Lai | Bôn Phu ama nher 2, Ia Sao, Gia Lai | 0359151720 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025683) | | | | Người dân tộc thiểu số | Khoa Hồi sức-Cấp cứu | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Nội - Nhi - Nhiễm | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0071 | |
| 911 | Đinh Thị Phương Nga | 052194018289 | | 01/01/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 325 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0987027885 | Đại học Dược (000889) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0083 | |

”

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 912 | Lê Thị Kim Nga | 062184002989 | | 01/7/1984 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 31/14 Ama Quang, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0977412800 | Cao đẳng điều dưỡng YDC03032 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0139 | |
| 913 | Lê Vũ Tuyết Nga | 052197009929 | | 19/10/1997 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 1408 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0345546380 | Cao đẳng ngành dược (C0001865) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0048 | |
| 914 | Lý Thị Thuý Nga | 052304013726 | | 15/5/2004 | An Nhơn Nam, Gia Lai | 856/60 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0708417730 | Cao đẳng ngành dược (A001348) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0118 | |
| 915 | Nguyễn Thị Nga | 064199003838 | | 15/12/1999 | 505 Quang Trung, TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 505 Quang Trung, TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0906356248 | Cao đẳng Dược YDP003873 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0132 | |
| 916 | Nguyễn Thị Bích Nga | 052193019591 | | 18/4/1993 | Tam Quan, Gia Lai | Khu phố Thành Sơn, Tam Quan, Gia Lai | 0348362546 | Đại học quản lý nhà nước (160653) | Tiếng anh B (1371497) | Tin học B (A612721) | | | Phòng Tổ chức - hành chính | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0016 | |
| 917 | Nguyễn Thị Thanh Nga | 064193003238 | | 06/12/1993 | Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Cửa hàng điện nước Phú Hưng, thôn 7, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0358672293 | Cử nhân điều dưỡng 1235294 | Tiếng anh B A1596887 | Tin học B A1347357 | | Con thương binh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0015 | |
| 918 | Trương Thị Tuyết Nga | 052199015935 | | 08/6/1999 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Tư Cung, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0377535247 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000373) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0132 | |
| 919 | Vũ Thị Nga | 040193040576 | | 12/01/1993 | Tổ 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 197 Phạm Văn Đồng, tổ 6, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0962624203 | Cao đẳng điều dưỡng (B639956) | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0025 | |
| 920 | Vũ Thị Nga | 038190021507 | | 10/6/1990 | Số 16 Hồ Xuân Hương, thôn 2, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Số 16 Hồ Xuân Hương, thôn 2, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0961045319 | Cao đẳng hộ sinh A000909 | | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251008-0042 | |
| 921 | Vũ Thị Nga | 040188003440 | | 08/7/1988 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Nhà G5 khu công vụ Quân đoàn 34, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0977426483 | Cao đẳng Điều dưỡng A170206 | | | | | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0101 | |
| 922 | Đoàn Thị Đinh Ngà | 052304002416 | | 05/09/2004 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Thôn M9, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0374229238 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001427) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0063 | |
| 923 | Nguyễn Thị Ngà | 033192009941 | | 08/01/1992 | Tổ 3, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0981446777 | Cao đẳng điều dưỡng B401188 | | | | | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Lơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0104 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 924 | Đỗ Thái Ngân | 064190006381 | | 22/9/1990 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Sơn Bình, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0977584017 | Cao đẳng Dược A181217 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0098 | |
| 925 | Đoàn Thị Thuý Ngân | 052194004284 | | 15/12/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 01/10/06 La Văn Tiến, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0964500602 | Đại học Công tác xã hội (1322803) | Tiếng anh B (A1704025) | Tin học ứng dụng B (A1787372) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng ngành Công tác xã hội | | | | Nhân viên công tác xã hội | V.09.04.03 | H21.19-251013-0008 | |
| 926 | Hồ Thị Ngân | 052191001906 | | 10/6/1991 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 54 Hùng Vương, TDP 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0392850267 | Cao đẳng Dược A180388 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0035 | |
| 927 | Hoàng Lê Kim Ngân | 058301002965 | | 15/09/2001 | An Khê, Gia Lai | Tổ 8, An Khê, Gia Lai | 0346288518 | Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng (YDS.CN) | Tiếng anh B2 (0017268) | Ứng dụng CNTT cơ bản (11230793) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Kỹ thuật y hạng III | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251013-0113 | |
| 928 | Huỳnh Ngọc Thanh Ngân | 064303000834 | | 02/10/2003 | 124/43/2 Trần Nhật Duật, tổ 7, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 124/43/2 Trần Nhật Duật, tổ 7, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0388221477 | Cử nhân Kế toán CN 005533 | Chuẩn đầu ra B1 (ĐH Nông Lâm TPHCM) | CNTTNC (ĐH Nông Lâm TPHCM) | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0034 | |
| 929 | Huỳnh Ngọc Thu Ngân | 052303013108 | | 21/12/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | 2/23 Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0339999232 | Đại học Văn thư-Lưu trữ (HCH.6.000355) | Tiếng anh B1 E020819) | Ứng dụng CNTT cơ bản (033231) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251020-0137 | |
| 930 | Lê Thị Kim Ngân | 052195014006 | | 03/12/1995 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ dân phố An Lợi, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0989424891 | Cao đẳng Dược (B 888135) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0031 | |
| 931 | Nay Hồng Ngân | 064300010555 | | 31/5/2000 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn H'Lang, xã Iarsai, tỉnh Gia Lai | 0395535245 | Cử nhân Luật QNUA0002303 | Tiếng anh B1 0001692 | CNTTCB 0002494 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0071 | |
| 932 | Nguyễn Lệ Hoàng Ngân | 052300003791 | | 05/11/2000 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn An Long 1, Canh Vinh, Gia Lai | 0345583344 | Luật học (E0033609) | Tiếng anh B1 (không có số hiệu) | | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251007-0040 | |
| 933 | Nguyễn Phương Ngân | 064192003349 | | 20/3/1992 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 11 Phạm Văn Đồng, tổ 3, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0979586342 | Cử nhân Điều dưỡng 002224 | Tiếng anh B A3253156 | CNTTCB 1201905 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0134 | |
| 934 | Nguyễn Thị Ngân | 038198009453 | | 15/9/1998 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | xã Kdang - Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0398389056 | Cao đẳng điều dưỡng A182091 | | | | | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0104 | |
| 935 | Nguyễn Thị Kim Ngân | 052300003030 | | 08/12/2000 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 2, thôn Bình An I, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0398220391 | Cao đẳng ngành dược (A000760) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0043 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 936 | Nguyễn Thị Thu Ngân | 064198011781 | | 27/01/1998 | xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai | 42/18 Lý Nam Đế, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0365496445 | Đại học Điều dưỡng 000232 | Tiếng anh Bậc 3 DND.F.0000770 | CNTTCB DND.I1.0026166 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0074 | |
| 937 | Nguyễn Thị Thuý Ngân | 052188020544 | | 17/11/1988 | Quy Nhơn, Gia Lai | Làng trẻ em SOS Quy Nhơn, 02 Hồ Văn Huê, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0349547213 | Cử nhân kế toán (344756) | Tiếng anh B (B241805) | Tin học B (B361258) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0182 | |
| 938 | Nguyễn Thị Tuyết Ngân | 064188005627 | | 07/01/1988 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 35/2 Võ Văn Dũng, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0772444649 | Cao đẳng ngành dược (CL0077724) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0088 | |
| 939 | Phạm Thu Ngân | 052193015264 | | 01/02/1993 | Phù Mỹ, Gia Lai | 245 Chu Văn An, Phù Mỹ, Gia Lai | 0964763679 | Cử nhân Kế toán (1498175) | Tiếng anh B (A749169) | Ứng dụng CNTT B (A712401 | Chứng chỉ Văn thư hành chính (00001499) | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251023-0152 | |
| 940 | Rơ Ô H' Ngân | 064197013779 | | 12/3/1997 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Du, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0385287279 | Cử nhân Luật ULB.000.8214 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0076 | |
| 941 | Trần Lê Kim Ngân | 052195002066 | | 11/12/1995 | Quy Nhơn, Gia Lai | 78 Tháp Đôi, Quy Nhơn, Gia Lai | 0906948629 | Cao đẳng ngành dược (B924203) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0105 | |
| 942 | Trần Thị Lệ Ngân | 064303012798 | | 28/4/2003 | Làng Nú, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | Làng Nú, xã Ia Nan, tỉnh Gia Lai | 0369827135 | Cao đẳng Dược YDC00486 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0014 | |
| 943 | Trần Thị Thuý Ngân | 052302008850 | | 10/06/2002 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 257 đường 6 tháng 2, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0363320731 | Cử nhân Kế toán tổng hợp (QNU A.10002123) | Tiếng anh bậc 3 (0004686) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0013346) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251013-0096 | |
| 944 | Trần Tố Ngân | 064300015810 | | 08/11/2000 | 01 Đỗ Thúc Tịnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | 01 Đỗ Thúc Tịnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng | 0398499721 | Cao đẳng Dược 002019 | | | | | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0007 | |
| 945 | Võ Thị Ngân | 052185009889 | | 18/6/1985 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Hội Thành, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0963380815 | Cao đẳng ngành dược (000319) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0088 | |
| 946 | Võ Thị Tường Ngân | 052197013283 | | 08/4/1997 | Tuy Phước, Gia Lai | Tuy Phước, Gia Lai | 0355749919 | Cao đẳng ngành dược (PA001453) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0020 | |
| 947 | Vũ Thị Ngân | 040195001552 | | 01/06/1995 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Thôn Châu Thành, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0343569949 | Cao đẳng điều dưỡng B827393 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0039 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 948 | Siu H' Ngao | 064193009569 | | 14/11/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0986810251 | Đại học Luật 125040093CQ | Tiếng anh B A3217531 | CNTTCB 0178324 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0003 | |
| 949 | Rmah H' Ngen | 064195016534 | | 01/6/1995 | Khu Phố Mỹ Lệ Đông, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk | Khu Phố Mỹ Lệ Đông, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk | 0386567600 | Cao đẳng Điều dưỡng B790625 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế la Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0151 | |
| 950 | Trần Văn Nghênh | 030079011533 | 20/12/1979 | | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 01/7 Lê Quang Định, tổ 1, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0948973079 | Kỹ sư Công nghệ thông tin C795541 | | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251020-0002 | |
| 951 | Đặng Quang Nghĩa | 064201005637 | 12/7/2001 | | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0966895394 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (số hiệu: 001333) | Tiếng anh B1 0005412 | CNTTCB 0066556 | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0127 | |
| 952 | Huỳnh Thị Nghĩa | 052199008537 | | 20/06/1999 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ Kim Tài, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0981789830 | Cao đẳng Dược (000700) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0016 | |
| 953 | Nguyễn Thị Hồng Nghĩa | 052182009090 | | 28/01/1982 | Hoài Ân, Gia Lai | An Hoà, Hoài Ân, Gia Lai | 0981289469 | Đại học công tác xã hội (E0126898) | Tiếng anh B (A2277547) | Tin học B (A2475773) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251022-0074 | |
| 954 | Phan Thị Nghĩa | 052199005100 | | 19/09/1999 | Xuân An, Gia Lai | Đại Hữu, Xuân An, Gia Lai | 0366472352 | Cao đẳng Dược (A182274) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0058 | |
| 955 | Võ Tấn Nghĩa | 054097005863 | 10/7/1997 | | Phú Túc, Gia Lai | Thôn Phú Long, Tuy An Nam, Đắk Lắk | 0375649771 | Đại học dược (DL05202517) | | | | | Trạm Y tế xã Kdang - cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Somei | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0110 | |
| 956 | Ksor H' Nghiên | 064302010462 | | 14/10/2002 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0813874168 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHY.6.121425 | Tiếng anh A2 BSET2516542 | CNTTCB 023714 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0132 | |
| 957 | Đoàn Thị Thương Nghiệp | 052193011872 | | 05/6/1993 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 144 Quang Trung, Tam Quan, Gia Lai | 0373738655 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C0000192) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251026-0006 | |
| 958 | Nguyễn Thị Nghiệp | 052194007807 | | 27/9/1994 | Tam Quan, Gia Lai | Tổ 1, Khu phố Hội An Tây, Tam Quan, Gia Lai | 0374036267 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm (A000748) | | | | | Khoa xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa xét nghiệm | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251022-0050 | |
| 959 | Đoàn Thị Nghiệt | 052196009831 | | 15/02/1996 | Canh Vinh, Gia Lai | Hiệp Hưng, Canh Vinh, Gia Lai | 0363047114 | Cử nhân Quản lý nhà nước (A0000296) | Tiếng anh A2 (00966.18) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0336652) | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0084 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 960 | Rơ Lan Ngíu | 064300007507 | | 16/01/2000 | Làng Bi, xã Ia O, tỉnh Gia Lai | Làng Bi, xã Ia O, tỉnh Gia Lai | 0399581914 | Cao đẳng Điều dưỡng 000467/CDD4006C | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia O | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Grai | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0126 | |
| 961 | Phùng Thị Ngoan | 033188009430 | | 22/4/1988 | Nhà Công vụ C 15, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Nhà Công vụ C 15, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0989143476 | Cử nhân Kế toán 0084064 | Giấy xác nhận Tiếng anh A2 Viện khoa học quản lý giáo dục | Tin học B 00299 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0156 | |
| 962 | Đặng Thị Mỹ Ngọc | 052197015553 | | 04/11/1997 | Tây Sơn, Gia Lai | Xóm 2, Phú Hiệp, Bình Phú, Gia Lai | 0965781305 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025810) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0029 | |
| 963 | Hồ Thị Như Ngọc | 064193009228 | | 11/11/1993 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 150 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0373759979 | Cao đẳng Điều dưỡng YDC00851 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0127 | |
| 964 | Lê Thị Bích Ngọc | 052191012725 | | 25/10/1991 | Phù Mỹ Tây, Gia Lai | Lạc Sơn, Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 0334898716 | Đại học luật (0090480) | Tiếng anh B (982333) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0257530) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Ia Grai | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0077 | |
| 965 | Lê Thị Kim Ngọc | 052198004018 | | 01/09/1998 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 148 Trần Đại Nghĩa, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0354718080 | Đại học ngành dược (7301386) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0128 | |
| 966 | Man Thị Như Ngọc | 052301014429 | | 20/04/2001 | Tuy Phước, Gia Lai | 82 Xuân Diệu, Tuy Phước, Gia Lai | 0344985960 | Đại học Kế toán (QNUA. 0004491) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0001711) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251015-0133 | |
| 967 | Nguyễn Đoàn Hồng Ngọc | 074195006176 | | 17/11/1995 | Thôn Mỹ Phú, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Mỹ Phú, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0376019188 | Cao đẳng điều dưỡng B839495 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0104 | |
| 968 | Nguyễn Khương Cẩm Ngọc | 064302010827 | | 21/7/2002 | 79 Nguyễn Bá Lân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 79 Nguyễn Bá Lân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0941342759 | Cử nhân Luật HCH.6.00380 | Tiếng anh Bậc 3 HCH.6.00380 | CNTTCB 0064894 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0155 | |
| 969 | Nguyễn Thị Ngọc | 001191056602 | | 27/02/1991 | Mê Linh, buôn Thành công, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Mê Linh, buôn Thành công, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0967159722 | Cao đẳng điều dưỡng A498755 | | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0037 | |
| 970 | Nguyễn Thị Ánh Ngọc | 064192005779 | | 10/12/1992 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 68/1A Nguyễn Hữu Thọ, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0935867887 | Cử nhân Quản trị kinh doanh (số hiệu: 1045938) | Tiếng anh B A1155777 | Tin học ứng dụng B A1584380 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0004 | |
| 971 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc | 052194001249 | | 04/8/1994 | xã Ngô Mây, tỉnh Gia Lai | 26 Trần Phú, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0969833357 | Cao đẳng Dược A182888 | | | | | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0011 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 972 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc | 064195010403 | | 10/10/1995 | 1541 Quang Trung, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 1541 Quang Trung, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0963448628 | Dược sĩ đại học 025427 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0098 | |
| 973 | Nguyễn Thị Thanh Ngọc | 051197006424 | | 01/02/1997 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 63 Trần Hưng Đạo, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0968492312 | Cao đẳng điều dưỡng B953293 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã AlBa cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0119 | |
| 974 | Nguyễn Thiên Bảo Ngọc | 066195014743 | | 07/02/1995 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 58/83 Phạm Văn Đồng, tổ 2, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0932505118 | Cử nhân Điều dưỡng TVU.1.023734 | Tiếng anh B A1871677 | Tin học ứng dụng B A2039000 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0102 | |
| 975 | Phạm Thị Ngọc | 038199029138 | | 24/02/1999 | Kbang, Gia Lai | 01 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0384231210 | Cao đẳng ngành dược (YDP002472) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0156 | |
| 976 | Trương Thị Ngọc | 038190034493 | | 21/02/1990 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Khu Gia đình kho K896, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0964621267 | Đại học Tài chính - Ngân hàng 019479 | Tiếng anh Bậc 3 E6000250 | Tin học B 0532603 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251010-0021 | |
| 977 | Ksor Ngứ | 64201011651 | 15/4/2001 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Ung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0984951653 | Cao đẳng điều dưỡng A.001537 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0079 | |
| 978 | Bùi Thảo Nguyên | 044300009217 | | 24/01/2000 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 307 Quang Trung, TDP2, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0877555679 | Cử nhân điều dưỡng A7106563 | | CNTTNC N005048 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0071 | |
| 979 | Đặng Thị Tây Nguyên | 064194003286 | | 14/4/1994 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 120 Ngô Mây, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0962796002 | Cử nhân Luật 00001572 | Tiếng anh B TA1707 | Tin học văn phòng TA2224 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0057 | |
| 980 | Đỗ Thị Thảo Nguyên | 064193006207 | | 22/12/1993 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP Hiệp An, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0384100565 | Cao đẳng Điều dưỡng 25YDC00578 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0061 | |
| 981 | Lương Văn Nguyên | 064092000586 | 02/01/1992 | | 43 Trần Hưng Đạo, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 43 Trần Hưng Đạo, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0368758583 | Đại học Hành chính học 829649 | Tiếng anh B A1322801 | Tin học B A1302308 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0124 | |
| 982 | Nguyễn Phi Nguyên | 064203001623 | 28/7/2003 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0399891557 | Cử nhân Điều dưỡng 0001974 | Tiếng anh Bậc 1 0000746 | CNTTCB 0001449 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0078 | |
| 983 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 064191000677 | | 07/5/1991 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 94 Nguyễn Huệ, tổ 7, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0935785086 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.005828 | Tiếng anh B A2030302 | CNTTCB 011359 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0005 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 984 | Nguyễn Văn Nguyên | 064095000505 | 13/8/1995 | | 53 Nguyễn Du, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 53 Nguyễn Du, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0347048898 | Cử nhân Luật MBS60003432 | Tiếng anh B A2588163 | CNTTNC 0005149 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0153 | |
| 985 | Phạm Thanh Nguyên | 064202008633 | 20/04/2002 | | Kbang, Gia Lai | 306/56 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0377840758 | Cử nhân Luật (QNU A/0004087) | Tiếng anh B2 (0008989) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0015033) | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0057 | |
| 986 | Phan Bùi Trung Nguyên | 064094001690 | 29/9/1994 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 268/14/4/8 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0903617701 | Cử nhân xét nghiệm y học 1445202 | Tiếng anh Bậc 3 E6000526 | CNTTCB 0206120 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251015-0066 | |
| 987 | Phan Thị Kiều Nguyên | 052196013729 | | 05/10/1996 | Phù Cát, Gia Lai | Xóm Trung, Phong An, Phù Cát, Gia Lai | 0974500142 | Cao đẳng ngành dược (B888137) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0044 | |
| 988 | Rơ Lan H' Nguyên | 064302006523 | | 05/7/2002 | Làng Gran, xã la Ko, tỉnh Gia Lai | Làng Gran, xã la Ko, tỉnh Gia Lai | 0793664183 | Cử nhân Điều dưỡng 100124 | Tiếng anh B2 BSET2508900 | CNTTCB C00188800 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0091 | |
| 989 | Trần Thị Thảo Nguyên | 054300003461 | | 07/9/2000 | Tuy An Nam, Đắk Lắk | 142 Thống Nhất, Phú Túc, Gia Lai | 0372544738 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (VL-B10910) | Tiếng anh B1 (034249) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00171864) | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế xã Phú Túc - Trạm chính | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0034 | |
| 990 | Võ Lê Thanh Nguyên | 052302004514 | | 12/12/2002 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 131 Tú Mỡ, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0965422996 | Cử nhân Điều dưỡng (A0004538) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Tim mạch - Nội tiết | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0030 | |
| 991 | Võ Thị Nguyên | 052300009521 | | 03/9/2000 | Đề Gi, Gia Lai | 04 Nguyễn Văn Trỗi, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0376688732 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000010) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0073 | |
| 992 | Đinh Văn Lý Nguyên | 052201007253 | 11/02/2001 | | Vân Canh, Gia Lai | Canh Tân, Vân Canh, Gia Lai | 0357800314 | Cử nhân Luật (QNU.A/0002039) | Tiếng anh Bậc 3 (0007284) | Ứng dụng CNTTcơ bản (0010872) | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0120 | |
| 993 | Nguyễn Thị Nguyên | 052194000320 | | 29/3/1994 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Block A, chung cư Xuân Thuỷ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0985625361 | Cử nhân quản lý nhà nước (QNUA.0003675) | Tiếng anh A2 (BSET2515991) | | | Con của người hưởng chính sách như thương | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0074 | |
| 994 | Từ Thị Nguyên | 052198012912 | | 10/12/1998 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Xóm 1, Lộc Thượng, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0787797590 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B111105) | | | | Con của người có công (thương binh) | Khoa Răng hàm mặt - tai mũi họng | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Khám bệnh | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0144 | |
| 995 | Bùi Minh Nguyệt | 064193003744 | | 06/4/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 162/32 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0989188376 | Cử nhân Quản lý nhà nước 160810 | Tiếng anh B B920587 | Tin học B B0071321 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0077 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 996 | Đinh Thị Nguyệt | 64304013258 | | 29/01/2004 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Làng H Tăng, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0383799272 | Cao đẳng điều dưỡng 600977 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ayun cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0067 | |
| 997 | Đỗ Thị Thu Nguyệt | 064198006503 | | 18/8/1998 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0327187357 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0000510 | Tiếng anh B A321335 | CNTTCB 0836293 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0079 | |
| 998 | Đoàn Thị Ánh Nguyệt | 052199010012 | | 30/9/1999 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Trung Tín 1, Tuy Phước, Gia Lai | 0362606892 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0012199) | Tiếng anh Bậc 3 (20.B1.004111) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C0001236) | | | Khoa KSBT-HIV/AIDS | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa KSBT-HIV/AIDS-YTCC và ATTP | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0095 | |
| 999 | Hồ Thị Ánh Nguyệt | 064193003951 | | 01/10/1993 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Lô 17 KDC thông tuyến Ngô Mây - Kpă Klơng, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0963364852 | Cao đẳng Điều dưỡng B597069 | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0010 | |
| 1000 | Hồ Trần Như Nguyệt | 052185016236 | | 25/02/1985 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Khu vực Chánh Thạnh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0983003849 | Cử nhân Kế toán (325013) | Tiếng anh B (A230704) | Tin học B (375357) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251014-0036 | |
| 1001 | Lâm Ngọc Như Nguyệt | 052194003845 | | 18/07/1994 | Quy Nhơn, Gia Lai | 354 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0867513568 | Cử nhân Quản lý nhà nước (1323359) | Tiếng anh B (A1916508) | Ứng dụng CNTT B (A1305387) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0122 | |
| 1002 | Lê Thị Ánh Nguyệt | 052197014026 | | 15/03/1997 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Thôn Mỹ Bình 2, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0368780321 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1026096) | | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0093 | |
| 1003 | Nay H' Nguyệt | 064304002112 | | 16/3/2004 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Hiao, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0373763859 | Cao đẳng Điều dưỡng 6009553 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0085 | |
| 1004 | Nguyễn Như Nguyệt | 052199000948 | | 11/04/1999 | Ya Hội, Gia Lai | Thôn An Phú, Ya Hội, Gia Lai | 0373479232 | Đại học Điều dưỡng (0002779) | Tiếng anh B (A2826563) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00016250) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251014-0023 | |
| 1005 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 064195012406 | | 12/6/1995 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Làng Kon Lanh, xã Đak Rong, tỉnh Gia Lai | 0983325722 | Cao đẳng Hộ sinh B717650 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Chư Sê | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251027-0031 | |
| 1006 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 064192003059 | | 12/3/1992 | xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0356812399 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng 827806 | Tiếng anh C A1177313 | Tin học ứng dụng B A413696 | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Tài chính | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0029 | |
| 1007 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 052304008037 | | 09/01/2004 | Hoà Hội, Gia Lai | 17/9 A Đồng Đa, Quy Nhơn, Gia Lai | 0943367498 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A001465) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251023-0073 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1008 | Phan Ánh Nguyệt | 052301006932 | | 13/8/2001 | An Nhơn, Gia Lai | 84 Võ Văn Dũng, An Nhơn, Gia Lai | 0979334959 | Đại học ngành điều dưỡng (sh: 7112597) | Tiếng anh A2 (BSET2307875) | Công nghệ thông tin nâng cao (N.009467) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251009-0077 | |
| 1009 | Phan Thị Ánh Nguyệt | 064196007605 | | 02/01/1996 | 972 Phạm Văn Đồng, tổ 7, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 972 Phạm Văn Đồng, tổ 7, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0342865279 | Cao đẳng Dược (A000085) | | | | | Trạm Y tế Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế Ia Krái cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0030 | |
| 1010 | Trần Minh Nguyệt | 052197002331 | | 06/2/1997 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Vinh Quang 2, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0329874670 | Cao đẳng ngành dược (B1025947) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0016 | |
| 1011 | Trần Thị Ánh Nguyệt | 052186015435 | | 16/06/1986 | Hoà Hội, Gia Lai | Nguyễn Du, Phù Cát, Gia Lai | 0985602455 | Cao đẳng Dược C0002359) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0105 | |
| 1012 | Trịnh Thị Kim Nguyệt | 052195011095 | | 10/9/1995 | Phước Long, TP Hồ Chí Minh | Xóm 6, Tường Sơn Nam, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0938568029 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (1608726) | Tiếng anh B (A1704043) | Chứng chỉ tạm thời | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251030-0100 | |
| 1013 | Ngô Thị Ngọc Nhã | 052302007589 | | 02/01/2002 | Quy Nhơn, Gia Lai | 102 Lê Văn Hưu, Quy Nhơn, Gia Lai | 0795258720 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001008) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0006 | |
| 1014 | Trần Thị Hoa Nhài | 064198010348 | | 02/01/1998 | 53 Phạm Văn Đồng, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 53 Phạm Văn Đồng, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0339003774 | Cao đẳng Dược B1111137 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0050 | |
| 1015 | Đinh Thị Xuân Nhâm | 064198007195 | | 01/7/1998 | xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | Làng leng Tô, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0377854680 | Cử nhân Quản lý nhà nước 002890 | Tiếng anh Bậc 2 BSET2514186 | CNTTCB 1079658 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0162 | |
| 1016 | Lê Thị Nhàn | 040184005798 | | 20/10/1984 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Đường Anh Hùng Núp, TDP 4, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0358560169 | Đại học Luật DND.6.0100909872 | Tiếng anh B A982180 | Tin học ứng dụng A1446891 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0094 | |
| 1017 | Rơ Mah H' Nhàn | 064300007704 | | 24/06/2000 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 60 Wừu, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0329881449 | Cao đẳng Dược VCI0005632 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0142 | |
| 1018 | Trần Thị Nhàn | 040191037597 | | 12/5/1991 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 43 KPă Klơng, Tổ 3 Hoa Lư, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0344350116 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000888 | Tiếng anh B1 12301325 | CNTTCB I911462 | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0129 | |
| 1019 | Đỗ Thị Lý Nhân | 052304011231 | | 20/01/2004 | Cát Tiến, Gia Lai | Phú Hậu, Cát Tiến, Gia Lai | 0386569367 | Cao đẳng ngành dược (A001350) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0137 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1020 | Đỗ Thiện Nhân | 052203015966 | 02/3/2003 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 32/2 Lê Lợi, Quy Nhơn, Gia Lai | 0917905194 | Đại học quản trị kinh doanh (0004671) | Tiếng anh Bậc 3 (0008628) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0013844) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0096 | |
| 1021 | Kpă Y Nhân | 054202009104 | 04/6/2002 | | Thôn Xây dựng, xã Suối Trai, tỉnh Đăk Lăk | Thôn Xây dựng, xã Suối Trai, tỉnh Đăk Lăk | 0339677155 | Đại học Điều dưỡng E0051009 | Tiếng anh A2 BSET2423156 | CNTTCB 019227 | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0105 | |
| 1022 | Nguyễn Duy Nhân | 052092012528 | 05/10/1992 | | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 1247 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0377402990 | Đại học Công nghệ thông tin (0003467) | Tiếng anh B (A421288) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251028-0013 | |
| 1023 | Nguyễn Thị Hồng Nhân | 064197008550 | | 24/11/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Bluk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0354264145 | Cử nhân điều dưỡng 7101490 | Tiếng anh Bậc 3 0007877 | CNTTCB 0003596 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0057 | |
| 1024 | Nguyễn Thị Kim Nhân | 052194019646 | | 07/8/1994 | Ân Hảo, Gia Lai | Xóm 1, Long Mỹ, Ân Hảo, Gia Lai | 0962852109 | Cử nhân xét nghiệm y học (CN02076) | Tiếng anh B (A1140333) | Ứng dụng CNTT cơ bản (016816) | | | Khoa xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa xét nghiệm | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0051 | |
| 1025 | Phan Thị Kim Nhân | 052192001764 | | 15/06/1992 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Tố, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0968049543 | Cao đẳng Điều dưỡng (B401099) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0043 | |
| 1026 | Huỳnh Thị Bích Nhạn | 052195018045 | | 20/6/1995 | Vạn Đức, Gia Lai | 06 Lê Đình Chinh, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0329339123 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B717413) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0052 | |
| 1027 | Phan Thị Bích Nhạn | 052196006593 | | 07/7/1996 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Khu phố Phụng Du 1, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0339757296 | Đại học ngành dược (026980) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0022 | |
| 1028 | Đặng Thị Xuân Nhanh | 075191001073 | | 27/12/1991 | xã Kông Bờ La, tỉnh Gia Lai | Làng Bình An, ,xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai | 0986031799 | Cao đẳng Dược PA000789 | | | | | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0106 | |
| 1029 | Đinh Minh Nhật | 052099013424 | 06/3/1999 | | Kim Sơn, Gia Lai | Thôn T2, Kim Sơn, Gia Lai | 0866922143 | Đại học công tác xã hội (003209) | Tiếng anh Bậc 3 (C026262) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202211152) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251104-0044 | |
| 1030 | Nguyễn Quang Nhật | 064203004177 | 30/8/2003 | | Thôn 4, xã Ia Krai, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Ia Krai, tỉnh Gia Lai | 0966358705 | Đại học Công nghệ thông tin DKK62008962 | GCN Chuẩn đầu ra Tiếng Anh DHT15A4HN ĐH kinh tế- kỹ thuật công nghiệp | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251027-0123 | |
| 1031 | Nguyễn Thị Hoàng Nhật | 052302008155 | | 20/05/2002 | Diên Hồng, Gia Lai | 09 Trần Văn Ơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0866734056 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (CN001286) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0015552) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0090 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1032 | Thái Văn Nhật | 048096007404 | 17/6/1996 | | Sơn Trà, Đà Nẵng | 216 Nguyễn Công Trứ, Sơn Trà, Đà Nẵng | 0901142116 | Đại học kỹ thuật hình ảnh y học (CN000327) | Tiếng anh B (A1918006) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0004719) | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0059 | |
| 1033 | Bùi Nguyễn Quỳnh Nhi | 052304005247 | | 15/11/2004 | Quy Nhơn, Gia Lai | 469B Bạch Đằng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0387729815 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001428) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0037 | |
| 1034 | Đinh Thị Ngọc Nhi | 64304018535 | | 25/4/2004 | Yên Phú 1, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Yên Phú 1, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0975385807 | Cao đẳng điều dưỡng IDC00871 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0059 | |
| 1035 | Hồ Thị Phương Nhi | 066192020580 | | 17/9/1992 | 26 Sư Vạn Hạnh, tổ 7, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 26 Sư Vạn Hạnh, tổ 7, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0386643759 | Cao đẳng điều dưỡng B182406 | | | | | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0085 | |
| 1036 | Hoàng Thị Bích Nhi | 064301012841 | | 27/4/2001 | Lơ Pang, Gia Lai | Làng Dơ Nâu, Lơ Pang, Gia Lai | 0329441946 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0037550) | Tiếng anh B1 (22.B1.004308) | Ứng dụng CNTT cơ bản (018634) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0106 | |
| 1037 | Huỳnh Nữ Thảo Nhi | 052193017362 | | 09/11/1993 | Quy Nhơn, Gia Lai | 59 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Gia Lai | 0787037485 | Đại học Công tác xã hội (QNUA. 0007724) | Cử nhân Tiếng anh 1324473) | Tin học B (0001579) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251015-0095 | |
| 1038 | Huỳnh Tuyết Nhi | 052194001633 | | 10/4/1994 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Hiền Đông, Canh Vinh, Gia Lai | 0344588133 | Cao đẳng ngành dược (B738271) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0092 | |
| 1039 | Lê Hoàng Nhi | 064302004180 | | 22/3/2002 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 10/2 Đặng Thai Mai, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0826592779 | Cử nhân Luật UL.B.0012445 | Toeic 510 điểm ngày cấp 19/06/2024 | CNTTCB C00189463 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0126 | |
| 1040 | Lê Thị Hoài Nhi | 052196010128 | | 24/3/1996 | Chư Pưh, Gia Lai | 447 Hùng Vương, Chư Pưh, Gia Lai | 0987059971 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738380) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Le | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Krái | Trung tâm Y tế Ia Grai | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0125 | |
| 1041 | Lê Thị Hồng Nhi | 052194016971 | | 26/4/1994 | Hoà Hội, Gia Lai | Chánh An, Hoà Hội, Gia Lai | 0964691927 | Cao đẳng ngành dược (B1099009) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0071 | |
| 1042 | Nay H' Nhi | 064194001740 | | 01/10/1994 | Bôn Rưng Ma Nin, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Nin, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0379796512 | Cao đẳng điều dưỡng B688915 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0065 | |
| 1043 | Nguyễn Hà Diệu Nhi | 064301010825 | | 07/5/2001 | 101 Huỳnh Thúc Kháng, tổ 1, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 101 Huỳnh Thúc Kháng, tổ 1, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0397881891 | Dược sĩ đại học 7302567 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0047 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1044 | Nguyễn Lê Uyên Nhi | 064301006371 | | 10/02/2001 | 113 Hùng Vương, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 113 Hùng Vương, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0399833346 | Dược sĩ đại học 7302571 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0042 | |
| 1045 | Nguyễn Thị Nhi | 052193005757 | | 15/3/1993 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 149/1 Tôn Thất Tùng, Pleiku, Gia Lai | 0949735377 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm (YDC00099) | | | | | Trạm Y tế phường An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251022-0089 | |
| 1046 | Nguyễn Thị Ái Nhi | 052198012803 | | 15/02/1998 | An Nhơn, Gia Lai | 6/8 Đô Đốc Bảo, An Nhơn, Gia Lai | 0394206057 | Cao đẳng ngành điều dưỡng(A000807) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0100 | |
| 1047 | Nguyễn Thị Bảo Nhi | 064197007868 | | 30/3/1997 | An Khê, Gia Lai | 62 Võ Lai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0377769423 | Cao đẳng ngành hộ sinh (B934817) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Hộ sinh | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251104-0145 | |
| 1048 | Nguyễn Thị Tố Nhi | 064198011444 | | 25/10/1998 | xã Bình An, tỉnh Gia Lai | 23A Âu Cơ, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0866588466 | Cử nhân Y tế công cộng E005722 | Tiếng anh B1 002852 | CNTTCB 0988520 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | Dân số viên hạng III | V.08.10.28 | H21.19-251023-0130 | |
| 1049 | Nguyễn Thị Ý Nhi | 052197005424 | | 10/11/1997 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Nhơn Thiện, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0985617029 | Cử nhân ngành điều dưỡng (1803758) | Tiếng anh B (A.1918170 | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0014977) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0016 | |
| 1050 | Nguyễn Thị Yến Nhi | 052303000570 | | 20/02/2003 | An Lão, Gia Lai | Hẻm 129/6 Nguyễn Nhạc, An Lão, Gia Lai | 0335826653 | Cao đẳng ngành dược (YDA00450) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0018 | |
| 1051 | Nguyễn Thị Yến Nhi | 064198010389 | | 06/06/1998 | Cửu An, Gia Lai | Chung cư Lamer 2, tổ 47, khu phố 30, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0966299133 | Cao đẳng Dược (B 1111139) | | | | | Khoa Dược-Trang thiết bị-Vật tư y tế | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0136 | |
| 1052 | Phạm Thị Xuân Nhi | 64301008489 | | 01/11/2001 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 0368545154 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học E0037537 | Tiếng anh B1 21.B1.000853 | CNTTCB C00147828 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251010-0120 | |
| 1053 | Trần Thị Lan Nhi | 052196003607 | | 24/12/1996 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Số 10 Thuận Thái 1, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0362482582 | Đại học Điều dưỡng (1643647) | Tiếng anh C (3092740) | Tin học B (0006514) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0013 | |
| 1054 | Trần Thị Phương Nhi | 066199011695 | | 16/3/1999 | Pơng Drang, Đắk Lắk | Hẻm Lê Văn Thù, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0944517787 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0012208) | Tiếng anh B1 (0026386) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0988521) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251030-0018 | |
| 1055 | Trần Thị Ý Nhi | 064191011072 | | 10/4/1991 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 33/2 Đinh Công Tráng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0359139862 | Cử nhân Quản trị kinh doanh 418349 | Tiếng anh B A107818 | Tin học B A413724 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Ia grai | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0039 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1056 | Đào Thị Nhiên | 064187002191 | | 10/3/1987 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0931625175 | Cử nhân Điều dưỡng 1267306 | Tiếng anh B 0239001 | KTV Tin học 486 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0039 | |
| 1057 | Ksor Nhiên | 064097006755 | 08/01/997 | | Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0329167416 | Cao đẳng cử nhân thực hành Dược C02085 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0108 | |
| 1058 | Bùi Thị Nhinh | 030191009900 | | 16/9/1991 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 372 Tôn Đức Thắng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0343335922 | Cử nhân Luật MBS60012788 | Tiếng anh C A3313900 | CNTTCB 0000523 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0093 | |
| 1059 | Đinh Thị Nhíp | 052304001200 | | 17/08/2004 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn M2, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0396268254 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001453) | | | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0006 | |
| 1060 | Đinh Văn Nho | 052099009651 | 13/07/1999 | | Canh Liên, Gia Lai | Kon Lót, Canh Liên, Gia Lai | 0352905059 (số ĐT người khác) | Đại học Cử nhân Công tác xã hội (QNU A.0007998) | Chứng nhận năng lực ngoại ngữ Tiếng anh (0005153) ĐH Quy Nhơn | Ứng dụng CNTT cơ bản (0009916) ĐH Quy Nhơn | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng ngành Công tác xã hội | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng ngành Công tác xã hội | Nhân viên công tác xã hội | V.09.04.03 | H21.19-251010-0144 | |
| 1061 | Ksor H' Nhoa | 064192010742 | | 10/6/1992 | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0343505275 | Cao đẳng điều dưỡng B.688232 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0063 | |
| 1062 | Ra Lan h' Nhoắt | 064300011609 | | 08/5/2000 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0374957380 | Đại học Điều dưỡng DND.6.0150020 | GXN Tiếng anh bậc 3 25/GXN/EDUVIET NC: 08/7/2024 | CNTTCB DND.I1.0045662 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0115 | |
| 1063 | Nay Nhon | 064089010685 | 17/9/1989 | | Thôn Ama HLăk, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Thôn Ama HLăk, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0348789254 | Cao đẳng điều dưỡng B688962 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0040 | |
| 1064 | Nguyễn Đoàn Thuý Nhơn | 052192170356 | | 09/12/1992 | An Nhơn Nam, Gia Lai | 446 Võ Nguyên Giáp, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0973429109 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000027) | | | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số (A.05285) | | Trạm Y tế xã An Nhơn Tây | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng điều dưỡng - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Trạm Y tế xã Tuy Phước - cơ sở chính | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng điều dưỡng - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251017-0131 | |
| 1065 | Châu Thị Huỳnh Như | 052195006021 | | 01/6/1995 | xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 182/8 Bùi Quốc Khánh, tổ 42, khu 5, phường Thủ Dầu 1, TPHCM | 0398333792 | Dược sĩ đại học NTTDS.10203109 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0107 | |
| 1066 | Đặng Trần Khánh Như | 052302007411 | | 06/9/2002 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 144 Trần Quang Diệu, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0965340604 | Đại học luật (UL.B.0012451) | Tiếng anh IELTS 5.5 (24VN516238DAN101A) NC: 30/9/2024 | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202404218) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0095 | |
| 1067 | Đoàn Thảo Như | 064199008084 | | 06/7/1999 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 75 Ngô Quyền, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0356979625 | Cử nhân Điều dưỡng 000846 | Tiếng anh A2 IEMS0014013 | CNTTCB C00057765 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0002 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1068 | Đoàn Thị Quỳnh Như | 052199009557 | | 10/6/1999 | Phù Mỹ, Gia Lai | 43 Ngô Gia Tự, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0393689026 | Đại học Kế toán tổng hợp (00192) | Tiếng anh Bậc 3 (0000026) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1101751) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251017-0145 | |
| 1069 | Dương Khả Như | 052197007921 | | 05/11/1997 | Quy Nhơn Tây, Gia Lai | 10 Trần Văn Cẩn, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0348218769 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025687) | | | | | Khoa Truyền nhiễm | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0113 | |
| 1070 | Lê Thị Quỳnh Như | 052301014931 | | 02/11/2001 | xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 447 Hùng Vương, thôn Hòa Tín, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0389828395 | Cao đẳng điều dưỡng Y22.0498/YDP | | | | | Trạm Y tế xã Ia Le | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bàu Cạn cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0059 | |
| 1071 | Lương Tố Như | 064197002618 | | 19/8/1997 | xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | 50 Ama Quang, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0343882744 | Đại học Điều dưỡng 1803694 | | CNTTCB 0007164 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0116 | |
| 1072 | Mai Thị Quỳnh Như | 64301008935 | | 26/10/2001 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 39A Hồ Xuân Hương, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0945885178 | Đại học ngành Luật MBS60015907 | Tiếng anh Bậc 3 0002528 | CNTTCB QH53202347203 ĐH CNTT-ĐHQG HCM | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0037 | |
| 1073 | Nguyễn Hoàng Quỳnh Như | 064303001031 | | 06/7/2003 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 102/12 Lương Định Của, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0368015407 | Đại học điều dưỡng 7122493 | Toeic 829915 ngày cấp 04/04/2025 | CNTTNC N.011768 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0130 | |
| 1074 | Nguyễn Kim Ý Như | 052197018060 | | 18/03/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Khu phố Lý Hưng, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0386986142 | Đại học Cử nhân Công tác xã hội (A.0001162) | Tiếng anh Bậc 2 (0227018) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0644662) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251013-0039 | |
| 1075 | Nguyễn Nữ Quỳnh Như | 054303000245 | | 10/08/2003 | Xuân Phước, Đắk Lắk | Thôn Phú Xuân B, Xuân Phước, Đắk Lắk | 0356056241 | Cử nhân Điều dưỡng (CN001695) | Tiếng anh Bậc 3 DND.F.0006478) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00154850) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0020 | |
| 1076 | Nguyễn Quỳnh Như | 052196011566 | | 11/6/1996 | Hoài Ân, Gia Lai | 27 Trường Chinh, Hoài Ân, Gia Lai | 034863628 Sai số | Đại học dược (020760) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0057 | |
| 1077 | Nguyễn Thị Hiền Như | 046192005007 | | 28/12/1992 | Phú Vinh, Tp Huế | Thôn An Hoà, Ya Hội, Gia Lai | 0355330354 | Cao đẳng Điều dưỡng (B375357) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0143 | |
| 1078 | Phạm Minh Lê Như | 052195005174 | | 08/11/1995 | An Nhơn Đông, Gia Lai | 23/4 Nguyễn Du, Tiên Hoà, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0968896401 | Cao đẳng Dược (C0002126) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0108 | |
| 1079 | Phan Lệ Huỳnh Như | 64300003378 | | 13/5/2000 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0376511258 | Cao đẳng Dược E22.057/YDP | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đăk Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0079 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1080 | Rơ Châm Như | 64301012650 | | 19/12/2001 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Kép, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0357872433 | Cao đẳng Dược 26631 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0117 | |
| 1081 | Trình Tường Quỳnh Như | 052195009715 | | 13/12/1995 | Cát Tiến, Gia Lai | Thôn Phú Hậu, Cát Tiến, Gia Lai | 0985606902 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B-738052) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0012 | |
| 1082 | Trương Thị Quỳnh Như | 052198000820 | | 21/01/1998 | Cát Tiến, Gia Lai | 420 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0336758199 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1055280) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0062 | |
| 1083 | Võ Ngọc Quỳnh Như | 064199012832 | | 08/11/1999 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 21/9/3 Thống Nhất, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0935512035 | Cử nhân Điều dưỡng 7104746 | Tiếng anh A2 BSET2400165 | Tin học cơ bản QH53202337515 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0178 | |
| 1084 | Võ Thị Tố Như | 052195012300 | | 30/10/1995 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Bình Đê, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0965722344 | Đại học ngành xét nghiệm y học (1643738) | Tiếng anh B (1918110) | Ứng dụng CNTT cơ bản (số hiệu: 0749755) | | | Khoa xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0043 | |
| 1085 | Nay H' Nhuế | 064300011820 | | 13/12/2000 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Đông Thuở, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0964229872 | Cử nhân Luật TDLB003787 | Tiếng anh Bậc 3 B13945 | CNTTCB TDLCI 001484 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0052 | |
| 1086 | Bùi Cẩm Nhung | 064300006923 | | 23/11/2000 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 133 đường 17/3, thôn 5, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0984533699 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học VL-B10916 | Tiếng anh B1 E010882 | CNTTCB QH53202337380 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251028-0129 | |
| 1087 | Bùi Thị Hồng Nhung | 038191018929 | | 27/5/1991 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Thôn 7, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0394736997 | Cử nhân Điều dưỡng 000780 | Tiếng anh Bậc 3 BN00016219 | CNTTCB 0404396 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251101-0008 | |
| 1088 | Đặng Thị Hồng Nhung | 052197007852 | | 08/05/1997 | Hoài Ân, Gia Lai | Thôn Phú Thuận, Hoài Ân, Gia Lai | 0968989399 | Đại học Điều dưỡng (1763800) | | Ứng dụng CNTT nâng cao (00098094) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0061 | |
| 1089 | Đỗ Thị Hồng Nhung | 064196013314 | | 26/12/1996 | Làng Ngai Ngó, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Ngai Ngó, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0356818676 | Cao đẳng Điều dưỡng B973455 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0115 | |
| 1090 | Hồ Thị Thanh Nhung | 064192004696 | | 18/12/1992 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Thôn Châu Sơn, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0963734568 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng (1010518) | Tiếng anh B A982030 | Tin học ứng dụng 0046873 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0078 | |
| 1091 | Hoàng Thị Nhung | 038199007489 | | 27/01/1999 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 370/68 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0986477915 | Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành được A184162 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0005 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1092 | Ksor H' Nhung | 064302007032 | | 15/10/2002 | Bôn Sưng Ma Nhiu, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Sưng Ma Nhiu, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0383699358 | Đại học Điều dưỡng TTN.CN.005233 | Tiếng anh B1 2024.B1.0781 Ngày cấp 28/10/2024 | CNTTCB 021959 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0030 | |
| 1093 | Lê Hồng Nhung | 052303003202 | | 24/11/2003 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | An Hoà 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0866092637 | Đại học ngành điều dưỡng (CN 001697) | Tiếng anh Bậc 3 (0005093) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00154852) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0142 | |
| 1094 | Lê Huyền Nhung | 064300007345 | | 21/4/2000 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 05 Kim Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0969751056 | Cử nhân Y tế công cộng 001533 | Đại học Ngôn ngữ Anh DND.6.0188461 | CNTTCB C00169356 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251028-0038 | |
| 1095 | Lê Thị Cẩm Nhung | 052187012726 | | 28/10/1987 | Tuy Phước, Gia Lai | Tổ 1, Luật Lễ, Tuy Phước, Gia Lai | 0393602037 | Cao đẳng ngành dược (B787769) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm Y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0080 | |
| 1096 | Nguyễn Hoàng Phương Nhung | 064303004975 | | 07/10/2003 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Hẻm 02, Nguyễn Huệ, tổ 7, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0792034506 | Cử nhân Điều dưỡng 0002552 | Chứng nhận NL Tiếng anh Bậc 3 0000662 (ĐH Yersin Đà Lạt) | CNTTCB 0001547 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0014 | |
| 1097 | Nguyễn Thị Nhung | 064197004092 | | 05/11/1997 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 10 Cù Chính Lan, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 096430073 thiếu số | Cao đẳng điều dưỡng B883928 | | | | | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0068 | |
| 1098 | Nguyễn Thị Nhung | 042190003810 | | 15/5/1990 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 98 Đào Duy Anh, thôn 6, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0977107802 | Cao đẳng điều dưỡng A180452 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0005 | |
| 1099 | Nguyễn Thị Nhung | 064301009153 | | 20/02/2001 | 375 Hùng Vương, TDP 10, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 375 Hùng Vương, TDP 10, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0384637246 | Cử nhân Luật MBS60019010 | | | | Cán bộ công đoàn trường thành từ cơ sở | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0060 | |
| 1100 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung | 052198009193 | | 01/01/1998 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Xóm 3, khu phố An Sơn, Tam Quan, Gia Lai | 0369181718 | Cao đẳng ngành dược (B1111196) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0089 | |
| 1101 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 064197011890 | | 07/10/1997 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0374116829 | Cử nhân Điều dưỡng 1789503 | Tiếng anh B A3006469 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0091 | |
| 1102 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 052302003648 | | 13/7/2002 | Phù Cát, Gia Lai | Phong An, Phù Cát, Gia Lai | 0942827175 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (TTN.CN.005254) | Tiếng anh Bậc 3 (98/QĐ-TNU-LIC) Đại học Tây Nguyên | Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.004727) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251030-0068 | |
| 1103 | Nguyễn Thùy Nhung | 064196009257 | | 11/12/1996 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 417 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0326125236 | Cử nhân Luật kinh tế 1464241 | | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0141 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1104 | Phạm Thị Hồng Nhung | 066184005060 | | 02/4/1984 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 11/7 Lý Tự Trọng, tổ 5, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0905001346 | Cử nhân Kế toán 0085372 | Tiếng anh B A1601970 | CNTTCB QH40201931190 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251105-0061 | |
| 1105 | Tô Hồng Nhung | 052199007907 | | 17/08/1999 | Đề Gi, Gia Lai | Thôn Trung an, Đề Gi, Gia Lai | 0971027842 | Cao đẳng Dược (000588) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0101 | |
| 1106 | Tô Thị Tuyết Nhung | 052195001320 | | 09/01/1995 | Canh Vinh, Gia Lai | Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0704471194 | Cao đẳng Dược (B649266) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0046 | |
| 1107 | Trần Thị Nhung | 64300010039 | | 24/02/2000 | Thôn 2, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0382319240 | Cao đẳng Điều dưỡng YDA00551 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0016 | |
| 1108 | Trần Thị Bích Nhung | 064302015596 | | 05/8/2002 | 151 Nguyễn Bá Lại, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 151 Nguyễn Bá Lại, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0974157481 | Cử nhân Luật E0048339 | Tiếng anh B1 0167558 | CNTTCB C00237458 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0097 | |
| 1109 | Trần Thị Tuyết Nhung | 064191005944 | | 20/10/1991 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0963477879 | Cao đẳng điều dưỡng A439163 | | | | | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0041 | |
| 1110 | Trương Thị Cẩm Nhung | 052192017321 | | 22/7/1992 | Kbang, Gia Lai | 87 Y Wừu, Kbang, Gia Lai | 0357894256 | Đại học tài chính - ngân hàng (835326) | Tiếng anh C (A2299842) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0036916) | | | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Tài chính | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Bệnh viện tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251016-0049 | |
| 1111 | Trương Thị Hồng Nhung | 064192000282 | | 16/8/1992 | Tổ 3 Thành An, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Tổ 3 Thành An, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0974226579 | Cao đẳng Dược PA001149 | | | | | Trạm Y tế xã Kông Bờ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0146 | |
| 1112 | Võ Thị Hồng Nhung | 064197001809 | | 17/4/1997 | Thôn 1, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 033450854 | Cao đẳng Dược B1036820 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0056 | |
| 1113 | Ksor H' Nhương | 064199011272 | | 12/3/1999 | Buôn Hdreh, xã Ia Hdreh, tỉnh Gia Kau | Buôn Hdreh, xã Ia Hdreh, tỉnh Gia Kau | 0368258330 | Cử nhân Luật kinh tế E0011360 | Tiếng anh B1 20.B1.004352 | CNTTCB C00044038 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0121 | |
| 1114 | Ksor H' Nhúy | 064301012192 | | 28/02/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Ama Rin1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0335149903 | Đại học Điều dưỡng CN000713 | Tiếng anh A2 BSET2309538 | CNTTCB 0056175 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0073 | |
| 1115 | Đặng Thị Ni | 052190000882 | | 10/01/1990 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 2699 Quang Trung, Bồng Sơn, Gia Lai | 0868380015 | Cao đẳng Điều dưỡng (A186206) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0067 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1116 | Kpă Da Ni | 064303002865 | | 21/01/2003 | Buôn Ekia, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Ekia, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0372703083 | Cử nhân Luật QNU A/0004124 | Tiếng anh B1 0006242 | CNTTCB 0009764 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0073 | |
| 1117 | R' Côm H' Nĩ | 064195014043 | | 04/4/1995 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0867065457 | Cử nhân Điều dưỡng 0003074 | Tiếng anh B NN.11830 | Tin học văn phòng B TH-12440 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0059 | |
| 1118 | YBLol Niê | 066089012722 | | 15/8/1989 | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0869757958 | Cao đẳng xét nghiệm B208471 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251020-0081 | |
| 1119 | Nguyễn Thị Vi Nin | 052199015070 | | 10/11/1999 | Tổ 6, Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 81 Nguyễn Thiếp, Phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0397964887 | Cao đẳng Dược (000506) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251007-0045 | |
| 1120 | Lê Xuân Ninh | 044094007436 | 13/04/1994 | | Quảng Ninh, Quảng Bình | 172 Âu Cơ, Tân Hoà, Tp Hồ Chí Minh | 0985867554 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (E0119776) | Tiếng anh C (A2909424 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0253015) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0148 | |
| 1121 | Nguyễn Thị Thùy Ninh | 064195006080 | | 01/10/1995 | Châu Khê, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Châu Khê, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0349788186 | Cao đẳng Dược 0000328 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0112 | |
| 1122 | Nguyễn Thị Nở | 064193006179 | | 20/02/1993 | Thôn Tung Blai, xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | Thôn Tung Blai, xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | 0374222090 | Cao đẳng Quản trị Văn phòng - Lưu trữ B189117 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251022-0129 | |
| 1123 | Nay H' Noen | 064198000835 | | 23/10/1998 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Thôn Sơ Ma Lơng A, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0356829637 | Cử nhân Điều dưỡng 003217 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0031 | |
| 1124 | Nơi | 064302000282 | | 08/5/2002 | Làng Đe Hrel, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Làng Đe Hrel, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0962460054 | Đại học Điều dưỡng A0005250 | Tiếng anh Bậc 3 94855/NG21A1B ĐH Đông Á | Kỹ năng sử dụng CNTT và TH ứng dụng ngành điều dưỡng (ĐH Đông Á) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0083 | |
| 1125 | Trương Thị Thúy Nội | 064300005755 | | 03/5/2000 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0967730536 | Cử nhân Luật MBS60009927 | | | Kỹ năng nghiệp vụ Hành chính văn phòng và VT-LT C007928 | | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251016-0057 | |
| 1126 | Nay H' Non | 064196009254 | | 07/12/1996 | Buôn Nu, xã Uar, tỉnh Gia Lai | Buôn Nu, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0358803132 | Cử nhân Điều dưỡng 003233 | Tiếng anh B1 E6000187 | CNTTCB 005805 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0060 | |
| 1127 | Bùi Thị Trinh Nữ | 064199000197 | | 20/02/1999 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0359847441 | Cao đẳng Dược A000225 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0019 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1128 | Cáp Thị Nữ | 052194007665 | | 11/11/1994 | An Lương, Gia Lai | 115 Thanh Niên, Quy Nhơn, Gia Lai | 0978176277 | Đại học công tác xã hội (1322809) | Tiếng anh A2 (Giấy xác nhận kết quả thi CEFR 72 điểm) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1240452) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251031-0004 | |
| 1129 | Huỳnh Thị Mỹ Nữ | 064195009276 | | 30/01/1995 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 184/4 Tôn Thất Thuyết, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0344117137 | Cử nhân Kế toán MHN7026919 | Tiếng anh C A2959692 | CNTTCB C00033455 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0106 | |
| 1130 | Nguyễn Thị Nữ | 052194020729 | | 21/7/1994 | Đề Gi, Gia Lai | 39/13 Tháp Đôi, Quy Nhơn, Gia Lai | 0988429133 | Cao đẳng ngành dược (B640145) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0126 | |
| 1131 | Nguyễn Thị Nữ | 052194009394 | | 02/9/1994 | Bình Định, Gia Lai | Tổ 3, Kim Châu, Bình Định, Gia Lai | 0362288890 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (000030) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0052 | |
| 1132 | Nguyễn Thị Ái Nữ | 052197007164 | | 29/9/1997 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Phụng Sơn, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0385144781 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111059) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0136 | |
| 1133 | Lê Nguyễn Ngọc Nữ | 052300006923 | | 01/12/2000 | phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai | Liêm Lợi, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai | 0336783277 | Dược sĩ đại học 7302194 | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0090 | |
| 1134 | Trương Thị Mỹ Nữ | 052194010208 | | 04/4/1994 | Hẻm 06 Siu Bleh, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Hẻm 06 Siu Bleh, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0982594370 | Cao đẳng điều dưỡng B601237 | | | | | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0134 | |
| 1135 | Võ Thị Nữ | 052197009715 | | 05/5/1997 | Tuy Phước, Gia Lai | Quảng Vân,Tuy Phước, Gia Lai | 0905732533 | Cao đẳng ngành dược (B1025951) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0015 | |
| 1136 | Nguyễn Thị Nương | 052192021582 | | 16/10/1992 | Hoài Ân, Gia Lai | Vĩnh Hoà, Hoài Ân, Gia Lai | 0364324393 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C0002477) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0113 | |
| 1137 | Thái Thị Mỹ Nương | 064191011782 | | 23/5/1991 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 7, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0377673025 | Cử nhân Kế toán 0002993 | Tiếng anh B1 0335914 ĐH Đông Á | Tin học B số hiệu: 0335914 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251021-0115 | |
| 1138 | Võ Thị Thanh Nương | 064193014110 | | 18/02/1993 | Kông Chro, Gia Lai | Thôn 2, Xã Kông Chro, Gia Lai | 0962139406 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B262991) | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0025 | |
| 1139 | Ngô Huỳnh Hoàng Ny | 052302003200 | | 26/07/2002 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 4, khu phố 4, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0961310183 | Cử nhân Quản trị kinh doanh (QNUA/0001426) | Tiếng anh B1 (005169) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0006784) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251019-0010 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1140 | Huỳnh Thị Kiều Oanh | 064198001658 | | 17/4/1998 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0353409179 | Cao đẳng Kỹ thuật y học B930460 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251014-0055 | |
| 1141 | Huỳnh Thị Kim Oanh | 052304009254 | | 10/11/2004 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Xóm I, Mỹ Hội I, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0398718754 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (001430) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế Phù Mỹ Tây | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0004 | |
| 1142 | Kpă Oanh | 064197003349 | | 14/12/1997 | Làng Bạc 1, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Làng Bạc 1, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0964430058 | Đại học Điều dưỡng TDU.1001471 | Tiếng anh B1 B12301788 | CNTTCB 1912066TD231655 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0062 | |
| 1143 | Lê Thị Vân Oanh | 064194011538 | | 12/6/1994 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 525 lê Đại Hành, tổ 2, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0976739560 | Cử nhân Điều dưỡng 1296509 | | Tin học A A2273617 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0080 | |
| 1144 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 040190007339 | | 28/11/1990 | xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Thôn Đồng Tâm, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0397958875 | Đại học Kế toán 651141 | Tiếng anh C A589424 | Tin học B A336422 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251009-0047 | |
| 1145 | Nguyễn Thị Kim Oanh | 040196019178 | | 13/4/1996 | xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An | 142 Lạc Long Quân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0386436615 | Cử nhân Điều dưỡng 1803625 | Tiếng anh A2 B2783496 | CNTTCB DND.I1.0016464 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251029-0124 | |
| 1146 | Nguyễn Thị Phương Oanh | 064304007013 | | 18/3/2004 | Thôn Sông Ba, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Thôn Sông Ba, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0338333623 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00886 | | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0068 | |
| 1147 | Phạm Thị Lệ Oanh | 052303002717 | | 06/10/2003 | Cát Tiến, Gia Lai | Thôn Phú Trung, Cát Tiến, Gia Lai | 0866530027 | Cử nhân hộ sinh (DHH.6.C.0005608) | Tiếng anh B1 VStep (08704) | Ứng dụng CNTT cơ bản (020214) | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Hộ sinh | | Trung tâm Y tế Mang Yang | Hộ sinh hạng III | Hộ sinh hạng III | V.08.06.15 | H21.19-251017-0003 | |
| 1148 | Rmah H' Oanh | 064193000902 | | 06/11/1993 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Ama Rin 3, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0363933520 | Cao đẳng điều dưỡng B717193 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0082 | |
| 1149 | Tạ Thị Ngọc Oanh | 001192039162 | | 06/12/1992 | 35 Lê Quang Định, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 35 Lê Quang Định, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0968637279 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng (SH: 761340) | Tiếng anh B A1441612 | Tin học A A752667 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0051 | |
| 1150 | Võ Hoàng Oanh | 052198000286 | | 08/06/1998 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 98 Lê Hồng Phong, TDP 5, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0969103236 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0131548 | Tiếng anh B1 VSTEP 02922 | CNTTCB DND.11.0024634 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0038 | |
| 1151 | Siu H' Ơn | 064197008839 | | 07/01/1997 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | PLơi KDăm, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0398001019 | Cử nhân Điều dưỡng E005600 | Tiếng anh B1 0031348 | CNTTCB 003242 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0015 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1152 | Kpă H' Pa | 064197007416 | | 02/6/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0336686633 | Cử nhân Luật E0000369 | Tiếng anh B1 0026473 | CNTTCB 1294751 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0037 | |
| 1153 | Panh | 064300001152 | | 07/4/2000 | Thôn Krun, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | Thôn Krun, xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 0346604437 | Cao đẳng điều dưỡng 001895 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0014 | |
| 1154 | Siu Panh | 064193000689 | | 11/5/1993 | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Tốt Biơch, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0349949068 | Cử nhân Điều dưỡng 0003076 | Tiếng anh B A1218961 | Tin học ứng dụng B A1319413 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0117 | |
| 1155 | RMah Pha | 064200006558 | 29/6/2000 | | 38 Hàm Nghi, TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 38 Hàm Nghi, TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0353520208 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN000872 | Tiếng anh A2 BSET2421295 | CNTTCB 021867 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251104-0168 | |
| 1156 | Phâm | 064302003420 | | 011/01/2002 | xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | Làng Ar Quát, xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | 0336794822 | Cao đẳng Điều dưỡng 600698 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Lơ Pang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Mang Yang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0077 | |
| 1157 | Ksor Phan | 064097001377 | 18/12/1997 | | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Nin, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0342968493 | Đại học Công tác xã hội A0004207 | Tiếng anh B1 00185.20 | CNTTCB 0837005 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251103-0165 | |
| 1158 | Lê Nguyễn Hoàng Phan | 052099012684 | 19/9/1999 | | Bình Dương, Gia Lai | 245/85 Nguyễn Trãi, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 0795729873 | Đại học quản lý nhà nước (002767) | Toeic NC: 05/4/2022 | Ứng dụng CNTT cơ bản (017421) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0096 | |
| 1159 | Vương Thị Hồng Phấn | 052194004035 | | 07/08/1994 | Quy Nhơn, Gia Lai | 1083/2 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0978034524 | Cao đẳng Điều dưỡng (B493694) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0014 | |
| 1160 | Đinh Thị Phẳng | 064301012150 | | 16/11/2001 | Làng Leng Tô, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | Làng Leng Tô, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0375892521 | Cử nhân Điều dưỡng E0041733 | Tiếng anh Bậc 3 E15201 | CNTTCB C00126656 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kông Chro | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0018 | |
| 1161 | Lê Khánh Phát | 064094006795 | 15/10/1994 | | 295 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 295 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0334152679 | Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02912 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | Trạm Y tế phường Pleiku cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251017-0113 | |
| 1162 | Phe | 064193015061 | | 02/01/1993 | Thôn Pi ơm, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Pi ơm, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0353291433 | Cao đẳng điều dưỡng B688263 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kdang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0113 | |
| 1163 | Đinh Giang Phi | 064097001488 | 02/9/1997 | | Thôn 3, xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Kông Bơ La, tỉnh Gia Lai | 0379026041 | Đại học Quản lý nhà nước A0000439 | Tiếng anh Bậc 3 00335.20 | Tin học cơ bản 0001277 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0071 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1164 | Nguyễn Thị Phi | 052192009632 | | 12/10/1992 | Đề Gi, Gia Lai | Xóm 1, Chánh Lợi, Đề Gi, Gia Lai | 0399432876 | Cao đẳng ngành dược (B640146) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0008 | |
| 1165 | Puih Phiêng | 064199005177 | | 17/11/1999 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng De Lung 2, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0337704285 | Cử nhân Điều dưỡng 0000913 | Tiếng anh A2 BSET2313443 | CNTTCB 034398 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251029-0108 | |
| 1166 | Ksor Phiếu | 064099005068 | | 07/4/1999 | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Bhă Nga, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0365410292 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004525 | Tiếng anh B1 30/QĐ-ĐHTN-LIC | CNTTCB 015391 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0026 | |
| 1167 | Siu H' Phôn | 064304001919 | | 15/3/2004 | Bôn Sô Bal Leng, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Sô Bal Leng, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0777575983 | Cao đẳng điều dưỡng 600957 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0027 | |
| 1168 | Đinh Thị Thanh Phong | 052300006404 | | 13/09/2000 | Vân Canh, Gia Lai | Làng Canh Lãnh, Vân Canh, Gia Lai | 0369963709 | Cao đẳng Dược (A001166) | | | | Người Dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0007 | |
| 1169 | Nguyễn Thế Phong | 052096012691 | 31/05/1996 | | Đề Gi, Gia Lai | Trung Chánh, Đề Gi, Gia Lai | 0344470606 | Cao đẳng Dược (B1111248) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0121 | |
| 1170 | Đặng Thị Phú | 052186015893 | | 06/12/1986 | Quy Nhơn, Gia Lai | Phòng Văn thư, Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | 0372656484 | Cử nhân sư phạm tin học (53190) | Tiếng anh B (12460) | Cử nhân sư phạm tin học (53190) | Chứng chỉ Văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng (558) | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251007-0015 | |
| 1171 | Trần Thị Phong Phú | 051300003380 | | 13/02/2000 | Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi | 323 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0348676061 | Đại học dược (DND.6.0171129) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0035 | |
| 1172 | Đỗ Thị Phúc | 064199015772 | | 02/7/1999 | Thôn 4, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0395289276 | Cao đẳng Dược và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành A182507 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0121 | |
| 1173 | Lê Thị Phúc | 052197008964 | | 20/8/1997 | An Nhơn Đông, Gia Lai | 725 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0961425677 | Cao đẳng ngành dược (B1025952) | | | | Con bệnh binh | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0130 | |
| 1174 | Phạm Tấn Phúc | 066089006897 | 29/9/1989 | | Hẻm Lý Thường Kiệt, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Hẻm Lý Thường Kiệt, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0973476058 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học A371487 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0014 | |
| 1175 | Trần Thị Diễm Phúc | 064198000359 | | 01/12/1998 | An Khê, Gia Lai | 201 Hoàng Hoa Thám, An Khê, Gia Lai | 0984246402 | Đại học công tác xã hội (A.001275) | Chứng nhận tiếng anh Bậc 3 (02670.19) (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0645435) | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Công tác xã hội | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251027-0129 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1176 | Trần Thị Hồng Phúc | 064301012887 | | 07/01/2001 | Làng Mrông Ngó 3, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Mrông Ngó 3, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0359932352 | Đại học chuyên ngành Kế toán (30023961) | Tiếng anh B1 C2491581 | MOS word:bmG8-sFMQ, Excel: 4e5Z-XMX6 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0141 | |
| 1177 | Đinh Phức | 064200006155 | 10/4/2000 | | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0379990218 | Cao đẳng Dược 600525 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0074 | |
| 1178 | Ksor Phức | 064204001073 | 09/01/2004 | | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn BLôm, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0866225326 | Cao đẳng Điều dưỡng 600981 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0087 | |
| 1179 | Đặng Thị Ngọc Phụng | 064303004145 | | 27/01/2003 | An Khê, Gia Lai | An Tân, An Khê, Gia Lai | 0382952450 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001454) | | | | | Trạm Y tế xã Đăk Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0057 | |
| 1180 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 064194011726 | | 08/9/1994 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 61B Hồ Xuân Hương, tổ 2, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0372651635 | Cử nhân Điều dưỡng 17101586 | Tiếng anh B1 B112222224 | CNTTCB 1909905 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0081 | |
| 1181 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 052195000243 | | 12/8/1995 | Phù Cát, Gia Lai | 193 Quang Trung, Phù Cát, Gia Lai | 0949294141 | Cao đẳng ngành dược (B738234) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0060 | |
| 1182 | Nguyễn Thị Yến Phụng | 052199012121 | | 27/01/1999 | An Hoà, Gia Lai | Xuân Phong Tây, An Hoà, Gia Lai | 0326591269 | Đại học luật (E0010887) | Chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (E03996) | Ứng dụng CNTT cơ bản (009887) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0108 | |
| 1183 | Trịnh Thị Kim Phụng | 064196000431 | | 30/12/1996 | xã Krong, tỉnh Gia Lai | Làng Sing, xã Krong, tỉnh Gia Lai | 0981945352 | Cử nhân điều dưỡng 0002295 | Tiếng anh B 001422 | CNTTCB C004121 | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0074 | |
| 1184 | Ksor H' Phước | 064199002719 | | 20/12/1999 | Bôn Biah B, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Biah B, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0364237882 | Cử nhân Luật E0010975 | Tiếng anh B1 21.B1.001407 | CNTTCB 0989651 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0058 | |
| 1185 | Trần Đình Phước | 066099014988 | | 06/12/1999 | xã Eakar, tỉnh Đắk Lắk | Lô A5-82 Tôn Thất Tùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0815063853 | Cử nhân Luật DND.6.0137531 | Tiếng Trung H42503016531 NC: 9/3/2025 | CNTTNC DND.I2.0006046 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0021 | |
| 1186 | Cao Thị Trúc Phương | 064301007554 | | 01/6/2001 | 86 Võ Thị Sáu, TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 86 Võ Thị Sáu, TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0869361235 | Đại học Kế toán A003776 | Tiếng anh B1 0037524 | CNTTNC 013649 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251013-0074 | |
| 1187 | Đàm Thị Thu Phương | 064198015550 | | 26/7/1998 | Mơ Nai Trang, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Mơ Nai Trang, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0373949179 | Cao đẳng Dược 600918 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0111 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1188 | Đỗ Xuân Phương | 052303015319 | | 10/4/2003 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Xóm 2, khu phố Liễu An Nam, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0866157849 | Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005555) | Tiếng anh Bậc 3 (08263) | Ứng dụng CNTT cơ bản (021475) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0022 | |
| 1189 | Lê Duy Phương | 052093017911 | 04/10/1993 | | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 2, khu phố 3, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0393065724 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (004836) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251013-0007 | |
| 1190 | Lê Thị Phương | 064183008174 | | 16/9/1983 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Trung tâm y tế Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0847733555 | Cử nhân Kế toán 702479 | | | Bằng nghề Văn thư - Đánh máy 00302244 | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Văn thư viên | | Bệnh viện Tâm Thần Quy Nhơn | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251103-0058 | |
| 1191 | Lê Thị Bích Phương | 054303002416 | | 28/4/2003 | Hoà Hiệp, Đắk Lắk | 825 Mậu Thân, Tuy Hoà, Đắk Lắk | 0368759484 | Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005573) | Tiếng anh B1 (08495) | Chứng nhận Ứng dụng CNTT cơ bản (020224) | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Mang Yang | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0002 | |
| 1192 | Lê Thị Kim Phương | 064300014896 | | 22/12/2000 | 14/01/13 Nguyễn Đức Cảnh, tổ 4, Pleiku, tỉnh Gia Lai | 14/01/13 Nguyễn Đức Cảnh, tổ 4, Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0353763984 | Đại học Tài chính - Ngân hàng (MBS60007887) | Tiếng anh B1 1854030306 | CNTTCB C00198922 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Tài chính | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251007-0022 | |
| 1193 | Nguyễn Hoài Phương | 052300007092 | | 13/12/2000 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 243/2 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0905044279 | Đại học Điều dưỡng (7106576) | | | | | Khoa Nội | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0126 | |
| 1194 | Nguyễn Minh Kim Phượng | 052303000555 | | 14/10/2003 | An Lão, Gia Lai | Thanh Sơn, An Lão, Gia Lai | 0982399411 | Cao đẳng Dược (A.001417) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0015 | |
| 1195 | Nguyễn Phạm Hà Phương | 052303008280 | | 02/8/2003 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Lộc Hạ, Tuy Phước, Gia Lai | 0868722107 | Cử nhân điều dưỡng (DHH.6.C.0005387) | Tiếng anh Bậc 3 (08266) | Ứng dụng CNTT cơ bản **(021475)** (Thí sinh đã xác minh: 021476) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Ayun Pa | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0023 | |
| 1196 | Nguyễn Tạ Bích Phương | 052301009271 | | 22/02/2001 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Tùng Giản, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0777572229 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (27514) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251020-0091 | |
| 1197 | Nguyễn Thanh Phương | 052301008195 | | 27/11/2001 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 9, khu phố 8, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0918958452 | Cử nhân y tế công cộng (YDS.CN.002030) | Tiếng anh Bậc 4 (E6000479) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C.00112266) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251021-0083 | |
| 1198 | Nguyễn Thị Phương | 038198029557 | | 20/7/1998 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 116 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0347047199 | Cao đẳng Điều dưỡng 013138 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0019 | |
| 1199 | Nguyễn Thị Phương | 040181021532 | | 21/9/1981 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Khu chung cư Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0343620395 | Cử nhân lưu trữ và quản trị văn phòng (QH25201903082) | Tiếng anh B (3272515) | Tin học cơ bản (1153814) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251021-0089 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1200 | Nguyễn Thị Ánh Phương | 052197006525 | | 21/10/1997 | Tuy Phước, Gia Lai | Phước Lộc, Tuy Phước, Gia Lai | 0347996624 | Cử nhân xét nghiệm y học (BA00917) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000836) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251015-0125 | |
| 1201 | Nguyễn Thị Hà Phương | 052197000537 | | 01/12/1997 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 425 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0364000293 | Cử nhân ngành điều dưỡng (số hiệu: 1763803) | Tiếng anh B1 (00338.20) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1300545) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0101 | |
| 1202 | Nguyễn Thị Lan Phương | 064189005890 | | 27/12/1989 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 36 A Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0967912256 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00746 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0036 | |
| 1203 | Nguyễn Thị Minh Phương | 064303004744 | | 16/01/2003 | 68 Trần Bình Trọng, TDP 9, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 68 Trần Bình Trọng, TDP 9, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0932445952 | Cử nhân Xét nghiệm y học DHH.6.C.0005745 | chứng chỉ Tiếng anh B1 (số hiệu: 08056) ĐH ngoại ngữ-ĐH Huế | GCN tạm thời CNTTCB ĐH Quy Nhơn cấp ngày 17/10/2025 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế xã Phú Túc | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0013 | |
| 1204 | Nguyễn Thị Mỹ Phương | 052303011632 | | 28/7/2003 | Đề Gi, Gia Lai | 256 Nguyễn Thị Định,Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0342933317 | Cao đẳng ngành dược (A001235) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0052 | |
| 1205 | Nguyễn Thị Nhã Phương | 064302010742 | | 18/8/2002 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Tổ 3, An Phú, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0967449607 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh IUH.B.0072612 | Toeic 580 điểm ngày cấp: 23/01/2024 | CNTTCB 0022216 | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0024 | |
| 1206 | Nguyễn Thị Phương Phương | 064196001532 | | 16/10/1996 | 383 Hùng Vương, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 383 Hùng Vương, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0963290373 | Đại học Quản lý nhà nước 0005964 | Tiếng anh Bậc 2 0067217 | Tin học B A2192541 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0112 | |
| 1207 | Nguyễn Thị Trúc Phương | 054300000057 | | 13/04/2000 | Đồng Xuân, Đắk Lắk | Khóm 3, khu phố Long Châu, Đồng Xuân, Đắk Lắk | 0976531835 | Đại học Kế toán (QNUA.0002427) | Tiếng anh Bậc 3 0001773) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0001282) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0036 | |
| 1208 | Phạm Thị Minh Phương | 064196005999 | | 27/12/1996 | 243 Nguyễn Huệ, tổ 4, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 243 Nguyễn Huệ, tổ 4, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0966907327 | Dược sĩ đại học NTTDS.10201207 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0083 | |
| 1209 | Phan Công Phương | 048098007238 | 10/3/1998 | | xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng | Tổ 3, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Tiến, TP Đà Nẵng | 0769742342 | Đại học Quản lý nhà nước 000564 | Tiếng anh Bậc 3 E04963 | CNTTCB 0287941 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0066 | |
| 1210 | Huỳnh Thị Bích Phượng | 052198011947 | | 08/01/1998 | xã Ayun, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ayun, tỉnh Gia Lai | 0337704999 | Cao đẳng Dược B1111302 | | | | | Trạm Y tế xã Ayun | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0059 | |
| 1211 | Lê Thị Phượng | 064197001426 | | 07/10/1997 | 126 Trần Hưng Đạo, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 126 Trần Hưng Đạo, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0369597279 | Cao đẳng Dược B995670 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0020 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1212 | Lê Thị Phượng | 052194014514 | | 01/12/1994 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 3 thôn Cảnh An, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0962662646 | Cao đẳng Điều dưỡng (B738055) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0029 | |
| 1213 | Lê Thị Minh Phượng | 001199035370 | | 24/6/1999 | xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai | 42/18 Lý Nam Đế, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0394496601 | Cử nhân Điều dưỡng 000965 | Tiếng anh A2 IEM80009882 | CNTTCB 0035338 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0017 | |
| 1214 | Lưu Hoài Phượng | 052195018958 | | 12/7/1995 | Hội Sơn, Gia Lai | 12/20 Võ Văn Dũng, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0388031138 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (A000374) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251007-0016 | |
| 1215 | Nguyễn Thị Phượng | 064191001892 | | 10/6/1991 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 12/49 Phù Đổng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0962485979 | Cao đẳng Dược 20AS1610 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Bòong | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0046 | |
| 1216 | Nguyễn Thị Phượng | 052194001648 | | 22/02/1994 | Canh Vinh, Gia Lai | 309 Trần Phú, Tuy Phước, Gia Lai | 0981644807 | Cao đẳng ngành dược (B38235) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0002 | |
| 1217 | Nguyễn Thị Bích Phượng | 056303010671 | | 07/01/2003 | Bàu Cạn, Gia Lai | Thôn 3, Bàu Cạn, Gia Lai | 0332972718 | Cao đẳng Dược (A001083) | | | | | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0059 | |
| 1218 | Nguyễn Thị Lệ Phượng | 052198006829 | | 20/4/1998 | An Lương, Gia Lai | Chánh Hội, An Lương, Gia Lai | 0333752157 | Đại học dược (NTTDS. 10100763) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0092 | |
| 1219 | Nguyễn Thị Thúy Phượng | 064190008239 | | 11/5/1990 | TDP 2, đường Lê Lai, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 2, đường Lê Lai, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0963292825 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng 1226884 | Tiếng anh B A1652794 | Tin học B A1581536 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Tài chính | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0009 | |
| 1220 | Thái Thị Ánh Phượng | 064300015036 | | 01/8/2000 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 7, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0373382667 | Đại học Điều dưỡng A0001251 | Tiếng anh A2 IMS0022667 | CNTTCB 012319 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0093 | |
| 1221 | Đinh Thị Phyen | 064194003027 | | 16/8/1994 | Làng leng Tô, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | Làng leng Tô, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0368687206 | Đại học Luật 41-23/TXLA19ĐH | Tiếng anh C A3318163 | CNTTCB DND.11.0025187 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0122 | |
| 1222 | Ksor H' Piên | 064303008000 | | 26/3/2003 | Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Bôn Sor, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0335094306 | Cử nhân điều dưỡng DHH.6.C.0005535 | Tiếng anh Bậc 3 25.B1.00052 | Tin học ứng dụng B 019411 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0048 | |
| 1223 | Siu H' Pli | 064300010151 | | 10/7/2000 | Tập đoàn 4+5, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Tập đoàn 4+5, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0337308874 | Cử nhân Công tác xã hội QNUA.0000816 | Tiếng anh Bậc 3 0001785 | Tin học ứng dụng 0003068 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251024-0072 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1224 | Siu H' Plonh | 064194002395 | | 08/10/1994 | xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | Thôn Vòong Boong, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | 0978524862 | Cao đẳng điều dưỡng B81766 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0130 | |
| 1225 | Rcom H' Pu | 064198007386 | | 12/10/1998 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Chơ Ma, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0971150165 | Đại học Điều dưỡng 001366 | Tiếng anh A2 BSET2300525 | CNTTCB 0211510 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0087 | |
| 1226 | Pyơi | 064196015175 | | 28/6/1996 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Dok Rơng, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0399652112 | Cao đẳng điều dưỡng B1025727 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Gang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0100 | |
| 1227 | Nguyễn Trung Quân | 052089000693 | 07/02/1989 | | An Lão, Gia Lai | 153/7 Nguyễn Nhạc, An Lão, Gia Lai | 0868356602 | Đại học công tác xã hội (E0064186) | Tiếng anh B (A57803) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C.00016272) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251016-0152 | |
| 1228 | Võ Trương Anh Quân | 052093000491 | 10/8/1993 | | An Hoà, Gia Lai | Thôn Xuân Phong Nam, An Hoà, Gia Lai | 0986209891 | Cử nhân Kế toán (1338085) | Tiếng anh B (A1916108) | Tin học B (A1857831) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251009-0056 | |
| 1229 | Hà Xuân Quang | 052097000238 | 11/10/1997 | | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Khu phố Quy Thuận, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0347556433 | Đại học Luật (A.0003454) | Tiếng anh Bậc 3 (03406.19) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0837018) | | Con thương binh | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0008 | |
| 1230 | Hồ Hữu Quang | 052090021633 | 09/10/1990 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 57/34/8 Hai Bà Trưng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0935585875 | Đại học ngành điều dưỡng (0003649) | | | | Con thương binh | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Ngoại | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0132 | |
| 1231 | Nguyễn Duy Quang | 064094010022 | 19/3/1994 | | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 36 A Bùi Dự, tổ 11, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0392364854 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học CN00330 | Tiếng anh B A2031043 | Tin học B A2207027 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0063 | |
| 1232 | Tạ Nhật Quang | 064094014231 | 07/12/1994 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 10, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0373813896 | Cao đẳng Dược B649331 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0041 | |
| 1233 | Nguyễn Đình Quanh | 052097001838 | 01/12/1997 | | Quy Nhơn, Gia Lai | Khu phố 60, Quy Nhơn, Gia Lai | 0335294036 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025816) | | | | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251026-0002 | |
| 1234 | Nay H' Quất | 064300007915 | | 24/6/2000 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0327245312 | Cử nhân Luật TDLB006148 | Tiếng anh Bậc 3 B14214 | CNTTCB TDLCI003353 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Kông Chro | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0021 | |
| 1235 | Lê Thị Quế | 064191000356 | | 26/9/1991 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 140 Hoàng Sa, tổ 7, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0906511268 | Cử nhân Báo chí E0041548 | Tiếng anh C A3217241 | CNTTCB DND.I1.0013529 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành báo chí | | | | Biên tập viên hạng III | V.11.01.03 | H21.19-251016-0105 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1236 | Nguyễn Thị Quế | 052199010064 | | 10/06/1990 | Bồng Sơn, Gia Lai | 42 Bùi Thị Xuân, kp 4, Bồng Sơn, Gia Lai | 0378697707 | Cao đẳng Điều dưỡng (000452) | | | | Con thương binh | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0078 | |
| 1237 | Ngô Thị Quí | 064302012469 | | 30/01/2002 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Trường Mầm non 1-5, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0339570579 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học E0051234 | Tiếng anh B1 23.B1.003246 | CNTTCB C00245908 | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251015-0020 | |
| 1238 | Đỗ Thành Quốc | 052094005610 | 10/02/1994 | | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 354 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0866513913 | Cử nhân Quản lý nhà nước (1323367) | Tiếng anh B (A1916535) | Tin học B (A1305418) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0026 | |
| 1239 | Lê Văn Quốc | 052094016345 | 18/07/1994 | | Vân Canh, Gia Lai | Thôn Suối Mây, Vân Canh, Gia Lai | 0356139963 | Đại học Kỹ thuật Hình ảnh y học (E0119801) | Tiếng anh B (A1740485) | Ứng dụng CNTT B A2045360) | | Người Dân tộc thiểu số | Khoa Xét Nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0051 | |
| 1240 | A Quy | 062096000171 | 05/9/1996 | | xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi | Thôn Rô Xia, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi | 0376456715 | Cao đẳng Dược B1077991 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0066 | |
| 1241 | Trần Thị Hạ Quy | 052195000434 | | 16/11/1995 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Xuân Mỹ, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0962896542 | Cao đẳng ngành dược (B688410) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0011 | |
| 1242 | Võ Thị Kim Quy | 052194012721 | | 17/7/1994 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Xóm 9, Vạn Lương, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0962640330 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B639869) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0118 | |
| 1243 | Hồ Thị Quý | 040187020293 | | 15/02/1987 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0979252559 | Đại học Kế toán VHVL/2024/02/0252 | Tiếng anh B B0076855 | CNTTCB C00150473 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251105-0032 | |
| 1244 | Kpă Quý | 064090006444 | 06/11/1990 | | Bôn Phu ama Miơng, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu ama Miơng, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0977934525 | Cao đẳng Điều dưỡng A000836 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0086 | |
| 1245 | Nguyễn Thị Quý | 052199008340 | | 29/8/1999 | Đề Gi, Gia Lai | 61 Phạm Thành, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0372930086 | Cao đẳng ngành dược (000705) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0081 | |
| 1246 | Rơ Mah H' Quý | 064197006218 | | 28/7/1997 | Làng Lung Prông, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Lung Prông, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0386290-828 | Cao đẳng Dược BD/003687 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0162 | |
| 1247 | Võ Minh Quý | 064082005668 | 07/6/1982 | | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 571 Hùng Vương, TDP 10, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0903304672 | Cử nhân Kế toán 111377 | Tiếng anh B B229627 | Tin học A A212570 | | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251101-0002 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1248 | Đỗ Thị Quyên | 064191000816 | | 07/10/1991 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn Hoà Tín, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0961977433 | Đại học Kế toán 451423 | Tiếng anh B 0390751 | Tin học B A244244 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0049 | |
| 1249 | Lâm Thảo Quyên | 064187003087 | | 22/5/1987 | Tổ 7, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Tổ 7, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0782734149 | Cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành dược PA000528 | | | | | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm y tế KBang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0073 | |
| 1250 | Lê Thị Mỹ Quyên | 045195008302 | | 06/01/1995 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 271 Quang Trung, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0989366195 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B677607 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251015-0064 | |
| 1251 | Lê Thị Ngọc Quyên | 052189000888 | | 04/12/1989 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 364 Trần Hưng Đạo, TDP 5, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0354072702 | Đại học Điều dưỡng A083550 | Tiếng anh B B987247 | Tin học ứng dụng B A147682 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251105-0062 | |
| 1252 | Lê Thị Phương Quyên | 052197002091 | | 11/10/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 49 kp 6, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0379201957 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025728) | | | | | Khoa Lao phổi và Lao - HIV - Kháng thuốc | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa truyền nhiễm | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0104 | |
| 1253 | Nguyễn Thị Quyên | 052191006499 | | 29/10/1991 | Kông Chro, Gia Lai | Làng Nghe, Kông Chro, Gia Lai | 0356427157 | Đại học Điều dưỡng (17099753) | | | | Con bệnh binh | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0047 | |
| 1254 | Nguyễn Thị Bích Quyên | 052303005489 | | 25/10/2003 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Lý Chánh, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0868697104 | Đại học luật (QNUA/0004071) | Tiếng anh B (0009021) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0011590) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0145 | |
| 1255 | Nguyễn Thị Kim Quyên | 051188012050 | | 07/5/1988 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 377 Hùng Vương, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | '0935734357 | Cử nhân Quản trị kinh doanh (24875) | Tiếng anh B 0440201 | Tin học ứng dụng B 0231008 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0005 | |
| 1256 | Nguyễn Thị Ngọc Quyên | 054304007818 | | 22/7/2004 | Ô Loan, Đắk Lắk | Thôn Phú Thường, Ô Loan, Đắk Lắk | 0392626790 | Cao đẳng ngành dược (A001753) | | | | | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm Y tế Đăk Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0097 | |
| 1257 | Nguyễn Thị Út Quyên | 052191011014 | | 06/12/1991 | Hoài Ân, Gia Lai | Linh Chiểu, Hoài Ân, Gia Lai | 0983485479 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A555401) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0018 | |
| 1258 | R' Ô H' Quyên | 064300013091 | | 16/8/2000 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0339351031 | Cử nhân Kế toán E0019774 | Tiếng anh B1 21.B1.000912 | Ứng dụng tin học quốc tế MOS w95h-FMps | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0161 | |
| 1259 | Tạ Nhật Quyên | 064196011719 | | 14/9/1996 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 328 Hùng Vương, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0978227936 | Cử nhân Kế toán 1577445 | Tiếng anh B 3222070 | CNTTCB 0881791 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0037 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1260 | Trần Thị Hồng Quyên | 064193004059 | | 02/10/1993 | TDP 15, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | TDP 15, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0978077607 | Cao đẳng Dược A001030 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak So Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0097 | |
| 1261 | Trần Thị Lệ Quyên | 052198011144 | | 03/05/1988 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Hiệp Vinh 1, Canh Vinh, Gia Lai | 0396368758 | Cao đẳng Điều dưỡng (B111062) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0070 | |
| 1262 | Võ Thị Thu Quyên | 054301009922 | | 01/10/2001 | Xuân Đài, Đắk Lắk | Phước Hậu, Xuân Đài, Đắk Lắk | 0379895167 | Cử nhân Điều dưỡng (E0037425) | Tiếng anh Bậc 3 (05162) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00126583) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0148 | |
| 1263 | La Thị Thu Quyền | 052300002410 | | 26/12/2000 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 56 Nguyễn Chí Thanh, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0373388293 | Đại học dược (NTTDS.10104218) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251102-0003 | |
| 1264 | Lê Thị Diễm Quỳnh | 064302012324 | | 20/01/2002 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 8, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0972994287 | Cao đẳng Dược PTNA0238 | | | | | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0074 | |
| 1265 | Lê Thị Vạn Quỳnh | 038199000829 | | 29/06/1999 | Bình Định, Gia Lai | 224 Quang Trung, Bình Định, Gia Lai | 0329425040 | Cao đẳng Điều dưỡng (YDC 02262) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0016 | |
| 1266 | Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | 052189006727 | | 04/06/1989 | Vân Canh, Gia Lai | Thịnh Văn 2, Vân Canh, Gia Lai | 0962845579 | Cử nhân Kế toán (A016075) | Tiếng anh B (0439996) | Ứng dụng CNTT (B376026) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0024 | |
| 1267 | Nguyễn Thị Ngọc Bích Quỳnh | 064188003978 | | 16/5/1988 | 47 Nguyễn Thị Định, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 47 Nguyễn Thị Định, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0976928245 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng 028407 | Tiếng anh B 345002 | Tin học B 0028287 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0041 | |
| 1268 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 064191000309 | | 03/11/1991 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | Đường Đinh Tiên Hoàng, TDP 7, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0968971379 | Cử nhân Luật MBS60002937 | Tiếng anh B A2235938 | CNTTCB 0287159 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0031 | |
| 1269 | Nguyễn Thị Như Quỳnh | 052304012312 | | 27/01/2004 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Khu phố 8, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0382800027 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A.001469) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251023-0139 | |
| 1270 | Phạm Thị Như Quỳnh | 064193001528 | | 12/7/1993 | xã Hra, tỉnh Gia Lai | Thôn Nhơn Thọ, xã Hra, tỉnh Gia Lai | 0976891768 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng (1324083) | Tiếng anh B1 A2290936 | CNTTCB TTB015742 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Tài chính | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0140 | |
| 1271 | Phạm Tuấn Quỳnh | 052096013015 | 20/12/1996 | | An Lương, Gia Lai | Thôn Trinh Long Khánh, An Lương, Gia Lai | 0353969639 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (007754) | Tiếng anh A2 (038000) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1299877) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phòng khám đa khoa ohu vực Cát Minh | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251009-0072 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1272 | Phan Như Quỳnh | 062302002841 | | 06/04/2002 | Kon Tum, Quảng Ngãi | 43 Mạc Đĩnh Chi, Pleiku, Gia Lai | 0905376257 | Đại học Dược (DU000283) | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0073 | |
| 1273 | Kpă Xê Ra | 064193001909 | | 10/01/1993 | Thôn IaMua, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | Thôn IaMua, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | 0335966693 | Cao đẳng Dược A000098 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0060 | |
| 1274 | Nay H' Sa Ra | 064189008801 | | 12/4/1989 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Làng Breng I, xã a Hrung, tỉnh Gia Lai | 0343214110 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1005730 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0141 | |
| 1275 | RCom Ran | 064093013486 | 08/10/1993 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Ung, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0368067442 | Cử nhân điều dưỡng 0002494 | Tiếng anh B A2437364 | CNTTCB 017647 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0080 | |
| 1276 | KPă H' Reo | 064199003471 | | 06/9/1999 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Đoan, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0395473830 | Cử nhân Công tác xã hội 4256080032 | Tiếng anh Bậc 3 0003234 | CNTTCB 0004959 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251029-0037 | |
| 1277 | Ksor H' Rét | 064195004378 | | 01/4/1995 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Blang, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0969391146 | Cao đẳng Dược A000861 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0047 | |
| 1278 | Rơ Mah H' Ri | 064300016907 | | 30/11/2000 | 428 Quang Trung, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 428 Quang Trung, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0392893464 | Cao đẳng Điều dưỡng YDA000503 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0046 | |
| 1279 | Xa Ri | 064302008507 | | 01/3/2002 | xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Thôn Broch, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0342086288 | Cao đẳng Điều dưỡng VCI0010993 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0101 | |
| 1280 | Ksor H' Rim | 064303002636 | | 14/8/2003 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Ama Rin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0392629314 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNU A/0004063 | Tiếng anh B1 0008702 | CNTTCB 0013032 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0012 | |
| 1281 | Rơ Mah H' Rim | 064301011218 | | 08/7/2001 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Lung Prông, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0367591365 | Cao đẳng Điều dưỡng 600694 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0117 | |
| 1282 | Siu Sa Rim | 064303005383 | | 28/8/2003 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Làng Le 2, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0973539624 | Cao đẳng Điều dưỡng danh hiệu cử nhân thực hành TN21-CĐ0000115 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Krêl cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0188 | |
| 1283 | Nay H' Rới | 064193009904 | | 13/08/1993 | Buôn Mlah, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Mlah, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0388533461 | Cử nhân Điều dưỡng 0538028 | Tiếng anh B A849955 | CNTTCB 0206135 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0025 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1284 | Đinh Thị Rong | 052191005562 | | 02/02/1991 | Vĩnh Sơn, Gia Lai | Đak Tra, Vĩnh Sơn, Gia Lai | 0396850791 | Đại học dược (D0000384) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sơn Lang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0013 | |
| 1285 | Ksor H' Ruit | 064195003608 | | 16/01/1995 | Bôn Hoang 2, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Hoang 2, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0335504230 | Cao đẳng điều dưỡng B688787 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Hiao cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hiao | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0058 | |
| 1286 | Nguyễn Thuyết Rừng | 054094007480 | 20/02/1994 | | Sông Cầu, Đắk Lắk | Làng Ktòh - Kông Chro, Gia Lai | 0972567944 | Cao đẳng ngành dược (B717792) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0067 | |
| 1287 | Ksor Ha Sa | 064197013828 | | 16/3/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 248 Lê Đại Hành, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0355787294 | Đại học Điều dưỡng 7103791 | Tiếng anh A2 BSET2514394 | CNTTNC N002461 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0126 | |
| 1288 | Nguyễn Như Sa | 052300014894 | | 20/08/2000 | Ân Hảo, Gia Lai | Mỹ Thành, Ân Hảo, Gia Lai | 0369256951 | Đại học Điều dưỡng (7108669) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0015 | |
| 1289 | Huỳnh Thị Ngọc Sang | 052197000220 | | 20/10/1997 | Bình An, Gia Lai | Trà Sơn, Bình Hiệp, Gia Lai | 0333556357 | Đại học dược (NTTDS.10200804) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251102-0014 | |
| 1290 | Lê Thanh Sang | 052095005738 | 10/10/1995 | | Vân Canh, Gia Lai | Thôn 3 An Dũng, An Vinh, Gia Lai | 0963755799 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B.890214) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0081 | |
| 1291 | Lê Thuý Sang | 052194000800 | | 12/01/1994 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Thôn Tà Điệk, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0984936287 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B597153) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0063 | |
| 1292 | Phạm Thị Ngọc Sang | 052194013575 | | 23/5/1994 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 580/8 Trường Chinh, tổ 3, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0373529820 | Cao đẳng Dược YDP001987 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0138 | |
| 1293 | Tạ Thị Thu Sang | 052186004522 | | 05/10/1986 | Bình Hiệp, Gia Lai | Thuận Truyền, Bình Hiệp, Gia Lai | 0963780706 | Cử nhân ngành điều dưỡng (0007875) | Tiếng anh C (A2531866) | Tin học B (A1924437) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0059 | |
| 1294 | Lê Thị Sen | 040192032666 | | 17/6/1992 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 92 Lương Ngọc Quyến, tổ 6, Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0375764947 | Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: 003099 | Tiếng anh Bậc 3 92169 | CNTTCB A485514 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0047 | |
| 1295 | Trần Nhật Sinh | 064202004352 | 11/9/2002 | | TDP 5, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 5, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0394298534 | Cử nhân Hệ thống thông tin QH75202500299 | Tiếng anh Bậc 3 E023308 | | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251024-0123 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1296 | Đoàn Lê Phi Sơn | 052095010224 | 29/11/1995 | | An Nhơn Tây, Gia Lai | Nam Tượng 2, An Nhơn Tây, Gia Lai | 0935134017 | Đại học dược (NTTDS.10205194) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0117 | |
| 1297 | Hoàng Công Sơn | 064099011159 | 23/3/1999 | | 123 Phan Đình Phùng, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 123 Phan Đình Phùng, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0378254403 | Kỹ sư Công nghệ thông tin 003834 | Tiếng anh B1 0027522 | | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251015-0048 | |
| 1298 | Nghiêm Thanh Sơn | 035084008558 | 25/8/1984 | | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 1/22 Lạc Long Quân, TDP 5, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0909855808 | Đại học Công nghệ thông tin A0129333 | Tiếng anh C A3011590 | | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251016-0024 | |
| 1299 | Nguyễn Bá Sơn | 052098015610 | 12/02/1998 | | Hội Sơn, Gia Lai | Xóm Hiệp 3 Đông, Đại Khoang, Hội Sơn, Gia Lai | 0338507689 | Kỹ sư kỹ thuật môi trường (520641) | Tiếng anh B1 (0011517) | Tin học ứng dụng Auto CAD 2D, 3D (0016187) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | | | | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251023-0020 | |
| 1300 | Nguyễn Hồng Sơn | 052096004047 | 06/06/1996 | | Hội Sơn, Gia Lai | Sơn Long, Thạch Bàn Tây, Hội Sơn, Gia Lai | 0362233379 | Cao đẳng Xét nghiệm Y học (A000784/CDD37035 22783) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0121 | |
| 1301 | Siu Sữ | 064097007150 | 17/7/1997 | | Plei Kbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Kbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0345238799 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0000243 | Tiếng anh Bậc 2 1008 | CNTTCB 0336283 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0063 | |
| 1302 | Huỳnh Mộng Sự | 052198003426 | | 13/4/1998 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Tổ 8, Khu vực 8, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0901977506 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111063) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0015 | |
| 1303 | Hồ Sót Sun | 051099005743 | 14/05/1999 | | Trà Bồng, Quảng Ngãi | Tổ 1, thôn Nguyên, Trà Bồng, Quảng Ngãi | 0965708526 | Đại học quản lý nhà nước (QNUA.0000466) | | | Bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, nghiệp vụ lưu trữ (244498127 | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251104-0179 | |
| 1304 | Đinh Thị Tuyết Sương | 052304011569 | | 02/6/2004 | Quy Nhơn, Gia Lai | 17/2 Phan Bội Châu, Quy Nhơn, Gia Lai | 0393251406 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A001470) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251017-0133 | |
| 1305 | Lưu Ngọc Sương | 052303014944 | | 14/01/2003 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 59, kp 7, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0353266576 | Đại học Kế toán (QNUA/0004322) | Tiếng anh Bậc 3 (0009034) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0011257) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251028-0016 | |
| 1306 | Nguyễn Thị Sương | 042191000880 | | 10/10/1991 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0971004979 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00284 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0027 | |
| 1307 | Nguyễn Thị Thu Sương | 052197011054 | | 12/04/1997 | Bình Định, Gia Lai | Kim Châu, Bình Định, Gia Lai | 0374144887 | Cao đẳng Dược (B1052081) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0103 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1308 | Võ Thị Mai Sương | 040191042303 | | 05/01/1991 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | TDP 5, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0334634051 | Cao đẳng Quản trị văn phòng (A216454) | | | CC bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư 00019/2015 | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251014-0034 | |
| 1309 | Đặng Đức Tài | 064097000182 | 03/09/1997 | | An Khê, Gia Lai | 122 Trần Quang Diệu, An Khê, Gia Lai | 0962023639 | Đại học Dược (010126) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0065 | |
| 1310 | Đặng Văn Út Tám | 052093019956 | 10/12/1993 | | xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai | Thôn Phú Ninh Đông, xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai | 0393016246 | Cử nhân Quản lý nhà nước (sh: 216688) | Tiếng anh B A2116738 | CNTTCB A2289672 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0091 | |
| 1311 | Đặng Thị Tâm | 052196016859 | | 08/3/1996 | Phù Cát, Gia Lai | 230B đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai | 0369924609 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (B833266) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251031-0113 | |
| 1312 | Đặng Thị Nhã Tâm | 052303011769 | | 18/3/2003 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | An Bão, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0348628660 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001215) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0067 | |
| 1313 | Đinh Thị Tâm | 040183023251 | | 20/5/1983 | 137 Nguyễn Huệ, thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 137 Nguyễn Huệ, thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0352049505 | Trung cấp văn thư hành chính (0074) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251023-0041 | |
| 1314 | Hoàng Thị Thanh Tâm | 042194002181 | | 06/05/1994 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 166/5d/6 Lạc Long Quân, tổ 3, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0382351518 | Cử nhân Điều dưỡng (TDU1000869) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Krái | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0050 | |
| 1315 | Ksor H' Tâm | 064192020114 | | 12/6/1992 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Blang, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0326522250 | Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa A0003619 | Tiếng anh B A850135 | Tin học B A1411535 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0142 | |
| 1316 | Lê Văn Tâm | 064094010594 | | 08/4/1994 | 150 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 150 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0977442527 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00849 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Chía | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0098 | |
| 1317 | Nguyễn Thị Tâm | 064193002396 | | 26/4/1993 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0865947567 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B497029 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế phường An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0098 | |
| 1318 | Nguyễn Thị Tâm | 052196016654 | | 03/06/1996 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 3120 - 3122 Quang Trung, Bồng Sơn, Gia Lai | 0394448906 | Đại học Dược (NTTDS. 10104223) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0160 | |
| 1319 | Nguyễn Thị Diễm Tâm | 052192017189 | | 21/01/1992 | An Lương, Gia Lai | Thôn Xuân Bình Bắc, An Lương, Gia Lai | 0368192701 | Đại học ngành điều dưỡng (TVU.1.034129) | Tiếng anh B (A397264) | Tin học B (A416228) | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251007-0031 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1320 | Nguyễn Thị Minh Tâm | 064193007308 | | 06/10/1993 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 179 Ngô Văn Sở, tổ 5, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0352705079 | Cử nhân Kế toán 450983 | | Tin học B A1156121 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0015 | |
| 1321 | Phạm Thị Tâm | 040188036484 | | 02/9/1988 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 96/4/4 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0976037467 | Cử nhân Kế toán 0072985 | Tiếng anh B 000072 | Tin học B A1646854 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0119 | |
| 1322 | Trần Thị Thanh Tâm | 064191009580 | | 10/08/1991 | 595 Nguyễn Huệ, TDP 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 595 Nguyễn Huệ, TDP 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0966610579 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00844 | | | | | Trạm Y tế xã K'Dang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0032 | |
| 1323 | Rah Lan H' Tan | 064303014287 | | 29/06/2003 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa Ama Ơi H' Briu, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0332436215 | Đại học Điều dưỡng TTN.CN.005248 | miễn ngoại ngữ | CNTTCB 022000 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0090 | |
| 1324 | Lê Ngọc Tân | 064093000679 | 26/10/1993 | | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 5, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0865758381 | Kỹ sư Công nghệ thông tin 337078 | Tiếng anh Bậc 2 0020011 | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251031-0091 | |
| 1325 | Nguyễn Công Mạnh Tân | 064201016538 | 22/10/2001 | | 401 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 401 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0346149430 | Đại học Công nghệ thông tin (A000356) | Tiếng anh B 0024236 | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251016-0103 | |
| 1326 | Nguyễn Thị Ngọc Tân | 052304013232 | | 18/02/2004 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 08/7 Võ Văn Dũng, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0347203901 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (A001471) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251016-0140 | |
| 1327 | Huỳnh Quang Tấn | 064093013809 | 12/6/1993 | | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 22 Huỳnh Thúc Kháng, Tổ 3, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0346969151 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học 001391 | Tiếng anh A2 051193 | CNTTCB 018641 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251010-0045 | |
| 1328 | Vi Thị Táo | 038197008488 | | 12/12/1997 | DLâm, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | DLâm, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0334040319 | Dược sĩ đại học D0000359 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0149 | |
| 1329 | Nguyễn Thị Phương Tây | 052194003669 | | 05/3/1994 | Canh Vinh, Gia Lai | Xóm 3, Tân Vinh, Canh Vinh, Gia Lai | 0388787154 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000240) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0067 | |
| 1330 | Rmah H' Teh | 064193012223 | | 31/01/1993 | Plei Marin 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Marin 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0978432208 | Cao đẳng Điều dưỡng CD243 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0023 | |
| 1331 | Ra Lan Têu | 064099008891 | 21/6/1999 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Dù, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0366887546 | Đại học Công nghệ thông tin E002059 | miễn ngoại ngữ | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251027-0024 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1332 | Bi Tha | 064194003305 | | 16/11/1994 | Thôn Tuơh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Tuơh Klah, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0337798896 | Cao đẳng điều dưỡng (B.493601) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Đoa | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0060 | |
| 1333 | Y Tha | 062302001225 | | 18/7/2002 | xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi | 196 Lý Thường Kiệt, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0346414958 | Cao đẳng điều dưỡng 600506 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Prông cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tôr | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0019 | |
| 1334 | Trần Thị Thà | 052301005111 | | 10/6/2001 | An Hoà, Gia Lai | 109 Bùi Xuân Phái, Quy Nhơn, Gia Lai | 0984927580 | Cử nhân Luật (QNUA0000845) | Tiếng anh Bậc 3 (0004319) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0009573) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0076 | |
| 1335 | Lê Thị Ngọc Thạch | 052191015445 | | 24/3/1991 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | 22 Nguyễn Trác, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0962624187 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B136317) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0098 | |
| 1336 | Nguyễn Xuân Thạch | 052095016911 | 20/11/1995 | | Phù Cát, Gia Lai | 09 Lê Đức Cường, Phù Cát, Gia Lai | 0376448456 | Đại học công nghệ thông tin (503335) | | | | | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ-Điều dưỡng | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251027-0070 | |
| 1337 | Văn Thị Cẩm Thạch | 064191002725 | | 20/3/1991 | xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 84 Hoàng Văn Thụ, tổ 6, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0345458024 | Đại học ngành Quản lý nhà nước 25217 | Tiếng anh B 1892381 | Tin học B A888583 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251011-0005 | |
| 1338 | Hoàng Hồng Thái | 064094000369 | 15/11/1994 | | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 191 Trần Hưng Đạo, TDP 2, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0989498218 | Đại học ngành Luật 1643992 | Tiếng anh A2 IEMS0006863 | CNTTCB 004362 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251010-0101 | |
| 1339 | Đinh Thị Thắm | 064196010516 | | 20/02/1996 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Đồng Sơn, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0966896502 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (0001765) | Tiếng anh Bậc 3 0038320 | CNTTCB 0214462 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251008-0012 | |
| 1340 | Nay H' Thăm | 064196003410 | | 28/6/1996 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 55 Ngô Thì Nhậm, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0981232421 | Cử nhân Điều dưỡng TDU1005705 | Tiếng anh B1 B12401954 | CNTTCB 1915051 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0082 | |
| 1341 | Đào Thị Minh Thắm | 052196001000 | | 22/9/1996 | Tuy Phước, Gia Lai | 113 Đào Tấn, Tuy Phước, Gia Lai | 0357953057 | Cao đẳng ngành dược (B1025602) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0117 | |
| 1342 | Đỗ Thị Hồng Thắm | 064199003172 | | 11/11/1999 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Thôn Hợp Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0328156779 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0003339 | | | CC BD NV VTLT 54756 | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Chư Sê | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251103-0185 | |
| 1343 | Hà Thị Hồng Thắm | 052195007036 | | 15/01/1995 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Trung Lý, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0354350899 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738011) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0115 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1344 | Lương Thị Thắm | 052192005458 | | 28/4/1992 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 278 Lê Duẩn, tổ 7, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0379667778 | Cử nhân kế toán 829976 | Tiếng anh B A1073243 | Tin học B A788473 | | con thương binh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251016-0046 | |
| 1345 | Nguyễn Thị Kim Thắm | 052194000603 | | 20/9/1994 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 1714/5 Quang Trung, tổ 4, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0962663314 | Cử nhân Điều dưỡng 0000839 | Tiếng anh B A1210474 | Tin học ứng dụng B A793513 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0007 | |
| 1346 | Nguyễn Thị Phương Thắm | 052304006889 | | 09/06/2004 | An Nhơn Nam, Gia Lai | Thọ Sơn Bắc, Thọ Lộc 1, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0379831877 | Cao đẳng Dược (001332) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0020 | |
| 1347 | Nguyễn Thị Thanh Thắm | 64199003739 | | 04/4/1999 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Tổ 4 Thành An, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0979692027 | Cử nhân điều dưỡng 001357 | Tiếng anh B1 E013534 | CNTTCB 0211565 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Kbang | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251013-0013 | |
| 1348 | Siu Đinh Thân | 064087009911 | 31/01/1987 | | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Ama Rin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0966402615 | Cao đẳng Khoa học máy tính 00260857 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251030-0059 | |
| 1349 | Hoàng Xuân Thắng | 064098002583 | 25/8/1998 | | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 7, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0878083247 | Đại học Công nghệ thông tin TDKS.108 | Tiếng anh B1 (không có số hiệu) | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251009-0110 | |
| 1350 | Khổng Xuân Thắng | 052092001821 | 06/3/1992 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 856/48 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0902213795 | Cử nhân tài chính ngân hàng (828152) | Tiếng anh C (A1558801) | Tin học B (A1414088) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0098 | |
| 1351 | Nguyễn Văn Thắng | 064203003080 | 26/11/2003 | | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 137 Phạm Hùng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0772568859 | Cử nhân Công nghệ thông tin (QNU A/0003254) | Tiếng anh Bậc 3 0009803 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251104-0026 | |
| 1352 | Thái Văn Thắng | 052093020839 | 16/07/1993 | | Ngô Mây, Gia Lai | 07 đường 3 tháng 2, Ngô Mây, Gia Lai | 0935236922 | Cao đẳng Điều dưỡng (000242) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0012 | |
| 1353 | Bùi Thị Phương Thanh | 052199004581 | | 10/8/1999 | Tuy Phước, Gia Lai | Trung Tín 1, Tuy Phước, Gia Lai | 0378441984 | Cao đẳng ngành dược (000666) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0110 | |
| 1354 | Đỗ Thị Thanh | 038190041504 | | 21/02/1990 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0981492616 | Cao đẳng Dược A409306 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0052 | |
| 1355 | Đỗ Thị Thanh Thanh | 064195011482 | | 15/12/1995 | Thôn Bản Tân, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Thôn Bản Tân, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0353665354 | Dược sĩ đại học 7301312 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư prông | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0075 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1356 | Nguyễn Huy Thanh | 077089010945 | 13/8/1989 | | phường Vũng Tàu, TPHCM | 15 Nguyễn Tri Phương, phường Tam Thắng, TPHCM | 0919141339 | Cao đẳng Dược B2000211 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0072 | |
| 1357 | Nguyễn Lê Thanh | 052192021703 | | 12/01/1992 | Srớ, Gia Lai | 207 Nguyễn Huệ, Kông Chro, Gia Lai | 0976787234 | Cử nhân Luật Kinh tế (1835298) | Tiếng anh B (1573407) | Tin học B (1712645) | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0033 | |
| 1358 | Nguyễn Thị Thanh | 064196008250 | | 23/9/1996 | xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Buôn Hoai, xã Iarbol, tỉnh Gia Lai | 0333326013 | Cao đẳng Dược A180837 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0102 | |
| 1359 | Nguyễn Thị Thanh | 045198003392 | | 30/8/1998 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0368635901 | Đại học Kế toán DCT7005342 | Tiếng anh Bậc 4 E6001163 | CNTTCB 0322647 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0073 | |
| 1360 | Nguyễn Thị Băng Thanh | 052199005844 | | 16/12/1999 | An Nhơn Đông, Gia Lai | Thanh Mai, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0382185893 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (002803) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0065 | |
| 1361 | Nguyễn Thị Lệ Thanh | 049190001517 | | 16/12/1990 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 79 An Dương Vương, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0909277022 | Cao đẳng điều dưỡng 00197858 | | | | | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0026 | |
| 1362 | Trần Thị Lệ Thanh | 064184010346 | | 17/5/1984 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | TTYT Chư Sê, 63 Trần Hưng Đạo, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0978559808 | Cao đẳng Văn thư hành chính 000365 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251029-0053 | |
| 1363 | Nguyễn Thị Tuyết Thánh | 064196012571 | | 17/9/1996 | Thôn 4, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0374101949 | Cao đẳng hộ sinh B97089 | | | | | Trạm Y tế xã Kong Gang cơ sở 4 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng hộ sinh | Trạm Y tế xã Kong Gang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251009-0032 | |
| 1364 | Chu Thị Thành | 064190002882 | | 27/6/1990 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 356 Cách mạng tháng 8, Tổ 11, phường Pleiku, Gia Lai | 0356585230 | Cử nhân Điều dưỡng TVU031515 | Tiếng anh B A2786939 | Tin học ứng dụng A A0400931 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0108 | |
| 1365 | Đinh Văn Thành | 044203010259 | 20/06/2003 | | Nam Gianh, Quảng Trị | 031 Võ Thị Sáu, Kông Chro, Gia Lai | 0356717852 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học (005167) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm Y tế Ia Pa | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251014-0114 | |
| 1366 | Lê Công Thành | 064096005688 | 26/02/1996 | | 251 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 251 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0969645596 | Cao đẳng Dược A181303 | | | | | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0048 | |
| 1367 | Ngô Trần Quang Thành | 052097006682 | 29/4/1997 | | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 82 Sư Đoàn Ba Sao Vàng, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0397525279 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000602) | | | | Người hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0116 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1368 | Nguyễn Thị Thành | 052188011445 | | 20/10/1988 | Núi Thành, Đà Nẵng | Cao ốc Long Thịnh, đường Bế Văn Đàn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0979273589 | Đại học Tài chính - ngân hàng (00181512) | Tiếng anh B (A1728088) | Tin học B (0108155) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251017-0142 | |
| 1369 | Phạm Thị Bích Thành | 052189002649 | | 23/10/1989 | Canh Vinh, Gia Lai | Xóm 1, Hiệp Vinh 1, Canh Vinh, Gia Lai | 0943392929 | Cử nhân Quản trị Kinh doanh (554166) | | Tin học B (269962) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0052 | |
| 1370 | Trần Công Thành | 064203000535 | 12/8/2003 | | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 15 Hai Bà Trưng, tổ 2, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0388077104 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học C04442 | | | | | Trạm y tế xã An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251029-0060 | |
| 1371 | Nay H' Thao | 064199003058 | | 28/8/1999 | Bôn Phu Ma Nher 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu Ma Nher 1, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0343850031 | Cử nhân Công tác xã hội QNU.A.0006985 | Tiếng anh Bậc 3 0002842 | CNTTCB 0006266 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251031-0104 | |
| 1372 | Nay H' Thao | 064301009682 | | 12/6/2001 | Buôn Sai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Sai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0392289181 | Cử nhân Luật E0033524 | Tiếng anh B1 23.B1.000970 | CNTTCB C00147889 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0033 | |
| 1373 | Rơ Lan H' Thảo | 064197008819 | | 17/12/1997 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Tân Tuk, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0339700011 | Cao đẳng Dược YDP003545 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0064 | |
| 1374 | Bùi Thị Bích Thảo | 052304016444 | | 29/10/2004 | Vạn Đức, Gia Lai | Đội 8, Thanh Lương, Vạn Đức, Gia Lai | 0971621033 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (YDC00883) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0007 | |
| 1375 | Châu Thị Thu Thảo | 052197005394 | | 12/01/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ1, Khu phố 1,Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0362522556 | Cử nhân điều dưỡng (001739) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0124 | |
| 1376 | Đinh Thị Thảo | 052196015539 | | 26/6/1996 | Vĩnh Sơn, Gia Lai | Thôn K6, Vĩnh Sơn, Gia Lai | 0377402326 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025731) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Nội và Điều trị nghiện chất | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0073 | |
| 1377 | Đỗ Thị Thảo | 052197003374 | | 06/4/1997 | xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai | Thôn Bình Đức, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai | 0962620831 | Cao đẳng Điều dưỡng B952605 | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0089 | |
| 1378 | Hồ Thị Thảo | 064187010179 | | 18/11/1987 | | | 0989333819 | Cao đẳng Quản trị kinh doanh A0085771 | | | trung cấp VTLT 003025 | | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251104-0062 | |
| 1379 | Hồ Thị Thanh Thảo | 052195001144 | | 30/7/1995 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 37 Nguyễn Văn Trỗi, tổ 8, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0988980922 | Cao đẳng điều dưỡng B738101 | | | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0012 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1380 | Hoàng Phương Thảo | 064303005517 | | 12/9/2003 | Kbang, Gia Lai | 10 Lê Lợi, Kbang, Gia Lai | 0398496770 | Cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng (YDC01398) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0075 | |
| 1381 | Hoàng Thị Thu Thảo | 064303002927 | | 04/6/2003 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0378398996 | Cao đẳng Dược 2944 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0036 | |
| 1382 | Huỳnh Phương Thảo | 052303008262 | | 05/11/2003 | Quy Nhơn, Gia Lai | Tổ 52A, khu phố 50, Quy Nhơn, Gia Lai | 0914881361 | Đại học luật (QH67202400301) | Tiếng anh B2 (24VN520082HUIP101A) | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0157 | |
| 1383 | Lê Thanh Thảo | 052198009150 | | 19/5/1998 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Kì Sơn, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0382184489 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111066) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0135 | |
| 1384 | Lê Thị Thảo | 054192011958 | | 12/11/1992 | Phú Yên, Đắk Lắk | Khu phố Phú Thạnh 4, Phú Yên, Đắk Lắk | 0825204059 | Cao đẳng ngành dược (A001852) | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện - cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí - cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0009 | |
| 1385 | Lê Thị Ngọc Thảo | 052187012170 | | 09/6/1987 | Thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0975179524 | Cao đẳng văn thư hành chính 00366 | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251023-0164 | |
| 1386 | Lê Thị Phương Thảo | 052194007445 | | 02/4/1994 | An Nhơn Tây, Gia Lai | Tổ dân phố Khánh Hoà, Bình Định, Gia Lai | 0355107693 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000037) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0109 | |
| 1387 | Lê Trần Nguyên Thảo | 052301004406 | | 28/7/2001 | Quy Nhơn, Gia Lai | 1A/8 Tăng Bạt Hổ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0913440396 | Cử nhân Luật kinh doanh (0056948) | Tiếng anh TOEIC 940/990 (số hiệu: 829915) NC: 13/5/2025 | Tin học IC3 (4R6d-XMNe) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0065 | |
| 1388 | Mai Phương Thảo | 064302012935 | | 29/8/2002 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Hẻm 15/5 Trần Hưng Đạo, TDP 8, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0325992236 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học E0055178 | Tiếng anh Bậc 3 E15513 | CNTTCB 018347 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0065 | |
| 1389 | Mai Thị Thanh Thảo | 064300013047 | | 02/10/2000 | Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 201 Trần Phú, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0374437829 | Đại học điều dưỡng ND.60156225 | Tiếng Anh Bậc 3 11368146150 | CNTTCB DND.11.0044112 | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0092 | |
| 1390 | Man Thị Bích Thảo | 052192022823 | | 13/02/1992 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Thôn Định Nhất, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0971714044 | Cử nhân Quản lý nhà nước (DND.6.0173370) | Tiếng anh B (A232478) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0916095) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0048 | |
| 1391 | Ngô Thị Thanh Thảo | 052196001020 | | 18/12/1996 | Tuy Phước, Gia Lai | Trung Tín 2, Tuy Phước, Gia Lai | 0964104045 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738337) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0086 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1392 | Nguyễn Bích Thảo | 064199013142 | | 06/02/1999 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 02 Lê Thánh Tôn, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0868367201 | Cử nhân Báo chí DND.6.0141495 | | | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành báo chí | | | | Phóng viên hạng III | V.11.02.06 | H21.19-251030-0103 | |
| 1393 | Nguyễn Hoàng Thanh Thảo | 052190018209 | | 14/8/1990 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 248/4 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0387594222 | Thạc sĩ Kế toán (A137912) | Tiếng anh B (0326009) | Tin học B (0231063) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251105-0022 | |
| 1394 | Nguyễn Phương Thảo | 052304000707 | | 10/06/2004 | Tây Sơn, Gia Lai | Tổ 1, khối 1a, Tây Sơn, Gia Lai | 0346235977 | Cao đẳng Điều dưỡng PNTA0719) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0153 | |
| 1395 | Nguyễn Phương Thảo | 052303011350 | | 13/10/2003 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 276/44 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0947219109 | Đại học Điều dưỡng (DHH.6.C0005419) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0087 | |
| 1396 | Nguyễn Phương Nhật Thảo | 064303006076 | | 26/3/2003 | xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0326660470 | Đại học Luật QNU A/0004104 | Tiếng anh Bậc 3 0007404 | CNTTCB 0013047 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0080 | |
| 1397 | Nguyễn Thị Thảo | 064194001438 | | 01/9/1994 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0981781094 | Cao đẳng điều dưỡng B597407 | | | | | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hiao cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0105 | |
| 1398 | Nguyễn Thị Thảo | 033195008705 | | 09/01/1995 | 51 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 51 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0397895559 | Cao đẳng Dược B888096 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0083 | |
| 1399 | Nguyễn Thị Thảo | 052196008890 | | 06/11/1996 | An Nhơn Tây, Gia Lai | Tây Sơn, Gia Lai | 0395180363 | Cao đẳng Điều dưỡng (B 738388) | | | Chứng chỉ nghiệp vụ Dân số - KHHGĐ (09049) | | Trạm Y tế xã An Nhơn Tây | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng điều dưỡng - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Trạm Y tế xã Bình Khê | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng điều dưỡng - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251013-0134 | |
| 1400 | Nguyễn Thị Bích Thảo | 054197010489 | | 16/10/1997 | Sơn Hoà, Đắk Lắk | Thôn Hòn Ông, Sơn Hoà, Đắk Lắk | 0824253338 | Cao đẳng Dược (A.001359) | | | | Người Dân tộc thiểu số, con thương binh | Trạm Y tế xã Phú Túc - Cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0131 | |
| 1401 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | 064303004559 | | 03/8/2003 | An Phú, Gia Lai | 46A Đặng Thai Mai, An Phú, Gia Lai | 0773418427 | Đại học tài chính ngân hàng (QNUA/0004776) | Tiếng anh Bậc 4 (0008170) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0009267) | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0135 | |
| 1402 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 046192008627 | | 17/01/1992 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 274 Võ Văn Kiệt, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0359056352 | Cao đẳng Hộ sinh B365778 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Hộ sinh | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Hộ sinh | Hộ sinh hạng IV | V.08.06.16 | H21.19-251014-0080 | |
| 1403 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 064198000143 | | 30/4/1998 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 148 Quang Trung, TDP 4, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0394181504 | Cử nhân Điều dưỡng A0001327 | Tiếng anh A2 BSET2302771 | CNTTCB 014272 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0038 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1404 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 064190014079 | | 29/11/1990 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 100B Wuừ, TDP 8, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0396862990 | Cao đẳng Dược B122359 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kong Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0046 | |
| 1405 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 052191020395 | | 27/5/1991 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm Khánh Vân, Ngọc Thạnh 1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0934976848 | Cao đẳng ngành dược (B787747) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0029 | |
| 1406 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 052300013260 | | 07/07/2000 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Đại Tín, Tuy Phước, Gia Lai | 0984420630 | Cử nhân Luật (QNUA. 0000579) | Tiếng anh Bậc 3 (0000915) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0003108) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0044 | |
| 1407 | Nguyễn Thị Vân Thảo | 015197007379 | | 28/08/1997 | Thôn Quyết Thắng, xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | Thôn Quyết Thắng, xã Ia Krel, tỉnh Gia Lai | 0969556109 | Cao đẳng Dược (A.00 1037) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Dơk - Cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ - Cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251007-0020 | |
| 1408 | Phạm Thị Anh Thảo | 064198010218 | | 25/4/1998 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 260 Trần Phú, tổ 5, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0971629958 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1001911 | GCN Tiếng anh B12400018 ĐH Thành Đông | CNTTCB số hiệu: 1912526 ĐH Thành Đông | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0062 | |
| 1409 | Phạm Thị Thu Thảo | 049191001164 | | 10/10/1991 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 195 Lê Hồng Phong, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0988135474 | Cao đẳng điều dưỡng A555348 | | | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0076 | |
| 1410 | Phan Thị Thảo | 040191037851 | | 17/7/1991 | 18 Nguyễn Huệ, làng Ktoh, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 18 Nguyễn Huệ, làng Ktoh, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0366848509 | Đại học Lưu trữ học 298833 | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251023-0032 | |
| 1411 | Phan Thị Thu Thảo | 064186009258 | | 28/8/1986 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 320/7 Lê Đại Hành, tổ 2, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0983953779 | Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ 0000003 | | | | con thương binh | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0001 | |
| 1412 | Rah Lan H' Thảo | 064302001349 | | 13/9/2002 | TDP 4, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 4, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0375183207 | Cử nhân Luật QNUA/0000862 | Tiếng anh Bậc 3 0005230 | CNTTCB 0009585 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0136 | |
| 1413 | Rơ Châm Thảo | 064201004401 | 04/02/2001 | | Làng Kênh, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Làng Kênh, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0338423455 | Cao đẳng điều dưỡng 600967 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0107 | |
| 1414 | Tạ Thị Thảo | 052191000684 | | 20/10/1991 | An Nhơn Tây, Gia Lai | Nam Tượng II, An Nhơn Tây, Gia Lai | 0934740680 | Cao đẳng ngành dược (B1025559) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0027 | |
| 1415 | Tô Thị Thanh Thảo | 064196013235 | | 08/10/1996 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Định Trung, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0347991205 | Đại học Kế toán (0006196) | Tiếng anh B (A2000145) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DPXC000649) | Chứng chỉ Đào tạo Dân số viên (23.CY6558) | | Trạm Y tế xã Bình Khê | Trung tâm y tế Tây Sơn | Đại học Kế toán - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học Kế toán - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251028-0044 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1416 | Tôn Nữ Phương Thảo | 064196012517 | | 06/08/1996 | Tuy Phước, Gia Lai | Vĩnh Thạnh 1, Tuy Phước, Gia Lai | 0326449599 | Cử nhân Xét nghiệm Y học (E0132392) | Cử nhân ngôn ngữ Anh (QNU A+/0001478) | Ứng dụng CNTTB (A1952243) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251024-0089 | |
| 1417 | Trần Thị Phương Thảo | 052303013884 | | 17/7/2003 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 18 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0334484381 | Cử nhân quản trị kinh doanh (VL-6BA016850) | Tiếng anh B2 (BC20000396070) | | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0011 | |
| 1418 | Trần Thị Thanh Thảo | 052198010428 | | 22/4/1998 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Cát Tường, Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 0357730033 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (007184) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0071 | |
| 1419 | Trần Thị Thu Thảo | 052195005509 | | 17/5/1995 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Thôn Chánh Trực, Phù Mỹ Đông, Gia Lai | 0382037875 | Cao đẳng ngành dược (B688633) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0042 | |
| 1420 | Triệu Lâm Như Thảo | 064191010840 | | 03/5/1991 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Tổ 4, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0969865579 | Cao đẳng Điều dưỡng 20A1593 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0043 | |
| 1421 | Trương Kiều Phương Thảo | 052301004090 | | 12/8/2001 | Tuy Phước, Gia Lai | Xóm 4, thôn Hưng Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0767686949 | Cử nhân Công tác xã hội (QNUA.0005154) | Tiếng anh Bậc 3 (0001858) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0006851) | | | Phòng Điều dưỡng | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251007-0042 | |
| 1422 | Trương Nguyễn Phương Thảo | 052301009898 | | 01/9/2001 | An Hoà, Gia Lai | Xuân Phong Nam, An Hoà, Gia Lai | 0968271260 | Cao đẳng ngành dược (YDA00301) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0025 | |
| 1423 | Võ Thu Thảo | 052198010589 | | 20/02/1998 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | 264/9/1 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Gia Lai | 0936983277 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111020) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0146 | |
| 1424 | Trần Thị Thật | 052198012604 | | 18/3/1998 | An Hoà, Gia Lai | Trà Cong, An Hoà, Gia Lai | 0397112092 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (001389) | Chứng nhận năng lực ngoại ngữ Bậc 3 (2020B10335) (ĐH Tây Nguyên) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0823900) | | | Khoa xét nghiệm | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa xét nghiệm | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0097 | |
| 1425 | Nguyễn Thị Thu Thể | 052182015602 | | 20/02/1982 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 357 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0865715679 | Cao đẳng Dược (C0002107) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0018 | |
| 1426 | Hồ Mai Thi | 064302005950 | | 28/01/2002 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 2 Lơ Ku, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0386988005 | Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng BA02782 | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện 331 | Đại học kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251027-0136 | |
| 1427 | Hồ Thị Lệ Thi | 051302005073 | | 11/7/2002 | Thanh Bồng, Quảng Ngãi | Thôn Nguyên, Thanh Bồng, Quảng Ngãi | 0388152120 | Cao đẳng ngành dược (OTT2301506) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly - Cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0007 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1428 | Lại Thị Thi | 038196015666 | | 19/3/1996 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 72/9 Bà Huyện Thanh Quan, làng Ngó, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0989511841 | Cử nhân Quản lý nhà nước 257699 | | CNTTCB 0272723 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0006 | |
| 1429 | Lê Anh Thi | 064191000343 | | 20/10/1991 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 65 Đặng Thai Mai, tổ 8, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0967025579 | Cao đẳng Điều dưỡng A181099 | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0098 | |
| 1430 | Nguyễn Hoàng Thi | 052095005254 | 11/01/1995 | | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Thanh Huy 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0344502157 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (PA000391) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0156 | |
| 1431 | Nguyễn Ngọc Thi | 054093000195 | 22/12/1993 | | Đồng Xuân, Đắk Lắk | Triêm Đức, Đồng Xuân, Đắk Lắk | 0976201227 | Đại học kế toán (1100949) | Tiếng anh C (A2564233) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0322474) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0019 | |
| 1432 | Nguyễn Thị Cẩm Thi | 052197002260 | | 08/03/1997 | Ân Hảo, Gia Lai | Thôn Hội Long, Ân Hảo, Gia Lai | 0964109928 | Đại học Dược (ĐLH05) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0035 | |
| 1433 | Nguyễn Thị Thuý Thi | 052197013128 | | 08/10/1997 | Phù Cát, Gia Lai | Xóm An Trung, Trung Đức, Phù Cát, Gia Lai | 0366791537 | Cử nhân điều dưỡng (1803895) | Tiếng anh C (A3216565) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.T1.0014404) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0108 | |
| 1434 | Trần Thị Mạnh Thi | 052189002488 | | 30/12/1989 | Phù Mỹ, Gia Lai | Trung Hậu, Phù Mỹ, Gia Lai | 0905869700 | Đại học kế toán (328578) | Tiếng anh B (361082) | Tin học B (001301) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0033 | |
| 1435 | Dương Thị Thu Thí | 052199003539 | | 07/09/1999 | Cát Tiến, Gia Lai | Vĩnh Hội, Cát Tiến, Gia Lai | 0393801467 | Cao đẳng Dược (000555) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0032 | |
| 1436 | Đinh Văn Thích | 052098001395 | 27/7/1998 | | Ân Tường, Gia Lai | Thôn O11, Ân Tường, Gia Lai | 0328551009 | Đại học quản lý nhà nước (QNUA/0002017) | Chứng nhận năng lực ngoại ngữ Tiếng anh Bậc 3 (0003966) (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0000373) | | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0115 | |
| 1437 | Kpă Thích | 064089006381 | 30/4/1989 | | Buôn Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Rnho, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0395055720 | Đại học Tài chính - Ngân hàng (009196) | Tiếng anh B A3185718 | Tin học B A313689 | | Người dân tộc thiểu số | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Tài chính | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251008-0001 | |
| 1438 | Rơ Châm Thiêm | 064197008825 | | 01/02/1997 | Châm Anêh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | Châm Anêh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0398769035 | Dược sĩ đại học 7300718 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0093 | |
| 1439 | Nguyễn Ngọc Thiện | 074301000433 | | 25/5/2001 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0336850613 | Cao đẳng điều dưỡng YDA000317 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0051 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1440 | Trần Thị Ngọc Thiện | 052193018873 | | 08/07/1993 | Quy Nhơn, Gia Lai | 808/15/7/18 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0336242793 | Cao đẳng Điều dưỡng (B221156) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0044 | |
| 1441 | Đinh Minh Thiệp | 052200008502 | 10/3/2000 | | Kim Sơn, Gia Lai | Thôn T5, Kim Sơn, Gia Lai | 0984674317 | Cử nhân công tác xã hội (QNUA/0000541) | Chứng nhận năng lực ngoại ngữ Tiếng anh Bậc 3 (0003689) (ĐH Quy Nhơn) | UDCNTTCB (0008991) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251027-0102 | |
| 1442 | Lương Thị Thiệt | 087300006190 | | 18/01/2000 | Lai Vung, Đồng Tháp | 87A Phú Thuận, An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh | 0365351801 | Đại học Công tác xã hội (QH25202300041) | Tiếng anh Bậc 3 (QH58202301151) | Chứng chỉ Tin học đại cương (XHNV 08857) | | | Phòng Điều dưỡng | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | Phòng Tổ chức - Hành chính | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251018-0012 | |
| 1443 | Ksor Thĩn | 064199008228 | | 10/01/1999 | Làng Jrăng Blo, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng Jrăng Blo, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0349847026 | Dược sĩ đại học DLH0502328 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia O | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0087 | |
| 1444 | Bùi Phan Việt Thịnh | 052203001627 | 19/02/2003 | | Bình An, Gia Lai | Vĩnh Lộc, Bình An, Gia Lai | 0352302432 | Cao đẳng Công nghệ thông tin (CKCA.0009085) | | | | | | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251020-0090 | |
| 1445 | Nguyễn Huy Thịnh | 052202015044 | 26/6/2002 | | Ân Tường, Gia Lai | Đội 1, Hà Đông, Ân Tường, Gia Lai | 0396617006 | Đại học kỹ thuật hình ảnh y học (003166) | Tiếng anh B1 (007426) ĐH Nam Cần Thơ | Ứng dụng CNTT cơ bản (002333) ĐH Nam Cần Thơ | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251104-0161 | |
| 1446 | Nguyễn Thế Thịnh | 052087007324 | 22/02/1987 | | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 24 Bế Văn Đàn, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0969569039 | Cử nhân luật (DND.6.0119939) | Tiếng anh B (A3221287) | Ứng dụng CNTT cơ bản (số hiệu: 0472688) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0071 | |
| 1447 | Nguyễn Thị Thịnh | 042190003811 | | 10/5/1990 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 188/68 Âu Cơ, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0379880567 | Cử nhân điều dưỡng TDU.1005731 | Tiếng anh B1 B12401981 | CNTTCB 1915073 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251008-0072 | |
| 1448 | Nguyễn Thị Hồng Thịnh | 052185015271 | | 07/8/1985 | Tuy Phước, Gia Lai | Công Chánh, Tuy Phước, Gia Lai | 0986212748 | Đại học kế toán (A243739) | Tiếng anh B (B858416) | Tin học B (B374594) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0103 | |
| 1449 | Nguyễn Trương Gia Thịnh | 052203000691 | 23/3/2003 | | Vạn Đức, Gia Lai | An Thường II, Vạn Đức, Gia Lai | 0922505562 | Cử nhân công nghệ thông tin - kỹ thuật phần mềm (1148/QĐ-ĐHFPT) | Chứng chỉ ACADEMIC PREP ARATORY ENGLISH Summit 2 (No.ENG2211675 | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành kỹ thuật phần mềm | | | | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251102-0013 | |
| 1450 | Nguyễn Thị Tho | 052198001478 | | 02/3/1998 | Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 17 Ngô Quyền, Quy Nhơn, Gia Lai | 0364682525 | Cao đẳng ngành dược (B1111203) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0151 | |
| 1451 | Nguyễn Thị Thọ | 052189006491 | | 01/10/1989 | Quy Nhơn, Gia Lai | 02/12 Trần Bình Trọng, Quy Nhơn, Gia Lai | 0976116679 | Thạc sĩ Kế toán (0001269) Cử nhân kế toán (433097) | Tiếng anh B1 (00384.18) | Tin học B (414625) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0089 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1452 | Lê Thị Kim Thoa | 052195018164 | | 04/01/1995 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Thôn Bình Thái, Tuy Phước, Gia Lai | 0962649706 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738012) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0022 | |
| 1453 | Nguyễn Thị Kim Thoa | 052302000479 | | 15/03/2002 | An Lão, Gia Lai | Quầy thuốc Hoàng Lan, Xuân Phong Nam, An Hoà, Gia Lai | 0347258621 | Cao đẳng Dược (A001140) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0117 | |
| 1454 | Phạm Nữ Bảo Thoa | 052191016219 | | 04/4/1991 | Tuy Phước, Gia Lai | Tân Thuận, Tuy Phước, Gia Lai | 0987019829 | Thạc sĩ Kế toán (0001678) ĐH Tài chính-Ngân hàng (568138) | Tiếng anh Bậc 4 (ESOL-0038503) | Tin học B (A958071) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251031-0121 | |
| 1455 | Trần Thị Tuyết Thoa | 052195008837 | | 20/02/1995 | Tuy Phước, Gia Lai | Đội 4, Hưng Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0968864167 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1099206) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0093 | |
| 1456 | Võ Minh Thoa | 052198007910 | | 26/12/1998 | Phù Mỹ, Gia Lai | 724 Quang Trung, Phù Mỹ, Gia Lai | 0357883030 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111021) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0009 | |
| 1457 | Y Thoa | 064301014562 | | 17/9/2001 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Làng Đê Gôh, Đak Sơ Mei, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0326031510 | Cao đẳng Dược D.4903.005131 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0059 | |
| 1458 | Đinh Thị Thoả | 052304007430 | | 26/7/2004 | An Vinh, Gia Lai | Thôn 7, An Vinh, Gia Lai | 0347077247 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001457) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0065 | |
| 1459 | Thoải | 064197014835 | | 09/3/1997 | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Dờr I, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0329918859 | Cao đẳng điều dưỡng B1025734 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Băng cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Băng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0058 | |
| 1460 | Nguyễn Thị Hồng Thoại | 052301011602 | | 17/12/2001 | Bình Hiệp, Gia Lai | Xóm 4, Thuận Truyền, Bình Hiệp, Gia Lai | 0938468721 | Đại học Quản trị Kinh doanh (7111028) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0147 | |
| 1461 | Nguyễn Tân Thời | 052094006265 | 19/11/1991 | | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 291/1/10 Tây Sơn,Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0358588379 | Cao đẳng Điều dưỡng (000126) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0046 | |
| 1462 | Đặng Thị Lệ Thơm | 052197006284 | | 22/01/1997 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 05 Hồ Tá Bang, Quy Nhơn Nam. Gia Lai | 0339077654 | Cao đẳng Dược (B1111306) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0149 | |
| 1463 | Đặng Thị Tuyết Thơm | 044190015223 | | 27/10/1990 | xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 55 Nguyễn Văn Trỗi, thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0947476139 | Đại học Luật DHH.6.0.0000117 | Tiếng anh B A1003993 | Tin học B A1535383 | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0050 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1464 | Hồ Thị Hương Thơm | 064302011014 | | 05/7/2002 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0793637485 | Cử nhân điều dưỡng A0004554 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0047 | |
| 1465 | Mai Thị Ý Thơm | 064193007137 | | 07/6/1993 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 32 Nguyễn Văn Trỗi, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0353030559 | Cử nhân Luật E0100011 | Tiếng anhC A2248257 | Tin học B A1412932 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251017-0087 | |
| 1466 | Thonh | 64303016880 | | 07/12/2003 | Làng Chrong 2, xã Hra, tỉnh Gia Lai | Làng Chrong 2, xã Hra, tỉnh Gia Lai | 0348918944 | Đại học ngành Hộ sinh (DHH.6.C.0005614) | Tiếng anh Bậc 3 08303 | CNTTCB 020248 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Hộ sinh | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Hộ sinh | Hộ sinh hạng III | V.08.06.15 | H21.19-251007-0035 | |
| 1467 | Thonh | 064197002915 | | 01/10/1997 | xã Kdang, tỉnh Gia Lai | Làng Botgrek, xã Kdang, tỉnh Gia Lai | 0961131327 | Cử nhân điều dưỡng 003183 | Tiếng anh Bậc2 BSET2420228 | CNTTCB 38441 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0105 | |
| 1468 | Đặng Thị Lệ Thu | 052194015042 | | 03/8/1994 | Vạn Đức, Gia Lai | Hẻm 893 Hùng Vương, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0989245039 | Cao đẳng ngành dược (B688201) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0115 | |
| 1469 | Nguyễn Thị Thu | 038194014472 | | 20/5/1994 | xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Plei Lôk, xã Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | 0393796463 | Cao đẳng điều dưỡng (B497584) | | | | | Khoa Nội- Nhi-Nhiễm | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư A Thai cơ sở 3 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0046 | |
| 1470 | Nguyễn Thị Thu | 038192042870 | | 07/01/1992 | Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, tỉnh Gia Lai | 0972845886 | Cao đẳng Dược A07317 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã K'Dang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0122 | |
| 1471 | Nguyễn Thị Hoài Thu | 040198021753 | | 24/6/1998 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | Làng Bek, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0981874001 | Cử nhân Quản lý nhà nước DND.6.0127912 | | CNTTNC DND.I2.0004868 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0122 | |
| 1472 | Phan Thị Anh Thu | 064188013089 | | 15/3/1988 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 246/11 Phù Đổng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0912691153 | Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng 0004981 | Tiếng anh C 494370 | Tin học ứng dụng B 180364 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Tài chính | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0007 | |
| 1473 | RCom H' Thu | 064301003305 | | 13/02/2001 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Chư Ma, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0332749141 | Cử nhân Luật E0048009 | Tiếng anh B1 E16916 | CNTTCB C00233987 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0009 | |
| 1474 | Tống Thị Khánh Thu | 064303004717 | | 24/7/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0984925156 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.005284 | Tiếng anh B1 2024.B1.0157 | Tin học cơ bản TTN.TH.005362 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0138 | |
| 1475 | Trần Thị Mĩ Thu | 052184018072 | | 18/07/1984 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 462 Nguyễn Huệ, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0385864911 | Cao đẳng Dược (B956706) | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Sró | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0146 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1476 | Trần Thị Xuân Thu | 052186012528 | | 01/9/1986 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 17, khu phố 3, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0813770333 | Cử nhân quản trị kinh doanh (1032542) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0013426) | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0100 | |
| 1477 | Trịnh Thị Lệ Thu | 066192022364 | | 24/4/1992 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 150B Văn Cao, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0373269609 | Cao đẳng Dược B209028 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Gào | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0147 | |
| 1478 | Võ Thị Thu | 064195001528 | | 01/01/1995 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0399238100 | Cao đẳng Văn thư hành chính 000368 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251021-0097 | |
| 1479 | Võ Thị Thanh Thu | 064195010096 | | 20/10/1995 | 25/7 Nguyễn Trãi, tổ 3 Tây Sơn, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 25/7 Nguyễn Trãi, tổ 3 Tây Sơn, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0365453965 | Đại học Quản lý nhà nước (SH:0001290) | Tiếng anh B A1559518 | Tin học B A2646339 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0139 | |
| 1480 | Đặng Ngọc Minh Thư | 064303000737 | | 02/5/2003 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 8/9/22 Võ Thị Sáu, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0773514682 | Đại học Kế toán UEH.B.0073135 | Toeic 645 ngày cấp 20/8/2024 | Tin học IC3 Qpab-4Tms | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0139 | |
| 1481 | Hồ Anh Thư | 052199011448 | | 11/03/1999 | Vân Canh, Gia Lai | Thịnh Văn 1, Vân Canh, Gia Lai | 0343316251 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học (000477) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251015-0117 | |
| 1482 | Lê Quỳnh Thư | 064199010249 | | 03/02/1999 | Thôn 3, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0336009260 | Dược sĩ đại học BMU.D.000859 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Krái cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0102 | |
| 1483 | Lê Thị Anh Thư | 052302001549 | | 20/12/2002 | Quy Nhơn, Gia Lai | 17 Ngô Quyền, Quy Nhơn, Gia Lai | 0977316237 | Đại học Kỹ sư Kỹ thuật Y sinh (SPK.BE033741) | | | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Kỹ sư hạng III | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Pleiku | Kỹ sư hạng III | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251009-0009 | |
| 1484 | Lê Thị Minh Thư | 052194011444 | | 22/09/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 24 Xuân Thuỷ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0772550503 | Đại học Dược (NTTDS10104239) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0155 | |
| 1485 | Ngô Thị Mỹ Thư | 052199006265 | | 01/04/1999 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Thôn Huỳnh Giản Bắc, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0343906110 | Cao đẳng Điều dưỡng (000460) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0058 | |
| 1486 | Nguyễn Anh Thư | 052198011192 | | 14/10/1998 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Bình An, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0388730379 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111072) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0005 | |
| 1487 | Nguyễn Đình Thư | 052096011358 | 01/01/1996 | | Quy Nhơn, Gia Lai | 16/30 Tháp Đôi, Quy Nhơn, Gia Lai | 0949118294 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B817383) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0068 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1488 | Nguyễn Huyền Thư | 052196000625 | | 16/8/1996 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Đinh Trung, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0919780558 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B833236) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0087 | |
| 1489 | Nguyễn Thị Minh Thư | 052198008248 | | 08/03/1998 | Phù Cát, Gia Lai | 23 Lê Thành Tông, Phù Cát, Gia Lai | 0975508757 | Cao đẳng Điều dưỡng (000388) | | | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0036 | |
| 1490 | Nông Thị Minh Thư | 064300014703 | | 11/4/2000 | xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn Kơnia, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0352573582 | Cao đẳng Dược A001290 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0135 | |
| 1491 | Phạm Thị Thanh Thư | 064303004494 | | 23/4/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 12, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0354453504 | Cử nhân Luật kinh tế ĐHH.6.C.0003595 | Tiếng anh B1 E22714 | CNTTCB C00195871 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0079 | |
| 1492 | Tạ Thị Anh Thư | 064301005581 | | 23/5/2001 | Thôn 1, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0379609870 | Đại học chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán B008181 | Tiếng anh B3 C009744 | MOS word, excel, pp | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251016-0102 | |
| 1493 | Tô Thanh Thư | 052303003149 | | 01/08/2003 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Cảnh An 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0388105727 | Cử nhân Điều dưỡng (CN001634) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00240232) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0121 | |
| 1494 | Trần Thị Bích Thư | 052301003977 | | 30/4/2001 | xã Chư Krey, tỉnh Gia Lai | 638/16/17 Quang Trung, khu phố 39, thôn Tây Hội, TPHCM | 0389961703 | Dược sĩ đại học PH02606 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0148 | |
| 1495 | Vũ Thị Anh Thư | 64303013882 | | 16/01/2003 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 729E Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0905337026 | Cao đẳng Dược YDA000312 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0056 | |
| 1496 | Kpuih Thụ | 064202009311 | 20/6/2002 | | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 196 Lý Thường Kiệt, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0363421232 | Cao đẳng Điều dưỡng 600506 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Prông cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pia | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0064 | |
| 1497 | Lê Thị Thanh Thuần | 052189004654 | | 23/6/1989 | Tam Quan, Gia Lai | Xóm 3, Khu phố Hội An, Tam Quan, Gia Lai | 0962994885 | Đại học Luật (E0041120) | Tiếng anh B (B0091018) | Tin học văn phòng (0116341) | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251016-0045 | |
| 1498 | Lê Thị Bích Thuận | 052192019654 | | 08/06/1992 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Tân, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0905537548 | Cử nhân Kế toán (1011021) | Tiếng anh B (A523753) | Ứng dụng CNTT B - Access (A214271) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0004 | |
| 1499 | Phạm Thị Thuận | 052190017151 | | 15/5/1990 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 351/5 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0934047919 | Đại học ngành điều dưỡng (DND.60131616) | Tiếng anh B (0416056) | Tin học văn phòng (C020230) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Vân Canh | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0111 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1500 | Phạm Thị Thuận | 051198001242 | | 01/06/1998 | Ba Tơ, Quảng Ngãi | Tổ dân phố Uy Năng, Ba Tơ, Quảng Ngãi | 0372263169 | Đại học Luật (E0011143) | Tiếng anh B1 (02314) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00044067) | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0151 | |
| 1501 | Ksor Thuật | 064098009852 | 15/01/1998 | | 140F Kpă Tít, TDP 5, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 140F Kpă Tít, TDP 5, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0334607910 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.004523 | Tiếng anh B 2022.B1.0833 | CNTTCB 017670 | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Uar | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế xã Phú Túc | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0014 | |
| 1502 | Trần Văn Thức | 052095001221 | 13/09/1995 | | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 31, Khu vực 4, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0362481695 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (439/KĐ-CĐYT) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0070 | |
| 1503 | Đinh Thị Thuý Thương | 052194015067 | | 04/6/1994 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0353482637 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738122) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251025-0006 | |
| 1504 | Đỗ Thị Út Thương | 66196001993 | | 15/9/1996 | Thôn Tung Blai, xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | 163 Hùng Vương, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0969455433 | Cao đẳng Dược (B.1026003) | | | | | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251007-0009 | |
| 1505 | Đoàn Thị Hoài Thương | 064195009307 | | 06/9/1995 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 47 Nguyễn Trãi, TDP 3, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0974142224 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học 1643778 | Tiếng anh B A3253121 | CNTTCB DND.I1.0010525 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251024-0131 | |
| 1506 | Lã Thị Thúy Thương | 064185010850 | | 22/9/1985 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0905092285 | Đại học điều dưỡng Gây mê hồi sức số hiệu: E0044741 | Tiếng anh B A2235555 | Tin học ứng dụng B A2426898 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0032 | |
| 1507 | Lê Thị Hoài Thương | 064192012313 | | 24/10/1992 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Lô 4, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0349443859 | Cử nhân Kế toán 830132 | Tiếng anh C A1177076 | Tin học ứng dụng B A788595 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251024-0141 | |
| 1508 | Lê Thị Thu Thương | 064189001998 | | 16/6/1989 | Thôn 13, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 13, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0986932068 | Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành kế toán 613470 | Tiếng anh B B7477 | Tin học văn phòng C 4410/C&C | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0190 | |
| 1509 | Lý Thị Kim Thương | 064184012727 | | 06/02/1984 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 92 Trần Quý Cáp, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0968548555 | - Thạc sĩ Điều dưỡng 27/ThSĐD/2017 - Cử nhân Điều dưỡng (A0213031) | Tiếng anh Bậc 4 TA-B2/0010042 | Tin học B B0022810 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0045 | |
| 1510 | Mai Thị Thương | 052196001043 | | 20/6/1996 | Đề Gi, Gia Lai | Điện thoại Gia Phát, thôn Thắng Kiên, Đề Gi, Gia Lai | 0964560885 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738343) | | | | | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0155 | |
| 1511 | Nguyễn Thị Hoài Thương | 064302005405 | | 03/02/2002 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | Thôn Tân Lập, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0396925867 | Cao đẳng Điều dưỡng YDC00358 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0150 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1512 | Nguyễn Thị Kim Thương | 052300007891 | | 28/01/2000 | Tây Sơn, Gia Lai | Xóm 1, thôn Phú An, Tây Sơn, Gia Lai | 0345883866 | Cao đẳng ngành dược (YDA00227) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0100 | |
| 1513 | Nguyễn Thị Ngọc Thương | 052197007895 | | 25/12/1997 | Bình Hiệp, Gia Lai | Thôn Thuận Nhứt, Bình Hiệp, Gia Lai | 0329147067 | Cao đẳng ngành dược (PA001455) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0021 | |
| 1514 | Nguyễn Vũ Thương | 064089002919 | 04/12/1989 | | Đội 2, thôn 1, xã Kong Gang, tỉnh Gia Lai | Đội 2, thôn 1, xã Kong Gang, tỉnh Gia Lai | 0988582896 | Cao đẳng Dược A181240 | | | | | Trạm Y tế xã Kong Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0083 | |
| 1515 | Phạm Thị Ngọc Thương | 064196016527 | | 04/06/1996 | Kbang, Gia Lai | 53 Lý Tự Trọng, thôn 2, Kbang, Gia Lai | 0976383267 | Đại học Y tế công cộng (1643876) | Tiếng anh C (A2487808) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0001009) | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Y tế công cộng | Trạm Y tế xã Kông Bờ La | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251014-0094 | |
| 1516 | Phùng Thị Thanh Thương | 052196010959 | | 10/02/1996 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Đại Lễ, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0354080932 | Cao đẳng Điều dưỡng (B653891) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0072 | |
| 1517 | Võ Thị Hoài Thương | 064302008420 | | 02/12/2002 | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0982675247 | Đại học Công nghệ thông tin QNUA/0000071 | Tiếng anh B1 0005250 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251029-0123 | |
| 1518 | Hồ Thị Lệ Thường | 052194018305 | | 14/03/1994 | Quy Nhơn, Gia Lai | Tổ 24, kp 35, Quy Nhơn, Gia Lai | 0989474035 | Đại học Điều dưỡng (0002790) | Tiếng anh B (A1210664) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1153689) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0159 | |
| 1519 | Nguyễn Kim Thướng | 054300003861 | | 25/6/2000 | Tuy An Nam, Đắk Lắk | Thôn Hoà Đa, Tuy An Nam, Đắk Lắk | 0857409054 | Cao đẳng ngành dược (A.001206) | | | | | Trạm Y tế xã Ia Phí - cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí - cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0010 | |
| 1520 | Phạm Thị Hồng Thuy | 052196004149 | | 05/10/1996 | Phù Mỹ Đông, Gia Lai | Tổ 42, khu phố 6, Quy Nhơn Đong, Gia Lai | 0987969358 | Đại học quản lý nhà nước (số hiệu: 001836) | Tiếng anh B (A3280858) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C0006755) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0146 | |
| 1521 | Đặng Hoàng Mộng Thuý | 052191002586 | | 26/11/1991 | Tuy Phước, Gia Lai | 43 Nguyễn Văn Trỗi, Văn Hội 1, Tuy Phước, Gia Lai | 0353321636 | Cao đẳng Kế toán (A422480) | | | Chứng chỉ Văn thư - Lưu trữ (51803) | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Lưu trữ viên trung cấp | | | | Lưu trữ viên trung cấp | V.01.02.03 | H21.19-251013-0065 | |
| 1522 | Đào Thị Duy Thuý | 052303007223 | | 21/12/2003 | Ân Hảo, Gia Lai | Xóm 1, Tân Sơn, Ân Hảo, Gia Lai | 0853968247 | Đại học quản trị văn phòng (HCH.6.000318) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Quản trị văn phòng | | | | Cán sự | 01.004 | H21.19-251031-0006 | |
| 1523 | Dương Thị Kim Thuý | 052194019040 | | 06/01/1994 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Thôn Nghĩa Lộc, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0393241141 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C.0002471) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0011 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1524 | Lê Thị Thuý | 052199000673 | | 11/5/1999 | Vân Canh, Gia Lai | Thôn Thịnh Vân 1, Vân Canh, Gia Lai | 0364884385 | Cao đẳng ngành dược (000670) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0111 | |
| 1525 | Lê Thị Diễm Thuý | 052194004750 | | 02/11/1994 | Bình Dương, Gia Lai | 88 Lý Thường Kiệt, khu phố Dương Liễu Nam, Bình Dương, Gia Lai | 0967218177 | Cao đẳng Dược (B493250) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0053 | |
| 1526 | Nguyễn Thị Thanh Thuý | 052194016565 | | 25/07/1994 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Thiện Chánh 1, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0386202942 | Cao đẳng Xét nghiệm y học (B568754) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251015-0102 | |
| 1527 | Nguyễn Thị Thu Thuý | 052194014253 | | 20/02/1994 | Đề Gi, Gia Lai | An Quang Đông, Đề Gi, Gia Lai | 0978410240 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B08081494) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0151 | |
| 1528 | Phạm Thị Diễm Thuý | 052300004838 | | 15/8/2000 | An Nhơn Nam, Gia Lai | Khu vực Hoà Nghi, An Nhơn Nam, Gia Lai | 0355749935 | Đại học ngành dược (001486) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0130 | |
| 1529 | Trần Thị Bích Thuý | 052303011469 | | 14/12/2003 | Cát Tài, Phù Cát, Bình Định | 08 Nguyễn Cang, Quy Nhơn, Bình Định | 0333138093 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001218) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0048 | |
| 1530 | Hồ Thị Ngọc Thuỳ | 052194001474 | | 05/3/1994 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Khu phố Hải Bắc, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0763513446 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B888033) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0143 | |
| 1531 | Lê Tôn Thương Thuỳ | 052197008663 | | 03/02/1997 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Chánh Hiền, Canh Vinh, Gia Lai | 0334354430 | Cao đẳng ngành dược (B973530) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0040 | |
| 1532 | Nguyễn Ngọc Bích Thuỷ | 052301008402 | | 11/01/2001 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 4, khu vực 5, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0328467580 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000585) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0116 | |
| 1533 | Nguyễn Thị Bích Thuỷ | 052183007591 | | 01/01/1983 | Canh Vinh, Gia Lai | Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0369028368 | Cử nhân kế toán (00325150) | Tiếng anh B (A1319817) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0364958) | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251103-0149 | |
| 1534 | Phạm Thị Thuỳ | 052190002841 | | 05/10/1990 | Vạn Đức, Gia Lai | Vĩnh Đức, Vạn Đức, Gia Lai | 0976534090 | Đại học luật (E0015485) | Tiếng anh A2 (BSET2405658) | Ứng dụng CNTT cơ bản (A0085852) | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0043 | |
| 1535 | Đinh Thị Thuý | 052303012542 | | 05/11/2003 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | thôn Tà Điệk, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 03788211421 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001435) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0064 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1536 | Huỳnh Thị Thuý | 052302003532 | | 20/3/2002 | Hoài Ân, Gia Lai | Thôn Khoa Trường, Hoài Ân, Gia Lai | 0384312201 | Cử nhân Quản trị khách sạn (QNUA/0001779) | | | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư-nghiệp vụ lưu trữ | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251009-0020 | |
| 1537 | Lê Thị Hồng Thuý | 052197016412 | | 02/02/1997 | Tuy Phước, Gia Lai | Quảng Vân, Tuy Phước, Gia Lai | 0869791206 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025694) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0001 | |
| 1538 | Nguyễn Thị Bích Thuỷ | 052300003665 | | 10/02/2000 | Hoài Nhơn, Gia Lai | 17B Trần Quốc Toản, Quy Nhơn, Gia Lai | 0337703003 | Cao đẳng Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng (YDA00398) | | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251008-0009 | |
| 1539 | Nguyễn Thị Thu Thuỷ | 052194007024 | | 08/01/1994 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Thôn Vĩnh Nhơn, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0989923604 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025503) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0029 | |
| 1540 | Nguyễn Thị Thu Thuỷ | 052194003877 | | 02/08/1994 | Bình An, Gia Lai | Thôn Kiên Long, Bình An, Gia Lai | 0988589360 | Cao đẳng Điều dưỡng (B.688974) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251014-0109 | |
| 1541 | Trần Thu Thuỷ | 052304005137 | | 30/12/2004 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 67/20 Đặng Văn Ngữ, Quy Nhơn, Gia Lai | 0902819584 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001436) | | | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0141 | |
| 1542 | Võ Thị Kim Thuỳ | 052192010035 | | 25/6/1992 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 4, khu vực 9, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0769833808 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A000757) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0020 | |
| 1543 | Ksor H' Thúy | 064195016355 | | 27/7/1995 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Thôn Sơ Ma Kơng, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0975253200 | Cử nhân điều dưỡng 1737913 | Tiếng anh A2 BSET2308481 | CNTTCB 0290926 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251020-0076 | |
| 1544 | Lê Thị Hồng Thúy | 064193014109 | | 06/8/1993 | Tổ 1, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 1, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0356584925 | Cao đẳng Điều dưỡng YDC00850 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0033 | |
| 1545 | Nguyễn Thị Ngọc Thúy | 064303006840 | | 10/12/2003 | xã Uar, tỉnh Gia Lai | Thôn Huy Hoàng, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0332265228 | Cao đẳng Dược 003176 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0058 | |
| 1546 | Nguyễn Thị Phương Thúy | 064300007966 | | 06/8/2000 | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Hưng Bình Tân Hợp, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0946719677 | Cử nhân Điều dưỡng 001596 | Tiếng Nhật N5 16148640017 | Giấy xác nhận ứng dụng CNTTCB (không có số hiệu) TT ngoại ngữ, tin học EduViet cấp ngày 03/11/2025 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0181 | |
| 1547 | Nguyễn Thị Thanh Thúy | 064303002241 | | 26/11/2003 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0334223002 | Cử nhân Điều dưỡng YHN4004724 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng ngành điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0146 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1548 | Trần Thị Thúy | 046188001805 | | 23/5/1988 | 100/1 Âu Cơ, tổ 4, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 100/1 Âu Cơ, tổ 4, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0974431341 | Cử nhân Điều dưỡng TVU031518 | Tiếng anh B A2786940 | CNTTCB 0463032 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251030-0012 | |
| 1549 | Trần Thị Mỹ Thúy | 056199007688 | | 16/12/1999 | Xóm Mới, Tây Ninh Hòa, Khánh Hòa | Xóm Mới, Tây Ninh Hòa, Khánh Hòa | 0708750957 | Đại học Dược 7301682 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0034 | |
| 1550 | Trần Thị Thu Thúy | 064194003207 | | 02/6/1994 | 87 Ngô Quyền, tổ 5, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 87 Ngô Quyền, tổ 5, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0963824739 | Cao đẳng Dược A180775 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0085 | |
| 1551 | Đặng Thị Thùy | 064199010139 | | 26/02/1999 | xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai | 91 Trần Hưng Đạo, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi | 0393437546 | Dược sĩ đại học TDDS.1781 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0156 | |
| 1552 | Hà Mai Phương Thùy | 064300009043 | | 27/6/2000 | 239 Hai Bà Trưng, thôn 3, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 239 Hai Bà Trưng, thôn 3, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0382473796 | Cao đẳng Dược E22.173/YDP | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0157 | |
| 1553 | Trần Thị Thùy | 042197026854 | | 13/12/1997 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0398986179 | Đại học Kế toán 000373 | Tiếng anh B1 2019B11346 | CNTTCB 004235 | | | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Kế toán | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0037 | |
| 1554 | Hồ Thị Thanh Thùy | 064199013239 | | 22/4/1999 | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | Hẻm 378 Quang Trung, tổ 3 Ngô Mây, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0962047732 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN02013 | Tiếng anh B E6000319 | CNTTCB 018511 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251020-0003 | |
| 1555 | Hoàng Thu Thủy | 042190001410 | | 15/9/1990 | Thôn 1, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0985922000 | Cao đẳng Dược YDC02988 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0003 | |
| 1556 | Lê Thị Thủy | 064187002833 | | 06/10/1987 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 31 Kim Lân, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0982067144 | Đại học điều dưỡng TVU031520 | Tiếng anh B A2786942 | Tin học UDCNTT Cơ bản (số hiệu: 0463034) | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0106 | |
| 1557 | Lê Thị Thanh Thủy | 064194010885 | | 04/12/1994 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 28/9 đường 17 tháng 3, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0979340619 | Cao đẳng xét nghiệm y học (B496974) | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế phường An Phú | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251014-0035 | |
| 1558 | Nguyễn Thị Thùy | 064193011503 | | 14/11/1993 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 818 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0969419357 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00750 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0117 | |
| 1559 | Nguyễn Thị Thùy | 030302013556 | | 09/10/2002 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | Thôn Thanh Giáo, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 0329970114 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng DND.6.0170832 | Toeic 829915 cấp ngày: 30/5/2024 | CNTTNC DND.12.0015283 | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Tài chính | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251030-0067 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1560 | Nguyễn Thị Kim Thùy | 064191002889 | | 04/7/1991 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 154 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0378957570 | Cao đẳng điều dưỡng A180465 | | | | | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0120 | |
| 1561 | Phạm Thị Thu Thủy | 030191012059 | | 09/4/1991 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 9, đường Tăng Bạt Hổ, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0356691995 | Cao đẳng Dược B942041 | | | | | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 1 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0064 | |
| 1562 | Trần Thị Kim Thùy | 064195006602 | | 11/9/1995 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 185/6 Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0357580230 | Cao đẳng Dược B890939 | | | | | Trạm Y tế xã Ayun | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Chiêng | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0003 | |
| 1563 | Vũ Thị Thu Thủy | 025304004768 | | 12/02/2004 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0389129180 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00868 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0048 | |
| 1564 | Đặng Thị Bích Thuyền | 052300007851 | | 26/02/2000 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Bưu điện Định Tam, Định Tam, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0777755056 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A.001472) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251017-0115 | |
| 1565 | Bùi Thị Mai Thy | 052194004970 | | 08/3/1994 | xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai | Tổ 5, khối Phú Văn, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai | 0367816321 | Dược sĩ đại học 0069/ĐH.17 | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0055 | |
| 1566 | Lê Trúc Thy | 064303000770 | | 26/5/2003 | 01 Lý Thái Tổ, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 01 Lý Thái Tổ, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0369096971 | Cao đẳng Dược A001201 | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0047 | |
| 1567 | Đặng Võ Bảo Tiên | 064197002417 | | 08/02/1997 | An Khê, Gia Lai | 506 Quang Trung, An Khê, Gia Lai | 0354135143 | Đại học dược (D0001011) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kông Bơ La | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0024 | |
| 1568 | Đinh Thị Thùy Tiên | 044193003942 | | 20/06/1993 | TDP 7, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 7, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0355674267 | Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: 1130182 | Tiếng anh B A1329190 | Tin học B A1543688 | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251017-0007 | |
| 1569 | Lê Hoàng Tiên | 052193010260 | | 26/7/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 41 Đặng Trần Côn, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0961213943 | Cử nhân Công nghệ sinh học 1007941 | GXN kết quả thi Tiếng anh A2 cấp ngày 23/9/2025-Học viện ANND TTGDNN, | GXN đã hoàn thành thi CNTTCB 331/GXN-EDUVIET cấp ngày 08/10/2025-TT | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Sinh học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0004 | |
| 1570 | Nguyễn Thị Tiên | 004196007350 | | 10/10/1996 | xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | Làng Groi, xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | 0968348095 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học B934678 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế phường An Phú | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251028-0009 | |
| 1571 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | 052198012256 | | 03/3/1998 | Thanh Khê, TP Đà Nẵng | 1621 Quang Trung, Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 0963852819 | Cử nhân ngành điều dưỡng (7100976) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0164 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1572 | Nguyễn Thị Mỹ Tiên | 052193007729 | | 10/7/1993 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 103/23 Trần Đại Nghĩa, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0358967236 | Đại học kế toán (022264) | Tiếng anh B (A1210185) | Tin học B (A791338) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251017-0148 | |
| 1573 | Nguyễn Thị Tiên Tiên | 064197000770 | | 23/7/1997 | xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | 0983082437 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN00585 | Tiếng anh C A2487810 | CNTTCB 0656615 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251020-0034 | |
| 1574 | Trịnh Thị Kiều Tiên | 064193001318 | | 22/01/1993 | Thôn 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0346408579 | Cao đẳng Công nghệ thông tin B306071 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251023-0044 | |
| 1575 | Đặng Nhật Tiến | 064097008397 | 14/6/1997 | | phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 117 Đỗ Trạc, tổ 8, An Phú, phường An Khê, tỉnh Gia Lai | 0974046117 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học B934722 | | | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm y tế Kông Chro | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251022-0035 | |
| 1576 | Đào Thị Minh Tiến | 052300005742 | | 12/9/2000 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 40/2 Trần Lương, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0971714054 | Đại học luật (QNUA.0000553) | Chứng nhận tiếng anh B1 (0000546) (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002630) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251027-0124 | |
| 1577 | Đoàn Thị Minh Tiến | 064193008380 | | 15/10/1993 | Thôn 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0862364456 | Cao đẳng Dược (B375895) | | | | | Trạm Y tế Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0015 | |
| 1578 | Nguyễn Quốc Tiến | 082200001637 | 12/02/2000 | | Làng Klú, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Klú, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0377347577 | Cao đẳng Điều dưỡng 600503 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0105 | |
| 1579 | Rah Lan H' Tiêu | 064198004293 | | 20/01/1998 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Plơi Apa Ơi H' Briu, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0346406611 | Cử nhân Luật UL.B.0004294 | miễn ngoại ngữ | CNTTCB 008777 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0008 | |
| 1580 | Trần Thị Bích Tín | 052196000200 | | 09/10/1996 | An Nhơn Đông, Gia Lai | 605 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0901971799 | Đại học dược (006283) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0128 | |
| 1581 | Nguyễn Hồ Trung Tính | 052199013617 | | 28/11/1999 | An Nhơn, Gia Lai | 98/4A Nguyễn Lữ, An Nhơn, Gia Lai | 0369436614 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học (001125) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (0019080) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0080 | |
| 1582 | Lê Thị Mỹ Tình | 064198002554 | | 28/8/1998 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 124 Ngô Quyền, tổ 2, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0378365318 | Cử nhân điều dưỡng 7101515 | Tiếng anh Bậc 2 BSET0025217 | CNTTCB C00062648 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251010-0069 | |
| 1583 | Lưu Thị Kim Tình | 052196012549 | | 20/12/1996 | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Xóm 2, thôn Mỹ Hội 2, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0362533974 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B887989) | | | | | Trạm Y tế xã Phù Mỹ Tây | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0041 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1584 | Phạm Thị Tình | 010189000991 | | 25/5/1989 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 05 Cô Giang, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0356266104 | Cử nhân Điều dưỡng TDU.100875 | Tiếng anh B1 B12301340 | CNTTCB C00011238 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0157 | |
| 1585 | Nguyễn Thị Tịnh | 037189014188 | | 26/3/1989 | Phú Thiện, tỉnh Gia lai | Thôn Thắng Lợi 2, xã Phú Thiện, tỉnh Gia lai | 0338017789 | Cao đẳng Dược A000442 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0102 | |
| 1586 | Lê Thị Tới | 052190013786 | | 18/5/1990 | Hoài Ân, Gia Lai | An Hoà, Hoài Ân, Gia Lai | 0395355147 | Cử nhân công tác xã hội (515586) | Tiếng anh B (A624509) | Ứng dụng CNTT cơ bản (A092109) | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251023-0033 | |
| 1587 | Nay H Mi Tra | 064302002404 | | 15/02/2002 | xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu ama Nher 2, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0368237731 | Cử nhân Điều dưỡng TTN.CN.004125 | Tiếng anh bậc 3 140/QĐ-TNU-LIC ĐH Tây Nguyên | CNTTCB TTN.TH.004610 ĐH Tây Nguyên | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0106 | |
| 1588 | Nguyễn Dương Hải Trà | 064301014268 | | 25/10/2001 | 102 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 102 Trường Chinh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0923381072 | Dược sĩ đại học 7302610 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0066 | |
| 1589 | Nguyễn Thị Trà | 052193013209 | | 27/09/1993 | Hội Sơn, Gia Lai | Thuận Hiệp, Thuận Phong, Hội Sơn, Gia Lai | 0357773581 | Cử nhân Tài chính Ngân hàng (1222610) | | Ứng dụng CNTT B (A844234) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Tài chính | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0131 | |
| 1590 | Trần Thị Thanh Trà | 052199011586 | | 10/02/1999 | Quy Nhơn, Gia Lai | 1103 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0376057179 | Cử nhân quản lý nhà nước (A.0003348) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (1102567) | Chứng chỉ nghiệp vụ Văn thư-lưu trữ (27285) | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251016-0011 | |
| 1591 | Trương Thị Thuý Trà | 052301016239 | | 20/10/2001 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Lương Quang, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0352617480 | Cao đẳng ngành dược (A000629) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0134 | |
| 1592 | Đinh Thị Bích Trâm | 052304000915 | | 25/7/2004 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Làng 7, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0337259035 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001437) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0046 | |
| 1593 | Huỳnh Thị Thuỳ Trâm | 052199002618 | | 08/8/1999 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 7, khu phố 4, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0398206579 | Cao đẳng ngành dược (000559) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0093 | |
| 1594 | Lê Bích Trâm | 064191002192 | | 05/5/1991 | 334 Lê Lợi, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 334 Lê Lợi, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0974640045 | Cao đẳng Dược PA001438 | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0101 | |
| 1595 | Lê Nam Trâm | 054302001063 | | 08/08/2002 | Sơn Hoà, Đắk Lắk | Thôn Hòn Ông, Sơn Hoà, Đắk Lắk | 0328564882 | Cao đẳng Dược (A.001573) | | | | Người Dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Túc - Cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0130 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1596 | Lê Thị Bích Trâm | 049196014454 | | 20/10/1996 | xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai | Thôn Đại An 1, xã Ia Khươl, tỉnh Gia Lai | 0385869576 | Dược sĩ đại học 0000144 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Khươl | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0143 | |
| 1597 | Nguyễn Ngọc Trâm | 064303002625 | | 01/11/2003 | Plei Amarin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Amarin 1, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0364044057 | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học 005261 | | CNTTCB 019327 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0195 | |
| 1598 | Nguyễn Thị Trâm | 064194011716 | | 30/10/1994 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 29 Phạm Văn Đồng, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0977248744 | Cao đẳng Dược A0136 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0153 | |
| 1599 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 064197003104 | | 20/07/1997 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 11 Tô Vĩnh Diện, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0981861650 | Cử nhân Y tế công cộng 000053 | Toeic 450 điểm ngày cấp: 8/01/2019 | CNTTCB 1122300 | | | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm Y tế Đak Đoa | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251014-0037 | |
| 1600 | Nguyễn Thị Thanh Trâm | 052194004929 | | 16/02/1994 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 17 Ngô Bàn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0968790194 | Đại học Dược (B924211) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0127 | |
| 1601 | Nguyễn Thị Xuân Trâm | 054303003526 | | 13/2/2003 | Bình Kiến, Đắk Lắk | Tổ 2, khu phố Liên Trì 1, Bình Kiến, Đắk Lắk | 0775473950 | Đại học dinh dưỡng (PNTU.CN/001270) | Tiếng anh Ielts 5.0 tương đương B1 (25VN501392NGUT101A)-IDP Education cấp | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202510022) | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng | | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng | Dinh dưỡng hạng III | V.08.09.25 | H21.19-251017-0009 | |
| 1602 | Phan Ngọc Bảo Trâm | 064190013846 | | 09/11/1990 | 132 Lạc Long Quân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 132 Lạc Long Quân, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0983775704 | Cao đẳng Điều dưỡng A554702 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế phường An Phú cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0115 | |
| 1603 | Phan Thị Bảo Trâm | 064196016555 | | 25/9/1996 | xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 131 Duy Tân, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0963081581 | Dược sĩ đại học 021406 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Pưh | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0029 | |
| 1604 | Trương Thị Hoà Trâm | 052192013463 | | 11/08/1992 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 41/3/5 Trương Văn Đa, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0982861975 | Cao đẳng Dược (B737455) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0110 | |
| 1605 | Nguyễn Thị Ngọc Trầm | 052192009482 | | 10/8/1992 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Thiền, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0982725467 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B136324) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0117 | |
| 1606 | Tran | 064197003270 | | 12/4/1997 | Thôn Bồi, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn Bồi, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0868918902 | Cao đẳng điều dưỡng B1025739 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Kdang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0095 | |
| 1607 | Lê Thuỳ Trân | 052303001794 | | 02/8/2003 | An Khê, Gia Lai | Tổ dân phố Nam Tân, An Nhơn, Gia Lai | 0337354460 | Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (YDS.CN.004222 | | | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0018 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1608 | Nguyễn Thị Mỹ Trân | 052303003341 | | 15/7/2003 | Cát Tiến, Gia Lai | 103/23 Trần Đại Nghĩa, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0355326871 | Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng (CN002024) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00243403) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng Pleiku | Đại học kỹ thuật phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0146 | |
| 1609 | Phạm Thị Nhân Trân | 052193015675 | | 17/7/1993 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Hưng Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0375714331 | Cử nhân điều dưỡng (0001446) | Tiếng anh B (A1559746) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001448) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0016 | |
| 1610 | Châu Nữ Kiều Trang | 052197003931 | | 12/10/1997 | Bình Định, Gia Lai | 18 Võ Duy Dương, Bình Định, Gia Lai | 0369197043 | Cử nhân ngành điều dưỡng (TVU.1.046326) | Tiếng anh B1 (0075020) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202354884) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0116 | |
| 1611 | Đặng Thùy Trang | 049304002364 | | 01/01/2004 | Đức Phú, Đà Nẵng | Thôn Mỹ Đông, Đức Phú, Đà Nẵng | 0914625280 | Cao đẳng ngành dược (005110) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0114 | |
| 1612 | Đào Thị Mỹ Trang | 052189001760 | | 17/01/1989 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Tân, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0962145739 | Cử nhân ngành điều dưỡng (000833) | Tiếng anh B (5053/CITA) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0258252) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0015 | |
| 1613 | Đào Thị Thu Trang | 052300002915 | | 10/07/2000 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Thôn Lộc Trung, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0348866724 | Cao đẳng Dược (A000194) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0047 | |
| 1614 | Đinh Thị Thu Trang | 004193000810 | | 24/5/1993 | 370/72 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 370/72 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0343038042 | Cao đẳng Điều dưỡng B233561 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0151 | |
| 1615 | Đỗ Quỳnh Trang | 052198008395 | | 04/10/1998 | An Nhơn, Gia Lai | 45/16 Võ Văn Dũng, An Nhơn, Gia Lai | 0386872507 | Đại học Xét nghiệm Y học (000396) | Tiếng anh B1 DND.F.0000886) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0013230) | | | Khoa Xét Nghiệm | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Khoa Xét Nghiệm | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251028-0149 | |
| 1616 | Đỗ Thị Huyền Trang | 064199010134 | | 19/5/1999 | Thôn Sô Ma Lowng A, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Ma Lơng A, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0395804744 | Cử nhân Điều dưỡng 7103810 | Tiếng anh bậc 2 BSET2313299 | Tin học ứng dụng C005199 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0095 | |
| 1617 | Đỗ Thị Kiều Trang | 052300004869 | | 01/01/2000 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | tổ 4, khu phố 4, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0866628610 | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học (000066) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251105-0048 | |
| 1618 | Dương Vũ Thu Trang | 064304008734 | | 20/10/2004 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Làng Hăng Ring, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0349609581 | Cao đẳng điều dưỡng 003540 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0078 | |
| 1619 | Hà Thị Thu Trang | 035192007308 | | 22/10/1992 | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai | 0943559369 | Đại học Luật E0034491 | | | CCVTLT 52425 | | | Trung tâm y tế Chư Prông | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251031-0010 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1620 | Hà Thị Thuỳ Trang | 052193005278 | | 20/10/1993 | Bồng Sơn, Gia Lai | 3614 Quang Trung, Bồng Sơn, Gia Lai | 0962913421 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B080320134) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0022 | |
| 1621 | Hồ Thị Thu Trang | 064301005459 | | 12/6/2001 | 72 Phan Đình Phùng, TDP 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia lai | 72 Phan Đình Phùng, TDP 1, xã Chư Păh, tỉnh Gia lai | 0775620300 | Cử nhân Điều dưỡng 7112603 | | CNTTNC N.010072 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0129 | |
| 1622 | Hồ Thị Thu Trang | 052199006573 | | 20/10/1999 | Phù Mỹ, Gia Lai | Lô 23 Hoa Lư, Quy Nhơn, Gia Lai | 0362280164 | Cao đẳng ngành dược (000632) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0035 | |
| 1623 | Huỳnh Ngọc Trang | 052189017301 | | 12/11/1989 | Tuy Phước, Gia Lai | Xóm 4, Mỹ Cang, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0973619614 | Cao đẳng Dược (C0001234) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0077 | |
| 1624 | Lê Thị Trang | 052188009606 | | 10/6/1988 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 19 Nguyễn Chí Thanh, phường Hội Thương, tỉnh Gia Lai | 0978063118 | Đại học Kế toán 228184 | | | trung cấp văn thư lưu trữ 003074 | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251023-0084 | |
| 1625 | Lê Thị Trang | 052193004256 | | 30/11/1993 | Quy Nhơn, Gia Lai | 39 Phạm Huy Thông, Quy Nhơn, Gia Lai | 0866190239 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B401114) | | | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0056 | |
| 1626 | Lê Thị Thu Trang | 064196008083 | | 05/5/1996 | Buôn Đoàn Kết, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Đoàn Kết, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0975043727 | Cao đẳng Dược B890736 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện- cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0124 | |
| 1627 | Lê Thị Thùy Trang | 064198012739 | | 02/9/1998 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Số 10, Hùng Vương, thôn Hồ Nước, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0383258704 | Đại học Điều dưỡng TVU.1.054166 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251023-0090 | |
| 1628 | Mai Thị Huyền Trang | 038193046709 | | 18/6/1993 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | Tổ 13, Khu vực 22, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0398846193 | Đại học ngành y tế công cộng (1245562) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Nam | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251104-0126 | |
| 1629 | Nguyễn Đỗ Huyền Trang | 052189007768 | | 10/05/1989 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ 3, khu phố 11, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0979577927 | Cử nhân Kế toán (418053) | Tiếng anh B (399755) | Tin học B (0231184) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251014-0020 | |
| 1630 | Nguyễn Hoài Y Trang | 052194016349 | | 04/12/1994 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Trị, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0968722839 | Cao đẳng ngành dược (B649245) | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0158 | |
| 1631 | Nguyễn Thị Trang | 066198008196 | | 25/01/1998 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0852201519 | Cử nhân Luật E0010910 | Tiếng anh B1 0033236 | CNTTCB C0000859 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0009 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1632 | Nguyễn Thị Trang | 064194001171 | | 06/02/1994 | Thôn 10, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 10, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0355768126 | Cao đẳng Điều dưỡng B493666 | | | | | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0141 | |
| 1633 | Nguyễn Thị Trang | 052195000673 | | 28/03/1995 | An Lão, Gia Lai | Quầy thuốc Hoàng Lan, Xuân Phong Nam, An Hoà, Gia Lai | 0337472295 | Cao đẳng Dược (C 0001838) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0129 | |
| 1634 | Nguyễn Thị Hồng Trang | 052300002774 | | 08/03/2000 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Thôn Lý Chánh, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0971133507 | Đại học Dược (7302318) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0140 | |
| 1635 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 064184010764 | | 23/11/1984 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 80 Ngô Thì Nhậm, tổ 10 Phù Đổng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0978386121 | Cao đẳng Dược A190829 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0001 | |
| 1636 | Nguyễn Thị Ngọc Trang | 064303002031 | | 05/4/2003 | xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | Thôn Đoàn Kết, xã Bàu Cạn, tỉnh Gia Lai | 0354301045 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN0011908 | | CNTTCB C00186014 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251017-0139 | |
| 1637 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 064195000247 | | 26/02/1995 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 30 Nơ Trang Long, tổ 5, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0982978913 | Cao đẳng Dược A180778 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0033 | |
| 1638 | Nguyễn Thị Thanh Trang | 052195015885 | | 17/11/1995 | Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 286 Quang Trung, Phù Mỹ, Gia Lai | 0359139901 | Cao đẳng Dược (B924210) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0036 | |
| 1639 | Nguyễn Thị Thu Trang | 052301005055 | | 18/11/2001 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 61/28/2 Võ Mười, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0358885494 | Đại học Quản trị Kinh doanh thương mại (QNU A/0001394) | Tiếng anh B1 (0006694) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0007251) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0069 | |
| 1640 | Nguyễn Thị Thuỳ Trang | 052194017252 | | 06/10/1994 | An Nhơn Nam, Gia Lai | 713 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0972988094 | Cao đẳng Dược (931) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0086 | |
| 1641 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 064301005671 | | 24/01/2001 | TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0866103874 | Cử nhân Y tế công cộng PC02372 | | CNTTCB PT000611 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Y tế công cộng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành Y tế công cộng | Y tế công cộng hạng III | V.08.04.10 | H21.19-251024-0143 | |
| 1642 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 064190010821 | | 20/6/1990 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 188/88 Âu Cơ, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0396979415 | Cử nhân Kế toán 670021 | Tiếng anh C A1322299 | Tin học B A263465 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0045 | |
| 1643 | Nguyễn Thị Thùy Trang | 064303004731 | | 22/12/2003 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 8, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0369476334 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHH.6.C.0005674 | Tiếng anh B1 24.B1.002227 | CNTTCB 023739 | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251103-0021 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1644 | Nguyễn Trần Quỳnh Trang | 064303008687 | | 16/01/2003 | TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0362186070 | Đại học Kế toán LĐXH016587 | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251009-0107 | |
| 1645 | Phạm Thị Thùy Trang | 072197008391 | | 29/4/1997 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Kế Tân, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0332316299 | Đại học Kế toán 1630044 | Tiếng anh B A3279476 | Tin học A A957346 | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0054 | |
| 1646 | Phan Thị Trang | 036192014990 | | 16/10/1992 | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 176/11/3 Tôn Đức Thắng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0364055026 | Cử nhân Kế toán 457180 | | Tin học B A1297725 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251029-0122 | |
| 1647 | Rmah H' Trang | 064302011881 | | 19/11/2002 | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0976539575 | Cử nhân Luật QNUA/0000848 | Tiếng anh Bậc 3 0005288 | CNTTCB 0009630 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0138 | |
| 1648 | Rmah H' Trang | 064300003838 | | 30/11/2000 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 475/14 Lý Thái Tổ, tổ 3, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0922999551 | Cử nhân Quản trị nhân lực HCH.6.001234 | | | CCNVVTLT C008596 | Người dân tộc thiểu số | | Bệnh viện 331 | Văn thư viên trung cấp | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251027-0137 | |
| 1649 | Trần Thị Mỹ Trang | 05219401671 | | 22/4/1994 | Phường Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định | 196 Thanh Niên, Phường Ngô Mây, Quy Nhơn, Bình Định | 0326486824 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B887944) | | | | | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0109 | |
| 1650 | Trần Thị Thu Trang | 037303000311 | | 15/6/2003 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 341 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0387918511 | Cao đẳng điều dưỡng TN21-CĐ 0000119 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0061 | |
| 1651 | Trần Thị Thuỳ Trang | 052199001138 | | 19/12/1999 | Canh Vinh, Gia Lai | Tân Vinh, Canh Vinh, Gia Lai | 0961992260 | Đại học quản lý nhà nước (A0003405) | Tiếng anh B1 (0852CNTA2021) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002651) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0147 | |
| 1652 | Trần Thị Thùy Trang | 035185013121 | | 27/8/1985 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 51/22 Cô Bắc, tổ 13 Hoa Lư, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0935708798 | Cử nhân Kế toán 198628 | Tiếng anh A2 (không có số hiệu, không có ngày cấp) | CNTTCB (không có số hiệu, không có ngày cấp) | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | | Đại học ngành Kế toán | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251014-0091 | |
| 1653 | Trịnh Nhã Trang | 064302009319 | | 01/6/2002 | 24 Giải Phóng, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 24 Giải Phóng, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0868085660 | Dược sĩ đại học DU000358 | | | | | Trạm Y tế xã KBang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0081 | |
| 1654 | Trương Thị Thúy Trang | 064184005985 | | 06/8/1984 | xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0977698012 | Cử nhân Kế toán 0056340 | Tiếng Người dân tộc thiểu số C0038074 | Tin học ứng dụng B A1165655 | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0109 | |
| 1655 | Võ Thị Trang | 052197003969 | | 01/5/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 41, Khu phố 5, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0354730497 | Cao đẳng ngành dược (B1025873) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0082 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1656 | Võ Thị Mỹ Trang | 052303002686 | | 05/7/2003 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 54/8 Nguyễn Lữ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0702597663 | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A.001474) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251023-0145 | |
| 1657 | Y Trang | 062302000776 | | 16/11/2002 | Ya Ly, Quảng Ngãi | 02A Ngô Quyền, Quy Nhơn, Gia Lai | 0336788146 | Cử nhân Quản lý nhà nước (0002049) | Tiếng anh bậc 3 (0005868) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0014296) | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế Đức Cơ | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251013-0143 | |
| 1658 | Đàm Thị Tranh | 020192010027 | | 21/8/1992 | xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | Làng Anh, xã Ia Tôr, tỉnh Gia Lai | 0397308702 | Cao đẳng Dược YDC02245 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Boòng | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251021-0040 | |
| 1659 | Y Trên | 062195002080 | | 12/12/1995 | Rờ Kơi, Quảng Ngãi | 287/16A Lê Hồng Phong, Quy Nhơn, Gia Lai | 0898235921 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B887945) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0098 | |
| 1660 | Phan Đỗ Trí | 052092010225 | 10/7/1992 | | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Nhà ở xã hội An Phú Thịnh, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0962590070 | Cử nhân luật (ULB003590) | Tiếng anh C (A1264265) | Ứng dụng CNTT cơ bản (016187) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0043 | |
| 1661 | Ksor H' Trĩ | 064196001702 | | 05/01/1996 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 42C Nguyễn Huệ, phường Ayun Pal, tỉnh Gia Lai | 0367320118 | Cao đẳng Điều dưỡng B790534 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0186 | |
| 1662 | Phạm Thị Bích Triều | 064302016613 | | 02/03/2002 | Kông Chro, Gia Lai | 43 Anh Hùng Núp, làng Hlektu, Kông Chro, Gia Lai | 0868864237 | Cao đẳng Dược (002856) | | | | | Trạm Y tế xã Ya Ma | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0045 | |
| 1663 | Đinh Thị Bích Triệu | 052304000924 | | 25/7/2004 | Vĩnh Quang, Gia Lai | Làng 7, Vĩnh Quang, Gia Lai | 0385734589 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001438) | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0049 | |
| 1664 | Đặng Thị Kiều Trinh | 052302007246 | | 10/6/2002 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 05 Nơ Trang Long, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0369993769 | Đại học quản trị kinh doanh (QNUA/0001474) | Tiếng anh Bậc 3 (0005878) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0008087) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0143 | |
| 1665 | Đặng Thị Kim Trinh | 064193000266 | | 04/4/1993 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Hẻm 220 Lê Duẩn, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0961646460 | Cử nhân Kế toán 0026475 | Tiếng anh B 0013843 | Tin học ứng dụng A 0008359 | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0122 | |
| 1666 | Hà Thị Kiều Trinh | 064197005641 | | 10/3/1997 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 28/1 Lê Lợi, Tổ 5, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0969892690 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học E0024553 | Tiếng anh Bậc 3 03140 | CNTTCB DND.I1.0015659 | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251016-0008 | |
| 1667 | Hồ Thị Thuỳ Trinh | 052300007273 | | 08/02/2000 | Bình Hiệp, Gia Lai | Xóm 2 thôn Thuận Hiệp, Bình Hiệp, Gia Lai | 0349400506 | Cao đẳng Dược (A000677) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0003 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1668 | Kpui Hà Trinh | 064196012261 | | 13/01/1996 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Làng Lung Prông, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0964350511 | Cử nhân Luật E0034510 | Tiếng anh Bậc 3 000680 | CNTTCB C00206176 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia grai | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0092 | |
| 1669 | Lê Nguyễn Kiều Trinh | 054303008556 | | 29/10/2003 | Phú Yên, Đắk Lắk | 16A Nguyễn Hồng Sơn, Phú Yên, Đắk Lắk | 0337168341 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (DHH.6.C0005743) | Tiếng anh Bậc 3 (08550) | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Phòng khám đa khoa khu vực Phước Hòa | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251031-0030 | |
| 1670 | Lê Thị Huyền Trinh | 052302012613 | | 21/5/2002 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn An Ngoại, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0326457912 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001460) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0059 | |
| 1671 | Mai Thị Mỹ Trinh | 052195000475 | | 20/02/1995 | 01 Võ Thị Sáu, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 01 Võ Thị Sáu, xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai | 0374037715 | Cao đẳng Dược B688586 | | | | | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Tơ Tung | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0038 | |
| 1672 | Nguyễn Kiều Trinh | 052197001080 | | 20/11/1997 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0973804899 | Đại học dược (TDU.3000129) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0124 | |
| 1673 | Nguyễn Lan Trinh | 052300013804 | | 05/07/2000 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Tấn Thạnh 1, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0919480749 | Đại học Dược (7302329) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0137 | |
| 1674 | Nguyễn Tăng Thị Tiết Trinh | 052195005520 | | 04/02/1995 | Đề Gi, Gia Lai | Khu vực 5, Quy Nhơn Bắc, Gia Lai | 0972707391 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B883090) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0132 | |
| 1675 | Nguyễn Thị Kiều Trinh | 064304007204 | | 16/7/2004 | TDP 6, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 6, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0796651872 | Cao đẳng điều dưỡng YDC00871 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0043 | |
| 1676 | Nguyễn Thị Mỹ Trinh | 064195014035 | | 21/6/1995 | An Bình, Gia Lai | Tổ dân phố Chí Công, An Bình, Gia Lai | 0345959079 | Đại học dược (DU000037) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0028 | |
| 1677 | Nguyễn Thị Thu Trinh | 066300012511 | | 07/02/2000 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 19/5D/166 Lạc Long Quân, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0935636046 | Cử nhân Điều dưỡng 001841 | Tiếng anh B1 BSET2307465 | CNTTCB C0082868 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0066 | |
| 1678 | Phạm Thị Hồng Trinh | 064197006455 | | 02/8/1997 | Kông Chro, Gia Lai | Làng Hlektu, Kông Chro, Gia Lai | 0965550344 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B883945) | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0050 | |
| 1679 | Phan Thị Kiều Trinh | 052300006641 | | 30/6/2000 | Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 39/16/14A Tháp Đôi, Quy Nhơn, Gia Lai | 0968481270 | Đại học Luật - chuyên ngành kinh tế (E0019301) | Tiếng anh B2+ (14381921) | Ứng dụng CNTT cơ bản (K14-048/06-22) | | Con bệnh binh | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251008-0018 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1680 | Rơ Châm Trinh | 064302007901 | | 02/9/2002 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Yăng 2, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0898839179 | Cử nhân điều dưỡng A003898 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0097 | |
| 1681 | Thái Thị Mỹ Trinh | 052300004572 | | 10/12/2000 | Đề Gi, Gia Lai | Thôn Chánh Oai, Cát Tiến, Gia Lai | 0327711960 | Cao đẳng Dược (A 000090) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0030 | |
| 1682 | Trần Thị Phương Trinh | 052300003832 | | 17/9/2000 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 196 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0905723648 | Cử nhân quản trị kinh doanh (QNU.A.0002543) | Tiếng anh B1 (0000353) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0002664) | | | | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0103 | |
| 1683 | Trần Thị Thu Trinh | 052301000821 | | 20/11/2001 | Canh Vinh, Gia Lai | Hiền Đông, Canh Vinh, Gia Lai | 0346692914 | Cao đẳng ngành dược (A000633) | | | | | Trạm Y tế xã Mang Yang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kdang - sơ sở 2 | Trung tâm Y tế Đăk Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0046 | |
| 1684 | Trần Tố Trinh | 064300003546 | | 12/01/2000 | Hẻm Lê Hồng Phong, tổ 18, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Hẻm Lê Hồng Phong, tổ 18, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0346023013 | Cao đẳng Dược A001668 | | | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251028-0056 | |
| 1685 | Từ Thị Trinh | 051198007924 | | 06/6/1998 | An Phú, tỉnh Gia Lai | 01/14 Dã Tượng, Làng Chuét, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0901170722 | Cử nhân Kế toán 000102 | Tiếng anh C A2991371 | CNTTNC 0076197 | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251022-0142 | |
| 1686 | Võ Thị Kiều Trinh | 052199008049 | | 15/11/1999 | Tam Quan, Gia Lai | 05 Sương Nguyệt Anh, Tam Quan, Gia Lai | 0369820467 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (E0012170) | Tiếng anh Bậc 3 (20.B1.005257) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00031526) | | | Khoa KSBT-HIV/AIDS-YTCC và ATTP | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0063 | |
| 1687 | Võ Thị Tuyết Trinh | 052196014981 | | 16/8/1996 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 29B Quang Trung, tổ 4, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0354603940 | Cao đẳng Dược B890740 | | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251016-0101 | |
| 1688 | Bùi Thị Nguyệt Trúc | 052197007214 | | 21/02/1997 | Tuy Phước, Gia Lai | Thôn Trung Thành, Tuy Phước, Gia Lai | 0352061731 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025698) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0090 | |
| 1689 | Lương Thị Ánh Trúc | 054196002899 | | 16/02/1996 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 75, kp 9, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0333750966 | Cao đẳng Điều dưỡng (B906313) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0134 | |
| 1690 | Nguyễn Thị Hoàng Trúc | 052188012441 | | 14/4/1988 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 81 Nguyễn Thị Minh Khai, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0358787087 | Cao đẳng ngành dược (2123) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0066 | |
| 1691 | Nguyễn Thị Xuân Trúc | 064198004920 | | 27/9/1998 | phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 121 Chu Mạnh Trinh, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0963417462 | Cử nhân Điều dưỡng 7100994 | Tiếng anh bậc 2 BSET2420689 | CNTTNC N000582 | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251024-0107 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1692 | Huỳnh Thị Xuân Trung | 064179004393 | | 20/6/1979 | 237 Sư Vạn Hạnh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 237 Sư Vạn Hạnh, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0989081901 | Cao đẳng Điều dưỡng YDC00860 | | | | | Trạm Y tế phường Biển Hồ cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0144 | |
| 1693 | Nguyễn Tấn Trung | 052202009822 | 25/11/2002 | | Bình An, Gia Lai | Xóm 3, Vân Tường, Bình An, Gia Lai | 0356243964 | Kỹ sư công nghệ thông tin (A002520) | Tiếng anh B1 (DKC24B102032) | | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251023-0014 | |
| 1694 | Phạm Đức Trung | 064203000521 | 09/12/2003 | | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Thắng Lợi 2, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0332587728 | Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (CN001839) | Giấy xác nhận kết quả thi Tiếng anh trình độ A2 (không có số hiệu) Trung tâm DGNN | CNTTCB C00193548 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0025 | |
| 1695 | Trần Quốc Trung | 052202013712 | 18/5/2002 | | Tam Quan, Gia Lai | 514 đường 3 tháng 2, Tam Quan, Gia Lai | 0986516919 | Đại học dược (DHH.6.G0000187) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251008-0079 | |
| 1696 | Hà Văn Trung | 075089017499 | 16/9/1989 | | Tuy Phước, Gia Lai | Cửa hàng Con Cưng số 47 Trần Phú, Tuy Phước, Gia Lai | 0988080093 | Đại học Kế toán (114050268LT) | Tiếng anh B (A990656) | Tin học B (37812-i) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251007-0043 | |
| 1697 | Nguyễn Đan Trường | 052087010326 | 05/9/1987 | | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Xuân Phương, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0969805077 | Đại học công nghệ môi trường (số hiệu 376910) | Tiếng anh B (045420) | Tin học B (0036481) | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | | | | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251103-0136 | |
| 1698 | Nguyễn Đức Minh Trường | 052093020733 | 10/03/1993 | | Hội Sơn, Gia Lai | 91 Nguyễn Thiên Kế, An Hải, Đà Nẵng | 0965627419 | Cao đẳng Điều dưỡng (0002334) | | | | Người Hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0132 | |
| 1699 | Thái Lam Trường | 064201001418 | 14/05/2001 | | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 92 Đào Duy Từ, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0905040861 | Đại học Công nghệ thông tin 0420250054 | Toeic 520 ngày cấp 31/12/2024 | | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251101-0006 | |
| 1700 | Trương Thị Trường | 052194013750 | | 25/02/1994 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Phụng Du 1, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0336713813 | Cao đẳng Điều dưỡng (B653987) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0004 | |
| 1701 | Đào Đức Trưởng | 064202013034 | 25/8/2002 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Đường Nguyễn Văn Trỗi, tổ 8, phường Ayun Pa, tỉnh Gia lai | 0834810741 | Kỹ sư Công nghệ thông tin DND.6.0178970 | Tiếng anh Bậc 3 DND.F 0005824 | | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251103-0005 | |
| 1702 | Nay H' Truyên | 064194011784 | | 21/10/1994 | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Ploi Apa Ama Đă, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0346647644 | Cử nhân Luật 1748851 | miễn ngoại ngữ | CNTTNC 0034957 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0060 | |
| 1703 | Rơ Ô H' Truyên | 064198004685 | | 04/12/1998 | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Hdreh, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0833910043 | Đại học Điều dưỡng A0000357 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251103-0015 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1704 | Lê Quốc Truyền | 052083016928 | 02/10/1983 | | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 47 Xuân Diệu, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0981616439 | Cử nhân Luật Kinh tế (1105176) | Tiếng anh B (A2134973) | Trung học chuyên nghiệp C923898) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0092 | |
| 1705 | Đặng Thị Cẩm Tú | 064198004744 | | 27/04/1998 | xã Gào, tỉnh Gia Lai | 748 Võ Nguyên Giáp, xã Gào, tỉnh Gia Lai | 0973217760 | Cử nhân Luật Kinh tế 000182 | Tiếng anh C A2991376 | CNTTNC 000175 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251021-0117 | |
| 1706 | Nguyễn Lê Quỳnh Tú | 052300015545 | | 06/4/2000 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 146/17 Lý Thái Tổ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0397214604 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000055) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251104-0018 | |
| 1707 | Nguyễn Ngọc Tú | 064197001351 | | 15/3/1997 | xã Hra, tỉnh Gia Lai | 166 Trần Hưng Đạo, tổ 2, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0326797146 | Cử nhân Điều dưỡng 1763808 | Tiếng anh A2 IEÉM0013116 | Tin học văn phòng 0037479 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0110 | |
| 1708 | Nguyễn Văn Tú | 052202005242 | 04/4/2002 | | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | Cửu Thành, Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 0383749384 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (100151) | Tiếng anh CEFR Lever B2 (BSET 2421788) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0060605) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0051 | |
| 1709 | Trần Thị Cẩm Tú | 052304004407 | | 20/5/2004 | Phù Cát, Gia Lai | 12 Nguyễn Văn Trỗi, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0387847807 | Cao đẳng ngành dược (A001403) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0081 | |
| 1710 | Ung Thị Cẩm Tú | 064193003033 | | 26/6/1993 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 53 Hùng Vương, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0979738736 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng 000507 | Tiếng anh C A1581590 | CNTTCB 830/GCN-TTNNTH | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Tài chính | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Tài chính | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251015-0062 | |
| 1711 | Lê Anh Tuấn | 064091010993 | 09/10/1991 | | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | Số 12, Cách Mạng, TDP 7, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0987337919 | Cao đẳng Dược B378729 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Dok cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Nan | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0072 | |
| 1712 | Lê Quốc Tuấn | 064099009899 | 25/7/1999 | | xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | TDP 2, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0374284659 | Đại học Dược TDDS.1453 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251009-0067 | |
| 1713 | Nguyễn Mạnh Tuấn | 064201003099 | 02/4/2001 | | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0964387245 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học DNC/Cn.001195 | Tiếng anh B1 008014 | CNTTNC 004161 | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251010-0028 | |
| 1714 | Phan Anh Tuấn | 052097006035 | 25/11/1997 | | An Nhơn Đông, Gia Lai | 137/10 Trường Chinh, An Nhơn Đông, Gia Lai | 0986782401 | Đại học dược (7301229) | | | | | Khoa Dược - TTB-VTYT | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0076 | |
| 1715 | Nay Tuế | 064202004640 | 30/4/2002 | | xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | Bôn Broăi, xã Ia Tul, tỉnh Gia Lai | 0329093687 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học DHY.6.1201.25 | Tiếng anh A2 BSET2514172 | CNTTCB 016636 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Kbang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251024-0019 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1716 | Bùi Thanh Tùng | 064201015860 | 06/7/2001 | | xã Uar, tỉnh Gia Lai | Thôn Huy Hoàng, xã Uar, tỉnh Gia Lai | 0326696394 | Cao đẳng Dược 002581 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 2 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0035 | |
| 1717 | Bùi Văn Tùng | 017090009629 | 13/02/1990 | | xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai | Thôn 6, xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai | 0394612181 | Cao đẳng điều dưỡng B597214 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Lâu cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pia cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Prông | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0064 | |
| 1718 | Đặng Thái Tùng | 064090010610 | 28/11/1990 | | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0979288430 | Cử nhân Quản trị kinh doanh 236999 | Tiếng anh A2 BSET2507514 | Tin học ứng dụng B A355879 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Quản trị kinh doanh | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251031-0093 | |
| 1719 | Dương Thành Tùng | 064085002314 | 05/7/1985 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 89 Nguyễn Huệ, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0902916452 | Đại học ngành kỹ thuật y sinh (số hiệu: TC004941) | Tiếng anh B 009405 | Tin học B 227659 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Kỹ thuật y sinh | | | | Kỹ sư (hạng III) | V.05.02.07 | H21.19-251016-0137 | |
| 1720 | Nguyễn Sơn Tùng | 052203002280 | 01/6/2003 | | Canh Vinh, Gia Lai | Xóm 1, Hiệp vinh 1,Canh Vinh, Gia Lai | 0336546165 | Cử nhân công nghệ thông tin (QNUA/0003280) | Chứng nhận Tiếng anh Bậc 3 (0007518) (ĐH Quy Nhơn) | | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251027-0038 | |
| 1721 | Lê Cao Tường | 052096009280 | 10/4/1996 | | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 53, khu phố 6, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0975655362 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (DND.6.0143904) | Tiếng anh Bậc 3 (DND.F.0001638 ) | Kỹ sư Công nghệ thông tin (DND.6.0143904) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251017-0088 | |
| 1722 | Lê Thị Bé Tuý | 054191001501 | | 06/07/1991 | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 25 Hàm Nghị, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0379373989 | Cử nhân Công tác xã hội (61CTXH/13/2) | Tiếng anh B (B0032771) | Ứng dụng CNTT B (A970271) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251024-0050 | |
| 1723 | Huỳnh Thị Mỹ Tuyên | 052196002762 | | 10/8/1996 | Bồng Sơn, Gia Lai | 29 Trần Văn An, Bồng Sơn, Gia Lai | 0941096740 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738349) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251022-0083 | |
| 1724 | Ksor H' Tuyên | 064303015694 | | 13/7/2003 | Làng Bua, xã Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai | Làng Bua, xã Ia Pnôn, tỉnh Gia Lai | 0332729391 | Cao đẳng Điều dưỡng 600958 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0084 | |
| 1725 | Nguyễn Thị Tuyên | 038194042406 | | 11/5/1994 | Kông Chro, Gia Lai | Chiêu Liêu, Chư Krey, Gia Lai | 0369483968 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B738112) | | | | | Trạm Y tế xã Chư Krey | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0138 | |
| 1726 | Rơ Mah Tuyên | 064302013979 | | 01/01/2002 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng Del, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0782583381 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA/0002053 | | CNTTCB 0009637 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0147 | |
| 1727 | Bùi Thị Thanh Tuyền | 051197007252 | | 06/6/1997 | xã Đăk Rong, tỉnh Gia Lai | Kon Lanh, xã Đăk Rong, tỉnh Gia Lai | 0332823299 | Cao đẳng Dược 1026009 | | | | | Trạm Y tế xã Krong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đăk Rong | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0096 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1728 | Nguyễn Thị Kim Tuyền | 064300008386 | | 05/9/2000 | 401 Trần Hưng Đạo, tổ 6, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 401 Trần Hưng Đạo, tổ 6, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0376022568 | Cử nhân Luật Kinh tế E0033877 | Chứng chỉ quốc tế Aptis B2 (số hiệu: 610/4313/8) NC: 25/8/2025 | CNTTCB HAU4-035954 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251020-0060 | |
| 1729 | Phạm Trần Kim Tuyền | 064302010674 | | 29/9/2002 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Pleiku Mil, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0392212505 | Dược sĩ đại học 0000320 | | | | | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0010 | |
| 1730 | Âu Thị Bội Tuyền | 064197011758 | | 30/01/1997 | Thắng Lợi, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Thắng Lợi, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0356059841 | Cao đẳng điều dưỡng B1102099 | | | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0043 | |
| 1731 | Đỗ Công Tuyền | 064200013140 | 15/12/2000 | | phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 05 Cù Chính Lan, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0865328628 | Cao đẳng Dược A04482 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0040 | |
| 1732 | Hồ Thị Bích Tuyền | 052185018399 | | 05/12/1985 | Bình An, Gia Lai | Thôn Kiên Long, Bình An, Gia Lai | 0382797781 | Cao đẳng ngành dược (C0002367) | | | | | Trạm Y tế xã Lơ Pang | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kon Chiêng | Trung tâm Y tế Mang Yang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251010-0030 | |
| 1733 | Lê Thị Thanh Tuyền | 052190016480 | | 02/10/1990 | Phù Mỹ, Gia Lai | 112 đường 3 tháng 2, Phù Mỹ, Gia Lai | 0988752098 | Cao đẳng quản trị văn phòng (A118696) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Quản trị văn phòng | | | | Cán sự | 01.004 | H21.19-251010-0032 | |
| 1734 | Nguyễn Huỳnh Tuyền | 052196001042 | | 26/7/1996 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 1, Cảnh An1, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0768484405 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B887947) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0092 | |
| 1735 | Nguyễn Thị Ánh Tuyền | 052199004555 | | 10/9/1999 | Hoà Hội, Gia Lai | Xóm 5, Hoà Hội, Hoà Hội, Gia Lai | 0962563647 | Cao đẳng ngành dược (000562) | | | | | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0067 | |
| 1736 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 064300017284 | | 20/8/2000 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 18 Lê Lợi, tổ 18, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0395564569 | Cử nhân Điều dưỡng E0021912 | Tiếng anh A2 BSET2311612 | Tin học ứng dụng C0097010 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251021-0035 | |
| 1737 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 064194001804 | | 04/10/1994 | phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 293/56/10 Trần Phú, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0352875097 | Cao đẳng Dược A001054 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0080 | |
| 1738 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 052197010058 | | 14/10/1997 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | Tổ 41, Khu phố 5, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0333538421 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1025742) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0101 | |
| 1739 | Phan Thị Thanh Tuyền | 052193022917 | | 04/02/1993 | Tây Sơn, Gia Lai | Khối Phú Xuân, Tây Sơn, Gia Lai | 0967669849 | Cao đẳng ngành dược (B000234) | | | | | Trạm Y tế xã Bình An | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0061 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1740 | Thái Thị Thanh Tuyền | 052193021629 | | 06/06/1993 | Bình Dương, Gia Lai | Thôn 3, Chánh Thuận, Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 0974608714 | Cao đẳng Điều dưỡng (B639928) | | | | | Trạm Y tế xã Phù Mỹ Tây | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Khoa Nội và Điều trị nghiện chất | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0140 | |
| 1741 | Bùi Thị Ánh Tuyết | 051303007519 | | 01/02/2003 | 51A Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 51A Tôn Thất Thuyết, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | 0352068246 | Cử nhân Điều dưỡng CN001750 | | CNTTCB C00186105 | | | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0138 | |
| 1742 | Đặng Thị Tuyết | 052194013646 | | 18/09/1994 | Hoài Ân, Gia Lai | Thôn Phú Thuận, Hoài Ân, Gia Lai | 0962359899 | Đại học Quản trị Kinh doanh (1021254) | Tiếng anh B (A2108644) | Tin học B (A1966427) | Bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ (36907) | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Trung cấp văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251020-0066 | |
| 1743 | Đào Thị Tuyết | 052304005487 | | 22/3/2004 | Tuy Phước, Gia Lai | Xóm 5, thôn Hưng Nghĩa, Tuy Phước, Gia Lai | 0896425153 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A001433) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0054 | |
| 1744 | Đinh Thị Tuyết | 064300006845 | | 25/02/2000 | xã Chư Krey, tỉnh Gia Lai | Làng Brò, xã Chư Krey, tỉnh Gia Lai | 0706197902 | Cử nhân Quản lý nhà nước QNUA0000511 | Tiếng anh B1 0002014 | CNTTCB 0003506 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0072 | |
| 1745 | Huỳnh Thị Ánh Tuyết | 052194000297 | | 19/5/1994 | phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | Chung cư Vina2 Panorama, khu tái định cư Đê Đông, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai | 0868678327 | Dược sĩ đại học 7301423 | | | | | Trạm Y tế xã phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0086 | |
| 1746 | Huỳnh Thị Cẩm Tuyết | 052304000722 | | 16/02/2004 | Bình Phú, Gia Lai | 07 cư xá nhà chung, đường Hàn Thuyên, Quy Nhơn, Gia Lai | 0387368771 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001434) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0138 | |
| 1747 | Huỳnh Thị Ngọc Tuyết | 052196000447 | | 25/01/1996 | Xuân An, Gia Lai | Chánh Nhơn, Xuân An, Gia Lai | 0386035537 | Cao đẳng ngành dược (B1025922) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0136 | |
| 1748 | Nay H' Tuyết | 064301006918 | | 09/92001 | Bôn Sô Ama San, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Sô Ama San, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0365549373 | Cao đẳng Dược VCI009952 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0055 | |
| 1749 | Nguyễn Thị Tuyết | 044192003458 | | 08/6/1992 | 17 Hồ Xuân Hương, thôn 2, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 17 Hồ Xuân Hương, thôn 2, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0383308745 | Cao đẳng Điều dưỡng B57165 | | | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm y tế Kbang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0085 | |
| 1750 | Nguyễn Thị Tuyết | 052191022888 | | 22/4/1991 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 33 Nguyễn Du, thôn 2, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0352424934 | Cao đẳng Điều dưỡng A233876 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ko cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0130 | |
| 1751 | Nguyễn Thị Tuyết | 030189011585 | | 19/4/1989 | Kông Chro, Gia Lai | Thôn 1, Kông Chro, Gia Lai | 0981726762 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (PA000875) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kông Chro | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0012 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1752 | Nguyễn Thị Tuyết | 052199002747 | | 29/7/1999 | Hoà Hội, Gia Lai | 237/8 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0329672274 | Đại học công tác xã hội (A.0004201) | Chứng nhận năng lực tiếng anh Bậc 3 (00160.20) (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1102122) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành Công tác xã hội | | Trung tâm Y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251030-0114 | |
| 1753 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 052196016855 | | 30/6/1996 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 85/72/14 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0963570489 | Cao đẳng ngành dược (C0002463) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0099 | |
| 1754 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 052199008454 | | 18/02/1999 | Hoài Ân, Gia Lai | Diêu Tường, Hoài Ân, Gia Lai | 0372585515 | Cử nhân xét nghiệm y học (BA04133) | Tiếng anh C (A3144280) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00003729) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251015-0127 | |
| 1755 | Nguyễn Thị Lệ Tuyết | 052301005415 | | 29/07/2001 | Tuy Phước, Gia Lai | Mỹ Điền, Tuy Phước, Gia Lai | 0327153901 | Cao đẳng Điều dưỡng (PNTA0250) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0119 | |
| 1756 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyết | 064198001905 | | 28/5/1998 | xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 291 Phạm Hùng, xã Biển Hồ, tỉnh Gia Lai | 0969838384 | Cử nhân Điều dưỡng 7100812 | Tiếng anh B A420239 | Tin học ứng dụng B 420228 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0112 | |
| 1757 | Thái Thị Mỹ Tuyết | 052304011689 | | 13/12/2004 | Đề Gi, Gia Lai | Khu phố Phú Long, Đề Gi, Gia Lai | 0388171361 | Cao đẳng Điều dưỡng (A 001456) | | | | | Khoa Nội | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0029 | |
| 1758 | Đoàn Thị Bích Ty | 052197000626 | | 16/05/1997 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0965495287 | Cao đẳng Dược (B1025967) | | | | Con thương binh | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251014-0028 | |
| 1759 | Ksor Úk | 064095016466 | 15/05/1995 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Ia Sao, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0356665830 | Cao đẳng Điều dưỡng A000833 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hiao | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0131 | |
| 1760 | Kpă Sơ Un | 064201012151 | | 26/3/2001 | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0966240320 | Đại học Kỹ thuật phần mềm (sh: 7117636) | miễn ngoại ngữ | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Pưh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251105-0033 | |
| 1761 | Đinh Thị Ưng | 052302006497 | | 06/11/2002 | Kim Sơn, Gia Lai | T6, Kim Sơn, Gia Lai | 0979188653 | Cao đẳng Dược (A001148) | | | | Người Dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251029-0088 | |
| 1762 | Nay H' Út | 064301002060 | | 16/02/2001 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0339183303 | Cao đẳng Điều dưỡng A190813 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phú Thiện cơ sở 4 | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0070 | |
| 1763 | Kpă H' Uy | 064301013870 | | 26/6/2001 | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Prong, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0327236273 | Cao đẳng Văn thư hành chính 600213 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Văn thư viên trung cấp | | | | Văn thư viên trung cấp | 02.008 | H21.19-251105-0045 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1764 | Rơ Mah H' Uy | 064198012377 | | 16/8/1998 | xã Ia Chía, tỉnh Gia Lai | Làng Kom Yố, xã Ia Chía, tỉnh Gia Lai | 0335945440 | Cao đẳng điều dưỡng 000644 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Chía | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dok | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0134 | |
| 1765 | Nguyễn Thị Mỹ Uyên | 052302009128 | | 22/04/2002 | Ngô Mây, Gia Lai | Vĩnh Phú, Ngô Mây, Gia Lai | 0384661046 | Cao đẳng Dược (A001124) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | | | | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251015-0015 | |
| 1766 | Nguyễn Thị Thu Uyên | 064199015833 | | 12/9/1999 | 146/7 Âu Cơ, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 146/7 Âu Cơ, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0362376467 | Cao đẳng Dược A182290 | | | | | Trạm Y tế xã Kon Gang | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0093 | |
| 1767 | Nguyễn Thị Tú Uyên | 052197001075 | | 06/12/1997 | Canh Vinh, Gia Lai | Thôn Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0379965424 | Đại học Điều dưỡng (C2002121) | Tiếng anh trình độ B (A2075901) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0001386) | | | | Trung tâm y tế Vân Canh | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251015-0009 | |
| 1768 | Phạm Thị Thu Uyên | 064300001082 | | 13/4/2000 | 28 Võ Trung Thành, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 28 Võ Trung Thành, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0338143506 | Cao đẳng Điều dưỡng 000056 | | | | | Trạm Y tế phường Diên Hồng cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế phường An Phú/ cơ sở 3 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0191 | |
| 1769 | Phan Thị Kim Uyên | 052301013418 | | 13/4/2001 | An Lương, Gia Lai | 02 Nguyễn Xuân Nhĩ, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0344090318 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000606) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0121 | |
| 1770 | Rơ Mah Uyên | 064199005859 | | 12/10/1999 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 174/2 Trần Quý Cáp, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0385839615 | Cử nhân ngành kỹ thuật xét nghiệm y học 002227 | Tiếng anh B1 BSET2417213 | CNTTCB (TTN.TH.002761) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251008-0076 | |
| 1771 | Siu H' Uyên | 064300007959 | | 28/4/2000 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Kual, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0356880138 | Đại học Điều dưỡng TTN.CN.005319 | | CNTTCB 014008 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251016-0079 | |
| 1772 | Trần Tố Uyên | 064300005822 | | 16/4/2000 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 163 Quang Trung, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0857042258 | Cử nhân Kinh doanh thương mại 0043411 | | | CC BD NV VTLT 55249 | | | Bệnh viện Tâm Thần Quy Nhơn | Văn thư viên | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Văn thư viên | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251103-0116 | |
| 1773 | Trịnh Thị Thu Uyên | 052302000773 | | 28/5/2002 | Tây Sơn, Gia Lai | Thôn Lai Nghi, Tây Sơn, Gia Lai | 0393759764 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A.001013) | | | | | Trạm Y tế xã Bình Phú | Trung tâm y tế Tây Sơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0039 | |
| 1774 | K pă H' Uynh | 064199009600 | | 16/4/1999 | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0836884445 | Cử nhân Luật E0019141 | Tiếng anh B1 E09480 | CNTTCB C00091444 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251104-0172 | |
| 1775 | Ksor H' Uynh | 064302013794 | | 13/9/2002 | xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | Ngã 3 điểm 7, thôn Sô Ma Rowng, xã Ia Hiao, tỉnh Gia Lai | 0356025287 | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0184162 | Tiếng anh A2 BSET2516501 | CNTTCB DND.I1.0051301 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0057 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1776 | Bùi Thị Hồng Vân | 064304014052 | | 27/11/2004 | xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | Làng Kueng Đơn, xã Ia Hrú, tỉnh Gia Lai | 0348739741 | Cao đẳng Điều dưỡng PNTA1007 | | | | | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Al Bá cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0039 | |
| 1777 | Đặng Thị Hồng Vân | 052304016230 | | 19/09/2004 | Phù Mỹ Bắc, Gia Lai | 140/14 Thanh Niên, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0968920138 | Cao đẳng Điều dưỡng (A001461) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0104 | |
| 1778 | Đinh Thị Vân | 052300005054 | | 15/03/2000 | An Vinh, Gia Lai | Thôn 1, An Vinh, Gia Lai | 0967754341 | Cao đẳng Dược (A.000119) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0144 | |
| 1779 | Đinh Thị Thanh Vân | 064196006218 | | 30/4/1996 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | Quầy thuốc Thanh Vân, thôn 2 - Hoà Phú, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 03468819963 | Cao đẳng Dược B851769 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Khươl | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Khươl cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0144 | |
| 1780 | Kpă Siu Tường Vân | 064301010531 | | 28/3/2001 | 51 Hàm Nghi, TDP 2, xã Phú Thiện | 51 Hàm Nghi, TDP 2, xã Phú Thiện | 0865742225 | Cao đẳng Dược C03722 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Phú Thiện | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251031-0021 | |
| 1781 | Lê Thị Tùng Vân | 064300009625 | | 23/02/2000 | 46/61 Phù Đổng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 46/61 Phù Đổng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0378478457 | Đại học Luật 30019852 | Tiếng anh B1 2904569 | MOS word, excel | | | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Luật | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0008 | |
| 1782 | Nguyễn Thị Vân | 052303013681 | | 14/3/2003 | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | Hoài Nhơn Nam, Gia Lai | 0339371095 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (004222) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251025-0014 | |
| 1783 | Nguyễn Thị Ánh Vân | 064303000976 | | 12/01/2003 | Kbang, Gia Lai | 38A Hàm Nghi, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0347722590 | Cử nhân ngành Công nghệ sinh học (0190311) | Tiếng anh (064303000976) IIG Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng cấp ngày: 30/11/2024 | Ứng dụng CNTT cơ bản (0078856) | | | | Bệnh viện 331 | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251029-0005 | |
| 1784 | Nguyễn Thị Thúy Vân | 064191000781 | | 26/02/1991 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 111 Đinh Tiên Hoàng, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0356138001 | Đại học Công tác xã hội 062557 | Giấy xác nhận kết quả thi Tiếng anh A2 (không có số hiệu) cấp ngày 29/10/2025 | Tin học B A1122180 | | Con thương binh | | Trung tâm y tế Ia Grai | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251103-0144 | |
| 1785 | Nhữ Thị Cẩm Vân | 064188010689 | | 13/12/1988 | Hội Phú, Gia Lai | 303 Trường Chinh, Hội Phú, Gia Lai | 0975544700 | Cử nhân kế toán (011548) | Tiếng anh C (0489273) | Tin học B (0063907) | | Cần có minh chứng đối tượng ưu tiên: Cán bộ công | | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251007-0001 | |
| 1786 | Phạm Nguyễn Khánh Vân | 064301000307 | | 25/10/2001 | xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | TDP 3, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai | 0905063339 | Cao đẳng Dược Y22.0396/YDP | | | | Con thương binh | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251104-0139 | |
| 1787 | Trần Thị Hồng Vân | 052197002605 | | 22/6/1997 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 427 Nguyễn Huệ, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0335239349 | Đại học luật (E0008976) | Tiếng anh B (A2283578) | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.0005947) | | | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251024-0160 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1788 | Trần Thị Thảo Vân | 064199000698 | | 06/5/1999 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0363540079 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học 001395 | GCN năng lực tiếng anh 2019B11444 Đại học Tây nguyên | CNTTCB 0211577 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | | | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251009-0036 | |
| 1789 | Từ Thu Vân | 044199009259 | | 07/4/1999 | phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị | 24/44 Nguyễn Văn Cừ, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0945381646 | Cử nhân Kế toán 000445 | Cử nhân tiếng anh E0043108 | CNTTCB 0356959 | | | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0101 | |
| 1790 | Võ Thị Hồng Vân | 049197005960 | | 06/11/1997 | Đăk Đoa, Gia Lai | 113 Lý Thường Kiệt, Đăk Đoa, Gia Lai | 0352513620 | Đại học luật (DND.6.0131306) | Tiếng anh A2 thi ngày 18/10/2025-Học viện ANND | Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.I1.26481) | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0075 | |
| 1791 | Vương Thị Bích Vân | 066190016354 | | 18/8/1990 | xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 12 Tăng Bạt Hổ, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai | 0977272708 | Đại học điều dưỡng Sản phụ khoa (số hiệu: 0003130) | | | | | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đức Cơ cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251008-0031 | |
| 1792 | Đào Ngọc Vân | 064088002129 | 19/8/1988 | | Thôn 3, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Pờ Tó, tỉnh Gia Lai | 0978417467 | Cao đẳng Dược YDC00210 | | | | | Trạm Y tế xã Pờ Tó | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0086 | |
| 1793 | Nguyễn Đình Văn | 064097002378 | 06/3/1997 | | xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 98 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai | 0981220100 | Cao đẳng Công nghệ thông tin (B912798) | | | | | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin | | | | Công nghệ thông tin hạng IV | V.11.06.15 | H21.19-251103-0199 | |
| 1794 | Nguyễn Đoàn Thanh Vân | 052097015806 | 14/01/1997 | | Ân Tường, Gia Lai | Xóm Cưỡi, Phú Khương, Ân Tường, Gia Lai | 0965913303 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C0000262) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0068 | |
| 1795 | Vũ Quốc Văn | 033089015085 | 01/7/1989 | | xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | Phòng khám đa khoa Tâm Phúc, 69 Phạm Văn Đồng, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai | 0975841958 | Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng YDC02926 | | | | | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251104-0108 | |
| 1796 | Nguyễn Thị Vang | 052199003521 | | 10/08/1999 | Quy Nhơn, Gia Lai | 09 Nguyễn Xí, Quy Nhơn, Gia Lai | 0328057801 | Cử nhân Kế toán tổng hợp (số hiệu: A.0003650) | chứng nhận Tiếng anh bậc 3 (ĐH Quy Nhơn) | Ứng dụng CNTT cơ bản (số hiệu: 1101911) ĐH Quy Nhơn | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251013-0138 | |
| 1797 | Đặng Thị Vệ | 052195014819 | | 29/01/1995 | Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 81 Nguyễn Hữu Huân, Hoài Nhơn Đông, Gia Lai | 0399149079 | Cao đẳng ngành dược (B88278) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0168 | |
| 1798 | Kơ Pă Vêl | 064196003181 | | 16/3/1996 | Làng Nhao 2, xã Gào, tỉnh Gia Lai | Làng Nhao 2, xã Gào, tỉnh Gia Lai | 0367254704 | Cao đẳng Điều dưỡng B839583 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Gào cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251026-0001 | |
| 1799 | Nguyễn Duy Vẹn | 052191001871 | | 09/4/1991 | Canh Vinh, Gia Lai | Tân Quang, Canh Vinh, Gia Lai | 0358444665 | Cử nhân lịch sử (104LS/13/2) | | | Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư-lưu trữ (VTVL/202025/859) | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Văn thư - lưu trữ | | | | Văn thư viên | 02.007 | H21.19-251103-0141 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1800 | Đinh Thị Roan Vi | 064302002342 | | 30/8/2002 | Kông Chro, Gia Lai | Làng Nghe, Kông Chro, Gia Lai | 0867783382 | Đại học quản lý nhà nước (0000812) | Tiếng anh Bậc 3 (0004903) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0009328) | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251023-0024 | |
| 1801 | Lê Thị Hoa Vi | 064301006464 | | 01/7/2001 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 8, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0972692941 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học TTN.CN.003174 | Tiếng anh Bậc 3 70/QĐ-TNU-LIC | CNTTCB TTN.TH.002996 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Trạm Y tế xã Phú Túc | Trung tâm y tế Krông Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251021-0023 | |
| 1802 | Lê Thị Thanh Vi | 052194004926 | | 13/07/1994 | An Khê, Gia Lai | 187A Ya Đồ, An Khê, Gia Lai | 0976886774 | Cao đẳng Dược (258/QĐ-YDC ngày 03/12/2024) | | | | | Trạm Y tế xã Cửu An | Trung tâm Y tế An Khê | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251022-0015 | |
| 1803 | Nguyễn Hà Vi | 064197005707 | | 20/04/1997 | Phú Túc, Gia Lai | TDP 3, Phú Túc, Gia Lai | 0967419741 | Cử nhân Luật (1781033) | Tiếng anh A2 (BSET2420349) | Ứng dụng CNTT cơ bản (1010124) | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251022-0008 | |
| 1804 | Nguyễn Thị Ái Vi | 052199012142 | | 22/11/1999 | An Hoà, Gia Lai | Thôn Thuận Hoà, An Lão, Gia Lai | 0382221857 | Cao đẳng Dược (C0002366) | | | | | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0050 | |
| 1805 | Nguyễn Thị Hiền Vi | 052193023248 | | 29/9/1993 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Xuân Mỹ, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0348360026 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (000058) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0015 | |
| 1806 | Nguyễn Thị Thuý Vi | 052193010718 | | 03/6/1993 | Hoài Ân, Gia Lai | 03 Bùi Thị Xuân, Hoài Ân, Gia Lai | 0981599609 | Cao đẳng ngành Điều dưỡng (B401260) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0049 | |
| 1807 | Nguyễn Thị Tường Vi | 064199008677 | | 19/02/1999 | Thôn 2, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | Thôn 2, xã Ia Ko, tỉnh Gia Lai | 0392274594 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học E0012239 | Tiếng anh Bậc 3 02837 | CNTTCB 1314123 | | | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Pleiku | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251008-0052 | |
| 1808 | Nguyễn Tường Vi | 052303005366 | | 25/10/2003 | Đề Gi, Gia Lai | Xóm 2, Đức Phổ 1, Đề Gi, Gia Lai | 0359278913 | Cử nhân dinh dưỡng (PNTU.CN/001275) | Tiếng anh B1 (VE.04901.25) | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng | | Trung tâm Y tế Tây Sơn | Đại học chuyên ngành Dinh dưỡng | Dinh dưỡng hạng III | V.08.09.25 | H21.19-251030-0010 | |
| 1809 | Phạm Lương Tường Vi | 052197000135 | | 30/10/1997 | Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | Cự Tài 1, Hoài Nhơn Tây, Gia Lai | 0961172096 | Cử nhân luật kinh tế (1742852) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Đại học ngành: Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0070 | |
| 1810 | Phạm Thị Tý Vi | 052190002587 | | 12/5/1990 | Chư Krey, Gia Lai | Làng Biên,Chư Krey, Gia Lai | 0969411259 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C0000169) | | | | Con thương binh | | Trung tâm Y tế Kông Chro | Cao đẳng Điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251016-0037 | |
| 1811 | Trần Thị Hoài Vi | 064199007771 | | 14/4/1999 | xã Kon Gang, tỉnh Gia Lai | 112 Điện Biên Phủ, p Tân Định, TPHCM | 0345947299 | Cử nhân Kế toán B003652 | Tiếng anh Bậc 3 C002552 | Tin học w, e 5QeW-FVrJ w Lbba-FMRY e NFN-4TYz | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Kế toán | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0003 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1812 | Võ Thị Cẩm Vi | 052300005754 | | 25/05/2000 | An Nhơn, Gia Lai | 18 Ngô Thì Nhậm, An Nhơn, Gia Lai | 0377737027 | Cao đẳng Điều dưỡng (26653) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0018 | |
| 1813 | Võ Thị Hoài Vi | 064300013785 | | 02/3/2000 | Thôn Thái Hà, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | Thôn Thái Hà, xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai | 0334096549 | Cao đẳng Điều dưỡng 26652 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 3 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0073 | |
| 1814 | Vũ Lan Vi | 064197015962 | | 19/3/1997 | phường An Bình, tỉnh Gia Lai | TDP An Sơn, phường An Bình, tỉnh Gia Lai | 0866062514 | Cử nhân Y tế công cộng E0148501 | | | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Dân số viên hạng IV | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Dân số viên hạng IV | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251104-0066 | |
| 1815 | Bùi Thảo Viên | 052301008152 | | 06/6/2001 | Phù Mỹ Tây, Gia Lai | Trực Đạo, Phù Mỹ Tây, Gia Lai | 0969728831 | Cử nhân quản trị kinh doanh (QNUA.0004635) | Tiếng anh B1 (0002923) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0004258) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản trị kinh doanh | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251105-0004 | |
| 1816 | Đinh Thị Viên | 052197006737 | | 15/3/1997 | An Vinh, Gia Lai | Thôn 4, An Vinh, Gia Lai | 0376503750 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A000028) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Phù Mỹ Tây | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0045 | |
| 1817 | Nguyễn Trần Thảo Viên | 052199005332 | | 25/08/1999 | Phù Cát, Gia Lai | 12 đường 3 tháng 2, Phù Cát, Gia Lai | 0987473571 | Cử nhân Luật Kinh tế (VL-B06086) | Tiếng anh A2 (BSET2306474) | Ứng dụng CNTT cơ bản (T0000577) | | | | Trung tâm y tế Phù Cát | Đại học ngành: Luật | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0002 | |
| 1818 | Đinh Thị Viết | 051190019615 | | 06/7/1990 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0977115684 | Cao đẳng Dược A180361 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Phí cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 2 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251023-0069 | |
| 1819 | Huỳnh Quốc Việt | 052089004626 | 12/3/1989 | | An Nhơn Tây, Gia Lai | Xóm Hiệu Long, Đông Lâm, An Nhơn Tây, Gia Lai | 0972680107 | Đại học kỹ thuật xét nghiệm y học (BA040840128/BA-2025) | Tiếng anh C (A1916701) | Tin học B (A1306550) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Phù Cát | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251022-0061 | |
| 1820 | Mai Trương Quốc Việt | 052200012836 | 28/8/2000 | | Cát Tiến, Gia Lai | Quầy thuốc Phước Hưng, An Cửu, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0326539702 | Cao đẳng ngành dược (A000196) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0029 | |
| 1821 | Kpă Vinh | 064096008250 | 22/08/1996 | | xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Kơ Jing, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0967227031 | Cử nhân Quản lý nhà nước A0000480 | Tiếng anh B1 0223119 | CNTTCB 1100820 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Quản lý nhà nước | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251030-0032 | |
| 1822 | Nguyễn Thế Vinh | 052087011504 | 03/8/1987 | | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | Định Tam, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0983361289 | Kỹ sư Công nghệ thông tin (A17670) | Tiếng anh B (A.2764566) | | | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh | Đại học ngành Công nghệ thông tin | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng III | V.11.06.14 | H21.19-251013-0061 | |
| 1823 | Nguyễn Trần Vinh | 052085011696 | 13/08/1985 | | Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 394/26 Tây Sơn, Quy Nhơn Nam, Gia Lai | 0907941164 | Cao đẳng Dược (B987705) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Quy Nhơn Đông | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251020-0131 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1824 | Vũ | 064201014459 | 19/12/2001 | | xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | Làng Ar Bơ Tôk, xã Lơ Pang, tỉnh Gia Lai | 0367714461 | Đại học công tác xã hội QNUA/0005366 | miễn ngoại ngữ | CNTTCB 0011682 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Đak Pơ | Đại học ngành công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251014-0082 | |
| 1825 | Nguyễn Văn Vũ | 064085008792 | 03/4/1985 | | xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 42a Nơ Trang Long, TDP 5, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0972971727 | Cao đẳng Kỹ thuật Thiết bị điện tử y tế 0265 | Tiếng anh B B596992 | CNTTCB DPX.C.005570 | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Kỹ thuật Thiết bị điện tử y tế | | | | Kỹ thuật viên hạng IV | V.05.02.08 | H21.19-251104-0024 | |
| 1826 | Trương Công Vũ | 052095014635 | 07/3/1993 | | Đề Gi, Gia Lai | Quầy thuốc Phúc Hưng, An Quang Đông, Đề Gi, Gia Lai | 0344119744 | Đại học dược (PH01734) | | | | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0066 | |
| 1827 | Võ Văn Vũ | 052099011487 | 26/07/1999 | | Phù Mỹ Nam, Gia Lai | Thôn An Trinh, Phù Mỹ Nam, Gia Lai | 0964810471 | Cao đẳng Điều dưỡng (000466) | | | | | | Trung tâm y tế Phù Mỹ | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0106 | |
| 1828 | Rmah H' Vui | 064191007499 | | 12/11/1991 | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Plei Rbai, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0867028108 | Cử nhân Luật 1432160 | Tiếng anh B A2786597 | Tin học ứng dụng B A1396144 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0025 | |
| 1829 | Siu Vũi | 064302001159 | | 19/12/2002 | xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Phăm Kloh, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0352397095 | Cao đẳng Điều dưỡng 600705 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Chư Sê cơ sở 5 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251103-0072 | |
| 1830 | Đinh Công Vương | 064098013647 | 13/10/1998 | | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Jú, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0364875868 | Cử nhân Luật E0000503 | Tiếng anh B1 N00020575 | CNTTCB DPX.C.001389 | | | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251028-0136 | |
| 1831 | Nguyễn Thanh Vương | 052094013291 | 28/6/1994 | | Ân Hảo, Gia Lai | Thôn Tân Xuân, Ân Hảo, Gia Lai | 0393739533 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (LT003094) | | | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251009-0058 | |
| 1832 | Nguyễn Thị Thu Vương | 052192002581 | | 02/08/1992 | An Hoà, Gia Lai | Thôn Xuân Phong Nam, An Hoà, Gia Lai | 0963219421 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025520) | | | Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ dân số-KHHGĐ 2321/K25- | | Trạm Y tế xã Vạn Đức | Trung tâm y tế Hoài Ân | Cao đẳng điều dưỡng - có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số | | | | Dân số viên hạng IV | V.08.10.29 | H21.19-251020-0056 | |
| 1833 | Hồ Tường Vy | 064301007264 | | 03/9/2001 | An Bình, Gia Lai | An Thuận, An Bình, Gia Lai | 0706247789 | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (CN000895) | Tiếng anh Bậc 4 (E016588) | Ứng dụng CNTT cơ bản (ĐND.I1.005110) | | | | Trung tâm Y tế An Khê | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm Y tế Đăk Pơ | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251023-0141 | |
| 1834 | Phan Lệ Vy | 062194003358 | | 10/03/1994 | Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 44 Bùi Cẩm Hổ, khu phố 1, Quy Nhơn Đông, Gia Lai | 0916477607 | Đại học Kế toán (1338487) | Tiếng anh C (A.1850407) | Chứng chỉ Tin học ứng dụng B (A.1303625) | | | | Bệnh viện Tâm thần Quy Nhơn | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251020-0020 | |
| 1835 | Trần Khánh Vy | 052197013227 | | 07/9/1997 | Bình Định, Gia Lai | 398 Ngô Gia Tự, Bình Định, Gia Lai | 0986456479 | Cử nhân ngành điều dưỡng (1660367) | Tiếng anh Bậc 2 (IN770462) | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202212811) | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Tuy Phước | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251027-0090 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1836 | Trần Thị Thảo Vy | 052303006343 | | 12/05/2003 | Vĩnh Thạnh, Gia Lai | An Ngoại, Vĩnh Thạnh, Gia Lai | 0376625003 | Đại học Điều dưỡng (CN001654) | | Ứng dụng CNTT cơ bản (C00240242) | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251028-0069 | |
| 1837 | Trần Tường Vy | 052199008226 | | 02/8/1999 | Phù Cát, Gia Lai | Phòng khám Bs Phạm Xuân Minh, Phong An, Phù Cát, Gia Lai | 0327492690 | Đại học dược (NTTDS.10104254) | | | | | Trạm Y tế xã Hội Sơn | Trung tâm y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251030-0055 | |
| 1838 | Nay H' Wôn | 064194011447 | | 25/12/1994 | Bôn Tông Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Bôn Tông Se, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0971510094 | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học CN00227 | miễn ngoại ngữ | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251030-0128 | |
| 1839 | Siu Wơn | 064202016963 | 06/12/2002 | | Buôn Chư Krih, xã Uar, Gia Lai | Buôn Chư Krih, xã Uar, Gia Lai | 0668514100 | Cử nhân Luật E0048014 | Tiếng anh B1 E17200 | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành Luật | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251103-0027 | |
| 1840 | Ksor Xiên | 064093002464 | 13/12/1993 | | Bôn Phu ama Miơng, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | Bôn Phu ama Miơng, xã Ia Sao, tỉnh Gia Lai | 0355741186 | Cao đẳng điều dưỡng A000353 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251013-0023 | |
| 1841 | Ksor Xóe | 064088011263 | 10/6/1988 | | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | Buôn Sai, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0981709027 | Cao đẳng điều dưỡng B224380 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0093 | |
| 1842 | Rơ Mah Xoeng | 064301003788 | | 16/04/2001 | xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | Làng Sung, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | 0383776954 | Cao đẳng Điều dưỡng 000649 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Dơk | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Chía | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0096 | |
| 1843 | Đinh Thị Xơn | 052196008700 | | 05/8/1996 | Vĩnh Sơn, Gia Lai | Thôn K4, Vĩnh Sơn, Gia Lai | 0336463412 | Cao đẳng ngành dược (B817306) | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Sơn Lang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Đak Rong | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0017 | |
| 1844 | Đinh Thị Hồng Xuân | 064301004990 | | 20/7/2001 | 246 Mê Linh, Thôn Ia Mang, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | 246 Mê Linh, Thôn Ia Mang, xã Ia Dơk, tỉnh Gia Lai | 0376645906 | Cao đẳng Điều dưỡng AF5251 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Dơk cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Dơk | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251027-0100 | |
| 1845 | Lê Thị Thanh Xuân | 064193004031 | | 30/01/1993 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 53 Lê Lợi, tổ 23, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0359083192 | Cử nhân Kế toán 000884 | Tiếng anh B A1126991 | Tin học B A984953 | | | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Kế toán | | Trung tâm y tế Chư Sê | Đại học ngành Kế toán | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251027-0056 | |
| 1846 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | 060197010462 | | 18/01/1997 | Hoài Ân, Gia Lai | 56A Nguyễn Văn Linh, Hoài Ân, Gia Lai | 0982224045 | Đại học Công tác xã hội (HPN.01697) | Tiếng anh Bậc 3 (E004918) | Ứng dụng CNTT cơ bản (C0009822) | | | | Trung tâm y tế Hoài Ân | Đại học ngành Công tác xã hội | | | | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251007-0026 | |
| 1847 | Trần Thị Lệ Xuân | 052198009634 | | 02/02/1998 | Ân Hảo, Gia Lai | 2/3 Phạm Ngọc Thạch, Quy Nhơn, Gia Lai | 0348677842 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1071998) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0022 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1848 | Lê Thị Hồng Xuyên | 064302005195 | | 16/11/2002 | Cửu An, Gia Lai | Thôn An Bình, Cửu An, Gia Lai | 0328241038 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (VCI0009924) | | | | | Trạm Y tế xã Kbang | Trung tâm Y tế Kbang | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0005 | |
| 1849 | Rơ Châm H' Xuyên | 064199005397 | | 20/11/1999 | xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai | 162 Phan Chu Trinh, phường Tân Lợi, tỉnh Đắk Lắk | 0356029103 | Cử nhân Công tác xã hội HPN.01744 | Tiếng anh B1 CEB1/2021/DOT 2/0223 | CNTTCB 001219 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Prông | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251020-0009 | |
| 1850 | Lê Thị Vi Xuyến | 064193000356 | | 23/6/1993 | Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 39 Hoàng Sa, Tổ 7, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | 0333335338 | Cao đẳng điều dưỡng (YDC 03053) | | | | | Trạm Y tế xã Ia H'Rung | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251007-0007 | |
| 1851 | Võ Thị Kim Xuyến | 052195015828 | | 29/4/1995 | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | TDP 1, xã Ia Ly, tỉnh Gia Lai | 0968356477 | Cao đẳng Dược B0888110 | | | | | Trạm Y tế xã Ia Ly cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Phí | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251103-0117 | |
| 1852 | Đỗ Thị Hồng Ý | 64302008145 | | 29/12/2002 | phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai | Hẻm 223 Nguyễn Thiếp, phường Diên Hồng,, tỉnh Gia Lai | 0327283261 | Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (CN 001368) | Tiếng anh B1 005288 | CNTTCB C00230873 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học | Kỹ thuật Y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251008-0065 | |
| 1853 | Huỳnh Thị Như Ý | 052301009298 | | 15/6/2001 | Vĩnh Thịnh, Gia Lai | Thôn Vĩnh Phúc, Vĩnh Thịnh, Gia Lai | 0368010178 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C03433) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Trạm Y tế phường Quy Nhơn | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0017 | |
| 1854 | Ksor H' Ý | 064302013019 | | 16/6/2002 | xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | Buôn Chư Bang, xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai | 0347395161 | Cử nhân Điều dưỡng DHH.6.C.0005595 | Tiếng anh Bậc 3 E20890 | GCN tạm thời CNTTCB ĐH Quy Nhơn cấp ngày 22/10/2025 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Đại học ngành điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251031-0070 | |
| 1855 | Lê Thị Như Ý | 052303007141 | | 02/06/2003 | Tuy Phước, Gia Lai | Quảng Vân, Tuy Phước, Gia Lai | 0387196593 | Cử nhân Quản lý nhà nước (0004046) | Tiếng anh B1 (0008403) | Ứng dụng CNTT cơ bản (0015970) | | | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Đại học ngành: Quản lý nhà nước | | | | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251015-0108 | |
| 1856 | Nguyễn Thị Ngọc Ý | 064190003525 | | 06/9/1990 | Thôn 1, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Thôn 1, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | 0382077035 | Cao đẳng điều dưỡng A180470 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Biển Hồ | Trung tâm y tế Pleiku | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251015-0142 | |
| 1857 | Nguyễn Thị Như Ý | 052301014661 | | 30/9/2001 | Tuy Phước Đông, Gia Lai | Thôn Lộc Trung, Tuy Phước Đông, Gia Lai | 0334853160 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (A00607) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0123 | |
| 1858 | Trần Dương Như Ý | 064303004072 | | 17/10/2003 | 70 Hoàng Văn Thụ, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 70 Hoàng Văn Thụ, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0865550761 | Cao đẳng Dược A001412 | | | | | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Cao đẳng Dược | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0007 | |
| 1859 | Trần Thị Thi Ý | 052195000774 | | 01/09/1995 | Canh Vinh, Gia Lai | Hiến Đông, Canh Vinh, Gia Lai | 0934961076 | Đại học Dược (DYDH263) | | | | | Trạm Y tế xã Canh Vinh | Trung tâm y tế Vân Canh | Cao đẳng Dược | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251017-0151 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1860 | Võ Thanh Ý | 064191000688 | | 20/10/1991 | xã Kbang, tỉnh Gia Lai | Thôn 4, xã Kbang, tỉnh Gia Lai | 0368983227 | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng 642520 | Tiếng anh B 0440650 | Tin học ứng dụng 190305 TH-ĐN | | | | Trung tâm Y tế Kbang | Đại học ngành Tài chính | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251023-0019 | |
| 1861 | Rcom Đê Ya | 064095014651 | 05/01/1995 | | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | TDP 27, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0337081432 | Cao đẳng điều dưỡng YDP001042 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Pa | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251017-0073 | |
| 1862 | Phạm Thùy Yang | 064193000770 | | 17/01/1993 | Thôn Đoàn Kết, xã Ayun, tỉnh Gia Lai | Thôn Đoàn Kết, xã Ayun, tỉnh Gia Lai | 0976315814 | Cử nhân Kế toán 1265513 | Tiếng anh B 1176852 | Tin học ứng dụng B A792268 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251105-0036 | |
| 1863 | Rlan Yêin | 064302006939 | | 11/02/2002 | Làng Klú, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | Làng Klú, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai | 0353583184 | Cao đẳng Điều dưỡng 600513 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Bờ Ngoong cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Sê | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrú cơ sở 3 | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0096 | |
| 1864 | Yem | 064301014370 | | 06/3/2001 | Làng Kon Mahar, xã Đak Sơ Mei, tỉnh Gia Lai | Làng Kon Mahar, xã Đak Sơ Mei, tỉnh Gia Lai | 0338775927 | Cao đẳng điều dưỡng 600512 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Đak Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Gang cơ sở 2 | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0023 | |
| 1865 | Ksor H' Yên | 064197012007 | | 03/6/1997 | Buôn Ia Hly, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Ia Hly, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0398145731 | Cao đẳng điều dưỡng B783804 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0096 | |
| 1866 | Nguyễn Thị Thanh Yên | 052189006245 | | 18/8/1989 | Tuy Phước, Gia Lai | 66 Đào Tấn, Tuy Phước, Gia Lai | 0974895039 | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B921616) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251030-0077 | |
| 1867 | Bùi Thị Phi Yến | 064177000455 | | 25/10/1977 | phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | Tổ 18, Hẻm Lê Hồng Phong, phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai | 0905389371 | Cử nhân Luật 192701 | Tiếng anh A 10.441/CITA | Tin học B 62585 | | | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Đại học ngành Luật | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành Luật | Chuyên viên | 01.003 | H21.19-251029-0046 | |
| 1868 | Châu Thị Yến | 064198010053 | | 25/01/1998 | 465 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 465 Nguyễn Huệ, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0337087037 | Cao đẳng Dược B1111163 | | | | | Trạm Y tế xã Đăk Sơ Mei | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Ia Băng | Trung tâm y tế Đak Đoa | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251024-0039 | |
| 1869 | Đào Thị Phương Yến | 64303009680 | | 17/12/2003 | xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | TDP 4, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai | 0333642562 | Cao đẳng điều dưỡng A001046 | | | | | | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251010-0062 | |
| 1870 | Đinh Thị Hải Yến | 066198002235 | | 29/12/1998 | Thôn 3, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | Thôn 3, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai | 0377635686 | Cử nhân Điều dưỡng A0000510 | Tiếng anh A2 BSET2401996 | Tin học ứng dụng ngành điều dưỡng 38779 (Đại học Đông Á) | | | | Trung tâm y tế Đak Đoa | Đại học ngành điều dưỡng | | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học ngành điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251022-0125 | |
| 1871 | Đỗ Thị Yến | 052196003956 | | 07/08/1996 | Tuy Phước Tây, Gia Lai | Xóm 3 thôn Bình An 2, Tuy Phước Tây, Gia Lai | 0948653767 | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025701) | | | | | | Trung tâm y tế Tuy Phước | Cao đẳng Điều dưỡng | | Trung tâm Y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0104 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1872 | Đỗ Thị Thanh Yến | 052197004190 | | 03/7/1997 | Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | Gia An, Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai | 0367269146 | Đại học dược (10017565) | | | | | | Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Cát Tiến | Trung tâm Y tế Phù Cát | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251027-0092 | |
| 1873 | Đoàn Thị Như Yến | 064195004084 | | 27/7/1995 | phường An Phú, tỉnh Gia Lai | Tổ 11, phường An Phú, tỉnh Gia Lai | 0968946445 | Cao đẳng Dược A181326 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế xã Chư Păh cơ sở 2 | Trung tâm Y tế Chư Păh | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251105-0057 | |
| 1874 | Hồ Thị Hải Yến | 066199010266 | | 12/03/1999 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Thôn Nho Lâm, Tuy Phước Bắc, Gia Lai | 0948005745 | Đại học Dược (7301828) | | | | | | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0027 | |
| 1875 | Mai Điệp Yến | 064199011820 | | 10/11/1999 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 440 Trần Hưng Đạo, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0352088222 | Cử nhân Kế toán A0005767 | Tiếng anh B1 0050.CNTA.2021 | CNTTCB 0002703 | | | | Trung tâm y tế Mang Yang | Đại học ngành Kế toán | | | | Kế toán viên (hạng III) | V.06.031 | H21.19-251104-0095 | |
| 1876 | Ngô Thị Hồng Yến | 052197007820 | | 04/9/1997 | Bình Định, Gia Lai | 18 Võ Duy Dương, Bình Định, Gia Lai | 0374192366 | Cử nhân ngành điều dưỡng (TVU.1.04472) | Tiếng anh B1 (22RB13911) ĐH Trà Vinh | Ứng dụng CNTT cơ bản (QH53202349346) | | | Phòng điều dưỡng | Trung tâm y tế An Nhơn | Đại học ngành Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng III | V.08.05.12 | H21.19-251104-0053 | |
| 1877 | Nguyễn Hoàng Yến | 064301002154 | | 15/01/2001 | xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | Châu Sơn, xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai | 0376034686 | Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học YDS.CN.002436 | | | | | | Bệnh viện 331 | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học | | | | Kỹ thuật y hạng IV | V.08.07.19 | H21.19-251024-0132 | |
| 1878 | Nguyễn Hoàng Yến | 052300014441 | | 27/06/2000 | Phù Mỹ, Gia Lai | 41/9 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai | 0964076172 | Cao đẳng Điều dưỡng (000031) | | | | | | Trung tâm y tế Quy Nhơn | Cao đẳng Điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251020-0033 | |
| 1879 | Nguyễn Thị Hải Yến | 052197010197 | | 23/5/1997 | Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 53 Lê Thị Riêng, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai | 0363881910 | Cử nhân xã hội học, chuyên ngành truyền thông báo chí (ĐVH000100) | Tiếng anh B1 NN00805 | Chứng chỉ tin học Quốc tế MOS W: dFJW-Dteo E: 8BAK-uGF2 | | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai | Đại học xã hội học (chuyên ngành truyền thông báo chí) | | | | Phóng viên hạng III | V.11.02.06 | H21.19-251007-0018 | |
| 1880 | Nguyễn Thị Mỹ Yến | 052190021334 | | 10/06/1990 | An Nhơn Bắc, Gia Lai | Tổ dân phố Liêm Định, An Nhơn Bắc, Gia Lai | 0345667988 | Cao đẳng Dược (C0001805) | | | | | Trạm Y tế phường An Nhơn Bắc | Trung tâm y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Trạm Y tế phường Bình Định | Trung tâm Y tế An Nhơn | Cao đẳng Dược | Dược hạng IV | V.08.08.23 | H21.19-251013-0052 | |
| 1881 | Võ Thị Bảo Yến | 040199011843 | | 12/5/1999 | xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | Làng DeLung 1, xã Ia Krái, tỉnh Gia Lai | 0352200523 | Đại học ngành Công nghệ Sinh học TTN.CN.003496 | Tiếng anh B 2023.B1.2095 | CNTTCB TTN.TH.004648 | | | | Bệnh viện 331 | Đại học ngành Sinh học | | | | Kỹ thuật y hạng III | V.08.07.18 | H21.19-251010-0116 | |
| 1882 | Siu H' Yim | 064193010863 | | 05/3/1993 | xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 83A Hùng Vương, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai | 0962902454 | Cao đẳng Điều dưỡng B883010 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Le | Trung tâm y tế Chư Pưh | | Trạm Y tế xã Ia Hrú | Trung tâm y tế Chư Pưh | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251105-0041 | |
| 1883 | Puih Yîu | 064303014780 | | 16/4/2003 | xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | Làng Bluk Brui, xã Ia Phí, tỉnh Gia Lai | 0377386463 | Cao đẳng điều dưỡng 600985 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Chư Păh | Cao đẳng điều dưỡng | | | | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251023-0097 | |

| TT | Họ và tên | CCCD | Ngày, tháng, năm sinh | | Hộ khẩu thường trú (xã - tỉnh) | Địa chỉ báo tin | Số điện thoại liên lạc | Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển | | | | Đối tượng ưu tiên | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 | | | Đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2 | | | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Số hồ sơ ĐKDT | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ ngoại ngữ *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Trình độ tin học *(ghi rõ số hiệu của văn bằng, chứng chỉ)* | Tiêu chuẩn khác | | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | Khoa/phòng /trạm | Đơn vị dự tuyển | Vị trí dự tuyển | | | | |
| 1884 | R' Ô H' Yoan | 064303010581 | | 07/7/2003 | xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | TDP 3xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai | 0353607661 | Cao đẳng Điều dưỡng 600959 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Đức Cơ | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251024-0090 | |
| 1885 | Rah Lan H' Yoar | 064301016123 | | 08/3/2001 | Plei Ama Rin 3, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | Plei Ama Rin 3, xã Ia Pa, tỉnh Gia Lai | 0972978491 | Cao đẳng điều dưỡng 600495 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251021-0032 | |
| 1886 | Rmah H' Yuết | 064199009718 | | 15/04/1999 | xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Thôn Plei Amil, xã Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 0386748841 | Cử nhân Công tác xã hội TDLB001745 | Tiếng anh Bậc 3 B13061 | CNTTCB TDLCI006867 | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Phú Thiện | Đại học ngành công tác xã hội | | Trung tâm y tế Ia Pa | Đại học ngành công tác xã hội | Công tác xã hội viên | V.09.04.02 | H21.19-251028-0043 | |
| 1887 | Nay Yuin | 064091008841 | 10/5/1991 | | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | Buôn Gum Gốp, xã Ia Dreh, tỉnh Gia Lai | 0379782240 | Cao đẳng Điều dưỡng B640073 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm Y tế Krông Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Ia Hrung cơ sở 4 | Trung tâm y tế Ia Grai | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251031-0033 | |
| 1888 | Rcom H' Yuôn | 064196001707 | | 20/7/1996 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Rưng Ma Nin, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0383101885 | Cao đẳng Điều dưỡng B649412 | | | | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Tul | Trung tâm y tế Ia Pa | Cao đẳng điều dưỡng | Trạm Y tế xã Kon Chiêng | Trung tâm y tế Mang Yang | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251028-0055 | |
| 1889 | K Pă H' Yuyên | 064192003883 | | 15/8/1992 | xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | Bôn Lưng Ma Đoan, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai | 0347525134 | Cao đẳng Điều dưỡng LT004584 | | | | Người dân tộc thiểu số | | Trung tâm y tế Ayun Pa | Cao đẳng điều dưỡng | | Trung tâm y tế Phú Thiện | Cao đẳng điều dưỡng | Điều dưỡng hạng IV | V.08.05.13 | H21.19-251029-0044 | |

**Tổng danh sách đủ điều kiện dự thi: 1889 thí sinh**